



WZHY/KXKXK

XIN CH-A-A-O!



WZHY KXKXK



XIN CH-A-A-O!



Mọi chuyện bắt đầu từ đôi tất

Câu chuyện sau xảy ra khi tôi còn trẻ, vào năm tôi vừa mới đi làm. Văn phòng nơi tôi được nhận vào làm anh công chức cấp thấp nhất do ông Axừm phụ trách. Đó là một người đàn ông đứng tuổi tính tình cởi mở và đôn hậu. Nhân viên văn phòng gọi ông bằng ngài Axừm. Nhưng trong các cuộc trò chuyện không chính thức bao giờ họ cũng gọi ông bằng một biệt danh "Axừm - cho cả thế giới". Tôi cũng không hiểu ông có thích hay không cái biệt danh lạ tai này.

Người tỉnh lẻ thường hay sống tập trung không ở phân tán rải rác xa nhau như dân các thành phố lớn. Vậy nên mọi người đều biết rõ về nhau. Một lần tôi hỏi các đồng sự về nguồn gốc của các biệt danh trên:

- Chuyện này cậu nên hỏi chính chủ thì hơn - một đồng sự nói với tôi thế.
- Không ai kể chuyện này hay hơn ông ấy - ông khác bổ sung thêm.

Tôi chỉ biết một điều là trước khi về sở này có một thời ông đã ông từng là một viên chức cao cấp ở Stambun.

Sau khi đi làm được một năm, tôi quyết định lấy vợ. Gia đình nhà gái muốn tổ chức cưới ngay và gộp cả lễ đính hôn và lễ cưới làm một luôn thể. Sở dĩ bố mẹ vợ tương lai giục tôi cưới nhanh là bởi ở chốn tỉnh lẻ này quan hệ bạn bè nam nữ dễ nảy sinh ra lắm chuyện dèm pha, phá thối. Trong khi đó thì thực sự chúng tôi chưa hiểu nhau kỹ. Chẳng hạn tôi chưa thể biết được tính tình và những thói quen của cô ấy ra sao.

Tin đồn về đám cưới sắp tới của chúng tôi lan nhanh khắp thị xã. Một lần tôi lên phòng sếp để xin chữ ký, ngài Axừm bỗng bất ngờ hỏi tôi:

- Nghe nói cậu sắp cưới vợ?
- Thưa ngài đúng ạ!

Ông nhìn tôi bên trên cặp kính:

- Gia đình cô ấy thuộc loại nào?
- Dạ thưa ngài, tôi chỉ biết sơ sơ rằng gia đình cô ấy vào loại bậc trung.

- A - ha - a - ả - ông kéo dài giọng, rồi bất ngờ mời tôi:
- Nếu chiều nay cậu rỗi, tôi mời cậu cùng đi ăn tối.



Tôi cảm ơn sếp và chúng tôi hẹn gặp nhau ở một nhà hàng nhỏ.

- Chắc cậu đã biết người ta gọi mình bằng biệt danh "Axurm cho cả thế giới" rồi chứ? - ông hỏi tôi sau khi cả hai vừa uống xong ly rượu khai vị.

- Cậu không phải băn khoăn! Tôi sẽ kể cho mà nghe... Chỉ có điều là trước tiên cậu hãy nói cho tôi biết, cô gái ấy là người như thế nào đã.

Như tôi đã thú nhận, câu hỏi này đối với tôi rất khó trả lời, nên tôi đành im lặng. Thấy thế ngài Axurm liền gỡ bí cho tôi.

- Vậy là cô ta xuất thân từ một gia đình không giàu có... Một cô gái giản dị. Điều này làm anh vừa ý. Và tất nhiên anh tin rằng mình có thể cho cô ta tất cả những gì cần thiết, miễn là để cô ấy hạnh phúc. Có phải thế không nào?

- Dạ, vâng đúng thế ạ! - Tôi khẳng định.

- Đó, vấn đề là ở chỗ ấy đấy! - Ông gật đầu tán thưởng. - Khi xưa mình cũng suy nghĩ y hệt như cậu bây giờ... Nhưng thôi, dù sao chẳng nữa, xin chúc mừng hạnh phúc cậu! - Ông rót đầy hai ly rượu, chúng tôi cụm li, cạn chén.

Còn bây giờ, - ông nói tiếp và nhìn như xoáy vào tôi, - cậu hãy nhớ cho kỹ lời khuyên của tôi. Chỉ mua cho vợ những đôi tất chân mà cô ấy vẫn dùng khi ở với bố mẹ đẻ. Nghĩa là phải chọn mua đúng loại, cùng giá cùng chất lượng, cấm kỵ không được mua loại tất nào khác! Chớ vội tặng nàng cả thế giới, nếu không hỏng bét, như tôi đã vấp phải. Tôi biết, giờ thì cậu bỏ ngoài tai những lời vớ vẩn này. Mà cũng đúng thôi, ông ấy làm ra vẻ quan trọng, tại sao ta không mua nổi được vài đôi tất chân đắt tiền? Nhưng xin cảnh tỉnh cậu trước, mọi chuyện sẽ bắt đầu từ đôi tất chân này. Bởi vì có tất rồi thì phải có giày, tất đẹp đi với giày đẹp. Có giày đẹp rồi thì phải có váy đẹp. Váy đẹp phải đồng bộ với sơ mi đẹp... Cứ thế nhu cầu đẹp cứ tăng lên mãi không cùng. Kết cục sẽ đi đến đâu, cậu có biết không... Sẽ có ngày cậu mất vợ lúc nào không biết.

Trước kia khi mới đi làm, mình cũng là anh viên chức quèn như cậu bây giờ. Mình dẫn đo mà không dám lấy vợ, vì sợ rằng với đồng lương còm ấy, cưới nhau rồi lấy gì mà sống... Thế là mình cứ sống độc thân mãi. Rồi dần dần ngạch bậc được thăng trật, đồng lương cũng khá hơn. Đâu đến gần bốn mươi tuổi mình đã mua được một căn hộ nhỏ xinh xinh, ấm cúng. Lúc này đã có thể nghĩ đến chuyện lấy vợ. Tôi quyết định chọn một cô gái con nhà nghèo, với ước muốn làm thoả mãn cô ấy bằng những gì mình có và như thế

cô ấy sẽ mang ơn suốt đời!

Cô gái mà tôi chọn tên là Xabikha, năm ấy hai mươi một tuổi. Mặc dù sinh ra trong một gia đình nghèo, nhưng cô ấy đã học xong phổ thông trung học. Cô ta không đẹp nhưng có nét mặt chất phác, dễ thương... Xabikha không có của hồi môn, không sao, tôi hoàn toàn có thể tặng nàng mọi thứ, tôi sẽ tặng nàng cả thế giới này! Nhưng nàng lại từ chối tất cả: khi tôi gợi ý mua quần áo mới cho Xabikha thì cô ấy nói rằng: "Em vẫn đủ mặc"; còn nói tới son phấn thì cô ấy bảo "Phụ nữ không phải là con búp bê"; tôi định mua vòng đeo tai thì cô ấy chối; "Em không phải tên cướp biển mà phải đeo các loại vòng ở hai tai..." Đây, Xabikha của tôi là như thế đó. Tôi nỡ gan nỡ ruột vì nàng.

Nửa năm đã trôi qua kể từ ngày chúng tôi cưới nhau. Một lần hai vợ chồng chúng tôi đi chơi, ghé vào một cửa hàng, tôi rất muốn mua cho nàng một đôi tất mới rất đẹp và đắt tiền. Vẫn như mọi khi, cô ấy nói: "Không cần mua nữa, em có hai đôi tất rồi". Hai đôi thì nghĩa lý gì! Thằng đàn ông như anh ít ra cũng có tới mười đôi tất chân cơ mà. Nàng nghe ra, đồng ý để tôi mua. Tôi chọn hai đôi đắt tiền nhất. Ôi, nàng sung sướng muốn trào nước mắt. Tôi thấy vui lây trước ánh mắt rạng rỡ của nàng.

Nào xin mời cạn chén... chúc sức khoẻ cậu.

Phải đến hai tháng sau tôi vẫn không thấy nàng đi tất mới! Hỏi ra mới biết, tất mới không hợp với đôi giày cũ, còn tất cũ thì rách hết rồi... "Thế mà em cứ lặng im không nói là làm sao?" cô ấy đáp lại rằng, em không tiện nói về việc này. Thế là tôi phải ép cô ấy cùng đi đến hiệu giày mua đôi giày đẹp nhất. Nhưng do vụng về tôi không đoán ra được đôi giày mới không thích hợp với bộ váy áo cũ của cô ấy. Phải gần một tuần sau Xabikha mới bối rối nói ra điều ấy. Thế là dần dần phải mua mới toàn bộ từ váy, áo, áo khoác, mũ cho cô ấy. Tuy vậy, phải thừa nhận rằng sở dĩ tôi đoán ra được Xabikha cần cái gì nữa là căn cứ những lời nói xa xôi về tổng thể; về sự hài hoà của nàng.

Nhưng không lâu sau lại thấy cô ấy rất buồn bã. "Em thân yêu ơi, em hãy nói đi, làm sao mà em buồn thế?". "Em xấu hổ quá, anh yêu quý ơi.. Nhưng có phải em muốn thế đâu... Tất cả là do anh nài ép em đi mua những thứ quần áo giày dép này, chứ thực ra em chẳng cần gì cả... Nhưng giờ thì em không biết nên nói thế nào với anh? Chắc hẳn anh biết ngạn ngữ "Đã thương thì thương cho trót..." Anh biết đấy đồ lót của em không hợp với váy áo, com lê mới mặc ngoài.

Ôi, chúa ơi, quả thật không ngờ. Nhưng, nếu như trong số biết bao nhiêu cô gái, tôi chỉ chọn được mình Xabikha để mà tặng cả thế giới thì mắc mớ gì mà tôi không mua nổi đồ lót hợp mốt với trang phục bên ngoài của nàng? Hơn thế nữa tôi đã thuyết phục bằng được để cô ấy mặc xu - chiêng cơ mà? Trước kia cô ấy có ý dùng thứ ấy bao giờ đâu... Sau vụ đồ lót, Xabikha lại phàn nàn về tóc tai của mình. Lúc đầu tôi cứ tưởng cô ấy muốn mua tóc giả cho phù hợp với khuôn mặt và dáng người, nhưng mãi sau mới rõ cô ấy chỉ muốn làm lại đầu cho hợp mốt...

Thời gian trôi qua, một buổi tối Xabikha mở đầu câu chuyện thường nhật: "Anh ơi, quả là em không muốn... Hơn nữa em có cần gì đâu. Mọi thứ anh đều mua cho em..." "Tất nhiên, tất nhiên thế, em yêu quý ơi, - tôi trả lời - Giờ em còn cần gì nữa thì hãy nói luôn" - "không, em không cần gì nữa, đầu tóc, ăn mặc, giày dép thế là tuyệt lắm rồi... Nhưng anh hãy để ý đến căn hộ của chúng ta mà xem. Chúng ta đang sống trong căn phòng tồi tàn cũ nát chẳng ra sao cả". Tôi đảo mắt một lượt khắp gian phòng: cô ấy nói đúng.

Đồ gỗ bài trí trong nhà quá thô kệch, không hài hoà với bộ trang phục đắt tiền mà cô ấy đang mặc trên người.

Mà thôi, sao tôi kể lể dài dòng đến vậy. Xin mời cậu cạ chén! Phần sau của câu chuyện không còn dài nữa đâu, một vài câu nữa là xong.

Sắm xong đồ gỗ, cô ấy lại đòi mua ti vi (trong khi đó khi còn sống với bố mẹ đẻ, cô ấy chưa biết đài thu thanh là gì). Đương nhiên cô ấy vẫn luôn biện bạch rằng, riêng em thì chẳng cần gì... Cái chính là để cho hài hoà, tổng thể, cân xứng. Sau đấy chắc cậu cũng đoán ra, cô ấy phàn nàn căn hộ chật hẹp, tối tăm. Đến lúc này vì phải chi phí quá nhiều tôi bắt đầu bị túng bí. Cũng còn may là tôi được đánh giá tốt nên vẫn được cất nhắc chức vụ đều đều... Và rồi chúng tôi cũng mua được căn hộ vừa ý trong một khu phố lịch sự. Nếu như tôi đã từng muốn tặng nàng cả thế giới thì hà cớ gì mà tôi lại không làm thủ tục giấy tờ sở hữu căn hộ mang tên nàng? Tiếp theo sau nữa là gì? Hoá ra cư dân của khu phố này đều có xe hơi riêng. Đó chính là sự hài hoà đích thực với con phố, với những toà nhà sang trọng. Vì thế tôi cũng mua một chiếc xe con, và đương nhiên là tôi mua cho Xabikha chứ không phải cho tôi.

Cuối cùng thì tôi mới ngã ngửa ra rằng mặc dù chính tôi là người tạo ra cho nàng toàn bộ sự "hài hoà" từ đầu đến chân, từ nhà đến xe, tạo ra toàn bộ khối "tổng thể" ấy, nhưng chính tôi lại bị đánh bật ra khỏi nó bởi tôi không "hài hoà" trong cái "tổng thể" mới này.

Thế đấy, mọi chuyện bắt đầu từ một đôi tất chân.

Cấm

Sở chúng tôi nhiều năm vẫn làm việc trong một ngôi nhà cũ dột nát, ván sàn mục ruỗng, ọp ẹp, gác thượng chuột kêu chí choé suốt ngày. Giữa lúc chúng tôi chán ngán nhất thì dùng một cái được chuyển sang nhà mới, nên ai cũng cảm thấy sướng như tiên. Mặc dù cửa kính bám vôi, sàn nhà vương vãi phôi bào, cấm cửa và vừa xi măng, chúng tôi hò nhau xắn tay áo lên cùng nhau lau chùi, dọn dẹp chẳng mấy chốc mà xong. Mọi người xoa tay hả hê sắp xếp chỗ làm việc mới.

Khi chuyển sang chỗ mới không có sự thay đổi nào về nhân sự, duy chỉ có việc chuyển ngài giám đốc sang một sở khác. Giám đốc mới về thay, trước khi đến sở chúng tôi, đã nổi tiếng là một người hết sức nghiêm khắc.

Giám đốc mới là một người cao lêu đêu, khô gầy như que củi. Mái tóc ông cắt ngắn ngủi, ánh mắt nhìn sắc như dao cạo. Có cảm giác như ánh mắt ấy xuyên thủng người cấp dưới.

Bắt đầu làm nhiệm vụ, giám đốc ban bố một mệnh lệnh gồm mười bốn mục. Một trong những mục đó có nêu rõ: "Mọi người phải chấp hành nghiêm mọi mệnh lệnh. Tất cả các điều cấm phải thực hiện triệt để nhất... Chỉ có kỷ luật chặt chẽ mẫu mực mới có thể dẹp tan được dư luận không hay mà dân chúng vẫn truyền khẩu nhau bằng câu ngạn ngữ: "Lệnh cấm ban ra, ba ngày hết thiêng". Câu nói độc hại này do kẻ thù trong nước đặt ra để làm tê liệt tinh thần cảnh giác của chúng ta.

Sau khi nghiên cứu xong nội dung các mục, tôi và các đồng sự phải ký tên vào dưới bản mệnh lệnh. Vào giờ đầu buổi chiều, bản mệnh lệnh lại được mang đến. Hoá ra, tôi quên không viết chữ "đã đọc" và đề ngày tháng phía dưới. Lập tức chúng tôi hiểu rằng dùng có mà đùa với vị sếp mới của sở. Tiếng dờ dờ xa, chỉ mới nghe thấy sếp ngoài hành lang, chúng tôi đã bắt đầu run lên cầm cập.

Ngài giám đốc mới bắt đầu hoạt động một cách hết sức ráo riết. Hết mệnh lệnh này đến chỉ thị khác tới tập gửi xuống cho chúng tôi thực hiện. Các tấm biển mới được treo lên đồn dập. Sở đã thuê riêng một người ngoài thành phố vào làm những tấm biển tên này. Chỗ làm việc của anh ta được bố trí ở chân cầu thang, cạnh cửa chính của cơ quan. Vừa mới tới chỗ làm, anh ta bắt tay ngay vào công việc, vì cơ quan khoán gọn tiền công. Ngay cổng cơ quan đã có một biển to bằng đồng ghi đầy đủ tên cơ quan, ngoài ra trên cửa các phòng

ban đều đã treo các biển tên rồi, do vậy chúng tôi nóng lòng chờ đợi xem người thợ sẽ làm thêm những biển tên nào.

Gần hết giờ làm việc anh ta đã làm được mười biển tên có cùng một dòng chữ đen trên nền trắng "Cấm ngắt hoa".

Nhìn thấy những tấm biển này chúng tôi ngơ ngác nhìn nhau. Ngôi nhà mới của chúng tôi nằm giữa một khu hoang vắng, khô cằn. Trong khuôn viên cơ quan không nói gì đến hoa mà cả những bụi lúp xúp, cây hoang cỏ dại, tịnh không hề có một thứ gì. Ba ngày liền, người phụ chỉ làm độc mỗi biển tên này. Sang ngày thứ tư mới xuất hiện biển mới "cấm mang theo chó vào công viên". Thấy thế chúng tôi lại càng ngạc nhiên hơn. Sân cơ quan chúng tôi được rào bằng dây thép gai. Đất khu vực này rất xấu, lại khô cằn, cỏ không mọc nổi, đây đó vài ba khóm cúc gai, tầm ma mọc hoang. Vậy công viên ở đâu?

Ngài giám đốc thân chinh chỉ huy việc đặt các biển tên này ở sân cơ quan, ông sửa đi chỉnh lại cho thật ngay ngắn, đẹp đẽ.

Người thợ vẫn mãi miết tiếp tục công việc của mình. Lại xuất hiện biển tên mới: "Cấm xe ô tô vào công viên" Cái biển này lại càng kỳ quặc hơn nữa! Hàng rào dây thép gai xung quanh sân chỉ lựa một lối vào đây được mà cấm?

Sáng hôm sau mới thực sự bất ngờ. Dọc theo suốt hàng rào cứ cách ba - bốn mét một lại có một biển tên: "Đề phòng rách quần áo. Cấm không đến gần hàng rào thép gai".

Cánh nhân viên chúng tôi thi nhau đoán già đoán non ý định của sếp chúng tôi. Một số người cho rằng ông chuẩn bị xây dựng công viên. Số người khác lại nói: "Có mà rồi hơi trồng hoa ở đây. Còn lạ gì dân xứ mình nữa. Bao nhiêu vườn hoa đều bị nhổ sạch, ngắt sạch rồi". Số người thứ ba cũng tỏ ra không tán thành nhưng nói nhỏ nhẹ hơn.

Đã mấy tuần trôi qua vẫn không thấy một khóm hoa nào được trồng. Trong khi đó người thợ vẫn tiếp tục làm biển tên. Vào một ngày kia, khi chúng tôi đến làm việc, thấy ở cửa chính treo biển tên "Cấm vào". Không biết làm gì hơn, chúng tôi đi đến cửa thứ hai, ở đó cũng treo biển tên như thế. Đến cửa thứ ba treo biển tên: "Cấm vào ra cửa này".

Cả một đám đông nhân viên tụ tập cạnh ngôi nhà cơ quan.

- Thế nào các bạn, chúng ta đứng ngoài mãi thế này à? - Có ai đó lên tiếng.

- Đành phải leo qua cửa sổ mà vào, - người khác đáp lại, giọng than vãn.

Trèo vào nhà qua cửa sổ là một việc không có gì khó khăn. Một người cúi xuống cho người khác trèo lên lưng, bám bệ cửa mà chui vào, cứ thế lần lượt rồi cũng vào được nhà bằng hết. Nhưng nếu ngày mai sắp lại ra lệnh treo biển cấm trèo lên cửa sổ thì làm thế nào? Không thể chui trong ống thoát nước mà vào được!

- Không hơi đâu mà chú ý đến biển cấm, - có ai đó thốt lên - Cứ cửa chính mà vào, thế là xong chuyện!

Tuy nhiên không ai hưởng ứng lời nói đó, mọi người đều sợ ngài giám đốc. Tuần nào chúng tôi cũng phải ký tên vài lần dưới bản mệnh lệnh của ông ấy, do vậy nỗi sợ hãi trước các điều cấm đã ăn sâu vào trí óc chúng tôi.

Chúng tôi sẽ còn đứng vãn vợ mãi ngoài phố, nếu như không có các đồng sự đã vào được nhà gọi với ra bảo: "Phía sau nhà có một cửa nhỏ. Hãy vào bằng cửa đó". Chiếc cửa nhỏ xíu trông như cửa chuồng gà dẫn đến tầng trệt. Từ đó chúng tôi đi lên, về các phòng làm việc của mình.

Sau đó mấy ngày ngài giám đốc cho triệu tập chúng tôi ở phòng họp và ngài đã có lời phát biểu khá dài.

"Tất cả mọi điều rắc rối, - ngài giám đốc nói, - đều xuất phát từ sự vi phạm các điều cấm. Trong bất kỳ trường hợp nào, kể cả ở tình thế khó khăn nhất vẫn cần phải thực hiện nghiêm ngặt các mệnh lệnh. Việc vi phạm mệnh lệnh sẽ làm mất uy tín và phá vỡ kỷ luật của chúng ta".

Vào thời điểm này, người làm việc cần mẫn nhất trong cơ quan chúng tôi là anh thợ sản xuất các biển tên. Chúng tôi quan sát anh ta làm việc một cách hết sức hào hứng và tò mò. Thế là lập tức sau đó trên đầu anh ta xuất hiện một tấm biển: "Cấm không được đến gần và trò chuyện, làm xao lãng công việc".

Trong khi đó thì trong khuôn viên cơ quan bắt đầu xảy ra những việc lạ lùng, thật là khó hiểu. Chẳng hạn như hôm trước vừa treo biển "Cấm chó vào" thì hôm sau loài súc vật này vốn trước kia chẳng hề lai vãng đến khu đất trống của cơ quan chúng tôi làm gì, nay bỗng nhiên dặt dứu nhau hàng đàn đến tụ tập, biến khu vực cấm thành nơi hẹn hò tình tự của chúng.

Trên con phố dẫn đến cơ quan chúng tôi, hàng ngày nghe thấy tiếng người gọi chó, và sau mỗi nhân viên của cơ quan thường thấy vài ba chú khuyển bám theo. Hoá ra họ không tiếc tiền mua thịt và xương để nhử chúng vào

trong cơ quan.

Thậm chí tôi vốn là người không thích loài súc vật này cũng bắt đầu thay đổi cách nghĩ. Tôi mua các miếng thịt vụn để nhử lấy một vài con theo mình vào chỗ đất trống của cơ quan. Thế nhưng tìm được chó để nhử ngày càng khó hơn. Hình như tất cả chúng đã "du cư" vào sân cơ quan chúng tôi. Ở đây chúng tha hồ đùa giỡn, cắn xé nhau và sủa ầm ĩ vang trời.

Trong một cuộc họp thường kỳ của cơ quan, sếp chúng tôi tuyên bố.

- Như mọi người đã biết tôi đã ra lệnh cấm thả chó vào khu vườn của cơ quan. Một số nhân viên chúng ta đã coi thường lệnh cấm này. Nhưng tôi đã biết trước những gì sẽ xảy ra. Quả thực sự tiên đoán đó đã được minh chứng.

Mặc dù đã có lệnh cấm mà chó vẫn vào đây vườn, vậy thử hình dung xem, nếu không có các biện pháp kịp thời thì việc này còn dẫn đến đâu nữa. Đó, thêm một lần nữa khẳng định sự cần thiết của các lệnh cấm.

Theo như lời ông giám đốc nói, thì suốt đời ông không bao giờ vi phạm những điều cấm. Ông cho rằng đó chính là nguyên nhân đảm bảo cho mọi thành công của ông trong công vụ.

Một thời gian sau, các khóm cúc gai bắt đầu nở những bông hoa nhỏ màu xanh sẫm. Nhân viên cơ quan kể cả những người xưa nay vốn vẫn cố gắng chấp hành những điều cấm, nay cũng bắt đầu hái trộm loài hoa trước kia không ai để ý đến này. Bàn tay họ bị gai cửa xây xát y như mèo cào.

Cả cơ quan chỉ mỗi mình ông Burkhan, còn ba tháng nữa sẽ về hưu là người duy nhất tránh được sự cám dỗ của hoa cúc đại một thời gian. Ông vốn là người rất yêu hoa và thích trồng hoa ở nhà mình. Nhưng cuối cùng ông không cưỡng lại được sự ham muốn hái hoa cúc đại như mọi người. Một hôm tôi đến sở sớm hơn thường lệ. Từ phòng làm việc nhìn ra cổng cơ quan, tôi bỗng thấy ông Burkhan đang bước vào sân và xăm xăm đi tới các khóm cúc đại và tầm ma. Tôi đứng nép vào góc phòng, lặng lẽ quan sát xem ông ấy làm gì. Ông Burkhan đưa mắt đảo quanh về sợ sệt rồi mở cặp lấy đôi găng tay da xỏ vào hai bàn tay và bắt đầu nhổ những khóm tầm ma.

Đến lúc này tôi mới biết tại sao tay ông không bị xây xước như tay chúng tôi.

Còn sếp của chúng tôi thì vẫn dài giọng:

- Giờ thì các ông mới tin rằng tôi cấm hái hoa là đúng. Khi tôi ra lệnh treo biển cấm, có người cười mỉa tôi, cho rằng làm gì có hoa mà cấm hái. Đây

nhé, hoa cúc dại, hoa tầm ma còn hái trộm, huống hồ nếu có vườn hoa tươi thắm ở đây thì sẽ ra sao!

Chúng tôi chỉ còn biết gật gù phụ họa theo sếp. Không ai dám phản đối. Sếp nói đúng. Đối với cánh nhân viên chúng tôi không thể làm khác được.

Trên là chuyện về biển cấm "Cấm cho chó vào" và "Cấm ngắt hoa". Còn chuyện về biển cấm "Cấm không đến gần hàng rào dây thép gai, đề phòng phòng rách quần áo" thì như thế này.

Tất cả nhân viên đều bị rách quần, rách áo. Sáng sáng vào giờ đầu làm việc thường có những câu chuyện đại loại như:

- Này ông Akhmét, quần ông bị toạc miếng to, nhìn thấy cả quần lót kia kìa.

- Vâng, ông Mekhmét, tôi bị hàng rào dây thép gai cào phải... mà tay áo ông hình như cũng bị rách phải không?

- Tôi cũng bị dây thép gai cào.

Hai chúng tôi bảo nhau lấy kim băng gài tạm vào các chỗ rách lại, để đến tối về nhà mới vá. Tôi chẳng còn bộ com lê nào lành lặn cả. Cứ mỗi lần nhìn thấy biển cấm với dòng chữ "Cấm đến gần..." là lập tức trong lòng tôi lại sục sôi ý muốn vi phạm điều cấm này bằng được. Và mỗi lần vi phạm, nếu không bị rách áo thì cũng rách quần. Phần lớn các cộng sự của tôi đều nhảy qua hàng rào dây thép gai này. Chỉ có những nhân viên lớn tuổi mới chịu đi theo lối nhỏ len lỏi trong hàng rào. Riêng ông Burkham không chịu đi cùng đường với các bạn già mà lại muốn thử cách nhảy qua được hàng rào, còn người thì bị treo lơ lửng trên không, y hệt như súc thịt nguyên con, treo trong quây hàng thực phẩm. Khi chúng tôi gỡ ông xuống được, thì quần áo trên người ông không còn mảnh nào lành cả.

Sân cơ quan chúng tôi đáng lẽ phải trồng hoa giờ đây biến thành chỗ để xe nô tre em, xe cút kít, xe đạp chạt xích, chó không có chỗ mà chạy. Xe con đến cơ quan làm việc không qua lọt chiếc cổng hẹp, đành đậu thành dãy ngoài phố!

Người thợ làm biển tên vẫn tiếp làm việc. Ngày nào giám đốc cũng nghĩ ra được những bảng cấm mới. Sau tấm biển "Cấm không mở cửa sổ" là những biển mới: "Cấm vào", "Cấm ra", "Cấm nhổ bậy", "Cấm vứt đầu mẩu thuốc lá", "Người ngoài cấm vào", "Cấm hút thuốc", "Cấm hút thuốc", "Cấm ngồi trên những chiếc ghế này", "Cấm nói to", "Cấm chạm vào hộp cầu chì,

nguy hiểm", Cấm ngặt viết vẽ lên tường".

Số biển tên được sản xuất tăng nhanh với tốc độ khủng khiếp. Chẳng bao lâu sau một nửa, tiếp đến ba phần tư số phòng chúng tôi không được phép sử dụng. Số biển cấm có nội dung kỳ quặc ngày càng xuất hiện nhiều hơn. Chẳng hạn trên cửa các phòng vệ sinh xuất hiện các tấm biển: "Không có việc cấm vào". Từ ngày treo biển cấm này, không hiểu sao tất cả các hố xí suốt ngày lúc nào cũng có người ngồi trong. Không rõ tấm biển này do giám đốc ra lệnh treo lên, hay một nhân viên nào đó nghĩ ra trò tình nghịch này. Trên cửa phòng làm việc của giám đốc có treo năm tấm biển. Một trong số đó có tấm biển "Cấm nhổ bậy".

Các phòng làm việc của cơ quan đều sáng sủa, nhưng bên trên mỗi bảng công tắc điện đều treo tấm biển "Không bật đèn vào ban ngày", chính vì vậy mà các bóng điện cứ sáng đều từ sáng cho đến tối và từ tối cho đến sáng. Chúng chỉ không sáng cho đến khi bị chập mạch, cháy bóng. Trên nắp hộp cầu chì có biển cấm "Không chạm vào hộp nguy hiểm", thì nhân viên lại càng "tích cực" động chạm vào hộp, ai muốn chọc ngoáy thế nào, lúc nào cũng được. Trên sàn nhà và trên hành lang đầu mẫu thuốc lá vương vãi khắp nơi. Một lần nhìn thấy một ông khách ăn mặc sang trọng nhổ nước bọt ra sàn nhà, tôi liền chỉ lên tấm biển và hỏi với giọng bức bối:

- Ông có biết chữ hay không đấy?

- Xin thứ lỗi cho tôi, - ông khách đáp với giọng ngượng ngùng. - Tôi chỉ muốn nhổ thử một bãi xem thế nào.

Sang tháng thứ ba kể từ khi về nhận chức, ông giám đốc của chúng tôi bỗng nhiên mất tích. Không thấy ông ở nhà cũng như ở cơ quan. Tất nhiên vợ con ông lo quẩn lên. Mãi đến gần tối ngày hôm sau, khi lên khu kho trên tầng hai, ông trưởng phòng kinh doanh mới vô tình phát hiện ra ngài giám đốc bị kẹt ở trên đó. Khu nhà kho rất ít khi có người đến, nhưng ông nghe thấy có tiếng người. Thế là ông vội báo tin cho mọi người biết. Chúng tôi tạm dừng mọi công việc lại, chạy vội lên xem sự thể ra sao. Hóa ra ông giám đốc đi vào hành lang khu nhà kho qua một cái cửa mà trên đó không treo một biển cấm nào. Nhưng khi đi hết hành lang thấy có biển "Cấm không được động vào, nguy hiểm". Thế là ngài giám đốc tội nghiệp của chúng tôi hết đi tới lại đi lui dọc theo hành lang mà không thể thoát ra ngoài được. Ông thèm thuốc muốn chết, nhưng khổ nỗi trên tường dọc hai bên hành lang đều có treo biển cấm hút thuốc và vắt đầu mẫu thuốc lá hoặc diêm ra nền nhà, nên ông

đành phải nhin.

Chúng tôi bắt đầu nói qua cửa kính đóng kín:

- Ngài giám đốc, ngài leo lên cửa sổ rồi nhảy xuống. Chúng tôi sẽ căng bạt, đón ngài sẵn ở dưới đất.

- Tôi không mở được cửa sổ, - ngài giám đốc trả lời. - Trên cửa sổ có treo biển cấm mở.

Ông còn nói thêm một vài câu gì đó nữa, nhưng không nghe rõ ông nói gì.

- Ông ấy nói rằng ở ngoài hành lang có biển cấm nói to. - một nhân viên áp sát tai vào cửa nói với mọi người.

Chúng tôi nghĩ mãi không tìm ra cách nào để cứu ông giám đốc của mình.

- Ông ấy thà chịu chết chứ nhất quyết không chịu phạm điều cấm, - một nhân viên vốn hiểu rất rõ người giám đốc của mình, nói:

Nhưng rồi vị giám đốc đã tự tìm ra lối thoát cho mình.

- Hãy bảo người thợ làm ngay biển tên "Lối ra không cấm", - ông ra lệnh khe khẽ.

Mệnh lệnh được thực hiện, rất nhanh chóng. Chúng tôi tuần tãm biển tên mới dưới cánh cửa cho giám đốc. Ông treo cẩn thận biển tên lên trên cánh cửa phía trong, rồi mới quyết định mở cửa bước ra ngoài.

- Đây, các anh thấy không, - ông nói giọng giáo huấn, - các điều cấm quan trọng đến dường nào. Nếu như cánh cửa này treo biển "Cấm vào" thì tôi chẳng bước vào đây làm gì và tránh được biết bao điều phiền toái khó chịu. Tất cả tai họa là ở chỗ không có biển cấm này.

Vừa mới thoát ra được ngoài, giám đốc liền ra lệnh bịt kín lối vào hành lang bất hạnh này.

Thật may phúc, ngài giám đốc còn chưa kịp nghĩ ra việc treo biển "Cấm ra" trong nhà tiêu.

Toàn bộ cơ quan chúng tôi chỗ nào cũng treo nhan nhản những tấm biển cấm không còn một chỗ trống nào. Nếu một hôm nào đó, có ai trong số chúng tôi không về nhà thì gia đình chớ có lo sợ thái quá. Chỉ đơn giản là do chúng tôi bị sa vào cái bẫy cấm kỵ nào đó thôi mà.

Ôi, thương thay giống con lừa chúng tôi

Ôi cái thân lừa chúng tôi! Ôi, thật đáng thương cái thân lừa!... Về câu chuyện này ký ức của chúng tôi hãy còn tươi mới: Giống như loài người các anh bây giờ, khi ấy bộ tộc lừa chúng tôi cũng có tiếng nói riêng của mình. Tiếng nói của chúng tôi mới tuyệt vời làm sao! Đó là những âm thanh trầm bổng, du dương, ngọt ngào. Đó là một thanh âm nhạc sống động, không thể nào nói khác đi được. Mỗi khi chúng tôi cất tiếng nói là cả thiên hạ phải lắng tai nghe. Đương nhiên thời ấy chúng tôi có rống lên như bây giờ đâu. Ngày nay chúng tôi phải tìm cách dùng tiếng rống của mình để thể hiện mọi ước mong, tình cảm, ý nghĩ và thậm chí cả những nỗi đau khổ nữa. Nhưng thật khó có thể diễn đạt được nhiều điều bằng hai âm tiết "í - a, í - a" Than ôi, cả một tiếng nói giàu có, phong phú đến thế, nay chỉ còn sót lại hai âm tiết thô thiển này.

Kể đến đây chắc các bạn nóng lòng muốn biết điều gì đã xảy ra làm cho tiếng nói của họ nhà lừa chúng tôi bị chết. Đó là một sự kiện khủng khiếp mà tôi sẽ kể dưới đây cho các bạn nghe. Sự kiện ấy đã cướp đi trí nhớ của chúng tôi, và thế là chúng tôi bỗng quên hẳn tiếng nói của mình.

Hôm ấy một cụ tổ lừa cao niên đang gặm cỏ ngoài đồng. Cụ lừa thông thả bứt từng sợi cỏ và thi thoảng ngân lên những khúc ca nhỏ dịu dàng. Bỗng nhiên cụ ngửi thấy một mùi nồng nặc hết sức khó chịu - mùi của chó sói.

Các mùi hôi thối ấy mỗi lúc một tăng lên, nghĩa là cái chết mỗi lúc một đến gần. Thế nhưng cụ lừa vẫn một mực tự nhủ:

- Không phải chó sói! Làm sao có thể lại là sói được !

Nỗi khiếp sợ làm trái tim cụ đau thắt lại, nhưng cụ vẫn làm ra vẻ bình tĩnh và lăm bắm không dứt:

- Cầu trời, không phải chó sói. Ở đây tìm đâu ra chó sói mới được chứ!

Bỗng cụ nghe thấy tiếng gừ gừ. Đúng là tiếng gừ chó sói, cái thứ tiếng thật nhứt nhối, nâng nể vô cùng. Cụ lừa vểnh tai lên nghe ngóng căng thẳng, nhưng vẫn giữ giọng cũ:

- Không phải sói đâu! Tiếng gừ này không phải của chó sói.

Trong khi đó tiếng gầm gừ đã ở gần bên. Cụ lừa hoảng hồn liền quay lại và nhìn thấy trên đỉnh gò đất bên cạnh bóng một con sói mờ mờ trong màn

sương dày đặc.

- Không phải sói đâu. Có lẽ là một bụi cây thôi mà - cụ tự trấn an, - ta cứ việc gặm cỏ, không việc gì phải sợ.

Một thoáng sau con sói vụt chạy ra từ bụi cây.

Cụ lừa sợ quá, người run lên cầm cập, nhưng vẫn không hề muốn tin rằng đó là sói thật.

- Làm gì có sói ở đây? Chẳng qua mắt mình kém quá rồi, nhìn bụi rậm hoá thành chó sói.

Con sói mỗi lúc tiến lại gần hơn. Cụ lừa sợ thót tim.

- Ôi, trời đất ơi! Chẳng lẽ lại là sói thật? Không không thể thế được, - cụ rên rỉ, đau đớn. - Có lẽ là lạc đà đấy thôi. Hay là một con gì khác. Mà làm sao lúc nào mình cũng chỉ nghĩ đến chó sói nhỉ?

Chó sói chỉ còn cách cụ lừa ba bước, nó nhe răng và chực xông vào con mồi. "Không phải chó sói. Mình tin rằng không phải chó sói, nhưng tốt hơn hết là nên biến khỏi đây", cụ lừa nghĩ thế và phóng chạy. Chó sói lao theo, dót dãi đầy miệng.

Cụ lừa tăng tốc phóng nhanh như gió. Chó sói bám sát, không rời một bước.

"Không, không phải sói đâu. Chỉ là mèo rừng thôi". - Cụ lừa nghĩ bụng và ngoái cổ lại. Hai con mắt sói sáng rực như hai cục than hồng, hơi thở của sói phả ra nóng rát ngay sát cạnh đuôi. Đã đến thế mà cụ lừa vẫn không muốn tin rằng đó là chó sói. Cuối cùng cụ phải dừng lại vì kiệt sức. Cụ nheo mắt và chờ đợi cái gì sẽ tới, bụng bảo dạ:

- Không phải sói đâu. Cầu trời mong cho không phải sói.

Con sói lao vào người cụ, quật cụ xuống đất.

- Tôi biết, anh không phải là sói - cụ lừa kêu lên. - Anh đừng cù tôi thế. Tôi không thích cù đâu.

Con sói cắn phập hai hàm răng vào mông cụ lừa, giật ra một tảng thịt lớn.

Lúc này cụ mới hiểu ra rằng tình thế đã nguy nan lắm rồi. Vì kinh sợ quá cụ quên hẳn tiếng nói của mình. Cụ không còn nhớ nổi một tiếng lừa nào nữa.

Còn chó sói thì liên tiếp nhảy xổ vào cắn xé cụ. Máu cụ lừa tuôn ra như

suối. Lúc bấy giờ cụ mới kêu lên:

- A-a-a! Hoá ra là sói. Thế mà... thế mà... tôi không tin.

Chó sói dứt từng miếng thịt cụ. Cụ lửa rên rỉ oán thán:

- Thế ra... thế ra...

Tiếng kêu đau đớn đó của cụ lửa vang vọng khắp chốn rừng xanh, tất cả họ nhà lửa chúng tôi đều nghe thấy rõ. Từ đó cả họ nhà lửa chúng tôi quên mất tiếng nói của mình, chỉ còn biết dùng tiếng rống để diễn tả mọi ý nghĩ tình cảm mà thôi. Giá như cụ lửa chúng tôi không tự dối lòng mình khi tai hoạ ập đến, thì bây giờ chúng tôi vẫn còn tiếng nói riêng của mình.

Ôi, thương thay cho cái thân lửa chúng tôi. Ôi, thương thay cho bộ tộc nhà lửa... í - a, í - a, í - a!

Đây là cái gì?

Các bạn đã bao giờ chứng kiến cảnh người ta bị phát bệnh điên như thế nào chưa? Tôi đã thấy rồi.

Ồ, đó là một người có thần kinh vững chắc vô cùng, có học thức và có văn hoá. Con người tội nghiệp đó bị phát điên ngay trước mắt tôi.

Câu chuyện xảy ra cách đây hai năm. Vợ chồng tôi được một người bạn tôi kéo đến dự bữa ăn tối với những người muốn được làm quen với vợ chồng tôi. Trước sự nài nỉ khẩn khoản của anh, tôi đành nhận lời. Thế là chúng tôi có mặt trong đám khách không quen biết.

Tôi vốn không thích những cuộc làm quen như vậy, bởi lần đầu tiên đến những nơi không quen, tôi thường cảm thấy lúng túng, khó xử và cái bộ mặt lạnh lùng của tôi thường ảnh hưởng đến tất cả những người xung quanh. Thậm chí căn phòng nơi tôi đến, lập tức biến thành một nơi như có đặt thiết bị làm lạnh.

Vợ chồng chủ nhà mời tôi hoá ra là những người dễ mến hiếm có. Họ cố gắng tìm mọi cách làm cho chúng tôi vui.

Đến sau chúng tôi còn có một số khách nữa; hai phụ nữ và những người đàn ông. Bà chủ nhà mến khách mời chúng tôi uống khai vị trước bữa tối.

Những người khách mới đến làm không khí trong phòng khách bớt lạnh nhạt đi một chút. Nhưng chỉ một lúc sau chính họ lại bị luồng hơi lạnh phả ra từ tôi tác động và bắt đầu im bật. Mọi người ngồi gò bó, căng thẳng. Hai vợ chồng chủ nhà thỉnh thoảng lại tung ra cho mọi người một đề tài gì đó với hy vọng cuộc trò chuyện chung sẽ làm tan bớt tảng băng xa lạ đi.

Nhưng chỉ bắt chuyện với nhau được một lát, chúng tôi lại im lặng. Phòng khách lại chìm trong những khoảng thời gian im ắng nặng nề như có ma ám.

Thỉnh thoảng từ phòng bên vọng lại giọng nói trẻ con lanh lảnh. Hai vợ chồng chủ nhân than phiền về đứa con trai của họ. Cậu Đức Ala ban phước lành cho cậu, vì nó là một đứa trẻ quá ngộ ngược. Chỉ trong một thời gian ngắn, họ đã phải thay tới bốn cô bảo mẫu. Cô kiên nhẫn nhất cũng chỉ chịu được có sáu tháng. Lúc này trong buồng bên cạnh, cậu bé đang hành hạ cô bảo mẫu đáng thương của mình. Bố mẹ cậu bé đã quá mệt mỏi vì tính hiếu động quá đáng của cậu con quý tử. Khi đề tài này đã cạn, chúng tôi lại im lặng.

Chủ nhà lên tiếng:

- Các vị hãy chờ cho một chút. Ông Fikri đến ngay bây giờ đây. Ông ấy sẽ làm cho chúng ta cười lăn cười bò ra đây.

Cặp mắt một bà khách ánh lên vẻ sung sướng.

- Tôi vừa được nghe câu gì nhỉ? Có phải ông Fikri sẽ đến không?

- Vâng, chúng ta đang chờ ông ấy đến.

- Ôi chao, thật là tuyệt! Chúng ta sẽ vui ngay như hội.

Bà khách thứ hai kể:

- Buổi tối hôm ấy chúng tôi đến chơi nhà quen. Ông Fikri cũng có mặt ở đó. Ông ta pha trò giỏi đến mức làm chúng tôi cười lăn cười bò ra sàn. Cuối cùng mọi người phải van xin. "Thôi đi, ông Fikri... Hãy tha cho chúng tôi! Không khéo chúng tôi vỡ bụng vì cười mất!..." Có một bà khách, xin được vô phép các bạn, sau một trận cười hả hê đã để lại trên ghế một vũng nước nhỏ.

Lúc này mọi người thi nhau nói về ông Fikri: "Ồi chà, ông ta thật là vui tính!... Một người rất thích đùa!..."

Mọi người hỏi tôi:

- Ngài có quen ông ta không?

- Không! - Tôi trả lời.

- Ôi, rõ đáng tiếc! Ngài nên làm quen với ông ta. Rồi ngài sẽ thấy rất vui.

Một lát sau có thêm khách, cả phụ nữ lẫn đàn ông. Tiếp sau lại có một người nữa, đó là một viên chức bưu điện. Đến lúc này chúng tôi cả thảy có mười bảy người. Cả hội lại thi nhau tiếp tục ca ngợi ông Fikri, tán phục hết mức biệt tài làm mọi người cười vui sảng khoái của ông ta.

Từ phòng bên tiếp tục văng lại giọng nói của cậu bé ngỗ nghịch, - cầu Đức Ala phù hộ, độ trì cho cậu ấy.

Cửa bật mở? Mọi người vỗ tay dồn dập, reo mừng:

- Fikri!..

- Fikri!..

Người đàn ông dáng mập mạp bước vào phòng, và ngay lập tức chiếm được thiện cảm của mọi người. Nhìn thấy ông ta, tôi chỉ những muốn đến gần và lấy tay vỗ nhẹ vào đôi má bầu bĩnh của ông. Trông bề ngoài ông ta

trạc bốn mươi năm tuổi.

Tôi vốn không ưa những ai được người ta bốc lên tận trời xanh, nhưng người đàn ông này đã chinh phục được tôi ngay lập tức. Ông ta vừa bước vào là cái không khí lạnh giữa chúng tôi lập tức tan biến ngay! Mọi người đều thấy nhẹ nhõm và vui sướng. Mỗi lời ông ta nói đều gây ra những trận cười.

Tôi thử cố cưỡng lại cái không khí vui nhộn toả ra từ con người này. Thế nhưng cả tôi cũng bị hoà tan. Lúc đầu tôi chỉ cười mỉm, sau đó cười miệng rộng đến mang tai và cuối cùng là cười phá ra ha há.

Điều gây cảm tình nhất ở ông ta là dáng điệu từ tốn, không bằng nhăng làm mệt người khác.

Tôi để ý đến ông Fikri chăm chú hơn để xem ông ta gây cười bằng cách nào.

Ông ta nói chuyện thật giản dị, không có gì sắc sảo, thế nhưng mỗi câu nói đều gây cười.

Tôi hỏi người bạn đi cùng với chúng tôi:

- Cái ông Fikri này là ai vậy? Ông ta làm nghề gì?

- Ông ấy là nhà sư phạm, - bạn tôi trả lời, - từng sống ở Thụy Sĩ bốn năm để nghiên cứu vấn đề giáo dục trẻ em. Sau đó làm ở "Hội giáo dục trẻ nhỏ" sáu năm bên Mỹ. Tóm lại, ông Fikri là một chuyên gia trong lĩnh vực giáo dục trẻ em. Ông Fikri đã từng giảng bài về đề tài này trên Đài phát thanh. Ông có nhiều công trình được in viết bằng tiếng Thổ, tiếng Pháp và tiếng Anh. Ông còn viết nhiều bài báo khoa học cho các báo và tạp chí.

Mối quan tâm của tôi với ông Fikri mỗi lúc một tăng lên. Trong đời, tôi chưa từng được gặp người nào như thế. Ông ta nói: "Cái bàn"... - thế là chúng tôi cười, "cái cửa" chúng tôi lại cười. Trong phòng khách rôm rả tiếng cười vui vẻ. Cười nhiều quá chúng tôi chảy cả nước mắt.

- Ôi, ông làm chúng tôi mệt quá, ông Fikri! Thôi đi nào!... Ha - ha - ha!...

- Tôi van ông, ông Fikri, đủ rồi!... Hô - hô - hô!

Người thì hai tay ôm lấy bụng, người thì cúi gập hân người lại, người thì bò lăn ra tắm tắm.

- Hê - hê - hê!

- Hi - hi - hi!

- Hư - hư - hư!

Tôi thật sững sốt. Không tin được. Chưa từng thấy!

Nhưng điều làm tôi ngạc nhiên nhất là nét mặt ông Fikri vẫn hoàn toàn tỉnh bơ, không một nét cười nụ.

Chờ cho trận cười hơi dịu đi, tôi lại gần ông ta.

- Làm sao mà ông có được tính hài hước như thế, thưa ông Fikri? Bí quyết của ông là ở chỗ nào, ông dạy chúng tôi với?

- Bí quyết rất đơn giản, - ông Fikri đáp. - Anh hãy tránh cái giận. - Không bao giờ. Tôi đã bốn mươi tám tuổi và cho đến hôm nay tôi chưa hề cái giận, dù chỉ một lần.

Thật quá kỳ lạ! Chẳng lẽ ông chưa bao giờ cái giận?

- Không!

- Thế nếu người ta xúc phạm ông?

- Cũng thế thôi. Khi tôi học phổ thông, tôi có thể trêu tức bất cứ ai, nhưng không ai có thể trêu tức tôi... Ai chửi tôi tục tĩu đến đâu, tôi cũng không giận - tôi chỉ mỉm cười và bỏ đi. Tôi coi họ là kẻ vô giáo dục.

Chúng tôi chuyển sang đề tài giáo dục trẻ em. Bản thân tôi cũng là người cha, nên tất nhiên tôi bắt đầu kể về những đứa con của mình.

- Ông Fikri ạ, tôi nghĩ là ông giáo dục con cái giỏi như thế nào!

- Đáng tiếc là...

- Sao thế? Ông là người nắm chắc phương pháp sư phạm cơ mà?

- Tôi không có con.

- A-a-a... Vợ ông không sinh được?

- Tôi không có vợ.

Tôi lập tức bị cụt hứng. Một người không có vợ con thì làm sao mà có thể hiểu và giáo dục được trẻ con? Ôi, thật là dễ ợt khi ta đi dạy người khác "phải dạy trẻ như thế này, như thế kia...".

Nói thực, thậm chí tôi còn cảm thấy hơi giận.

Ông Fikri lại tiếp tục pha trò. Nhưng tôi đã không còn hứng để cười được nữa.

Nhưng rồi sự kìm nén của tôi kéo dài không được lâu. Chẳng biết từ lúc nào tôi lại bắt đầu cười hô hố như mọi người.

Suốt trong thời gian đó, từ phòng bên cạnh vẫn không ngớt văng lại tiếng gào thét của cậu bé tình nghịch.

Thấy thế ông Fikri hỏi:

- Có chuyện gì ở bên đó thế?

Chủ nhà giải thích cho ông, đứa trẻ hư quá, không có bảo mẫu nào dạy dỗ nổi.

- Ê - ê - ê!... Không để thế được! - Ông Fikri tuyên bố. - Giờ này trẻ con phải đi ngủ rồi. Không đưa chúng nó đi ngủ, chúng sẽ ngồi thức với người lớn.

Ông Fikri đọc một bài giảng dài về vấn đề này. Sau đó ông ra lệnh.

- Cho dẫn đứa trẻ ra đây!

Bà chủ vội xua xua tay.

- Ôi, ông Fikri! Ông không biết thằng con ngỗ nghịch của chúng tôi đâu! Nó sẽ làm ông tức điên đầu lên đấy!

Ngài Fikri lập tức bằng những luận cứ khoa học bác bỏ những lời nói sai lầm đó.

- Không bao giờ để trẻ ngồi một mình. Nó phải luôn luôn hoạt động. Dẫn đứa trẻ ra đây.

Ông bố can thiệp:

- Ông chưa biết nó đâu!... Thằng quỷ sứ ấy sẽ làm hỏng hết cuộc vui tối nay cho mà xem!

- Không, cứ dẫn ra đây, dẫn ra đây - ông Fikri khẳng khẳng. Bà mẹ nói:

- Tùy ông thôi. Nhưng tôi đã bảo trước rồi nhé!...

Đứa bé được dẫn đến.

Đó là một cậu bé bốn tuổi, trông rất tinh nhanh, hiếu động, đôi mắt linh lợi của nó cứ đảo đi đảo lại khắp bốn phía. Thấy đám đông người lớn, lúc đầu cậu bé còn e dè, bẽn lẽn.

Ông Fikri khuyên:

- Cứ để cậu bé một mình. Đừng để ý gì đến cậu ta. Rút tờ giấy bóng mờ, ngăn hai hàng thuốc trong bao thuốc lá, ông Fikri gấp chiếc thuyền nhỏ và đưa cho cậu bé. Nó linh hoạt hẳn lên, hỏi:

- Đây là cái gì?

- Cái thuyền, - ông Fikri trả lời.

Cậu bé lại hỏi:

- Đây là cái gì?

- Cái thuyền, cháu thấy đấy, cái thuyền.

Bố cậu bé nói:

- Thế là ông vào trông nó rồi, ông Fikri! Nó sẽ hỏi ông cho đến sáng mai. "Đây là cái gì?" làm ông mệt mỏi cho mà xem.

- Ở tuổi này trẻ con đùa nào cũng vậy, - ông Fikri giải thích. - Chúng hỏi người lớn luôn mồm. Đây là giai đoạn trẻ em tạo lập mối quan hệ giữa chúng với môi trường xung quanh. Đứa trẻ nào hỏi càng nhiều thì trí tuệ nó càng phát triển. Nên mừng mới phải. Trả lời các câu hỏi của trẻ nhỏ phải thật kiên nhẫn và dịu dàng. Giáo dục trẻ em là một công việc không dễ dàng, đòi hỏi chúng ta phải kiên nhẫn, kiên nhẫn và kiên nhẫn. Mỗi một câu hỏi của trẻ phải trả lời một cách nghiêm túc, rõ ràng, tựa như khi bạn nói chuyện với người lớn.

- Thôi được, thôi được, để rồi xem - Ông bố nói:

- Đây là cái gì? - Cậu bé hỏi.

- Chiếc thuyền, - ông Fikri nhắc lại. - Nó bơi ở trên biển, thế này này. Phụt - phụt - phụt...

Tôi có bốn đứa con, vì thế tôi để ý xem bài học sư phạm này sẽ ra như thế nào.

Ông Fikri lấy giấy gấp tiếp con sói, thẳng hình nhân, chiếc ô tô.

Cậu bé lập tức quẩn luyến ông.

Thậm chí tôi cũng phải thừa nhận:

- Thế mới gọi là khoa học! Trông kìa, họ nhanh chóng thân mật với nhau chưa?

- Đừng để ý đến chúng tôi, - ông Fikri yêu cầu. - Các bạn cứ nói chuyện

tiếp tục đi.

Chúng tôi trò chuyện với nhau, nhưng thực ra bao nhiêu chú ý vẫn dồn về họ.

- Đây là cái gì?

- Con sói con.

- Đây là cái gì?

Cái này ấy à?... Đồng hồ.

Cậu bé chỉ tay vào cái nút trên chiếc đồng hồ của ông Fikri.

- Đây là cái gì?

- Cái đồng hồ.

- Không, không cái này cơ?

- Cái này ấy à?... Cái này... là cái để lên dây cót. Gọi là cái nút vặn.

Cậu bé chỉ vào ấm Samôva.

- Đây là cái gì?

- Ấm Samôva.

- Còn đây là cái gì?

- Ấm Samôva, dùng để đun nước sôi pha trà.

- Không phải, cái này cơ?

- Cái vòi ấm.

- Đây là cái gì?

- Cái này ấy à? ... Đây là một bộ phận của ấm Samôva...

Ông Fikri quay sang giải thích cho chúng tôi:

- Đây, cần phải trả lời như thế cho từng câu hỏi của đứa trẻ.

Cậu bé bất ngờ chỉ vào bộ ngực to bự của một bà.

- Đây là cái gì?

- Cái này ấy à?... Hừm... Cái áo hở vai.

- Không, không cái này cơ?

- Bộ ngực.

Cậu bé chỉ vào cái nấp ấm Samôva.

- Đây là cái gì?

- Không, cái gì đây?

- Ta đã nói với con là ấm Samôva rồi cơ mà!

- Không, không phải đây là cái gì?

- Ôi lạy đức A La!... Một chi tiết của ấm Samôva...

Ông Fikri quay sang phía chúng tôi:

- Trong mọi trường hợp không được cáu giận. Tuyệt đối cấm điều này.

- Đây là cái gì?

- Cái này à? Cái chân.

Cậu bé chỉ vào bắp đùi một bà.

- Không, không cái này cơ?

- Cát vạt vấy.

- Đây là cái gì?

- Cái bắp chân.

- Đây là cái gì?

- Cái bắp chân, con trai nhỏ của ta, cái bắp chân. Phần này ở chân gọi là bắp chân.

- Đây là cái gì?

Máu dồn lên mặt ông Fikri, mặt ông bỗng trở thành đỏ tía.

- Cái bắp chân, bắp chân, bắp chân!... Ông biết mình đã lỡ lời, vội lập tức kìm lại. - Không được cáu giận. Phải kiên nhẫn, kiên nhẫn. Bất cứ trong trường hợp nào cũng không được tức tối.

- Đây là cái gì?

- Cái đồng hồ.

- Đây là, đây là cái gì?

- Cái đồng hồ, con ạ. Cái đồng hồ.

- Đây là cái gì?

- Cái núm vặn của đồng hồ.
- Đây là cái gì?
- Thôi nào, cháu hãy chơi một lát với cái thuyền đi.
- Đây là cái gì?
- Cái bắp chân.
- Không, không phải cái này cơ?
- Cái áo hở vai.
- Đây là cái gì?
- Bộ ngực.

Ông Fikri giúi vào tay cậu bé mấy thứ đồ chơi gấp bằng giấy và chuyển sang ngồi ghế khác. Nhưng cậu bé lập tức chạy ngay đến chỗ ông và chỉ ngón tay bé xiu vào cái mũi to của một ông khách hỏi:

- Đây là cái gì?
- Cái này ấy à? ... Cái mũi.
- Đây là cái gì?
- Mũi. Mu-ũi... M-u-ũi-i... cháu hiểu chưa, cái mũi?
- Đây là cái gì?
- Ta đã nói với con rằng, cái mũi... Cái mũi, con ạ.
- Không, không, cái gì đây?

- Ta đã nói với con rồi cái bắp chân. Phần này của chân gọi là bắp chân. Bắp chân. Bắp chân. Hiểu chưa?

- Đây là cái gì?
- Đây là cái mũi.
- Đây là cái gì?
- Mũi!

Cậu bé cứ chỉ mãi vào cái mũi.

- Đây là cái gì?
- Mũi, mũi, mũi!...

Ông Fikri nói với chúng tôi:

- Các anh không được bực mình, trong bất cứ trường hợp nào. Khi đứa trẻ còn chưa hiểu thì còn phải giải thích. Mười, một trăm, một nghìn lần vẫn phải giải thích! Cốt sao cho đứa bé lĩnh hội được.

Hình như cậu bé tinh quái nắm được ý nghĩa những lời ông Fikri nói. Cậu cứ một mực chỉ vào cái mũi.

- Đây là cái gì?

- Mũi. Mu-u-ũi! M-u-ĩ!... M-ũ-i!

- Đây là cái gì?

- Mũi, mũi, mũi!

Cái cằm và lông mày ông Fikri bắt đầu giật giật.

- Đây là cái gì?

Lúc này tôi thấy thần kinh ông Fikri đã căng thẳng hết mức. Ông hạ giọng, cố nói thật dịu dàng, van vãn.

- Mũi, mũi, con ạ, mũi, cháu bé ạ, mũi...

- Đây là cái gì?

- Mũi, nhóc con ạ. Mũi, mũi.

- Đây là cái gì?

- Mũi!... Nào nói đi: mũi!

Ông Fikri cho ngón tay vào cổ áo rút mạnh cà vạt.

- Mũi, mũi, con trai ạ! Cái con hỏi trên mặt bác này gọi là cái mũi.

- Đây là cái gì?

Ông Fikri cởi áo vét.

- Mũi!

- Đây là cái gì?

- Ta đã nói với cháu rồi, cái mũi!... Nghe rõ chưa, cái mũi...!

- Đây là cái gì?

- A-a-a, thôi đủ rồi! Đây là cái mũi.

- Đây là cái gì?

- Mũi, ta nói rồi mà! Chà, chà, cái thẳng... Nhưng ông kịp kìm lại được. - Không được cư xử thô bạo với trẻ em. Các bạn hiểu chứ? Không bao giờ!

- Đây là cái gì?

Ông dài giọng nhưng vẫn dịu dàng.

- C-á-i m-ũi-ũi.

- Đây là cái gì?

- Ôi - ôi - ôi!

- Đây là cái gì?

- U-u-u. Nhưng ông Fikri vẫn còn giữ được bình tĩnh. Với trẻ con phải hết sức kiên nhẫn. Không được cáu giận. Câu hỏi nào của chúng cũng phải trả lời.

- Đây là cái gì?

- Cái này ấy à?... Cái này là đôi giày.

- Không, không cái này cơ?

- Cái khoá kéo.

- Đây là cái gì, cái gì?

- Đây là cái núm của khoá kéo.

- Đây là cái gì?

- Cái chân.

- Đây là cái gì?

- Cái đùi. Cái đùi của cô...

Mặt ông Fikri đỏ rựng lên, tiếng thở nặng nề. Ông lại đổi sang ghế khác. Nhưng cậu bé không rời ông đến nửa bước.

- Đây là cái gì?

- Cái chân.

- Không, không phải, cái này cơ.

- Kim đồng hồ... Chà, chà, cái thẳng!

- Đây là cái gì?

- Chà, chà, cái thẳng tối dạ!... Ta đã bảo rồi, cái mũi mà!...

Ông Fikri vốn rất bình tĩnh, lịch thiệp, bỗng bật dậy khỏi ghế, hai tay vò đầu bứt tai.

- Đây là cái gì? - Cậu bé vẫn không buông tha.

Và lúc này đã xảy ra điều kỳ lạ nhất: ông Fikri bắt đầu chạy khắp phòng, vừa chạy vừa la to:

- Đây là cái gì? - Đây là cái gì?

Ông Fikri và cậu bé cứ tranh nhau hỏi:

- Đây là cái gì?

- Đây là cái gì?

Cậu bé nghĩ rằng bác Fikri nghĩ ra trò chơi mới với nó, nên cười sảng sặc thích thú.

- Đây là cái gì? - Nó hỏi.

Từ đầu đến giờ cậu bé không nói gì ngoài câu hỏi "Đây là cái gì?" - Đây là cái gì?

Chúng tôi cảm ơn chủ nhà, chia tay nhau và ra về.

Sau này chúng tôi được biết, ngài Fikri đã bị điên thực sự. Một tháng liền người bệnh đáng thương ấy lúc nào cũng lẩm bẩm chẳng khác gì con vẹt: "Đây là cái gì? Đây là cái gì?..." Sau đó ông ta bình phục và đi sang Mỹ. Bây giờ ông đang giảng dạy môn sư phạm tại một trong các trường Tổng hợp ở bên đó.



Tại sao nước ta chậm phát triển?

Quỹ từ thiện Mỹ - Đzato tài trợ cho một nhóm các nhà kinh tế Mỹ nổi tiếng đi các nước chậm phát triển để điều tra xem tại sao các nước này lại chậm phát triển. Lúc đầu người ta gọi chuyến đi của họ là "Cuộc đi nghiên cứu các nước lạc hậu". Nhưng sau nhận thấy rằng, từ "lạc hậu" có thể bị hiểu theo nghĩa xúc phạm, nên để phù hợp với thông lệ quốc tế, và tranh thủ sự cảm tình của dân chúng các nước này, người ta thay từ đó bằng cụm từ "chậm phát triển".

Theo sự phân công của Quỹ, giáo sư kinh tế Traclo Uity được phái sang Thổ Nhĩ Kỳ. Để giúp cho công việc được thuận lợi, nhẹ nhàng hơn, người ta đã bố trí sẵn cho ông một quan chức của Thổ Nhĩ Kỳ. Đó là ông Xurcư, một trong những nhân vật có uy tín nhất trong lĩnh vực này. Ông ta sẽ cung cấp mọi thông tin cần thiết cho ông Traclo Uity.

Độ hai, ba tháng sau khi hoàn thành công việc của Quỹ Đazato tại các nước chậm phát triển, tất cả các chuyên gia và giáo sư đều đã trở về Mỹ. Riêng chỉ có giáo sư Traclo Uity đi khảo sát nước Thổ Nhĩ Kỳ là vẫn chưa trở về nhà, hơn nữa lại không có một chút tin tức gì.

Lo lắng tới tình trạng sức khỏe của giáo sư, Quỹ Đazato nhờ Chính phủ cầm quyền Thổ Nhĩ Kỳ xác định địa chỉ của ông, và ngày 26-4 đã gửi cho ông một bức thư. Không lâu sau, Quỹ đã nhận được thư phúc đáp của giáo sư cũng trả lời ngay. Vậy là một cuộc trao đổi thư từ giữa Quỹ và giáo sư đã được thiết lập. Không lâu nữa những bức thư này sẽ được in thành một bộ sách ba tập. Theo như dự đoán, những tập sách này sẽ trở thành tác phẩm bán chạy nhất, không chỉ ở Mỹ mà ở khắp thế giới.

Một người Mỹ, vốn là bạn cũ của tôi, chịu trách nhiệm xuất bản những tập sách này, muốn biết ý kiến của tôi về cuốn sách, nên đã gửi cho tôi xem bản thảo. Về phía mình, tôi thấy một vài bức thư trong số đó, nếu được công bố thì cũng là điều bổ ích. Xin được giới thiệu để độc giả cùng đọc.

Ngày 24 tháng 4 năm 1958

Ông Traclo Uity thân mến!

Tất cả các thành viên thuộc Ủy ban nghiên cứu các nước chậm phát triển, trừ ông, đều đã được trở về nước. Chúng tôi rất lo lắng vì đã bốn tháng nay không có tin tức gì của ông.

Chờ thư trả lời của Ông.

Kính thư.

Ngày 28 tháng 4 năm 1958

Thưa các ngài.

Xin cảm ơn các ngài về thư ngày 24 tháng Tư năm 1958. Tôi rất buồn vì cho đến bây giờ vẫn chưa thể thông báo cho các ngài tin tức gì. Vì mắc phải lễ hội liên miên, mà bốn tháng nay tôi không thể nào tiếp xúc với những nhân vật có thể cung cấp những tin tức cần thiết.

Vì tự thấy chưa được phép trở về nước khi chưa hoàn thành nhiệm vụ của Quỹ Đazatơ trao cho, nên tôi quyết định ở lại đây cho đến bây giờ. Tôi hy vọng có thể gặp được ngài Xưtcư và các đồng nghiệp của ông ta trong một ngày gần nhất.

Gửi các ngài lời chào chân thành.

Tracơ Uity

Ngày 1 tháng 5 năm 1958

Gửi ông Tracơ Uity.

Chúng tôi hy vọng rằng đã hiểu đúng ông. Ai cũng đoán rằng ông nói đùa, vì không có một nước nào mà hội hè lại kéo dài triền miên suốt bốn tháng trời được. Vậy nên chúng tôi hy vọng, chậm nhất là sang tháng Năm ông sẽ gặp được ngài Xưtcư và các đồng nghiệp của ông ta để có thể hoàn tất công việc nghiên cứu, và trong thời gian ngắn nhất có thể trở về nước với bản báo cáo giải thích rõ: tại sao Thổ Nhĩ Kỳ vẫn còn là một nước chậm phát triển.

Gửi ông lời chào chân thành.

Ngày 5 tháng 5 năm 1958

Thưa các ngài,

Vào ngày 1 tháng Năm, tức là ngày các ngài viết thư, tôi vẫn còn tiếp tục đi tìm ông Xưtcư. Nhưng vì ngày 1 tháng Năm là ngày Hội mùa xuân của Thổ Nhĩ Kỳ, nên tôi không tài nào tìm được ông ta. Tuy nhiên tôi sẽ tìm ông ta bằng được. Tôi hy vọng sẽ tìm được ông ta vào một ngày nào đó không phải ngày hội.

Trong thư trước tôi không viết rằng hội hè ở đây kéo dài suốt bốn tháng.

Tôi chỉ muốn báo tin rằng suốt bốn tháng trời tôi không thể gặp được ngài Xứtư vì có những ngày lễ hội. Xin các ngài lưu ý cho sự khác nhau giữa hai cách nói đó. Tôi vẫn còn hy vọng và cho rằng, có thể gặp được ngài Xứtư cùng các cộng sự của ông vào ngày 6 tháng 5 này.

Đồng sự trung thành của các ngài

Traclo Uity

Ngày 18 tháng 5 năm 1958

Ông Traclo Uity thân mến!

Tin ông báo về cho biết ngày 6 tháng 5 chắc chắn ông sẽ gặp được ngài Xứtư làm chúng tôi hết sức vui mừng. Nhưng từ đó đến nay không có thêm tin tức gì của ông, chúng tôi lại bắt đầu thất vọng. Chúng tôi nóng lòng chờ tin phúc đáp của ông.

Quỹ Đazato

Ngày 2 tháng 6 năm 1958

Các ngài kính mến!

Quả thực tôi có báo về rằng tôi hy vọng gặp được ngài Xứtư vào ngày 6 tháng Năm. Nhưng hôm tôi đến thì mới biết ông ta không có mặt ở nhà, vì ngày 6 tháng Năm ở Thổ Nhĩ Kỳ là ngày Khứdura Iliat. Vào ngày này không thể gặp ai ở nhà hay ở sở cả. Tôi có để lại danh thiếp và báo cho ông ấy biết rằng, ngày 15 tháng Năm tôi sẽ lại đến gặp ông ta. Nhưng ông Xứtư lại gọi điện cho tôi hoãn sang ngày khác vì ngày 15 tháng Năm là "Ngày tưởng nhớ các anh hùng phi công tử trận" và vào ngày đó ông phải đọc một bài diễn văn quan trọng. Sáng ngày 19 tháng Năm tôi lại gọi điện cho Xứtư để thống nhất thời gian cho cuộc gặp, nhưng vì 19 tháng Năm là ngày "Hội thể thao và thanh niên" nên cuộc gặp của chúng tôi lại phải hoãn sang ngày khác. Các ngài hãy tin rằng tôi không dám coi thường trách nhiệm được giao phó và luôn luôn bám sát từng bước ngài Xứtư. Tôi vẫn hy vọng gặp được ông ta vào một ngày không phải ngày hội trong tháng 6 này.

Đồng sự trung thành của các ngài.

Traclo Uity

Ngày 27 tháng 6 năm 1958

Ông Traclo Uity thân mến!

Chúng tôi đã nhận được tin mừng ông cho biết chắc chắn ông sẽ gặp được ngài Xứcư trong tháng 6 này. Nhưng vì tháng Sáu đã sắp hết mà vẫn không có tin gì mới của ông, nên tất cả chúng tôi, những đồng nghiệp của ông lại hết sức thất vọng. Chúng tôi khẩn khoản đề nghị ông, nếu thấy không thể gặp được ngài Xứcư thì hãy tìm gặp những chuyên viên khác để lấy các tin tức cần thiết. Chờ thư ông.

Kính thư.

Ngày 18 tháng 7 năm 1958

Thưa các ngài!

Sở dĩ tôi chậm trả lời là muốn chờ một tin vui để báo về cho các ngài. Tôi xin đoán chắc rằng tôi sẽ không từ bỏ quyết tâm gặp bằng được ngài Xứcư và các đồng sự của ông ta, cho dù trong vòng vài ngày sắp tới có thể tôi vẫn chưa thực hiện được điều đó. Hôm qua tôi lại đến chỗ ông Xứcư, nhưng rất tiếc vẫn không gặp được, vì từ ngày 14 tháng Bảy là bắt đầu "Hội đất", còn từ ngày hôm kia là ngày hội "Cuôcban Bairam"⁽¹⁾ Ngày hội này kéo dài 4 ngày, tức là đến ngày 20 tháng 7, và trong thời gian này tìm gặp ông Xứcư thật là bất tiện. Ngày 1 tháng Bảy, tức là ngày tôi nhận được thư của các ngài, suýt nữa chúng tôi đã gặp được nhau, nhưng rất tiếc hôm ấy lại là ngày hội "Cabôta"⁽²⁾, nên cuối cùng lại không gặp được.

Xin các ngài đừng nghĩ rằng tôi không gắng hết sức tìm gặp bằng được ngài Xứcư. Mới hôm qua tôi lại đến nhà ông ta. Nhưng khi biết rằng ngày 17 tháng Bảy là ngày lễ tôn giáo Asura nên tôi lại không dám làm phiền.

Các ngài khuyên tôi nếu thấy không thể gặp được ngài Xứcư và các đồng sự của ông ta, thì tìm gặp các chuyên viên khác để thu thập tài liệu. Tôi cũng đã nghĩ đến điều đó. Thế nhưng cho đến nay tôi đã bỏ ra tám tháng trời theo đuổi ngài Xứcư và bây giờ nếu tôi từ chối không gặp ông ấy nữa, trong khi hầu như các lễ hội đã vãn, thì nghĩa là toàn bộ công sức của tôi bị uổng phí. Hơn nữa, xin các ngài chớ quên rằng: tìm một chuyên viên mới để làm quen cũng phải mất ít nhất tám tháng. Vì thế tôi quyết định bằng mọi giá sẽ gặp bằng được ngài Xứcư vào một ngày nào đó không phải ngày hội. Hy vọng rằng từ nay đến cuối tháng có thể báo cho các con ngài biết tin vui.

Tracơ Uity

Ngày 2 tháng 9 năm 1958

Gửi ngài Tracơ Uity

Đã hết cả tháng Bảy lẫn tháng 8, vẫn như cũ chúng tôi không có tin tức gì của ông cả. Chờ thư phúc đáp của ông.

Ngày 10 tháng 9 năm 1958

Thưa các ngài.

Tôi xin thông báo ngắn gọn những việc tôi đã làm trong hai tháng qua. Như trong thư trước tôi đã nói, ngày 23 tháng Bảy tôi có đến nhà ông Xứcư. Nhưng vì ngày 23 tháng Bảy là ngày kỷ niệm công bố bản hiến pháp đầu tiên, nên cho đến tận trưa tôi vẫn không gặp được ông Xứcư ở công sở. Để khỏi mất thời gian vô ích, đầu giờ chiều tôi đã gọi điện cho ông ta. Ngày 24 tháng Bảy là ngày ký hiệp ước Lôdana⁽³⁾, tôi được báo tin qua điện thoại là ông Xứcư mắc bận đi dự lễ kỷ niệm. Không mất hy vọng tôi quyết định tốt nhất là tìm gặp ông ta tại nhà. Thế là tuần đầu tháng Tám tôi có đến nhà ông Xứcư vào một buổi tối. Nhưng người ta cho biết rằng ông đi dự dạ hội "Hồ trần trở". Ở nước ông Xứcư cây Hồ trần trở được trồng rất nhiều, nên mỗi năm một lần người ta tổ chức dạ hội Hồ trần trở. Ngày hôm sau chúng tôi cũng không gặp nhau được vì hôm đó là ngày sinh nhật của bà Xứcư. Không ngã lòng, ba ngày sau tôi lại đến tìm ông ta. Nhưng hôm đó chúng tôi cũng không kịp trao đổi gì cả, vì ông Xứcư vội đến nhà thờ, nơi ông đã đặt lễ cầu siêu cho thân phụ quá cố của ông. Ngày 30 tháng Tám⁽⁴⁾ lại là ngày hội chiến thắng nên tất nhiên không thể gặp ông ở công sở. Ngày hôm qua tôi lại đến chỗ ông ta, thì được báo là ông đã đi dự lễ kỷ niệm ngày giải phóng Izơmia, tổ chức vào ngày 9 tháng 9. Đợi khi nào ngài Xứcư ở Izơmia về, tôi sẽ tìm gặp bằng được ông ta. Xin các ông hãy tin rằng không ngày nào tôi rời mắt khỏi ông ta.

Kính thư.

Tracơ Uity

Ngày 8 tháng 10 năm 1958

Gửi ông Uity

Quý Đazatơ quyết định ngừng việc khảo sát nguyên nhân chậm phát triển của đất nước mà ông đang có mặt. Xin được cảm ơn vì ông đã có nhiều cố gắng trong công việc. Yêu cầu ông trở về nước để tiếp tục làm những công việc bình thường.

Quý Đazatơ

Ngày 16 tháng 10 năm 1958

Thưa các ngài.

Qua bức thư cuối cùng của các ngài, tôi hiểu rằng Quỹ Đazato quyết định ngừng cấp kinh phí cho việc khảo sát ở nước này. Nhưng xét thấy để công sức mà tôi đã bỏ ra trong vòng một năm nay không bị uổng phí, tôi quyết định sẽ sử dụng nguồn tài chính của riêng cá nhân tôi để tiếp tục công việc. Tôi sẽ mang hết khả năng sức lực, kể cả giọt máu cuối cùng để gặp cho được ngài Xutcu và các đồng sự của ông ta. Vấn đề là ở chỗ, chính bản thân tôi cho đến lúc này cũng rất muốn tìm được lời giải đáp cho câu hỏi, tại sao nước này chậm phát triển. Dù cho thế nào đi nữa, tôi cũng giải đáp bằng được câu hỏi đó.

Mặc dù các ngài đã nói rõ yêu cầu trong bức thư cuối cùng, tôi vẫn xin phép được trình bày văn tắt với các ngài về những công việc tôi đã làm vừa qua, vì mấy tháng vừa rồi tôi đâu có chịu ngồi khoanh tay bó gối. Tuy ngày 15 tháng 9 tôi không gặp được ngài Xutcu vì rơi vào ngày kỷ niệm Bacbarốt⁽⁵⁾.

Nhưng tôi được biết rằng đến ngày 27 tháng 9 thế nào tôi cũng được gặp ngài Xutcu tại công sở? Nhưng hoá ra ngày 27 tháng Chín là ngày Hội tiếng Thổ Nhĩ Kỳ. Bao nhiêu hy vọng phấp phỏng đành lại phải chuyển sang tháng Mười. Ngày 6 tháng Mười chúng tôi đã xuýt gặp được nhau nếu hôm đó không trùng với ngày kỷ niệm giải phóng Stambun. Ba ngày sau khi đến sở của ông Xutcu, tôi mới biết ông bận tổ chức kỷ niệm ngày cưới nên không đến sở.

Từ ngày 28 tháng 10, bắt đầu 3 ngày hội Cộng hoà. Vào những ngày lễ hội dân tộc lớn như thế mà lại đến gây phiền toái cho người khác, thì tất nhiên đó là điều không nên. Vậy muốn hay không muốn vẫn phải chờ đến tháng Mười một. Trong những ngày tới tôi hy vọng sẽ tóm được ông Xutcu vào giữa hai ngày hội và sẽ nói chuyện với ông ta về đề tài tại sao nước ta lại không phát triển như vậy.

Kính thư...

Ngày 2 tháng 12 năm 1958

Ông Uity thân mến.

Từ lâu Quỹ Đazato đã ngừng cung cấp tài chính cho chương trình khảo sát các nước chậm phát triển. Tuy nhiên chúng tôi vẫn rất quan tâm đến vấn

đề tại sao đất nước mà ông đang có mặt lại là nước chậm phát triển. Chúng tôi sẽ rất biết ơn ông, nếu ông tiếp tục cho chúng tôi biết kết quả những cuộc khảo sát của ông.

Kính thư...

Ngày 18 tháng 12 năm 1958

Thưa các ngài.

Tôi xin viết vắn tắt về những cố gắng của tôi trong thời gian qua. Ngày 10 tháng Mười một là ngày Quốc tang⁽⁶⁾ của Thổ Nhĩ Kỳ. Chờ đúng 3 ngày không khí đau buồn dịu bớt, ngày 13 tháng Mười một tôi có đến chỗ ông Xưtư. Nhưng người ta cho biết rằng ông đã đi Ancara dự lễ kỷ niệm ngày rời thủ đô về thành phố này. Sau một tuần thì ông ấy về, nhưng tôi vẫn không gặp được vì ông đi xem đá bóng. Ngày hôm sau lại là ngày hội Tuyên ngôn nhân quyền thế giới. Ngày hội này kết thúc lại bắt đầu tháng diệt ruồi. Chương trình hoạt động của năm 1958 coi như kết thúc ở đây. Tôi đón Năm mới với những hy vọng tràn đầy. Dù thế nào đi nữa tôi cũng quyết gặp bằng được ngài Xưtư vào một ngày nào đó không có hội hè, mít tinh trọng thể, hay bóng đá gì cả. Khi ấy, cuối cùng tôi cũng sẽ xác định được nguyên nhân nào dẫn đến tình trạng kinh tế nước ông ta chậm phát triển.

Traclo Uity

trung thành của các ngài.

Ngày 28 tháng 2 năm 1959

Kính gửi ông Traclo Uity,

Sau bức thư cuối cùng của ông với những lời đầy hy vọng và hứa hẹn, chúng tôi không nhận được tin tức gì thêm nữa. Chúng tôi rất lo lắng trước sự im lặng của ông.

Quý Đazatơ

Ngày 10 tháng 3 năm 1959.

Thưa các ngài!

Năm 1959 là một năm chứa chan hy vọng đối với tôi.

Nếu đức thánh Ala phù hộ thì trong năm này tôi có cơ hội gặp được ngài Xưtư. Tôi muốn được truyền đến các ngài niềm hy vọng này. Ngày 1 tháng Giêng tôi không thể đến chỗ ngài Xưtư được vì là năm mới.

Hôm sau tôi cũng không dám làm phiền ông vì vướng phải lễ Đêm Thánh sinh.

Tiếp sau đó là ngày kỷ niệm chiến thắng Inêniu.

Tôi cho rằng quấy quả ông ta trong những ngày này e bất tiện, nên đành nuôi hy vọng vào tháng Hai. Ngày 4 tháng Hai là lễ Đông thánh và ngài Xứ cư phải đi dự lễ. Sau khi xem kỹ các loại lịch và biết rằng ngày 16 tháng 2 không có hội hè. Nhưng đúng hôm đó ngài Xứ cư lại được mời đi dự tiệc tại trường học mà trước đây ông ta đã từng học. Ngày 22 tháng 2 là ngày Thần Khải của nhà tiên tri Muhamét. Tôi đã có ý định đến ngài Xứ cư chơi vào ngày mai, nhưng lại sức nhớ ra mai bắt đầu tháng ăn chay nên lại thôi. Nếu có tin tức gì mới tôi sẽ thông báo cho các ngài biết sau.

Tracơ Uity

Ngày 24 tháng 4 năm 1959

Thưa các ngài,

Trong suốt hai năm qua tôi không thể tìm được ngày nào không có lễ hội để trao đổi với ngài Xứ cư và các đồng sự của ông. Ngày 12 tháng 4 kết thúc Tháng ăn chay thì lại bắt đầu ngày ăn thịt. Đợi vài ngày cho ngài Xứ cư hỏi người sau tháng ăn chay, tôi đến gặp ông ta, nhưng người ta cho biết rằng hôm ấy, ngày 23 tháng 4 là ngày Hội trẻ con.

Ngày mai tôi sẽ rời khỏi xứ sở này.

Tracơ Uity

Giáo sư kinh tế Tracơ Uity đã về Mỹ, Quý Đazatơ yêu cầu ông đọc một bài giảng về những khảo nghiệm thực tế của mình ở Thổ Nhĩ Kỳ.

Nghe xong lời đề nghị này, giáo sư nói:

- Thưa các ngài, mặc dù đã bỏ ra bao nhiêu là thời gian và cố gắng, nhưng tôi không thể tiếp xúc được với một nhân vật nào ở đất nước này cả vì hội hè, đình đám quá nhiều. Vì thế tôi không thể tìm hiểu được nguyên nhân tại sao nước này chậm phát triển. Tôi không có những tư liệu cần thiết về vấn đề này. Tôi chỉ có thể nói rằng chính bản thân tôi cũng khát khao muốn biết tại sao nước này chậm phát triển.

Phụ chú: Tôi đã viết thư gửi người bạn nhà in Mỹ, người đã có nhã ý giao cho tôi đọc bản thảo tập thư, mà các bạn vừa đọc xong mấy bức. Tôi khuyên

ông bạn hãy in ngay những tập thư đó. Chúng ta hãy đợi xem ông bạn nhà in đáng kính có thực hiện lời khuyên của tôi hay không?

Cho một cốc chè đặc nhé!

Những người cùng thế hệ tôi, tức là những người sinh ra vào những năm Đại chiến thế giới lần thứ nhất và trưởng thành vào đúng vào lúc Đại chiến thế giới lần thứ hai, thì trừ những trường hợp cá biệt, còn anh nào cũng có một thói lập dị nào đó. Thậm chí đối với nhiều người, thói lập dị ấy hình như trở thành niềm si mê của họ. Phần lớn những người vừa đi trên đường vừa nói lẩm bẩm, hay mỉm cười một mình, hay vừa đi vừa nháy mắt, hay nhún vai, thì đều là vào trạc tuổi tôi cả.

Riêng về phần tôi, niềm si mê ấy là nước chè. Ngày nào mà chưa uống đủ vài ba chục chén trà là tôi không thể chịu được. Sở dĩ tôi chịu nói ra cái thói hư này bởi tôi tự độ lượng với mình nên chỉ chọn cái lập dị dễ chịu nhất trong số nhiều thói hư của tôi. Thế còn những thói lập dị khác chẳng gì tôi đã dám tự thú nhận với chính lòng mình.

Tôi nghiện nước chè trong hoàn cảnh sau. Vào những năm Đại chiến thế giới lần thứ nhất, tìm được chiếc bánh mì làm từ bột nghiền cả trấu đã là hiếm lắm rồi. Một lần khi tôi mới được chín tháng, không biết bố tôi đào đâu ra một ống bơ to nước chè. Ông thả vào đấy những mẫu bánh mì khô rồi cho tôi ăn. Thế là máu nghiện ngấm vào tôi ngay từ khi thơ ấu đấy.

Thói nghiện chè ấy, kỳ cục thay, gây cho tôi nhiều phen khốn đốn, nhất là trong các chuyến đi xa. Nhưng tai hại hơn cả là cái lần tôi phải đến một tỉnh nọ, mà tôi không muốn nói tên ra đây.

Sáng hôm ấy, vì còn phải đi tiếp xe hơn nửa bằng ô tô buýt nên tôi dậy sớm. Nhân viên khách sạn ai cũng biết tôi là người nghiện chè, nên sáng nào họ cũng mang lên một lúc mấy tách. Thế là sáng hôm ấy trước khi ra khỏi buồng, tôi đã kịp uống hết cả bốn cốc chè. Chắc các bạn đã biết, nước chè có công dụng, xin các bạn thứ lỗi, lợi tiểu rất tốt. Cứ đầu vào là bốn thì thế nào đầu ra cũng có một cốc.

Sợ nhờ ô tô nên tôi cứ để cả bốn cốc chè ở trong bụng, lao nhanh xuống dưới nhà. Thực ra mà nói, bốn cốc chè đối với tôi chỉ là chuyện vặt, vì bố tôi đã quen uống nhiều rồi.

Chủ khách sạn là một người vui tính và tốt bụng mà tôi mới quen khi đến đây. Thấy tôi xuống dưới nhà vẻ vội vàng, ông ta liền bảo:

- Xe chưa chạy đâu. Mời ông dùng tách trà đã.

Thế là tôi uống cốc thứ năm cùng với ông.

- Tôi biết ông nghiện chè - ông ta nói. - Nào xin mời ông dùng cốc nữa!

Chè của ông ta rất ngon, nên không nói chắc các bạn cũng hiểu, tôi không nỡ từ chối. Thế là đã thành sáu cốc tất cả. Kể ra sáu cốc với tôi vẫn chưa là gì cả, nhưng dù sao vẫn phải cần ra ngoài một lát. Tôi đã nhấp nhồm định đi, nhưng ông chủ khách sạn cứ nói dẻo như kẹo nên không thể ngắt lời để đứng dậy. Đúng lúc đó có một bà trạc tuổi trung niên bước vào.

- Xin phép được tự giới thiệu, tôi là người hôm qua đã nói chuyện trên điện thoại với ngài.

- Ôi, rất hân hạnh được gặp bà.

Hoá ra người phụ nữ đó vừa là nhà thơ, nhà viết truyện ngắn, nhà viết tiểu thuyết và cả nhà viết kịch nữa. Bà ta đưa tặng tôi bốn tác phẩm của mình.

- Xin lỗi, bà dùng trà hay cà phê ạ?

- Xin ông cốc nước trà.

Tự nhiên tôi cảm thấy nếu chỉ gọi một cốc trà cho mình bà khách thì thật là vô duyên. Vậy nên tôi lại phải uống với bà ta một cốc nữa, vị chi là thành bảy.

Sau cốc thứ bảy, tôi đã bắt đầu thấy hơi khó chịu, tuy chưa đến mức căng thẳng lắm. Nhưng mới làm quen với một người phụ nữ, đã vội đứng dậy xin phép đi ra, e bất tiện. Mấy lần tôi định nói: "Xin lỗi bà, tôi bỏ quên một thứ ở buồng", hay "xin phép bà, tôi chạy ra gọi điện một phút". Thế nhưng mà bà khách đang lúc hào hứng bàn luận về thơ ca, nên tôi không thể xen vào được lời nào.

- Sống ở đây mới buồn làm sao, - cuối cùng bà ta thờ dãi nói.

- Vâng nhất là lúc này tôi lại càng cảm thấy buồn... tôi đáp lại.

- Nhưng ngài còn có thể trút bỏ nỗi buồn của mình.

- Đây là bà tưởng thế thôi, chứ giá mà tôi có thể trút bỏ nỗi buồn này...

- Thế điều gì làm ngài buồn bực ạ?

- Đó là ước muốn không thể thực hiện được... Tôi khó nói bằng lời quá.

- Vâng, kể ra thì cũng diễn đạt được, nhưng tôi thấy nó hơi bất tiện.

Bà khách tỏ ra hơi ngạc nhiên.

- Ồ, vậy ra ngài...

Bà ta chưa kịp nói hết câu thì vừa lúc có ba người đàn ông tiến lại phía chúng tôi. Một đã có tuổi, còn hai người trẻ trung niên. Đó là ông bác sĩ người địa phương và hai ông luật sư. Họ vừa mới tin tôi đang ở đây.

- Rất hân hạnh được làm quen với các ông.

Các vị khách mới này cũng cần phải tiếp đãi, nhưng ngoài trà và cà phê, ở đây không còn gì khác nữa. Vì thế tôi sẽ phải cùng uống với họ.

- Ồ, không có chuyện ấy! - Ông bác sĩ tuyên bố. - Ngài là khách của chúng tôi, chúng tôi phải mời ngài chứ! Nói rồi ông quay sang bảo người hầu bàn:

- Cho năm cốc chè nhá!

Tôi uống cạn cốc thứ tám mà vẫn chưa tìm được có gì để biến ra ngoài một phút. Lúc này tôi đã cảm thấy vấn đề ấy nghiêm trọng rồi, chứ không còn đùa được nữa. Nhưng vừa mới làm quen với nhau chả nhẽ lại đứng lên, bỏ đi... Hơn nữa cả ba vị khách này đều những nhân vật có tư tưởng tiến bộ cả.

- Thưa ngài, liệu có cách gì để giảm nhẹ gánh nặng của dân chúng? - Viên luật sư lên tiếng hỏi.

Ồi chao! Làm sao tôi có thể nghĩ đến cách giảm nhẹ gánh nặng cho người khác, trong khi chính tôi đang cần phải trút bỏ gánh nặng trong người!

- Giá như tôi đi ra ngoài được...

- Ngài định nói gì ạ? - Ông bác sĩ hỏi lại.

- Chắc là ngài muốn nói chúng ta phải đi ra ngoài phạm vi biên giới nước ta. - Ông luật sư trả lời thay tôi. - Đúng, chúng ta cần gửi thanh niên đi du học nước ngoài, có nhiều điều bổ ích cho chúng ta lắm.

Xin các bạn thứ lỗi, lúc này tôi đã... buồn... cứng đờ cả người, không thể chịu hơn được nữa. Thôi mặc! Ra sao thì ra! Tôi nghĩ thầm như vậy rồi bảo họ:

- Xin lỗi các ngài một chút...

Nhưng tôi chưa kịp đứng lên thì lại có một người bạn mới xuất hiện. Đó là một thương gia trẻ mà tôi mới quen cách đây hai hôm và có rất nhiều cảm tình thân thiện đối với tôi.

- Ô tô buýt sẽ khởi hành từ bên sở chúng tôi - Ông ta bảo cho chúng tôi

biết.

Tôi vọt đứng dậy tìm cách biến khỏi họ lấy một phút. Nhưng không kịp, ông thương gia trẻ đã kẹp chặt một bên nách tôi, còn nách bên kia là ông luật sư. Tôi không nỡ làm tổn hại đến tình cảm thân thiện của họ, nên đành chịu trận bước theo họ. Tôi miễn cưỡng bước ra khỏi khách sạn có hai người xốc nách hai bên, y như tên tội phạm. Tám cốc nước chè thì nhau ùng oảng trong bụng thật khó đi. May mà có hai người đỡ hai bên, nếu không thì chắc gì tôi đã đi nổi.

- Ngài khó chịu à?

- Vâng, hơi khó chịu.

- Ngài làm sao thế?

- Tôi thực cũng không biết nữa. Nhưng tôi thấy trong người hơi khó chịu, như có khối gì nó...

- Đè nặng trong người phải không?

- Vâng, tựa như thế.

- Tình cảnh đất nước thế này ai mà không cảm thấy nặng nề đau buồn?

Chúng tôi đi qua một quảng trường rồi lại vượt qua hai con phố. Tôi chỉ mong sao đến sở cho nhanh. Đến đó rồi thì mặc kệ hết, không phải ngượng ngùng gì cả, mau mau chạy đi tìm cái nơi cần thiết.

Nhưng thật không ngờ, sở to như thế mà cái chỗ tôi cần tìm thì lại không thấy.

- Ngài uống trà hay cà phê ạ?

- Không, cảm ơn! Tôi không uống gì đâu!

- Sao lại thế ạ! Muốn gì thì muốn nhưng ngài phải uống với chúng tôi một cốc trà đã.

Họ mang trà đến. Tôi uống thong thả từng ngụm nhỏ một để kéo dài thời gian. Mỗi một ngụm nuốt vào là bụng lại đau nhói lên. Uống xong cốc thứ chín này, người tôi bỗng vã mồ hôi hột. Nhưng ra được mồ hôi có khi lại hoá hay, biết đâu tôi sẽ thấy dễ chịu hơn. Thấy mặt tôi lấm tấm mồ hôi ông luật sư hỏi:

- Ngài khó chịu à?

- Vâng, tôi thấy bức bối quá!

- Ông uống thuốc đi, tôi có đây. Uống xong sẽ khỏi vã mồ hôi ngay.

- Thôi, thôi, tôi không uống thuốc đâu.

Nhưng viên thư ký vẫn mang đến cho tôi mấy viên thuốc và một cốc nước. Mọi người đồng thanh bảo:

- Nào, ngài hãy uống đi!

Giá như lúc này tôi được lựa chọn, thì có lẽ tôi xin nuốt ngay tăm bột biển hay một tờ giấy thấm còn hơn! Mọi người gần như phải dùng áp lực ép tôi uống mấy viên thuốc và cả cốc nước nữa.

- Tôi không chịu nổi được nữa đâu! - Uống nốt cốc nước tôi bảo họ. - Tôi phải đi ra ngoài đây!...

- Ngài vẫn thấy khó chịu à?

- Tôi khó chịu lắm. Tôi loạng choạng đứng dậy, định đi ra, thì có một người bước vào, nói:

- Ô tô sắp chạy. Xin mời các vị ra xe.

Tình hình mỗi lúc một nguy khốn hơn: gần hai chục vị trí thức địa phương mà tôi mới quen biết ra tiễn tôi. Tôi không làm sao lẩn thoát khỏi họ được, vì người nào cũng tranh nhau nói, tranh nhau kể. Chúng tôi đã đến nơi xuất phát, nhưng chưa đi ngay được vì người ta còn chưa bơm lốp xe. Viên thư ký của sở hoá ra cũng là một anh chàng yêu thích văn chương. Anh ta nói:

- Tất nhiên là ngài không biết chúng tôi, nhưng chúng tôi thì biết ngài rất rõ. Trong khi chờ bơm xe, xin mời ngài uống với chúng tôi cốc nước chè đã!

- Cảm ơn anh, tôi vừa uống xong!

- Sao thế ạ? Xin ngài đừng từ chối!

Trời ơi, liệu trên đời này còn có cực hình nào hơn thế nữa không? Uống hết cốc thứ mười tình trạng tôi đã hoàn toàn nguy ngập: hai tai ù lên, tim đập thình thịch. Tôi không còn nghĩ đến chuyện xấu hổ nữa. Tôi phải hỏi họ ngay xem nhà vệ sinh ở đâu để còn chạy đi giải quyết.

- Nhà vệ sinh ở đâu nhỉ? - Tôi nhăn nhó hỏi.

- Nhà vệ sinh ấy ạ?

- Phải.

- Ở sân nhà thờ lớn kia ạ! Cách đây khá xa.

Đúng lúc ấy người tài xế đã bơm xong lốp xe, bước vào nói.

- Xin mời các vị lên xe cho!

Mặt mày tôi lúc ấy đã thảm thương lắm, thế mà vẫn phải cố nhếch mép cười với những người đi tiễn, thế thì không biết nó sẽ ra cái hình thù gì?

Ô tô chuyển bánh. Chúng tôi vẫy tay chào nhau.

Đi được một lát thì tôi cảm thấy dễ chịu hơn.

Có lẽ nhờ các cú xóc ô tô mà bụng tôi xẹp nước đi chăng?

- Bao giờ thì đến nơi nhỉ?

- Khoảng hai tiếng rưỡi nữa.

Kể ra, cứ ngồi yên trên xe thì còn chịu được. Nhưng đi được độ tiếng rưỡi đồng hồ, thì xe tiến vào một thị trấn và dừng lại trước một quán cà phê.

Tôi vội nhảy ngay xuống, hai tay ôm lấy bụng. Tôi đảo mắt xung quanh, hy vọng tìm được một chỗ khuất kín nào đó. Nhưng trông kia, lại có bốn người nào đó vừa đi lại phía tôi mỉm cười!

- Xin chào ông, chúng tôi là những giáo viên địa phương. Chúng tôi được người ta gọi điện báo cho biết là ông sẽ đến đây.

- Rất hân hạnh!

- Xe còn đỗ ở đây năm - mười phút. Xin phép được mời ông vào đây uống nước đã.

Mới nghe nói đến "nước" người tôi lập tức rã rời ra. Người ta kéo tôi vào quán cà phê.

- Tôi không muốn uống trà đâu!

- Nếu vậy mời ông uống cà phê.

- Cà phê tôi cũng không muốn.

- Vậy thì ông phải uống một chút gì đó, chứ không thì chúng tôi sẽ giận đấy!

Thế là họ cứ mang trà đến, nhưng nào có ra trà!

Uống xong cốc thứ mười một, bụng tôi đau quặn quại!

- Nhà vệ sinh ở đâu? - Tôi hỏi.

Bỗng tiếng người tài xế kêu to.

- Xin mời hành khách lên xe.

- Nhà vệ sinh ấy ạ. Ở mãi đằng kia cơ! Một vị giáo viên chỉ tay về phía ngọn đồi xa xa, nói.

Thế nhưng tôi còn sức đâu mà leo lên đến tận đấy được.

- Xin mời hành khách lên xe! - Người tài xế lại giục lần nữa.

- Không có ai hỏi han gì đến những khó khăn của chúng tôi - Một vị giáo viên nói.

- Vâng, tôi đáp - chẳng ai muốn hoà nhập vào hoàn cảnh của người khác cả. Ai cũng có nỗi khổ riêng của mình.

- Không biết tình trạng này còn kéo dài đến bao giờ nữa?

Lúc này hai đầu gối tôi như muốn khụy xuống.

- Tôi chỉ ao ước chóng đến khách sạn thôi. Đến được đó tôi sẽ dễ chịu ngay!...

Mọi người không hiểu tôi muốn nói gì, nhưng vẫn cười ầm lên, vì tưởng tôi khôi hài.

Tôi lên ô tô ngồi.

- Chúc ông lên đường may mắn!

Thế là lần này chúng tôi không kịp chuyện trò gì với nhau cả. Đành để đến lúc về vậy.

Nhờ những cú xóc của ô tô nên tôi lại thấy dễ chịu hơn. Hay là nói với tài xế cho xe dừng lại? Sau đó thì... Trong xe có độ năm, sáu chục khách cả đàn bà lẫn trẻ con. Chắc cả trăm con mắt sẽ đổ dồn vào nhìn tôi mà cười ngất! Có mà chui xuống lỗ nè! "Thôi tốt nhất là quên đi, đừng nghĩ đến nữa thì sẽ thấy dễ chịu thôi!" - Tôi nghĩ thầm như vậy.

Đúng lúc ấy có một cháu bé nào đó kêu lên:

- Mẹ ơi! Con muốn tè.

- Cố nhịn một tý con!

- Bác tài ơi! Cho xe dừng một lát! Có người muốn đi tiểu.

- Phải nghĩ trước từ khi ở nhà chứ! - Người tài xế lăm bắm. Cứ dừng lại

luôn mãi thì bao giờ mới đến nơi được. Niềm hy vọng mới loé lên đã tắt ngấm. Lại phải cố mà bóp bụng nhịn vậy.

Ba tiếng rưỡi sau chúng tôi mới đến nơi. Chúng tôi xuống xe. Khách sạn ở ngay phía đối diện. Tôi vội lao ngay về phía đó. Nhưng có ba thanh niên bỗng chặn tôi lại. Cùng đi với họ có hai đại biểu của phe đối lập.

- Trong này chúng tôi đang tiến hành hội nghị.

Hoá ra cả hai vị đại biểu này vì quá tha thiết muốn gặp tôi, nên đáng lẽ đã đi từ sáng sớm nhưng đã cố chờ đến chiều để gặp tôi. Biết làm sao bây giờ?

- Xin lỗi các vị một phút đã...

- Xin ngài để sau, chúng tôi đang chờ ngài.

Chúng tôi bước vào gian phòng chật ních người ngồi. Hội nghị chưa khai mạc.

- Mang trà lại đây nhé!

Tôi uống cốc thứ mười hai. Ai đó hỏi.

- Không biết bao giờ mới xong cái việc này?

- Xin lỗi, nhà vệ sinh ở đâu?

- Sao ngài lại hỏi thế ạ?

- À, tôi hỏi thế thôi!...

- Mang thêm trà nhé!

- Cảm ơn, tôi không muốn uống.

- Sao lại thế nhỉ? Chúng tôi được biết là ngài nghiện nặng chè cơ mà.

Tôi uống cốc thứ mười ba.

- Ngài bảo, bao giờ thì chấm dứt cái trò này?

- Riêng về phần tôi, thì tôi cho rằng thật là xấu hổ!

- Pha trà kiểu gì mà loãng loãng thế này? Cho chè đặc vào nhé!

Tôi uống cốc thứ mười bốn.

- Tôi muốn vỡ bụng mất! Không thể chịu đựng hơn được nữa.

- Vâng, quả vậy! Chúng tôi đã đem hết sức mình mà vẫn không đạt được nguyện vọng. Thử hỏi ai còn đủ kiên nhẫn để chịu đựng nữa?

- Xin phép các vị tôi chạy lại khách sạn một lát, rồi sẽ quay lại ngay!

Tôi muốn chạy, nhưng không chạy nổi nữa, mà phải khom khom người đi ra ngoài.

- Xin được chào mừng ngài. Tôi là Chánh văn phòng toà thị chính. Ngài tỉnh trưởng của chúng tôi hỏi thăm ngài từ sáng.

- Chúng tôi vừa nói chuyện vừa đi về phía khách sạn.

- Xin mời ngài vào ạ! Đây là toà thị chính.

- Xin mời ngài xơi nước!

- Cảm ơn ông, tôi kiêng nước chè.

-Ồ, thưa ngài, một cốc con thì có hề gì đâu ạ!

Thế là lại thêm cốc thứ mười lăm.

- Ngài dùng thêm cốc nữa ạ!

- Thôi đủ rồi, xin cảm ơn.

- Có tiếng chuông điện thoại. Viên Chánh văn phòng cầm lấy ống nghe.

- Bẩm ngài, vâng. Đang ở đây. Vừa mới đến thôi ạ!

Đoạn ông ta quay sang bảo tôi:

- Ngài tỉnh trưởng đang chờ ngài.

- Nếu như có thể, cho phép tôi dịp khác.

- Không, không được. Ngài là khách của chúng tôi, chúng tôi không cho ngài đi đâu cả!

Chúng tôi bước vào phòng làm việc của ông tỉnh trưởng.

- Xin mời ngài dùng nước chè.

- Thú thực với ngài tôi không uống được nước chè. Cứ uống vào là bị sặc ngay.

- Dù sao ngài vẫn phải uống một cốc. Chả lẽ khách đến nhà, cốc nước chè cũng không có à?

- Cảm ơn ngài nhưng tôi không thể uống được!

- Không thể được. Kiểu gì ngài cũng phải uống một cốc.

Uống hết cốc thứ mười sáu, tôi bỗng cười sặc sụa như điên. Ngài tỉnh

trưởng và viên Chánh văn phòng toà thị chính thì vẫn đang mải mê bàn luận về nội tình đất nước.

- Thưa ngài, quả thực với kết quả công việc như hiện nay thì đáng cười thật.

- Tôi cảm thấy bức bối lắm.

- Vâng quả là khó chịu, tức tối với lề lối làm ăn mòn cũ. Nhưng giờ vẫn còn dễ chịu hơn trước kia.

- Ôi trời đất ơi, tôi không biết... Tôi chỉ thấy mỗi lúc một tức!...

Về đến khách sạn, tôi quăng vội chiếc cặp vào góc phòng, và hỏi người gác cửa.

- Chỗ đi tiểu ở đâu?

- Thưa, ngài cần thuê buồng một người chứ ạ?

- Một trăm người cũng được? Nhưng chỗ đi tiểu ở đâu?

Anh ta chìa cho tôi ba tờ khai.

- Trước hết ông hãy điền vào tờ khai đã.

- Anh muốn viết gì vào đấy thì cứ viết, nhưng đi tiểu ở đâu?

- Thưa ngài, có lệnh của cảnh sát, ai không có đủ giấy tờ tùy thân thì không cho thuê phòng ạ!

Tôi đặt trước mặt anh ta tờ giấy khai sinh rồi bảo:

- Đây, anh có thể giữ lại làm kỷ niệm. Nhưng nhà đi tiểu ở đâu?

- Thưa, ngài từ đâu đến ạ?

- Tôi xin anh!

- Ngài sẽ lưu lại mấy ngày và sau đó đi đâu ạ?

Phải cố gắng lắm tôi mới mở bật được cánh cửa và leo lên cầu thang.

Đến cuối hành lang tôi thấy một cánh cửa có biển số: 00. Tôi đẩy cửa, nhưng hoá ra cửa bị khoá trong.

Tôi mở cánh cửa bên cạnh. Đó là phòng ngủ. Nhưng tôi cũng đành liều, vì không thể nào nhịn hơn được nữa.

Ôi, sao mà nhẹ nhõm đến vậy. Ai chưa từng phải chịu đựng như tôi, thì không thể hiểu thế nào là hạnh phúc. Xong việc, tôi thanh toán bước xuống

cầu thang. Quán cà phê ở tầng dưới. Tôi khoan khoái ngả người lên một chiếc ghế và vẫy tay gọi người hầu bàn.

Này con, mang cho ta một cốc trà! Thật đặc vào!

Chiếc đèn chùm năm vòi

Trong quán cà phê tôi gặp một người thấp nhỏ, nhưng khá đậm. Anh ta là ai, tôi không biết.

Đó là những ngày khó khăn, túng thiếu bởi vì tôi bị thất nghiệp. Vợ chồng chúng tôi phải đem bán những đồ vật không cần lắm để ăn dần, cốt sao sống cho qua ngày đoạn tháng. Chẳng bao lâu sau trong nhà chỉ còn toàn những sách, vài cái giường, mấy cái xoong.

Khi chủ nhà đuổi chúng tôi ra đường vì không có tiền trả, tôi đành thôi.

- Bảo nó đem cái đồng của nợ ấy đi, không có tao cho ra tro hết đấy! - Ông nhạc đe dọa. Và chừng nào nó không kiếm nổi tiền nuôi vợ con thì đừng có vác mặt đến nhà này nữa.

Từ hôm đó suốt ngày tôi ngồi ở quán cà phê. Lão béo lùn cũng như tôi, cả hai cũng đến đó từ sáng sớm và ngồi lì cả ngày ở quán.

Một hôm, mãi đến gần tối mới thấy lão đến. Trong tay lão ta cầm cái bộ đèn chùm có năm vòi. Lão ta đặt cái đèn lên bàn và uống một tách cà phê. Từ đó ngày nào lão ta cũng mang theo chiếc đèn chùm đến quán. Đến nơi lão đặt chiếc đèn lên bàn và ngồi đến tận khuya mới về.

Hôm sau tôi thấy một chiếc vòi trên đèn bị gãy. Sau đó hai cái vòi nữa bị gãy tiếp và rồi cả một vòi, một bóng đèn. Chỉ còn lại độc cái khung sắt mạ đồng, trông giống như cái giá đựng tách cà phê.

Bây giờ hai vợ chồng chúng tôi phải gặp nhau trong công viên, ngoài phố vắng và đứng nói chuyện. Quyết định của ông nhạc là bất di bất dịch: chừng nào tôi không nuôi nổi con cái thì ông cấm tôi gặp cả con gái ông. Và nếu tôi vẫn tiếp tục không kiếm được việc làm và không có tiền, có thể ông sẽ bắt chúng tôi ly dị nhau.

- Tôi sẵn sàng làm bất cứ việc gì, nhưng đi hỏi khắp nơi không có ai nhận, kể cả cái công việc phụ hồ trên công trường xây dựng cũng không tìm nổi, - tôi nói với anh bạn.

Bạn tôi khuyên, với giọng rất thông cảm.

- Đã đến nước cùng này thì anh hãy thử đi buôn nhì nhảnh xem sao. Ban đầu bán mấy đôi tất, mấy chiếc khăn mùi xoa chẳng hạn. Trước mắt kiếm đủ nuôi mình đã. Ngày mai anh đến nhà, tôi sẽ cho anh năm trăm lia. Anh bắt

tay vào việc ngay đi.

Tôi ghi địa chỉ của anh và chúng tôi chia tay nhau. Tôi chỉ những muốn nhảy cẫng lên mà reo vui sung sướng. Thời buổi này dễ gì tìm được người cho anh năm trăm lía một lúc! Nghĩa là trên đời vẫn còn có những người tốt.

Buổi sáng trước khi đến nhà người bạn, như mọi khi, tôi ghé vào quán cà phê. Một lát sau người đàn ông thấp đậm với cái khung đèn trong tay xuất hiện. Anh ta ngồi xuống gần tôi và đặt chiếc khung đèn lên bàn.

- Cậu khoẻ chứ! - Anh ta chào tôi.

- Cảm ơn, còn anh? - Tôi hỏi, rồi tiện thể, như tình cờ nói tiếp - Xin lỗi vì tò mò, tại sao lúc nào anh cũng mang theo chiếc đèn chùm này thế?

- Đây không phải chiếc đèn chùm mà là một cực hình, một nỗi khổ của tôi đấy.

- Sao thế ạ? - Tôi dài giọng ngạc nhiên.

- Câu chuyện dài lắm - Anh ta tiếp lời tôi.

Một khi tình thế đã sa sút nghiêm trọng thì dễ gì mà xoay chuyển được. Cách đây ít lâu tôi bị mất việc làm. Tiện thể nói luôn, ngay cả khi có việc làm gia đình tôi cũng phải xoay xở chật vật lắm mới đủ sống. Chúng tôi chẳng có đồng nào dự trữ. Hoàn cảnh thật là cùng cực. Tôi có vợ và hai con.

- Thì tôi cũng vậy, - tôi thốt lên buồn bã.

- Anh không hiểu được những nỗi khổ của tôi đâu.

- Tôi không có khác gì anh.

Lúc đầu chúng tôi phải bán đồ đạc để ăn dần. Chúng tôi phân loại chúng thành những thứ tối cần thiết nghĩa là những thứ mà không có nó thì không được, và những thứ hoàn toàn không cần. Chúng tôi bắt đầu bán những đồ đạc không cần. Nhưng chỉ ít lâu sau chúng tôi hiểu ra là chúng tôi chả cần thứ gì hết, và đem bán sạch!

- Thế thì hết như hoàn cảnh của tôi rồi!

- Tôi cũng bán hết mọi thứ chỉ còn ít sách vở, mấy cái giường, vài ba cái xoong chảo, bát đĩa. Cuối cùng chủ nhà tổng cổ chúng tôi ra đường.

- Rồi anh gửi vợ con đến nhà bố vợ phải không?

- Sao anh biết được?

- Thì tôi cũng làm y như vậy mà.

- Vâng, tôi gửi hai mẹ con về nhà bố vợ. Nhưng quan hệ giữa tôi và ông nhạc ngay từ đầu đã không được êm đẹp lắm.

Có cảm tưởng như ông bạn thấp đậm này đang kể về cuộc đời của chính tôi. Tôi nghe anh ta nói, trong lòng hết sức ngạc nhiên. Một đêm anh ta cũng đến nhà bố vợ. Người ra mở cửa cũng chính là ông nhạc, rồi ông ta tắt đèn ngay. Anh béo lùn ngã xuống chổng sáo. Mọi chi tiết xảy ra y hệt như chuyện của tôi, sao lạ lùng thế? Hay là anh ta nghe lỏm được chuyện của tôi rồi vọt vào mình để nhạo báng tôi?

- Tôi biết rồi, biết rồi, nói ngắn gọn thôi! - Tôi kêu lên. Đừng kể lồi thối nữa, giờ anh nói về cái đèn chùm của anh đi!

- Để tôi kể... Một hôm tôi gặp anh bạn cũ.

- Và anh bạn cho anh năm trăm lia?

- Phải, nhưng sao anh biết. Tôi chưa kể cho ai nghe mà!

- Chuyện đó cũng xảy ra với tôi.

- Rồi. Thế anh đã nhận năm trăm lia chưa?

- Tôi nhận rồi.

- Còn tôi thì chưa, nhưng cũng sắp đi nhận. Thế sau đó thế nào?

- Khi tôi đến nhà người bạn thì bụng đói lả, hai chân như sắp khuỵu xuống. Hai ngày qua tôi chỉ uống hai cốc nước trà. Người bạn cho tôi vay năm trăm lia. Tôi không muốn dùng hết số tiền đó để đi buôn. Khi đi ngang qua một hiệu ăn nhỏ, ánh mắt tôi dừng lại ở những món ăn bày trong tủ kính.

Hai chân tôi run lên, đứng không vững. Giá như được ăn chút gì nhỉ! Chỉ cần ba lia là có thể được một bữa no căng rồi. Nhưng tôi sợ phá mất đồng tiền to. Chỉ cần đổi ra là chúng sẽ tan biến ngay và anh chẳng còn lại đồng nào hết!

Khi đi ngang quán chả nướng, mùi chả thơm ngập phả vào mũi tôi ngọt ngào.

Không nhịn được, tôi bước, nhưng rồi lại vội vàng bước ra ngay. Trước hết phải làm để kiếm tiền đã, rồi mới ăn sau! Ở quây bán bánh mì, mùi bánh mới nướng làm đầu óc tôi quay cuồng, mê mẩn. Hay là mua lấy một cái? Không, tôi không có quyền.

Tôi dừng lại trước quầy bán bánh mì vòng. Những chiếc bánh của bác chủ trông thật thơm ngon, giòn tan. Hay là mua một cái? "Không! Tôi cần phải làm ra được nhiều tiền và đưa vợ con trở về nhà đã."

Trời hôm ấy nóng bỏng dữ dội. Suýt nữa tôi đã gọi một cốc chanh đá. Nhưng may mà kìm chế được.

"Rồi ông nhạc sẽ thấy, với năm trăm lia này mình sẽ làm được những việc lớn lao như thế nào, lúc ấy ông ta sẽ phải ân hận vì đã đối xử không tốt với mình". - Tôi nghĩ thầm.

Tôi khát khô cả cổ nhưng không dám mua một cốc nước giá có mười xu vì không muốn phá tan đồng tiền chẵn. Tàu điện tôi không dám đi, mà chỉ cuốc bộ.

Cuối cùng tôi đến khu chợ có mái che. Khi đi qua khu bán các loại đá quý, vũ khí và đồ cổ tôi thấy một đám đông người tụ tập. Hoá ra đang có phiên bán đấu giá. Lúc ấy trời đã ngả về chiều. Sáng mai, tôi nghĩ bụng, mình sẽ mua một ít đá, lê đem về đây bán. Lúc này tôi chưa có việc gì làm. Tất nhiên có thể rẽ vào quán cà phê, nhưng vào đấy lại mất tiền trà, cà phê nên chẳng vào nữa. Tốt hơn cả là đứng đây xem họ mua bán kiểu gì để giết thời gian. Hơn nữa tôi cũng chưa đến khu này bao giờ.

Tôi bước vào một gian phòng rộng. Có nhiều người ngồi trên những bậc thang. Tôi cũng ngồi xuống cùng họ. Người chủ trì phiên bán rút từ trong cái túi to ra một chiếc máy ảnh và xướng to:

- Đây là chiếc máy ảnh mác "rô-lây-phơ-lếch", ống kính hai phẩy rưỡi, đang làm việc tốt, gần như còn mới nguyên. Trị giá ba trăm lia! Ai muốn? Ba trăm...

- Ba trăm mười! - Có ai đó từ dưới kêu to.

- Ngài kia đã trả ba trăm mười... Ba trăm mười, ba trăm mười... - Người chủ trì tuyên bố.

- Ba trăm mười lăm! - Có tiếng ai đó hô to.

Từ bốn phía vang lên những tiếng hô:

- Tôi trả ba trăm hai mươi!

- Bốn trăm năm mươi!

Im lặng. Người chủ trì tuyên bố:

Máy ảnh "Rô-lây-phơ-lếch" có ống kính phụ, và giá đã ba chân đã được bán với giá bốn trăm năm mươi lia.

Một khách mua hàng đến gặp người chủ trì.

- Cho phép tôi xem cái máy ảnh.

Người chủ trì đưa cho ông ta cái máy ảnh. Người này ngắm kỹ bốn phía, rồi nói:

- Bốn trăm sáu mươi!

- Bốn trăm sáu mươi hai!

- Bốn trăm sáu mươi hai!... Có ai trả hơn không?... Đã được bán. Đã được b-á-á-n!

Người chủ trì gõ một tiếng búa. Nhân viên giúp việc đưa chiếc máy ảnh, tờ hoá đơn cho chủ nhân mới của nó, ghi tên họ ông ta rồi nhận tiền.

Người chủ trì đặt chiếc máy chữ lên bàn, trước mặt mình rồi nói.

- Máy chữ nhãn hiệu "Rơ-minh-tông" còn tốt.

- Giá đặt sáu trăm lia! Sáu trăm lia!

- Sáu trăm mười!

- Sáu trăm năm mươi!

Trong đời chưa bao giờ tôi được chứng kiến một cảnh tượng nào hồi hộp hơn thế! Giá càng được trả cao lên bao nhiêu thì không khí càng căng thẳng lên bấy nhiêu.

- Sáu trăm lăm mươi năm!

- Sáu trăm tám mươi!

Tôi không ngồi yên được nữa, thỉnh thoảng lại nhấp nhồm đứng lên.

- Sáu trăm chín mươi!

- Bảy trăm!

- Bảy trăm mười!

Tôi bị cuốn hút vào cuộc, và vì bị quá kích động, quên hết mọi chuyện, hét to:

- Bảy trăm năm mươi!

Tiếng hét của tôi to quá, khiến cả gian phòng bỗng đột ngột lặng đi một lát.

Người chủ trì nhìn tôi, tuyên bố:

- Bảy trăm năm mươi! Ai trả hơn không? Đã bán với giá bảy trăm năm mươi!

Bỗng giọng ai đó vang lên:

- Bảy trăm năm mươi một.

Tôi thở phào!

Nếu không có người trả hơn, tôi biết làm thế nào? Trong người tôi cả thầy chỉ có năm trăm lia!

Cuối cùng chiếc máy chữ được bán với giá bảy trăm tám mươi lia.

Sau đó người chủ trì đặt lên bàn chiếc máy khâu quay tay. Nó được đặt giá năm trăm lia. Bị lây cái không khí kích động của đám đông, tôi phải hết sức cố gắng mới kìm mình lại được.

- Năm trăm mười!

- Năm trăm hai mươi!

- Năm trăm năm mươi!

- Năm trăm tám mươi!

- Sáu trăm!

Người cuối cùng kêu thật to ấy là tôi. Mọi người ngoái lại nhìn tôi. Tôi có cảm giác như tôi có hơi nước sôi phả vào người. Ôi, rõ thật ma đưa lối, quỷ dẫn đường tôi chui vào đây làm gì nhỉ! Một người lạ mặt ngồi bên cạnh tôi, bảo:

- Cái đấy không đáng giá sáu trăm đâu!

- Việc gì nhà ông? Tôi trả tiền chứ ông trả à! Tôi cắt lời ông ta.

- Tôi là thợ máy, tôi biết. - Ông ta đáp.

- Tôi cũng là người hiểu biết máy móc.

Bỗng ông ta gào lên.

- Sáu trăm linh một!

Lần thứ hai tôi lại thoát nạn.

Tiếp đến một cái lọ hoa được đưa ra. Cứ mỗi lần nghe con số mới, tôi lại nhảy căng lên, và để ngăn mình không được phá giá, tôi phải lấy cả hai tay bịt mồm lại.

Sau lọ hoa là bức tranh sơn dầu, rồi đến máy hút bụi.

Cuối cùng người chủ trì giơ cao cái đèn chùm, nói:

- Đèn chùm năm vòi còn tốt!... Giá đặt bốn trăm mười lăm! ... Ai trả cao hơn bốn mươi lăm?

- Bốn mươi mốt!

Ai đó bên trái kêu:

- Bốn mươi hai!

Ai đó bên phải kêu:

- Bốn mươi năm!

Người ngồi trước tôi:

- Bốn mươi tám!

Người ngồi sau tôi:

- Năm mươi!

Tôi không tìm được nữa, hét tướng lên:

- Năm mốt!

Không khí trong phòng đã nóng bỏng đến độ tôi không thể làm chủ được mình nữa.

Người bên phải.

- Năm mươi ba!

Người bên trái:

- Năm mươi năm!

Đến lượt tôi:

- Sáu mươi!

Trời đất, quỷ thần ơi, tôi đã cố hết sức ghìm mình lại, nhưng chịu thua cái không khí ganh đua quyết liệt này.

- Bảy mươi!

- Bảy mươi mốt!

- Bảy mươi nhăm!

Mọi người đã bị kích động quá mức, bản thân tôi cũng không còn nhớ mình là ai nữa, kêu phứa lên:

- Tám mươi!

- Một trăm!

- Một trăm mười!

Bên trái:

- Một trăm năm mươi!

Tôi:

- Hai trăm!

Bên trái:

- Hai trăm năm mươi!

Lúc thì tôi lúc thì hăn, hai người thi nhau kêu. Hăn cứ trả cao hơn ít một, tôi trả cao lên nhiều hơn.

- Hai trăm năm mươi mốt!

- Hai trăm sáu mươi!

- Hai trăm sáu mươi mốt!

- Hai trăm bảy mươi!

- Hai trăm bảy mươi mốt!

Cứ sau mỗi giá mới tôi lại khẩn thẳm: "Lậy chúa trời, cầu cho hăn trả cao hơn, để cho tôi cái đèn chùm về tay hăn!".

- Hai trăm chín mốt!

Tôi quên khuấy mất dự định vừa rồi, kêu đại:

- Ba trăm!

Giá cứ tăng dần lên, đến tận con số quá bốn trăm.

Gã cạnh tranh với tôi hét to:

- Bốn trăm linh một!

Tôi:

- Năm trăm.

Lúc ấy dường như không phải tôi, mà là ai khác đó đã kêu lên... Nếu hẳn nói: "Năm trăm linh một" tôi sẽ im ngay. Vì tôi không có hơn con số đó một xu nào. Và bạn có biết không, thật trở trêu, cứ như là gã ấy biết trong túi tôi có bao nhiêu tiền ấy.

- Thôi, bác hãy lấy đi cho may mắn! - Hẳn nói.

Gian phòng im phăng phắc. Người chủ trì nói.

- Đèn chùm năm vôi!... Giá năm trăm lia! Ai trả hơn không?

Khi anh ta nói "Ai trả hơn không" - tôi nhìn khắp mọi người. Không hề có lấy một người cao thượng nào lên tiếng cứu giúp tôi. Chỉ thấy có một người hơi mấp máy môi, hay là có thể tôi chỉ tưởng tượng ra thế thôi? Tôi khuyến khích ông ta:

- Thưa ngài, hình như ngài muốn nói gì?

- Không, tôi không định nói gì, - ông ta đáp lại.

Thế là hết... Chà chà, lũ người bây giờ! Chẳng ai còn chút lương tâm nào cả! Khi bán những vật khác, gã chủ trì còn cố ý dềnh dàng, nhưng lần này hẳn vôi vàng tuyên bố ngay:

- Đã bán, đã bán! - Rồi gõ mạnh một tiếng búa.

Rồi hẳn chìa ngay cho tôi tờ hoá đơn, ghi tên và địa chỉ của tôi. Tôi chưa kịp phản ứng gì, hẳn đã làm xong giấy tờ, túm lấy năm trăm lia và trao cái đèn chùm cho tôi. Thằng cha tranh mua với tôi tiến đến gần tôi.

- Anh đã mua được một vật tốt! - Hẳn nói.

- Làm sao anh biết nó là vật tốt? - Tôi hỏi lại hẳn.

- Vì tôi là chủ nhân cũ của nó!

- Chắc hẳn anh gặp phải phen túng bí nên mới bán nó đi. Rõ thật tiếc! Nếu anh muốn tôi có thể bán lại cho anh với giá bốn trăm chín mươi lia?

- Anh đã gặp may, tôi không muốn lấy đi của anh đồ vật giá trị như vậy! - Hẳn đáp.

- Tôi hoàn toàn không cần cái đèn chùm này, anh hãy đưa tôi bốn trăm lia và cầm lấy nó đi, - tôi bảo hẳn.

Nhưng hăn lại nói lần nữa rằng, tôi đã gặp may, rồi lẳng lặng bỏ đi.

- Đây, thôi, tôi chỉ lấy ba trăm! - Tôi gọi với theo, nhưng hăn thậm chí không ngoái đầu lại.

Tôi nghĩ, mình đã mua cái đèn không phải đắt lắm, nhưng tôi cần quái gì nó đâu? Tôi mang nó đến dãy hàng bán các loại đèn bàn và đèn chùm.

- Anh định bán nó bao nhiêu? - Những người bán hàng hỏi.

- Chiếc đèn này giá rất đắt, nhưng tôi chỉ lấy sáu trăm thôi.

Đám thợ buồn cười lắc nể:

- Với giá ấy chúng tôi bán cho anh luôn mười cái đèn mới tinh y hệt của anh.

Gần tối vợ chồng tôi gặp nhau ở công viên. Cô ta bảo tôi:

- Bố em bảo: "Hoặc chúng mày li dị nhau, hoặc mày đi khỏi đây...". Anh phải tìm việc làm ngay đi.

Tôi đưa cho cô ấy xem chiếc đèn chùm.

- Đừng lo, - tôi an ủi cô ta, - điều đáng sợ nhất đã qua rồi. Anh sẽ thuê một ngôi nhà khiến bố phải kinh ngạc. Anh đã mua sẵn chiếc đèn chùm em xem này, thật tuyệt vời, năm vôi hăn hoi.

Vợ tôi đang ngồi, bỗng đứng phắt dậy, nhìn trân trân vào mặt tôi, rồi không nói không rằng quay đi bỏ chạy.

Từ hôm đó đi đâu tôi cũng xách theo cái đèn này. Vì chẳng biết cất nó vào đâu. Hơn nữa cũng chẳng có ai thèm hỏi mua nó. Tôi tha nó đi khắp nơi, kính và bóng đèn đã vỡ hết từ lâu, chỉ còn lại độc cái khung sắt. Tôi chỉ hận có một điều, có những năm trăm lia trong túi mà không dám ăn một bữa cho ra hồn! Một cốc nước cũng không dám uống! Giá như đã tiêu được dù chỉ mười xu thôi, thì trong lòng cũng đỡ đau đớn!

Tôi nhìn ông béo lùn với lòng thương xót, đớn đau. Đã đến lúc tôi phải đến gặp người bạn hứa cho tôi năm trăm lia. Tôi bước ra khỏi quán cà phê. Trên đường đi tôi cứ theo đuổi mãi một ý nghĩ. Làm sao mà cái thân phận nhà ông béo lùn này lại giống số kiếp tôi đến thế?

Có thể các bạn cũng tò mò muốn biết điều đó? Vậy thì xin được nói để các bạn biết; cái người thấp nhỏ, hơi béo đã mua đấu giá cái đèn chùm giá năm trăm ấy, không phải ai khác, mà chính là cái thằng tôi. Nhưng để cho

mọi người khỏi cười chê sự ngu muội của mình, tôi bịa ra câu chuyện xảy ra với người khác, chứ không phải với tôi.

Chúng ta không thể nên người

Chỉ cần một ai đó trong đám bạn bè đưa ra một lời tuyên bố đợm về hoài nghi: "Này các cậu ơi, chúng ta không nên người được, thì tất cả sẽ gật gù tán thưởng: "Đúng, hoàn toàn đúng, khó mà thành..." Sẽ khó mà tìm được một người nào phản ứng lại kiểu như: "Anh nói gì lạ thế? Cần phải biết tự trọng chứ!".

Tôi ở trong số người hiếm hoi đó. Câu chuyện xảy ra từ hồi tôi còn trẻ, khi mới hai mươi năm tuổi, cái tuổi sục sôi bầu máu chống đối, nổi loạn.

Đó là một lần tôi đi tàu thủy ra quần đảo Hoàng Tử. Trong số hành khách đi tàu cùng ngồi trong khoang, có một người đàn ông luống tuổi chẳng hiểu có điều gì bức bối trong lòng tự nhiên đưa ra lời nhận xét:

- Tôi xin cam đoan với các bạn, chúng ta không nên người được!

Mọi người trong khoang đều gật gù tán thưởng ý kiến của ông ta. Riêng tôi là người duy nhất phản đối một cách quyết liệt:

- Tại sao chúng ta lại không nên người được?

Thế mà cũng đòi nói. Nhất định chúng ta sẽ mở mày, mở mặt như ai, và còn hơn thế nữa! Rồi đây chúng ta sẽ làm cho cả thế giới phải kinh ngạc!

Hành khách trong khoang, cứ như là vào hùa với nhau, nhao nhao phản đối tôi:

- Không, không, chúng ta không thể nên người!...

- Còn lâu chúng ta mới đuổi kịp các nước!

- Chúng ta không thể nên người được!

Được mọi người ủng hộ, người đàn ông nọ hài lòng ra mặt, ông nói nhẹ nhàng.

- Đấy, cậu nghe thấy chưa? - Ông già nói. - Ai cũng ủng hộ tôi cả. Điều đó có nghĩa là, việc chúng ta không nên người được là một sự thật. Không ai bắt buộc tất cả những người ngồi đấy kêu lên cái sự thật ấy.

- Chúng ta sẽ nên người!... Rồi chúng ta cũng sẽ nên người!

Người đàn ông cười mỉm nói:

- Này cậu, chính mồm cậu vừa nói: "Chúng ta sẽ nên người" đấy nhé! Sẽ

thành!.... Nghĩa là hiện nay chúng ta chưa thành...

Từ ngày ấy, nhiều năm đã trôi qua rồi, nhưng trong đầu tôi lúc nào cũng vẫn vương câu hỏi: "Tại sao chúng ta không nên người được?"

Lần tôi bị tù gần đây nhất đã mở mắt cho tôi. Cuối cùng tôi đã tìm được lời đáp cho câu hỏi ấy.

Trong tù tôi được bố trí ở trong một buồng giam lớn dành riêng cho tù chính trị. Đây là một xã hội trí thức thu nhỏ gồm những người có học thức, những nhà doanh nghiệp nổi tiếng, những vị tỉnh trưởng, các tổng giám đốc, các cựu nghị sĩ quốc hội, các nhà hoạt động chính trị xuất sắc, các quan chức cao cấp, các bác sĩ kỹ sư....

Mặc dù chúng tôi khác nhau về quan điểm, nhưng tôi đã tiếp thu được ở họ rất nhiều điều mà trước hết nhờ có họ, tôi mới hiểu ra tại sao chúng ta không nên người được.

Vào những ngày thăm nuôi tôi chỉ nhận được rất những tin không vui: không có tiền trả tiền thuê nhà, không có tiền trả các quầy hàng... thôi thì đủ thứ bức mình, khó chịu. Tôi bị ức chế, mệt mỏi bơ phờ. Thậm chí nhiều lúc đã thấy ngã lòng.

Suy đi nghĩ lại mãi cuối cùng tôi nhận thấy chỉ có một lối thoát duy nhất đó là: phải nhanh chóng bắt tay vào viết một cuốn tiểu thuyết, gửi đăng ở một tờ báo nào đó để kiếm lấy một ít tiền. Cốt truyện cuốn sách mà tôi dự định viết, đã được tôi thai nghén từ lâu.

Tôi chuẩn bị xong xuôi giấy bút, còn bàn viết thì đã sẵn có tấm phản nhà tù. "Không được bỏ phí thời gian, tránh xa các cuộc tán gẫu vô bổ và thói hư ăn không ngồi rồi!". - Nghĩ thế nên tôi bắt tay ngay vào công việc. Nhưng chưa viết được mười dòng thì một trại viên, một người có học thức cao đến chơi với tôi.

- Chúng ta không thể nên người được! - Vừa mới đến, ông đã vội tuyên bố. - Không, không thể...,

Tôi ngồi yên không nói gì.

- Anh có biết tại sao không? - Ông ta hỏi tôi. - Tôi vốn học ở Thụy Sĩ, rồi làm việc sáu năm ở Bỉ...

Ông kể rất lâu rầu rĩ trong lòng không viết tiếp được, nhưng biết làm thế nào? Thỉnh thoảng tôi lại cúi đầu nhìn xuống xếp giấy ra ý cho ông ta hiểu

rằng tôi rất bận và chỉ mong sao ông đứng dậy ra về. Than ôi, ông khách chẳng hề có dấu hiệu gì chứng tỏ sẽ đoán ra. Ông cứ thao thao bất tuyệt.

- Ở bên đó anh không thể tìm được người nào đi ra đường mà lại không có quyển sách trong tay.

Người Thụy Sĩ cũng như người Bỉ bất cứ lúc nào có dăm ba phút rảnh rỗi là họ mở sách ra đọc.

Trong xe buýt, trong toa tàu... đâu đâu cũng thấy người đọc sách. Thế còn, nếu đến nhà họ, thì thấy cả nhà, lớn bé già trẻ ai cũng cầm cúi đọc, đọc và đọc...

- Chà, lạ nhỉ! - Tôi cố ý ngắt lời ông ta, thầm hy vọng ông ta sẽ để yên tôi cho.

- Có lẽ đáng ngạc nhiên thật đấy! - Ông tiếp tục, - Giờ ta hãy nhìn vào những người bạn tù ở đây mà xem. Ai cũng nhận mình là trí thức, thế mà chẳng ai có lấy một cuốn sách trong tay. Bạn thân mến ơi, chúng ta không thể nào nên người được.

- Ông nói đúng, - tôi tán thành.

Tôi vừa nói xong câu này ông lập tức kể hăng hái gấp đôi trước về sự đọc sách hăng say của người Thụy Sĩ và người Bỉ.

Sắp đến giờ ăn trưa, chúng tôi cùng đứng lên khỏi tấm phản.

- Giờ anh ta đã hiểu tại sao chúng ta không nên người được chưa?

- Vâng, - tôi đáp.

Thế là tôi mất đứt nửa ngày trời ngồi nghe bài giảng về cái sự ham đọc sách của người Thụy Sĩ và người Bỉ.

Nuốt vội nuốt vàng xong bữa trưa, tôi lại leo lên phản và bắt đầu viết tiếp. Xếp giấy đặt trên đầu gối, bút cầm tay, tôi trầm tư suy nghĩ...

Chưa kịp viết được chữ nào thì lại có một người quen nữa đến chơi.

- Anh làm gì vậy?

- Tôi viết tiểu thuyết.

- Ở đây anh không thể viết gì được.Ồn ào quá!... Anh đã có dịp sang châu Âu chưa?

- Không, tôi chưa bao giờ ra khỏi biên giới nước Thổ.

- Đáng tiếc, đáng tiếc. Nhất định anh phải sang châu Âu, để thấy tận mắt cuộc sống ở đó, tất cả đều tuyệt vời! Những chuyến xuất ngoại như thế sẽ mở rộng tầm mắt của chúng ta. Tôi đã từng đặt chân lên hầu khắp châu Âu, không có nước nào mà tôi chưa tới. Tôi sống lâu nhất ở các nước Đan Mạch, Hà Lan và Thụy Điển. Dân chúng ở các nước này họ tôn trọng nhau vô cùng. Thậm chí tôi không bao giờ nghe thấy ai cao giọng, bởi họ sợ làm phiền người bên cạnh. Thế còn ở đây thì sao, lúc nào cũng ồn ào, huyên náo như vỡ chợ. Có khá nhiều việc phải làm, chẳng hạn như cần viết cái gì đó, hoặc muốn đọc cuốn sách, tờ báo, hay muốn chớp mắt một lúc cũng chịu. Trong cái cảnh hỗn độn ồn ào như thế này anh không thể viết tiểu thuyết được. Không thể.

-Ồn ào tôi vẫn viết được. Chỉ khi nào có người cứ lè nhè mãi bên tai, thì tôi không thể viết nổi.

- Bạn thân mến ơi, nếu xung quanh yên tĩnh thì viết vẫn thú hơn nhiều chứ. Phải không nào? Họ có quyền gì mà ngăn cản anh viết. Tại sao họ không nói với nhau nhỏ nhẹ hơn một chút. Ở Đan Mạch, Hà Lan, Thụy Điển người ta không xử sự như thế. Dân chúng các nước này vẫn minh tiến bộ hơn ta nên họ biết tôn trọng lẫn nhau.

Ông ta nói hoài, nói mãi, không ngớt đưa ra một lô một lốc ví dụ chứng minh cho sự lịch thiệp và sự có giáo dục của người dân Châu Âu.

Tôi cúi người và bắt đầu viết. Nói đúng hơn là làm ra vẻ sẽ viết. Điều này có lẽ không được lịch thiệp lắm, nhưng tôi còn biết làm gì hơn?.

- Anh đừng cố gắng một cách uổng công như thế, - ông bạn tôi nói - kiểu gì anh cũng không thể viết nổi. Chỉ làm tổn hại thần kinh thôi. Ở đây không phải Châu Âu. Anh có biết thế nào là người Châu Âu không? Trước tiên đó là sự tôn trọng người bên cạnh. Còn ở ta thì thế nào? Bạn thân mến ơi, tại sao chúng ta không nên người là vì vậy đó. Không, chúng ta không thể thành người!

Đáng lẽ ông còn nói nữa, nhưng may quá ông luật sư đến đã cứu thoát tôi.

Sợ rằng sẽ lại có ai đó đến bám riết, tôi cố cúi gập đầu xuống gần hơn với mặt giấy.

Vừa mới viết được hai dòng, thì một người quen khác trong đám đến chơi.

- Chúc anh hoàn thành tốt công việc! - Anh ta lên tiếng.

- Cảm ơn anh, - tôi đáp lại.

Anh ta ngồi lên phản rồi nói:

- Còn lâu chúng ta mới trở thành con người thực sự được!

Tôi không dám hé răng nói nửa lời, cốt để cắt đứt câu chuyện ngay từ đầu.

- Anh bạn đã sang Mỹ chưa? - Anh ta hỏi.

- Chưa.

- Thật đáng tiếc! Chỉ cần anh sang Mỹ vài tháng thôi là anh sẽ hiểu ngay tại sao chúng ta lạc hậu xa đến thế.

Người Mỹ khác chúng ta ở chỗ, họ rất ghét nói chuyện tào lao vô bổ? Ở Mỹ người ta nói: "Time is money". Thời gian là tiền bạc. Người Mỹ chỉ khi nào có việc họ mới đến với nhau. Nói với nhau đôi ba câu thật cần thiết, rồi lại bắt tay ngay vào công việc. Thế còn ở Thổ Nhĩ Kỳ thì sao? Cứ lấy hẳn chúng ta suy ra thì biết. Chúng ta làm việc thế nào? Chỗ nào cũng chỉ thấy thi nhau ba hoa, tán hươu, tán vượn hết ngày này sang tháng khác. Ở Mỹ không có chuyện ấy, vì thế họ mới tiến bộ và văn minh.

Tôi thở dài thườn thượt liên tục, thầm mong ông bạn đoán ra tôi đang rất bận để kết thúc câu chuyện và ra về. Thế nhưng anh ta coi như không có chuyện gì xảy ra vẫn tiếp tục thao thao bất tuyệt.

Đến giờ ăn tối, trước về, anh nói:

- Chúng ta không nên người được, bởi cái thói nói nhiều làm ít, ai cũng thích ba hoa, tán hươu tán vượn.

- Anh nói chí phải, - tôi trả lời.

Ăn vội ăn vàng cho xong bữa tối, trở về khám tôi lại bắt tay ngay vào công việc hết sức cần thiết lúc này đó là viết tiếp cuốn tiểu thuyết.

- Lao động - đó là cái chính yếu. Những cái còn lại không quan trọng lắm.

- Tôi nghe thấy giọng nói của ai đó vắng lại.

Ngẩng đầu lên tôi thấy một trong những người bạn cùng khám của tôi đang đến gần.

- Bạn nghĩ gì về câu này! - Anh ta vừa hỏi vừa ngồi xuống chiếc phản bên cạnh.

- Tôi phải làm việc, không có thì giờ tranh luận, - tôi trả lời.

- Tôi được cha mẹ giáo dục theo tinh thần Đức quốc...

Tôi tức muốn nổ con mắt.

Anh ta vẫn sôi nổi tiếp tục.

Tôi tốt nghiệp trường phổ thông trung học dạy bằng tiếng Đức ở Stambun, sau đó học đại học bên khó tìm được một người vô công rồi nghề. Còn ít chúng ta? Riêng ở khám này có khắp mặt dạng người đó. Không, không, chúng ta không nên người được. Còn lâu chúng ta mới trở thành những con người thực thụ!

Tôi hiểu ra rằng: ban ngày người ta không để cho tôi ngồi yên viết tiểu thuyết, chỉ tổ hại thần kinh. Có lẽ chỉ còn cách đợi cho họ ngủ hết, rồi mới làm việc.

Người bạn tôi vẫn kể về nước Đức không biết chán:

- Bên Đức người ta thói ăn không ngồi rồi là một sự nhục nhã. Dù có bị rơi vào hoàn cảnh nghiệt ngã đến đâu chẳng nữa thì một người Đức không bao giờ chịu bó tay đầu hàng số phận, dứt khoát họ sẽ tìm được một công việc gì đó để làm, không chịu ngồi không. Còn ở bên ta thì trái ngược hoàn toàn. Thử hỏi chúng ta bị giam giữ ở đây đã bao nhiêu tháng rồi mà có thấy ai làm gì đâu? Nói ra điều này lập tức người ta sẽ ngạc nhiên hỏi: đã bao nhiêu tháng rồi mà có thấy ai làm gì đâu? Người trí thức Đức sẽ không nói vậy. Họ viết hồi ký, nhật ký, suy nghĩ công việc của mình, đọc sách, tóm lại là họ không ngồi rồi, chờ đến bữa ăn. Thế còn chúng ta?... Không có điều đó. Cho nên muốn nói gì thì nói, chúng ta khó mà nên người được.

Gần nửa đêm anh ta mới về phản mình. Cuối cùng tôi cũng bắt tay vào công việc. Lúc này sẽ không có ai đến cặp kè để giảng bài về đề tài, tại sao chúng ta không nên người được.

Nhưng than ôi, tôi đã lầm: vẫn có một người nữa đến phản tôi. Người này đã từng sống bên Pháp nhiều năm. Ông ta nói giọng nhỏ nhẹ, tránh làm thức giấc người khác. Theo lời ông ta thì người Pháp có một đặc điểm là: làm ra làm mà chơi thì ra chơi. Họ không bao giờ lẫn lộn giữa giờ làm và giờ nghỉ.

Ông bạn khuyên tôi, đã quá nửa đêm rồi, không nên làm việc nữa.

- Bây giờ anh nên đi ngủ, để sáng sớm đầu óc tỉnh táo hãy bắt đầu làm việc. Bên ta mọi việc đều lộn tung phèo lên tất cả. Cái lúc cần làm việc thì

chúng ta lại nghỉ. Khi người ta nghỉ ngơi thì mình lại đi làm việc.

Đó chính là lý do tại sao hiệu quả lao động của chúng ta thấp kém. Chúng ta không biết lao động một cách hợp lý. Đó cũng chính là nguyên nhân tại sao chúng ta không bao giờ nên người được. Không bao giờ!

Khi ông ta đi khỏi thì tôi đã quá mệt mỏi, không thể viết gì được nữa. Đôi mắt cứ díp lại, tôi ngã mình xuống tấm phản và thiếp đi.

Sáng hôm sau tôi dậy thật sớm và cầm bút viết, trong khi mọi người vẫn còn ngủ.

Một người quen cùng khám, mà tôi hết sức kính trọng, đi vệ sinh về, ghé vào chỗ tôi, nói:

- Bên Anh mọi cái đều khác ta, - Ông đưa ra nhận xét.

- Ông đã sang Anh chưa?

- Chưa, tôi chưa sang.

- Ông cứ tưởng tượng đang đi trên một chuyến tàu hoả. Suốt mấy tiếng đồng hồ liền, người khách đồng hành cùng quê với ông không hề nói với ông lấy nửa lời. Trong trường hợp đó ở Thổ thế nào người ta cũng sẽ nói: "Gớm, mặt lạnh như băng! Gì mà tính tương thế!". Nhưng thật ra đây chính là biểu hiện của sự có giáo dục và sự lịch thiệp chứ không phải lạnh nhạt hay kênh kiêu. Bởi vì, có thể, người đi cùng mình không thích nói chuyện. Tại sao vô cớ làm phiền hà người khác? Còn bên ta thì sao? Quen hay không quen, không cần biết, bạn hay rồi không cần quan tâm, cứ thế là mở miệng ba hoa chích choè không biết mệt. Chính vì thế mà chúng ta không bao giờ nên người được.

Tôi vo tròn tờ giấy để trên gối, ném xuống gầm phản, dứt chiếc bút máy vào túi.

Thế là hết!... Ý định viết tiểu thuyết của tôi đã chấm dứt như thế.

Vâng, trong tù tôi không thể viết nổi được cái gì.

Nhưng chính ở đây tôi đã nhận ra một chân lý quý giá hơn nhiều so với cuốn tiểu thuyết mà tôi định viết. Tôi hiểu ra nguyên nhân tại sao chúng ta không thể nên người.

Bây giờ mỗi khi nghe thấy ai đó giận dữ thốt lên: Không, chúng ta không thể nên người!..." thì tôi sẽ giơ tay ngay, reo lên:

- Tôi biết tại sao rồi.

Cuối cùng, tôi đã sáng mắt ra nhờ có thời gian ở tù.

Những nhà tài chính cự phách

Câu chuyện này hơi phức tạp và rất rối rắm. Tôi sợ rằng khi kể lại sẽ làm các bạn rối tinh rối mù lên. Nhưng thôi, dù sao các bạn hãy cứ nghe đã.

Câu chuyện hoàn toàn không bình thường này xảy ra với năm người bạn.



Để cho năm người đàn ông kết thân và tụ họp với nhau được, nhất định phải có cái gì đó chung, gắn bó họ lại. Ba người trong số họ vốn là những nhà tài chính nổi tiếng, hai người kia là các bậc kiệt suất, như người ta thường nói, của thế giới con số. Chính điều đó đã tập hợp các nhân vật trong câu chuyện của tôi thành một hội.

Ngài Tailát, Tổng giám đốc của một trong những nhà băng lớn nhất của nước ta hôm ấy nhằm ngày chủ nhật mời bốn người bạn thân về thăm ngôi biệt thự mới của mình ở Xuadin.

Ngài Taliat là một thiên tài trong lĩnh vực tài chính ngân hàng. Với bề dày hai mươi bảy năm hoạt động liên tục thắng lợi. Ông giỏi nghiệp vụ đến mức, như bạn bè vẫn nói: "Chỉ cần Taliat đến một quầy hàng trống rỗng nào đó, treo lên tấm biển "Nhà băng" thì chưa đầy hai năm sau nơi đây sẽ biến thành một nhà hàng có số vốn lên tới vài trăm triệu lia". Ngài Taliat đã cứu được mấy nhà băng thoát khỏi phá sản và hơn thế nữa, đã biến chúng thành những nhà băng hoạt động chắc chắn và phát đạt nhất trong cả nước.

Ngài Liutfi, một trong bốn người bạn được mời, là một doanh nhân nổi tiếng sành sỏi trong lĩnh vực thương mại. Người ta nói về ông thế này: "Trong tay Liutfi, cục đất có thể biến thành vàng". Quả vậy, những mảnh đất nào mà ông "động chạm" đến đều lập tức cho ra tiền. Không phải vì ông có phép lạ, cũng không phải vì gặp may, mà do ông biết tính toán, cân nhắc chuẩn xác, kịp thời.

Vị khách thứ hai là ngài Zeki, một trong những quan chức cao cấp của bộ tài chính. Người ta đồn thổi rằng, cả bộ tài chính phải dựa vào một mình ông. Người nước ngoài gọi ngài Zeki là "nhà tài chính cự phách của nước Thổ".

Hai người khách còn lại, ngài Rêfik và ngài Zia, là những người bạn cùng học phổ thông với chủ nhà. Ngài Zia là giám đốc Đài thiên văn Stambun, ông được coi là nhà thiên văn lớn của cả nước. Ngài Refik là một nhân vật tầm cỡ trong lĩnh vực toán cao cấp. Ông là giáo sư khoa toán - lý trường Đại học

Tổng hợp Stambun.

Cả bốn vị khách đều đi cùng với gia đình mình.

Buổi sáng mọi người cùng đi tắm biển. Ăn trưa xong, khách và chủ cùng nhau uống cà phê. Sau đó người thì ngả lưng trên ghế bành thiu thiu ngủ, người thì về phòng riêng, đánh một giấc thật thoải mái.

Hai người, ngài Taliat chủ nhà và ngài Zeki rủ nhau đánh bài ăn tiền, mỗi ván đặt hai mươi nhăm xu, có tính lũy tiến. Đánh xong bốn ván, ngài Taliat thắng ba trăm bảy nhăm xu. Ngài Zeki không có tiền lẻ, nên đưa cho chủ nhà tờ giấy bạc mười lia. Ngài Taliat muốn trả lại, thò tay vào túi lục tiền. Lúc đầu ông rút ra tờ năm lia, sau đó sờ các túi khác ông lại tìm được hai lia rưỡi nữa. Tất cả số tiền mặt có trong túi, ông đưa cả cho ngài Zeki. Ông này cầm tiền và nói:

- Giờ mình nợ cậu... Bao nhiêu nhỉ?

Ngài Taliat lưỡng lự:

- Cậu nợ mình... - ông lăm bắm. - Khoan đã, để mình tính xem...

Ngài Zeki định giả bớt nợ, thò tay vào túi lấy ra đồng một lia, đưa cho ngài Taliat và nói:

- Mình giả đồng nữa, giờ còn bao nhiêu nhỉ?

- Mình đưa cậu bảy lia rưỡi, - chủ nhà nói.

- Đúng.

- Rồi cậu lại đưa cho mình bao nhiêu nhỉ?

- Mình đưa thêm một lia nữa.

- Này ông bạn, cậu nợ mình ba trăm bảy nhăm xu phải không?

- Đúng thế.

- Thế thì cậu còn phải trả mình một trăm bảy mươi...

- Phải, nhưng mình lại đưa cho cậu một lia rồi.

Trước đó mười lia nữa... Vị chi là mười một lia. Còn cậu đưa mình...

- Khoan, khoan, cậu lẩn rồi.

- Cậu đưa mình đầu tiên năm lia, sau đó hai lia rưỡi...

Hai người tranh cãi nhau làm ngài Zia và ngài Rêfik thức giấc.

- Rêfik này, - chủ nhà nó, - mình thắng bài cậu ấy... ba trăm bảy năm lia.

- Khoan, khoan, - Zeki ngắt lời. Tốt nhất để mình kể lại. Chúng mình chơi bốn ván bài, mỗi ván châu hai năm xu, có tính tỷ lệ lũy tiến.

- Khoan đã, Zeki! Cần gì những chi tiết ấy! Châu hai năm xu hay năm mươi xu thì quan trọng gì. Cậu hãy nói có phải cậu nợ mình ba trăm bảy mươi năm xu không?

- Phải, nhưng mình đã trả cậu mười một lia rồi.

- Đúng, sau đó mình trả lại cậu bảy lia rưỡi.

Nghĩa là cậu lại nợ mình.

- Được rồi, nhưng mình lại đưa cậu một lia.

Giáo sư toán cao cấp Rêfik giờ mới lên tiếng.

- Nào, khoan đã các ông!... Đừng làm rối lên thế, từng người nói một mới khỏi lẫn. Zeki cậu đưa cho Taliat bao nhiêu?

- Mười ba.

- Thế mà cậu nợ bao nhiêu?

- Ba trăm bảy năm xu, nhưng...

- Thôi, không có "nhưng" gì cả.

- Sau đó mình lại đưa thêm một lia.

- Rõ rồi. Nghĩa là Taliat phải trả lại sáu trăm hai mươi năm xu. Nhưng cậu đã đưa bảy lia rưỡi cho Zeki, thế thì, cậu còn... Bao nhiêu nhỉ, để mình tính xem... Cậu phải trả... Lấy bảy lia rưỡi trừ đi mười một... Là bao nhiêu nhỉ?

- Sao lại lấy số nhỏ trừ đi số lớn hơn thế?

- À, à, phải!... Lấy bảy lia rưỡi trừ đi sáu trăm hai năm xu... Đúng rồi, ra bao nhiêu nhỉ? Một trăm hai năm xu, có phải không?

- Lạy Đức Ala! Mình đã đưa cho cậu ta mười lia cơ mà.

- Đúng, nhưng mình đã đưa lại bảy lia rưỡi.

Đến lúc này nhà thiên văn nổi tiếng Zia mới vào cuộc.

- Các cậu nhầm lẫn lung tung cả rồi. Giờ Zeki kể lại lần lượt xem nào. Cậu nợ Taliat ba trăm bảy năm xu phải không?

- Ôi, bạn thân mến ời! Mình đã đưa cho cậu ta mười một lia rồi. Giờ cậu ấy còn nợ mình.

- Còn Taliat, nghĩa là, đã đưa cho cậu bảy lia rưỡi phải không? Bảy lia rưỡi cộng với mười một... Sẽ là...

- Không phải thế, bạn ời! Mình thua Taliat ba trăm bảy mươi xu. Giờ thế này...

- Rõ cả rồi. Giờ cậu hãy trả cho cậu ấy một trăm hai mươi xu nữa.

- Ôi trời ời! Sao lại phải trả một trăm hai mươi xu nữa, thế là thế nào? Mình thì cứ trả, trả mãi còn cậu ấy thì không trả gì cho mình à?

- Cậu thua thì phải trả, chứ còn ai trả thay cho nữa.

- Nghĩa là trả một trăm hai mươi xu?

- Không phải...

- Đây Zia, cậu hãy nghe mình nói lại nhé. Đầu tiên mình đã đưa mười lia, sau đó thêm một lia nữa, vị chi là mười một lia.

- Thế Taliat đưa cho cậu bao nhiêu? - hỏi.

Nhà thiên văn thở dài đánh thượt, nói:

- Các cậu làm mình rối tinh rối mù lên. Cậu có hai mươi xu không?

Zeki lục túi lấy ra hai mươi xu và đưa cho chủ nhà:

- Đây, hai mươi xu đây.

- Giờ còn lại bao nhiêu? - Ngài Taliat hỏi.

- Mình làm sao biết được còn bao nhiêu? Các cậu làm lẫn hết. Đầu tiên Zeki đưa cho cậu mười lia, sau đó đưa thêm một lia, sau đó lại hai mươi xu nữa. Tất cả là mười một lia hai mươi xu. Giờ thì Taliat, cậu hãy trả lại cho Zeki một lia đi.

- Ôi trời, cậu hãy nghe đây, mình đã đưa cho cậu ta bảy lia rưỡi.

Chủ nhà chạy sang phòng bên, đánh thức nhà doanh nghiệp Liutfi đang ngủ ngon lành trong chiếc ghế bành dậy cầm tay lôi sang gặp mọi người.

- Liutfi, cậu hãy vì Đức Ala mà gỡ rối hộ cho bọn mình đi!

- Liutfi thân mến, - Zeki lên tiếng, - mình thua bài lữ tiến...

- Đây Zeki, thôi cái lữ tiến ấy đi!...

- Chúng mình chơi bài...
- Thôi cái bài bạc ấy đi! Cậu nợ mình ba trăm bảy mươi xu, thế thôi!
- Nhưng mình đã đưa cậu mười một lía và hai mươi xu lẻ nữa.
- Nhưng cậu đã nhận tiền trả lại là bảy lía rưỡi rồi.
- Rõ rồi, - Liutfi nói. - Tại sao cậu lại đưa cho Zeki những bảy lía rưỡi?
- Không có tiền lẻ.
- Còn cậu sao lại đưa cho Taliat mười một lía?
- Cậu ấy đòi mình, mình không có tiền lẻ.
- Thế là rõ. Quá đơn giản. Mười một lía cộng với hai mươi xu, rồi cộng thêm ba trăm bảy mươi xu nữa.
- Sao cậu lại cộng, phải trừ đi chứ.
- Mình biết chứ. Đầu tiên phải cộng đã, sau đó mới trừ... Vậy là lần cuối cậu đưa hai mươi hai xu...

Tính toán một lúc, Liutfi vẫn cứ nhầm lẫn mãi, cuối cùng huơ cả hai tay về đây thất vọng.

- Này các cậu! - Liutfi bỗng reo lên. - Tớ nghĩ ra rồi. Giờ cả hai cậu lấy hết về số tiền đã đưa cho nhau. Zeki cầm về hai mươi xu đã đưa cho Taliat đi... Thế, thế... Còn Taliat lấy về bảy lía rưỡi đi. Zeki, lúc đầu cậu đưa bao nhiêu?

- Mười lía, cộng với một lía nữa.
 - Vị chi là mười một phải không? Lấy lại số tiền này đi.
- Hai bên trao đổi xong số tiền mười một lía.
- Giờ cậu đưa cho Zeki mười lía đi. - nhà doanh nghiệp vĩ đại ra lệnh. - Thế, thế... Giờ cậu thối trả lại cho Zeki đi.
 - Mình không có tiền lẻ. Đây, bảy lía rưỡi...
 - Cầm lấy bảy lía rưỡi đi, Zeki. Giờ cậu lại nợ Taliat. Cậu phải trả bao nhiêu nhỉ?
 - Mình chỉ còn một lía hai mươi xu.
 - Đưa cho Taliat số tiền đó đi. Giờ thì thế nào nhỉ?
 - Lại vẫn như cũ.

- Thế là tuyệt vời rồi... Giờ cậu đưa... đưa... cho Zeki một trăm hai năm xu đi.

- Mình không còn xu nào.

- Thế thì Zeki, cậu đưa cho Taliat một trăm hai năm xu đi.

- Rồi thế nào nữa?

- Cậu cứ hăng đưa đi... Thế, thế... Hừm, giả sao nhỉ? Lại nhầm rồi.

- Nay, cậu đưa mình bao nhiêu nhỉ?

- Hô, hô, hô... Mình đưa bao nhiêu à?

- Thôi, các bạn! - Giáo sư Rêfik nói. Bây giờ các cậu lấy số tiền của mình đi.

Số tiền cũ lại được đưa đi nhận về mấy lần nữa, nhưng hai người vẫn không thể thanh toán xong với nhau được.

Nhà thiên văn Zia nghĩ ra cách đổi đồng mười lia ra tiền lẻ cho Zeki để hai người thanh toán gọn cho nhau.

Có tiền lẻ rồi, hai người bạn vẫn không làm sao mà thanh toán với nhau được, họ hoàn toàn lâm vào ngõ cụt.

Mãi đến gần tối ngài Liutfi mới có quyết định:

- Hai bạn, một lần nữa hãy cầm lại số tiền của mình đi.

Số tiền của hai người được trao đổi xong. Bấy giờ ngài Liutfi mới quay lại nhà "phù thủy tài chính" của nước Thổ, nói:

- Zeki, cậu hãy nhớ cậu nợ Taliat ba trăm bảy năm xu. Khi nào có tiền lẻ cậu hãy trả cho Taliat. Rõ chưa?

- Rõ.

- Ôi, nhờ Đức Ala, giờ mọi chuyện mới xong xuôi!

Tìm được chỗ của mình

Lính canh vào bẩm với quốc vương Makhmút:

- Tàu quốc vương, có một người tự xưng là nhà tiên tri xin yết kiến bệ hạ.

Quốc vương truyền lệnh:

- Cho dẫn người đó vào.

Người tự xưng là nhà tiên tri được dẫn vào. Đó là một ông già đầu hói, quần áo rách rưới, chân đi đất, đôi má trũng sâu vì đói.

- Dẫn hắn đi - Quốc vương ra lệnh - Nuôi hắn bốn mươi ngày bằng mật ong, bơ sữa, đào, nho, bánh ngọt!

Bốn mươi ngày sau quốc vương cho dẫn ông già tự xưng là tiên tri đến, hỏi:

- Thế nào, nhà người vẫn còn là tiên tri chứ?

- Vâng...

- Tốt. Nhà tiên tri thường được truyền những lời thần khải. Nhà người cũng biết chứ?

- Thưa vâng, qua thiên sứ Giêbrail.

- Vậy đức Ala truyền cho nhà người điều gì qua thiên sứ Giêbrail.

- Đức Ala nói: "Quốc vương đã tìm được vị trí của mình. Hãy gìn giữ chỗ để mất!".

Tôi hết sức kinh ngạc bởi anh ta xuất hiện quá bất ngờ: Vào giây đầu tiên tôi cứ tưởng quả bóng đã làm bật tung cửa sổ và bay vào phòng. Nhưng hoá ra không phải quả bóng mà là người, và anh ta không bay qua cửa sổ mà lao thẳng vào cửa ra vào, suýt làm bật cả bản lề. Đầu tóc anh ta rối bù, cái miệng méo xệch, mắt vẫn đỏ những tia máu, nhìn trừng trừng một cách điên dại.

Thoạt đầu tôi không nhận ra anh ta và quả thật có hơi hoảng. Lúc định thần lại, tôi mới nhớ ra là chúng tôi có quen nhau. Tôi không biết tên anh ta. Chúng tôi có gặp nhau ở nhà một người bạn, và có thể, thậm chí đã trò chuyện với nhau.

Tôi chỉ chiếc ghế và nói giọng lạc đi vì sợ:

- Chào anh, mời anh ngồi.

Một tay dẫn mạnh vào đùi, tay kia dấm túi bụi vào không khí, anh ta rống lên như muốn xổ ra những nỗi uất ức kìm nén trong lòng.

- Không thể tiếp tục như thế được nữa!... Phải chấm dứt ngay sự phi lý này.

Tôi không rõ anh ta định nói gì, nhưng để xoa dịu đành phải hòa theo:

- Anh nói chí phải, nhưng mời anh cứ ngồi xuống đã.

Khuôn mặt người khách đỏ như gấc chín.

- Anh uống chút nước mát nhé! - Tôi hỏi. Người khách hình như không nghe thấy lời mời của tôi.

- Phải lật đổ!... Lật đổ... - Anh ta lại rống lên.

- Với một động tác trọng vọng, tôi đặt tay lên vai anh ta, nhẹ nhàng ra dấu mời anh ta ngồi xuống chiếc ghế sa lông. Rồi tôi lấy điều thuốc đặt vào tay anh, rót cốc nước mời anh ta uống, và mở cửa sổ cho thoáng.

- Tôi không muốn uống! - Anh ta làu bàu.

- Không sao, mời anh uống đi.

Cuối cùng tôi cũng thuyết phục được, anh ta uống cạn cốc nước như cái máy, rồi buông ra một tiếng thở dài nhẹ nhõm.

Tôi pha cà phê cho anh ta. Lúc này vị khách đã nguôi nguôi.

Tôi thích những người chừng chạc, điềm tĩnh. - Bỗng anh ta thốt lên.

- Anh hãy nói rõ hơn ý này? - Tôi hỏi anh.

- Tôi thích những người có ý chí và quyết tâm cao. Khi họ đã nắm giữ được một chức vụ nào đó thì dù có bị giết họ cũng không bao giờ từ bỏ nó. Lối sống của những người này rất ổn định. Họ biết trước địa điểm, thời gian, nội dung công việc hoặc nói chuyện với ai. Có thể ví họ với chiếc xe buýt chạy đúng thời gian biểu. Thậm chí đi vệ sinh, họ cũng thực hiện đúng giờ, không bao giờ bị rơi vào hoàn cảnh tức cười trên đường phố như chúng ta. Đầu óc và dạ dày họ làm việc một cách chuẩn mực, trơn tru. Dù có làm việc ở bất cứ cơ quan nào đi nữa, họ cũng chỉ rời bỏ công việc khi đủ tuổi về hưu hoặc phải già từ thế giới phù sinh này.

Con người này nói đúng về tôi! Tuy nhiên, mặc dù miệng anh ta bô bô ca ngợi lối sống ôn hoà, điềm đạm nhưng vẫn có cảm giác là anh không thích tất

cả những ai, mà theo anh, sống quá buồn tẻ.

- Tôi ưa sự yên tĩnh và ngăn nắp, - anh ta kết luận, - nhưng không sao tự tạo lập được...

- Rồi đức Ala sẽ phù hộ để anh làm được, - Tôi an ủi anh ta.

Hai tay anh ta túm chặt lấy mái tóc đã điểm bạc của mình.

- Anh bảo rằng tôi sẽ làm được à? Nhưng đến bao giờ cơ? Vào cái tuổi này ư?. Lấy ví dụ như anh chẳng hạn... Anh thường cất tiền lẻ ở đâu?

- Tiền lẻ ấy à?... ở túi quần bên phải.

- Còn tiền chẵn?

- Túi trong bên trái áo vét.

- Còn khăn mùi xoa?

- Tôi thường có hai khăn mùi xoa, một cái ở túi quần bên trái, một cái ở túi áo vét bên phải.

- Còn lược?

- Ở túi quần sau.

- Chìa khóa?

- Ở túi quần trước

- Bút máy?

- Túi trong bên phải áo vét.

- Đấy, thấy chưa, anh biết rõ vật gì, ở đâu, còn tôi thì không.

- Tại sao?

- Bởi vì tôi không có tất cả những thứ đó.

Có tiền, tôi nhét phứa vào bất cứ túi nào. Để mà xác định cất tiền, khăn mùi xoa, lược, bút máy, sổ con vào các túi khác nhau, trước hết cần có những thứ đó đã... - Anh ta lại tiếp tục rít lên. - Mà tôi thì suốt đời không có lấy một cái! Đã hai hôm nay bụng tôi không có lấy một hạt cơm. Anh nhìn đôi giày của tôi đây này! Thấy chưa... Khác gì hai cái mõm cá sấu!... Chúng ta đang rơi xuống vực thẳm! Cả nước đâu cũng tràn lan người thất nghiệp. Đạo đức xuống cấp, nạn mại dâm mọc nhanh như nấm. Cờ bạc lây nhanh như nạn dịch. Người ốm không có tiền mua thuốc. Bệnh viện chật cứng chỗ. Anh ta

dừng lại một lát, chống hai khuỷu tay xuống bàn, áp mặt sát vào mặt tôi. - Cần phải cách mạng, c-á-c-h m-a-n-g!... Anh đồng ý với tôi chứ?

Tôi chờ người ra, không nói được câu nào. Cuối cùng, cố trấn tĩnh tôi nói thì thào:

- Hãy cứ coi như tôi không nghe thấy những lời anh vừa nói. Đó là cách tốt nhất tôi có thể làm vì anh. Anh không nói gì cả với tôi. Thậm chí anh cũng không đến đây nữa.

Hết phim!...

Anh ta đứng dậy, bối rối.

- Tôi rất tiếc câu chuyện đã diễn ra như vậy. Thế mà tôi cứ tưởng có thể trông cậy vào anh.

- Mong anh đừng nói với ai rằng, anh đã đến nhà tôi nhé! Còn về phần tôi, tôi sẽ không tố giác anh...

Anh ta ra về lòng nặng trĩu nỗi buồn, ánh mắt đầy thất vọng.

Vì lo sợ không thể ngồi yên trong nhà, phải ra phố. Tôi quay kim đồng hồ ngược lại cho chậm đi một tiếng rưỡi, rồi đến chơi với vài người bạn. Khi nói chuyện với ai đó thỉnh thoảng tôi lại xem đồng hồ, rồi nói thật to đã mấy giờ rồi. Tôi làm thế vì quá hoảng sợ, đề phòng nếu anh bạn tôi có lỡ lời ba hoa thì tôi có chứng cứ ngoại phạm. Và khi cần tôi có thể lôi mấy người bạn đến làm chứng.

Khi về đến nhà tôi phát hiện ra tờ một nghìn lía không còn trong ví. Có lẽ do hoảng loạn mà tờ nghìn lía là cả một số tiền lớn. Suốt đêm tôi không chợp mắt được.

Sáng hôm sau trên đường đi làm, tôi lại gặp ông khách hôm qua. Tôi đi cùng với một người quen. Tôi có ý ngoảnh mặt đi, cốt để ông khách có tư tưởng tự do kia không nhìn thấy tôi. Nhưng anh ta đã kịp phát hiện ra và đi lại gần.

- Mạnh giỏi chứ ông bạn?

Tôi trả lời lạnh nhạt.

- Cảm ơn.

- Thời tiết hôm nay tuyệt vời nhỉ?

Tôi phải nói rõ đến các bạn biết rằng, suốt từ sáng đến giờ trời vẫn mưa

sụt sùi mãi.

- Có gì mà tuyệt với chẳng vời? - Tôi lâu bầu. Mưa liên miên...

Hắn ta mỉm cười.

- Tôi lại thích thời tiết thế này. Trời mưa rả rích vào rạp xem phim là khoái nhất. Ăn trưa xong tôi sẽ đi xem bộ phim mới. Thôi, chào anh.

- Chúc anh may mắn!

Hắn bỏ đi. Anh bạn tôi nhìn theo hắn, nói nhỏ vào tai tôi.

- Giống người quả là một sinh vật lạ kỳ. Khi có đồng tiền rủng rinh trong túi, thì thời tiết xấu cũng coi là đẹp.

- Hắn có tiền à?

- Trước kia hắn không bao giờ có tiền cả, nhưng bây giờ thì có. Chiều tối qua hắn đi với một người bạn trên phố Bêiôgla. Bỗng có một vật gì đó rơi từ cửa sổ tầng cao một ngôi nhà xuống đất. Cùng lúc cái ví chặt cứng tiền rơi vào đầu thằng cha may mắn này, còn cái bình hoa lại nhằm trúng đầu người bạn bất hạnh của hắn mà choảng. Anh bạn hắn phải đưa vào nhà thương, còn thằng cha kia nhân lúc hỗn loạn biến đi mất cùng cái ví tiền.

Một tuần sau trên xe buýt, tôi bị kẻ cắp rạch túi áo rét lấy mất cái ví tiền, trong đó có toàn bộ số lương tháng vừa lĩnh và ba nghìn lia tiền tiết kiệm mấy năm nay của tôi.

Hôm sau trên tàu thủy, tôi nhìn thấy cái gã có tư tưởng tự do kia đang đi đến gần tôi. Hắn diện bộ quần áo mới tinh, râu ria xén tỉa gọn ghẽ, tóc chải đúng mốt. Hắn hỏi:

- Sao trông anh buồn thế?

- Không, có gì đáng buồn đâu, - tôi trả lời.

Mặt hắn sáng rực lên.

- Anh nhận xét tình hình kinh tế nước ta như thế nào?

Hắn hỏi tôi.

- Về những vấn đề này tôi không rành lắm, nhưng theo tôi, nền kinh tế của chúng ta không ở đỉnh cao.

Bỗng nhiên hắn nói vẻ nghiêm nghị:

- Lạy Chúa, tình hình đang được cải thiện. Mỗi ngày lại thấy khá hơn.

Người nào muốn lao động, đều có việc làm. Miễn là không được lười biếng...

Khi hần xuống tàu, một hành khách đưa mắt nhìn theo hần rồi nói với người bên cạnh:

- Anh có thấy tay ấy không? Hôm qua hần bị ô tô va phải. Hần bị ngã và xước nhẹ trên mũi. Người chủ xe là một người giàu có nổi tiếng, không muốn sự việc trở nên ầm ĩ trên báo chí, đã hào phóng cho hần ba nghìn lía để hần đừng kiện ra toà.

Người đó nói đúng: hoạ vô đơn chí. Tôi vừa mới đưa nhằm tờ một nghìn cho tay lái xe tắc xi xong vào hôm thì bị kẻ cắp móc mất ví tiền, nay lại bị thằng cháu nó lừa.

- Bác ơi, chúng ta mua chung ô tô đi, - cái thằng bịp bợm ấy nó xui tôi. - rồi đi đăng ký làm xe tắc xi, tha hồ mà hái ra tiền!

Hoá ra nếu bỏ ra tám nghìn lía tiền mặt và ký nợ hai mươi nghìn nữa, thì có vẻ mua được một chiếc ô tô đã qua sử dụng nhưng vẫn còn tốt. Mơ ước kiếm lại được số tiền đã mất, tôi nghe lời thằng bịp bợm ra nhà băng rút về tám nghìn lía, mà hai vợ chồng tôi cóp nhặt được từ khi lấy nhau. Ngoài ra tôi còn ký nợ vay hai mươi nghìn lía. Và hậu quả ra sao, bạn biết không?

Thằng cháu xỏ lá của tôi "bùng" mất cùng chiếc ô tô!... Tôi mất hết, lại còn đeo cái nợ ề cổ hai chục nghìn lía.

Cuộc sống của tôi trở nên bi đát vô cùng.

Đúng lúc ấy tôi lại chạm trán con người kia trong một chuyến tắc xi tuyến. Tâm trạng hần ta rất hứng khởi, mặt tươi như hoa.

- Rõ thật oái ăm, cái lúc vội thì lại không bói ra tắc xi. Đành đi xe tắc xi tuyến vậy... Im lặng một lát, hần hỏi:

- Anh thấy tình hình nước ta thế nào?

- Quả là, tôi không rõ... - tôi bối rối. - có cảm tưởng như không được suôn sẻ lắm.

- Tôi lại nghĩ khác! Chớ nên than phiền. Dân chúng đang kiếm được nhiều tiền hơn. Việc làm dễ kiếm hơn. Người nào đòi hỏi hơn nữa thì đó là kẻ vô ơn, bạc nghĩa!...

Nói xong, hần xuống tắc xi.

Ông khách ngồi cạnh người lái xe bực mình nói:

- Anh có nghe thằng cha bẻm mép vừa "hót" gì không? Dân chúng kiếm được nhiều tiền hơn!... Tôi biết tổng hăn từ lâu rồi. Cách đây không lâu hăn còn đói nhần răng. Nhưng vừa cách đây một tuần hăn bắt được một bọc tiền gói giấy báo trên phố. Thế là bây giờ đi đâu hăn cũng kè kè túi tiền, giọng sắc mùi lạc quan. Thật đúng là lưỡi không xương.

Hình như ngần ấy tai hoạ đổ lên đầu chúng tôi vẫn chưa đủ, bọn trộm lén vào nhà tôi lấy đi hết đồ nữ trang của vợ tôi gồm mấy cái nhẫn, chuỗi hạt, hoa tai, tóm lại là tất cả những gì có giá.

Chiều chiều, tôi cứ lảng vảng ở đồn cảnh sát xem họ đã bắt được bọn trộm chưa? Một hôm đang trên đường đi tôi lại gặp gã kia. Trong lòng tôi đang ngổn ngang sầu muộn mà hăn cứ bô bô kể về mình.

- Anh có biết không, nhiều người cứ kêu ca giá sinh hoạt đắt đỏ. Nhưng ai là người có lỗi? Do chính họ chứ còn ai vào đây nữa. Họ quen thói sống bừa bãi, vô lối. Một người thực thụ phải biết sống có chương trình có kế hoạch dự định, phải không nào.

- Đôi khi theo chương trình, kế hoạch lại hỏng việc.

- Anh chớ nói thế. Những lời lẽ của anh chẳng khác gì giọng điệu tuyên truyền chống chính phủ.

Mãi chuyện trò, chúng tôi đi đến đồn cảnh sát lúc nào không rõ. Chúng tôi chia tay nhau ở đây.

Một viên cảnh sát nhìn theo hăn, nói:

- Nhiều người may mắn thật!... Tuần trước tại cuộc cá ngựa, tay này đặt mười ba lía vào một con và trúng ngay hai mươi bảy nghìn năm trăm lía.

Chúng tôi vẫn còn đang hy vọng sẽ tìm được thủ phạm trong vụ trộm, thì đã lại gặp tai hoạ mới. Ngôi nhà do bố tôi để lại cho tôi bị cháy. Đám cháy bắt đầu từ căn nhà bên cạnh rồi lan ra xung quanh thiêu trụi tất cả bốn ngôi nhà, trong đó chỉ có nhà tôi là không có bảo hiểm. Trong lúc hoảng hốt, vợ tôi vớ được cái lọ hoa còn tôi thì giữ chặt cái điếu trong tay chạy ra đường - đó là tất cả những gì chúng tôi cứu được từ đám cháy.

Chúng tôi phải đến ở nhờ nhà họ hàng. Từ sáng đến tối tôi đi khắp thành phố tìm thuê nhà.

Một hôm, khi đi ngang qua một ngôi nhà cao tầng, tôi nhìn thấy bảng quảng cáo: "Cho thuê căn hộ". Tôi vào gặp chủ nhà - ôi, không dám tin vào

mắt mình nữa: hoá ra vẫn gặp con người đó!

Hắn ta mời tôi vào căn hộ của hắn và nhón mỏ "hót".

- Đức Ala rộng lòng ban thưởng ân huệ cho những ai chăm chỉ lao động. Thật công bằng, chỉ có điều là không được lười nhác. Phải thế không, anh bạn? Phải có lòng tin vào đức Ala. Ví như tôi chẳng hạn...

Sau đó hắn hỏi:

- Anh đánh giá tình hình chính trị nước ta thế nào?

Tôi đáp:

- Tôi dốt về chính trị lắm, nhưng tôi cảm thấy tình hình có vẻ căng thẳng.

- Anh nhầm to rồi! Đất nước chưa bao giờ hưng thịnh như bây giờ. Nhờ có đức Ala mà ban lãnh đạo đất nước mới được vững mạnh như ngày nay. Một số phần tử chống đối tìm cách gây ra cảnh hỗn loạn, tung tin thất thiệt đó là điều không tránh khỏi.

Lời ám chỉ đó rõ ràng là vào tôi.

Chúng tôi không thoả thuận xong về giá cả, tôi xin cáo từ.

Ra khỏi cửa, tôi nói với người gác cổng!

- Sáu trăm lia ba đồng, có mà diên mới thuê!

- Này ông bạn ơi, - người gác cổng buông tiếng thở dài - những người chủ nhà như ông này là người không có lương tâm đâu. Điều đó cũng dễ hiểu thôi. Vì đồng tiền của họ là đồng tiền không phải do lao động mà làm ra. Hắn trúng nửa triệu lia, mua được ngôi nhà này.

Đã xui lại càng xui thêm. Vài tuần sau khi chúng tôi thuê được căn hộ ba buồng ở tầng trệt giá bốn trăm lia, thì xí nghiệp nơi tôi làm việc phải đóng cửa, thế là tôi bị mất việc. Chủ xí nghiệp tuyên bố phá sản. Tiền trợ cấp mất việc chúng tôi cũng không được nhận.

Ngày hôm đó, chúng tôi trở về nhà trong tâm trạng chán chường ngổn ngang với ý nghĩ không biết làm gì để sống tiếp đây.

Bỗng một chiếc xe con sang trọng đỗ xích ngay cạnh tôi, người ngồi sau tay lái bảo tôi:

- Anh lên xe, tôi chở đi.

Tôi nhìn: thì ra lại hắn.

Tôi bước bên xe.

Anh bạn tôi trông béo tốt hẳn ra, cái cằm đã thấy có ngấn, cái bụng bắt đầu chảy sệ. Trong khi chuyện với tôi thỉnh thoảng hẳn lại vô cớ cười sằng sặc.

- Cái khác nhau giữa con người và con vật là gì? - Hẳn ta hỏi, rồi tự trả lời: - Con vật ăn khi nào đói, còn con người thì kh-ô-ô-ng... Con người cần phải biết làm gì cái và khi nào làm. Ăn uống phải theo giờ giấc nhất định. Thế nhưng có nhiều người gặp cái gì là ăn cái nấy. Tất nhiên vì thế mà họ sẽ bị đau dạ dày, suy thận và viêm đường tiết niệu. Họ có thể đứng đái ngay giữa đường, hoặc chạy hốt hải tìm nhà vệ sinh công cộng. Những người sống có nền nếp ai lại làm thế? Dạo này anh làm gì? Sống ra sao?

- Cảm ơn, cũng nhì nhảnh...

- Anh đánh giá tình hình đất nước như thế nào?

- Tình hình không được tốt lắm.

Hẳn bỗng nổi khùng:

- Anh dám nói thế à? Rõ ràng anh là kẻ chống đối? Kh-ô-ông! Không thể bôi đen mặt trời được! Lịch sử tổ quốc ta chưa bao giờ biết đến thời kỳ nào hưng thịnh như bây giờ...

- Xin anh cho tôi xuống đây.

Tôi vội vàng trườn ra khỏi xe như bị ma ám.

Một người quen trông thấy tôi, chào rồi hỏi:

- Sao anh trầm tư vậy? Anh quen hẳn ấy đấy à?

- Ai vậy.

- Thằng chó đi chiếc "Cadillac" ấy! Hẳn vừa được nhận tài sản thừa kế bốn triệu lía. Hoá ra hẳn có một ông bác ở Ai Cập, mà chưa bao giờ biết mặt. Thậm chí hẳn còn không biết đó là ông bác ấy! Ông bác giàu có từ trần để lại toàn bộ gia sản cho hẳn.

Những hy vọng cuối cùng về tương lai cuộc sống của chúng tôi liên quan đến một thương nhân Stambun. Một năm trước đây, chúng tôi bán cho ông ta mảnh đất của vợ tôi. Ông ta còn nợ chúng tôi mười ba nghìn lía. Tôi có giấy ghi nợ. Tôi mong nhận được số tiền này để bắt tay vào một công việc gì đó. Khi đến thời hạn trả nợ, tôi cầm giấy ghi nợ đến gặp nhà buôn này, một

người có tiếng là thực thà hiếm có. Tôi nghĩ rằng, dù tôi có đánh mất giấy ghi nợ thì ông ta vẫn sẽ trả sòng phẳng. Nhưng, than ôi, bây giờ cái giấy ghi nợ không đáng giá một xu. Ngày hôm trước ông ta vừa bị phá sản. Miếng đất chúng tôi cho ông ta đã bị gán cho chủ nợ của ông ấy.

Tối hôm đó lần đầu tiên tôi bước chân vào quán rượu. Rõ thật chán, trong quán tôi lại gặp hăn! Hăn đích thân đến gần tôi. Tôi gọi ly vốt ca mời hăn.

- Sao trông anh buồn thế? - Hăn hỏi.

- Tình hình đất nước tôi tệ quá! Nhân dân sống trong cảnh đói nghèo! Không thể tiếp diễn mãi thế này được!

Phải chấm dứt cảnh bất công này!...

Đó là tất cả những gì tôi nói với hăn trong quán rượu.

Một lát sau hăn đứng dậy, ra về.

Người hầu bàn biết rõ hăn, lăm bắm:

- Trước đây hăn vẫn thường xuyên ghé vào quán, từ ngày lấy vợ, hiếm khi thấy hăn đến.

- Sao, hăn cưới vợ à? - Tôi hỏi.

- Vâng, đúng thế. Bọn bịp bợm nhà nghề ấy không từ thủ đoạn nào để kiếm tiền. Hăn cưới một cô vợ tỷ phú, trở thành chủ nhân của mấy đồn điền bông. Bây giờ thì hăn nằm trên đồng tiền.

Khi tôi vừa ra khỏi quán, thì có hai người mặc thường phục xông đến, bẻ quặt hai tay tôi rồi giải về đồn cảnh sát. Tại đây tôi lại gặp hăn ta. Hăn chỉ tay vào tôi, nói với viên đồn trưởng.

- Chính hăn đấy!

Hăn khẳng định rằng tôi đã nói xấu chính quyền trong quán rượu, hăn gán cho tôi những lời mà một lần chính hăn đã nói ra tại nhà tôi. Về ngoài của hăn rất đáng tin cậy. Còn tôi thì lại khiến người ta phải nghi ngờ: đôi giày tôi đang đi há miệng toang hoác như mồm cá sấu!

Chuyện trong quán rượu

- Chào ngài!

- ?...

Tôi xin chào ngài!

- Chúc cho buổi tối tốt lành, xin chào!

- Tôi có làm phiền ngài không ạ?

- Không sao, chỉ có điều là... Tôi không nhớ, chúng ta đã gặp nhau ở đâu?

- Chúng ta chưa gặp nhau bao giờ... Ha - ha! Bây giờ mới gặp...

- À, ra thế...

- Chả là tôi thấy có người ngồi uống một mình, tôi bỗng nghĩ, ta hãy thử đến ngồi gần, làm quen...

- Vậy à...

- Thế thì ta có thể nâng cốc làm quen được không?

- Xin vui lòng...

- Ngài biết không, tôi không thích uống một mình. Uống phải có hội hoặc ít nhất cũng phải có một hai người bạn.

- Tôi lại không thích đông người, chỉ thích ngồi một mình thôi.

- Vâng tùy thôi, như người ta vẫn nói; sự cô đơn đặc ân của đức Ala...

- Và cả đặc ân của tôi nữa. Sự cô đơn của đức Ala vĩ đại như trời, như biển, còn sự cô đơn của tôi chỉ là hạt cát nhỏ bé, tầm thường.

- Ngài nói tuyệt vời quá. Xin được nâng cốc vì sự cô đơn nhỏ bé của ngài.

- Cảm ơn ngài!

- Ngài có muốn chuyển sang ngồi bàn tôi không.

- Không, tôi không muốn làm phiền ngài.

- Vậy ngài cho phép tôi sang ngồi với ngài nhé!

- Vâng, xin mời ngài.

- Rất hân hạnh! Xin được hỏi hiện giờ ngài sống ra sao?

- Sống ra sao à? Phải chăng đây là cuộc sống à? Thà chết tất đi còn hơn.
- Sao lại phải thế... Nếu có nỗi buồn thì cần phải giải toả! Xin chúc sức khoẻ ngài.
- Chúng ta cùng chúc nhau! Thế còn ngài sống ra sao?
- Tôi ấy à? Rất tuyệt! Chỉ có thể nói là tuyệt vời!
- Một con người hạnh phúc... chúc ngài mãi mãi có lòng yêu đời!
- Vậy thì chúng ta cùng uống vì lòng yêu đời! Tôi rất thích cái quán rượu ấm cúng này.
- Còn tôi lại không thích chỗ này tí nào.
- Nghĩa là ngài thích các sông bạc và các nhà hàng lớn?
- Tôi không chịu nổi.
- Thế còn những quán cà phê ngoài trời dọc các phố bờ sông?
- Tôi căm thù chúng.
- Vậy sao ngài lại tới đây.
- Tôi cũng không biết nữa... Nào để nâng cốc...
Uống thêm một ly nữa đi!
- Chúc ngài vui vẻ, thoải mái! Sao ngài ngồi với vẻ mặt tang tóc nặng nề vậy... Ngài có nỗi đau khổ gì thế?
- Không phải chỉ có một nỗi đau khổ. Cả đời tôi ngập chìm trong bế khổ!... Tôi đã mất mẹ...
- Xin được chia sẻ nỗi buồn. Nào, ngài hãy cứng cỏi lên... xin được cùng uống chén này để tưởng nhớ bà cụ! Thân mẫu ngài mất khi nào nhỉ?
- Bốn mươi lăm năm đã qua... Năm ấy tôi mười ba tuổi.
Ngài bớt sầu muộn đi! Thời gian sẽ hàn gắn mọi vết thương.
- Tôi vẫn thấy cứ như là mới hôm qua.
- Nhưng việc như thế không ai giúp ngài được... biết làm thế nào kia chứ!
Mẹ tôi cũng mất bốn mươi lăm năm trước, hồi ấy tôi cũng mười ba tuổi.
Thôi, tốt nhất là ta cạn chén!
- Hình như ngài không đau khổ trước cái chết của mẹ mình?

- Ngài nói gì lạ vậy!... Tôi cũng đau đớn trong lòng lắm chứ... Tôi cũng suy nghĩ lắm chứ. Nhưng, ai mà trốn được cái chết. Tôi cố quên. Nếu không ta làm sao sống nổi!

- Còn tôi thì cố nhớ!

- Nhưng cần phải sống

- Sống có ích lợi gì?

- Thế chết thì có lợi ích à? Chúng ta rồi cũng xuống đó hả! Việc gì phải vội.

- Ngài lạc quan nhỉ?

- Tất nhiên, thế giới này thật là tuyệt vời! Còn ngài, sao bi quan vậy.

- Tất nhiên, xung quanh ta sao mà ghê tởm thế.

- Xin ngài đừng quan tâm đến những cái ghê tởm ấy, cứ coi như không biết đến chúng đi.

- Nhưng tôi có điếc và mù đâu... Tôi ta lại làm một li nữa đi.

- Tuyệt vời! Xin chúc ngài vui bớt những nỗi niềm!

- Cảm động quá... Tôi đề nghị ta gọi nhau bằng "cậu tớ" đi cho thoải mái!

- Ồ, quá tuyệt vời.

- Xin cạn chén vì tình bạn của hai ta!

- Xin cậu!... Lại buồn rồi! Hãy tươi tỉnh lên nào.

- Tớ không thể... xung quanh rất những chuyện đau lòng, bất hạnh... Bố tớ đã qua đời.

- Bất hạnh quá... Thế cậu đã đi hồi nào?

- Mới đây thôi, chỉ vền vện có hai tháng... cậu bị ung thư.

- Đừng khóc nữa, người anh em... Ông cậu tớ cũng mất cách đây hai tháng và cũng do bệnh ung thư.

- Sao tớ không thấy cậu đau buồn chút nào?

- Ích gì cơ chứ? Mình có buồn rầu đến đâu chẳng nữa thì ông cậu cũng chẳng sống lại được.

- Cậu làm tớ hết sức kinh ngạc đấy.

- Có gì mà kinh ngạc? Bố tớ chẳng còn trẻ dại nổi gì. Cụ đã sống đủ năm tháng trời cho: tám mươi lăm tuổi...

- Lạ nhỉ! Cụ già nhà tớ cũng tám mươi lăm.

- Tớ còn cho rằng, cụ già thế mà sướng: cuối cùng cụ đã thoát khỏi những cơn đau khủng khiếp không sao chịu nổi... Nào, ta hãy nâng li tưởng nhớ ông cụ đi!

- Xin vâng. Nhưng dù sao cái chết vẫn là một cái gì đó quái ác... Cứ mỗi khi nghĩ đến nó là lại thấy cuộc sống này sao mà nặng nề quá sức...

- Còn tớ thì mỗi khi nghĩ đến cái chết lại thấy cuộc sống này càng tươi đẹp, tuyệt vời hơn bội phần.

- Vợ tớ bỏ tớ, ra đi... Vợ tớ... Ôi nhục nhã quá, làm sao mà sống nổi.

- Uống đi cho quên hết sự đời... Cậu có biết không, vợ tớ cũng bỏ...

- Thế thì cậu còn vui vẻ cái nổi gì? Nhưng rõ ràng là cậu không yêu cô ta, còn tớ mà thiếu nàng, tớ không sống nổi.

- Sao cậu lại nói thế... Tớ cũng yêu cô ấy chứ. Nhưng cậu đừng quá mềm yếu thế. Muốn chạy đi thì cứ việc chạy cho khoẻ.

- Thế nhưng tớ biết làm gì bây giờ, biết xử sự thế nào?

- Rất đơn giản! Cho cô ấy li dị, còn mình đi lấy vợ khác. Thế là xong! Thôi, coi như cho qua chuyện ấy... Nào cạn li cho tình yêu!

- Khoang, khoan cậu... tớ vẫn còn một tai hoạ nữa, cô nhân tình đi vắng những hai tuần...

- Đó cũng chính là lí do tớ lo lắng, suy nghĩ. Tình nhân của tớ cũng đi xa. Tớ buồn đến nẫu cả ruột, nhưng cũng may lại sắp được gặp nhau rồi. Nay hãy uống mừng cho những chiến tích yêu đương của cậu.

- Cậu làm tớ phát điên lên mất!... Tớ đang khó chịu trong người. Cậu hiểu không? Tớ bị ốm.

- Ôi, thương cậu quá, nói thật lòng đấy. Nào ta hãy uống chúc sức khoẻ cậu! Cụng li đánh rộp một cái, rồi cậu sẽ quên hết bệnh tật...

- Ôi, ước gì..

- Cậu có bị loét dạ dày không?

- Sao cậu đoán ra được?

- Đơn giản thôi, chính tớ cũng bị.
- Nhưng hoảng hốt thì có ích gì? Chỉ tổ làm cho bệnh tật nặng thêm, chẳng hạn chuyển sang ung thư. Thà cứ để loét còn hơn... Thôi, ta lại uống chút cho tớ và cậu không bị ung thư.
- Trời cao đất dày ời, sao cố tớ nó khổ đến thế?
- Còn gì nữa?
- Ở cơ quan, tớ bị chèn ép, nửa năm nay dậm chân tại chỗ không lên chức nào... Mà tớ lại chẳng quen ai trong bọn lãnh đạo. Thân cô thế cố không ô không dù gì cả.
- Ha-ha-ha! Thôi đi, bạn ời, cậu làm tớ vui quá!
Nào, làm một tợp nhanh lên!
- Tớ nói gì mà cậu cười vui thế?
- Ồ, có gì đâu... Ha-ha-ha!. Chả là hoàn cảnh tớ ở cơ quan cũng tối tăm y hệt cậu.
- Thế mà còn cười được à?
- Vậy phải khóc hay sao? Cốt nhất là phải hoàn thành công việc, không có ô dù vẫn sống được. Nào ta uống một chút đi!
- Đến lúc chủ nhà tổng cậu ra đường gì không có tiền trả, liệu khi ấy cậu có còn vui vẻ được nữa không.
- Ái chà chà! Cỗ vẫn khô khốc, rượu chui vào lỗ để à? Cậu nói vui lắm, chỉ có điều tớ không còn sức...
- Cậu có chuyện gì thế?
- Chính tớ đã bị đuổi ra khỏi nhà và toàn bộ tài sản đã bị tịch biên...
- Lại còn thế nữa? Tớ cũng bị y hệt như vậy.
Có cái đài và tấm thảm chúng cũng lấy đi...
- Ba đồ vứt bỏ ấy mà chúng nó cũng vào sổ sách giấy tờ tịch biên...
- Thế còn cậu, sau cậu lại hài lòng?
- Bởi lẽ nó không còn là cái máy thu thanh nữa mà là cái của nợ bỏ đi, cuối cùng tớ thoát được nó, còn tấm thảm thì mục dở toàn những rệp và mối.
Có gì mà nghĩ ngợi, bao giờ có tiền tớ mua mới hết!

- Cậu còn có cái để mà hy vọng, thế là tốt, còn tớ thì hoàn toàn khác...
 - Sao cậu lại khác?
 - Cậu có biết không, chỉ riêng những chuyện tớ kể cho cậu nghe cũng đủ...
 - Có cớ để mà khóc than phải không?... Nào rót rượu đi đã.
 - Làm sao mà không khóc được cơ chứ... Kết quả bầu cử vừa rồi thật quá ê chề nhục nhã.
- Chức đảng sáng giá nhất của chúng tớ bị mất bao nhiêu là phiếu...
- Cậu vào đảng ấy à? Tớ thì lại cho rằng đó là chuyện trực lợi.
 - Miệng lưỡi cậu cũng lắt léo gớm nhỉ?
 - Sao lại không? Bị một cú tát choáng váng như thế, tổ chức đảng ấy phải tỉnh táo khôn ngoan ra, sắp xếp, chỉnh đốn lại đội ngũ. Nếu nó lên nắm quyền lúc nào thì chắc chắn sẽ chịu thất bại nhục nhã mà thôi.
 - Thôi, cho qua, tốt nhất là ta cạ chén...
 - Sẵn sàng!
 - Không, vận đen nó chèn ta mãi...
 - Cậu lại rên rỉ rồi, sao vậy?
 - Làm sao mà không buồn được... Hôm qua đội bóng "Kéo gỗ" lại thua... thế là năm nay chúng tớ trượt chức quán quân.
 - Tớ không hiểu sao cậu cứ lo lắng hoài cho đội bóng ấy thế? Đội "Kéo gỗ" phải mau chóng loại bỏ những kẻ cản đường, riêng huấn luyện viên thì cũng đã đến lúc "hót" bỏ đi được rồi. Nếu có sự thay đổi ấy, sang năm anh "Kéo gỗ" sẽ cho mọi người biết tay.
 - Nào, làm một li chúc cho anh em "Kéo gỗ" của chúng ta.
 - Cụng li đi, anh bạn.
 - Chao ôi, nếu không có những khoản nợ...
 - Cậu lại có chuyện gì rồi? Thế cậu còn mắc nợ bao nhiêu?
 - Trên bốn nghìn lia.
 - Vị chi là bốn nghìn lia? Đúng bằng khoản nợ trên vai tớ...
- Mà cậu vẫn vui như tết?

- Buồn rầu đâm đầu mà chết à? Nợ nần thúc người kỵ mã, như chiếc roi kia thúc ngựa phi nhanh, đó là buồn kích thích tốt nhất để làm việc.

- Ôi chao, lại vẫn còn tai hoạ!

- Chẳng lẽ cậu không thể chấm dứt những khúc bi ca này sao? Lại tai hoạ gì nữa đây?

- Cậu không đọc báo à?

- Sao lại không?

- Hành tinh chúng ta đang bị nguy khốn! Sao chổi sắp va chạm vào trái đất...

Nghĩa là đến cỏi tận thế chứ gì? Hay quá! Ha - ha - ha.

- Tất cả chúng ta cùng chết!

- Ôi, thật đáng đời! Ha - ha - ha! Vui quá! Mà phải thế chứ! Nào hãy cạn li.

- Ôi trời, tớ buồn nôn...

- Sao cậu cứ rên rỉ mãi vậy?

- Không sao cả.

- Không sao thì đừng có kêu trời như thế!

- Tớ chỉ kêu thế thôi... để có cớ mà uống.

- Tớ khen cậu về điều này. Cậu tuyệt thật! Ha-ha-ha!

- Cậu cười gì thế?

- Để uống cho vui hơn... Uống rượu mà không vui thì vào thế nào được.

- Hô-hô-hô!...

- Ha-ha-ha...

Quán rượu nhỏ lúc này rất đông người. Trên tường đối diện với quầy rượu treo một tấm gương to. Cạnh gương, sau một chiếc bàn nhỏ, suốt buổi tối có một ông khách ngồi một mình. Ông ta lẩm bẩm nói chuyện với chính mình rất lâu, lúc thì ông lâu bầu điều gì đó, lúc thì ông khóc, lúc thì lại cười...

Bỗng có tiếng "choang" vang lên! Ông khách ném chiếc ly rượu vào gương trước, rồi sau cầm cả bình rượu ném tiếp theo sau. Những mảnh gương văng ra kêu loảng xoảng. Người nói chuyện với ông suốt cả buổi tối bị giết

chết.

Nhưng vẫn còn lại một điều không ai biết rõ? Cái người không còn tồn tại ấy là ai: người lạc quan hay kẻ bi quan?

Người thợ cả Murát

Murát không nhớ mình thành thợ xây từ bao giờ. Tiếng đục đá là âm thanh đầu tiên mà Murát thân thuộc ngay từ khi mới lọt lòng. Tuổi thơ Murát trôi qua giữa những đồng gạch đá, nên khi còn bé, nó vẫn nghĩ rằng cả thế giới này đều cấu tạo từ đá và gạch. Trong con mắt trẻ thơ của nó, thế giới này là những bức tường mà mỗi ngày lại thấy vươn cao hơn lên trời xanh và chỉ dừng lại trên những tầng mây khi trên đầu chúng có mái che.

Murát không biết mặt mẹ. Bà đã mất khi sinh nó. Cuộc đời của Murát giống hệt cuộc đời của bố nó. Ông cũng mồ côi từ khi mới lọt lòng, chưa kịp nhìn mẹ. Nghề thợ xây là nghề cha truyền con nối ở làng Murát.

Cho đến khi ba tuổi, Murát vẫn sống ở nhà một người bà con họ xa trong làng. Sau đó, bố nó mang thằng bé đi theo mình. Ông đứng xây, còn thằng bé thì tha thân gần đó. Nó lấy những miếng gạch, đá vỡ làm đồ chơi, nó lấy cát hoặc xi măng để đắp thành những chiếc bánh mì nhỏ xíu trên đất. Từ ngày đi theo bố ra công trường, gạch, đá, xi măng, đục, búa, dao xây... tất cả những thứ đó đã trở thành người bạn thân thiết của cậu bé. Nó cứ nghĩ rằng chúng cũng biết nói, biết trò chuyện và hiểu nó dù chỉ nói nửa lời. Vào những đêm mùa hè mát mẻ, hai bố con Murát ngủ ngay ngoài công trường. Về mùa đông, hai bố con Murát vẫn ở lại thành phố không về quê.

Trong giới nghệ sĩ có những người sinh ra trên sàn diễn, và cả đời họ cho đến khi chết hầu như diễn ra trên sàn diễn. Murát cũng vậy, chỉ có điều anh không phải là nghệ sĩ, cả cuộc đời anh đã trải qua giữa gạch đá vôi vữa trên các công trường. Anh đã thành người thợ xây như bố anh, như ông nội và cụ nội anh.

Bố Murát rất thích nhớ lại và kể cho con nghe những sự kiện xảy ra trong đời ông, mà sự kiện nào cũng liên quan đến đá, gạch, công trường. Hàng ngày nhìn bố làm việc, cậu bé Murát bắt chước bố, thoát đầu xây nhà bằng cát, sau đó xây nhà thật. Đôi bàn tay Murát đầy những vết xước, vết tím bầm. Cuộc đời anh gắn liền với công việc đục đẽo đá, đào móng, xây tường.

Murát lớn lên thì tình yêu và lòng ham mê công việc xây dựng cũng lớn lên theo. Thế giới trò chơi mà Murát xây dựng nên bằng đá, gạch này còn thơ bé, nay đã trở thành thế giới hiện thực. Những vết sây sứt, chai sạn đầu tiên đã hằn lên rất sớm trên đôi bàn tay Murát, khi anh còn nhỏ xíu đùa nghịch với dao, với đục của bố! Có một lần trèo lên giàn giáo, mãi đùa chạy, Murát

đã bị ngã, đầu bê bết máu. Lần khác, sa xuống móng nhà suýt chết, sau đó lại bị thụt xuống hố vôi ngang bụng...

Tình cảm thân thiết của Murát dành cho gạch đá, dao đục từ thơ bé để lại dấu ấn trong anh mãi mãi về sau này. Mới quan hệ đặc biệt ấy giống như tình cảm giao hoà giữa các thành viên ruột thịt trong một gia đình hay trong xã hội. Những vật vô tri vô giác đó đem lại niềm vui, hạnh phúc và đôi khi cả nỗi buồn nữa cho anh. Mỗi quan hệ gắn bó mật thiết này đã giúp cho Murát đạt được những kết quả không ngờ trong công việc của anh. Anh đục đẽo đá, anh xây các bức tường đá với những động tác vô cùng khéo léo, chuẩn xác trông cứ như anh đang biểu diễn xiếc chứ không phải làm việc. Tài nghệ của anh không chỉ làm người ngoài, mà cả các bạn cùng nghề phải hết sức thán phục.

Đôi bàn tay khéo léo của anh bắt những loại đá cứng nhất phải uốn lượn, tạo dáng theo ý anh muốn.

Murát không được đi học, mà thật ra cũng không dám mơ ước đến điều đó. Mới lên mười tuổi, bố Murát đã bị chết trong một vụ tai nạn ở công trường. Murát không còn ai thân thuộc và cũng không còn gì trong tay, ngoài những cái đục và những viên đá. Vâng, quả thế, lúc này những tảng đá đã trở thành những người bạn thân thiết duy nhất của Murát.

Nghề đục đẽo đá nặng nề và nguy hiểm, không được phép có những sai lầm. Mới mười bốn tuổi Murát đã thành thợ học việc, trên khuôn mặt non trẻ của anh đã hằn sâu những nếp nhăn đầu tiên. Năm mười sáu tuổi đã trở thành thợ chính thức và là trợ thủ đắc lực cho ông thợ cả. Hai năm sau Murát đã là thợ cả. Tiếng tăm tài nghệ của anh nổi lên như cồn. Người ta đồn rằng Murát biết trò chuyện với đá. Đá nghe lời anh như một đứa trẻ ngoan ngoãn, vâng lời.

Trong thời gian chiến tranh, Murát đi đẽo đá xây dựng doanh trại, kho tàng và các công trình quân sự khác. Hết thời hạn phục vụ trong quân đội, anh trở về quê lấy vợ. Nhưng không ai biết tại sao sau đó hai người ly dị nhau. Người ta nói rằng cô vợ anh rất ác cảm với đá, không hiểu được vẻ đẹp của đá và không hiểu tài nghệ của người thợ đá, từ đó đem lòng thương yêu người khác, phản bội anh.

Murát chia tay với người vợ không một lời buộc tội. Vì anh hiểu rằng, bấy nhiêu năm trời sống cô đơn anh đã biến thành một người khô cứng, lạnh lùng như đá.

Ít lâu sau Murát lấy vợ lần thứ hai. Cả người vợ này cũng ghen với những viên đá mà anh đục đẽo, ngắm, vuốt hàng ngày, với những bức tường mà anh xây nên với cả một tình yêu nồng nhiệt, với những toà nhà lộng lẫy mà anh và các bạn đồng nghiệp xây dựng nên... Người vợ thường oán trách: "Anh yêu công việc của mình hơn em". Còn Murát thì lại nghĩ rằng, anh lấy vợ, tránh được cảnh cô đơn, để làm việc tốt hơn. Đối với anh, vợ và công việc là một, anh yêu cả hai và không muốn tách rời ra. Tuy nhiên anh đã sai lầm. Khi hiểu ra điều đó thì đã muộn. Người vợ thứ hai này cũng bỏ anh ra đi.

Khi Murát bước sang tuổi năm mươi, thì tiếng tăm về người thợ cả tài năng này đã vang lừng khắp nước. Những kiến trúc sư và kỹ sư xây dựng đánh giá ông cao hơn hẳn những người thợ cả khác. Điều đó cũng dễ hiểu thôi, bởi gần ấy năm trời lăn lộn trong nghề, đôi bàn tay ông đã góp phần xây dựng nên bao nhiêu toà nhà lớn nhỏ, nên sự hiểu biết của người thợ cả trong công việc xây dựng không kém gì các kỹ sư. Có thể nói, ông đã trải qua một mái trường tốt nhất: đó là tự mình thí nghiệm, tự mình thực hành, tự mình đúc rút ra những kinh nghiệm quý quá, nâng tầm hiểu biết ngang với những kiến thức trong khoa học xây dựng. Kiến trúc sư giao công trình cho ông làm hoàn toàn yên tâm, bởi họ tin tưởng vào tài năng của ông. Trong dân gian đâu đâu cũng thấy người ta nói: "Ngôi nhà này, biệt thự kia là do ông thợ cả Murát xây đấy!"

Thợ cả Murát là một người nghiêm nghị, ít nói. Những người thợ cả khác vừa kính phục vừa e sợ ông. Còn đám thợ học việc, một mặt tôn kính Murát nhưng đôi khi lại tỏ ra thiếu thiện cảm với ông bởi người thầy cao xa quá, cứ như bức tường đồ bóng trùm lên hết họ.

Năm Murát sáu mươi tuổi, người ta gọi ông là vua xây dựng. Mỗi khi ông nhìn thấy người dân đi qua những chiếc cầu mà ông xây dựng, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em, là đôi mắt ông lại sáng rực lên niềm vui sướng. Murát đã xây nên rất nhiều ngôi nhà nhỏ có, bề thế nguy nga có, ông luôn luôn ngắm nhìn thích thú những người sống hoặc làm việc trong những ngôi nhà này. Trong số các công trình xây dựng, ông thích nhất được xây dựng trường học. Ngay vừa mới đặt những viên gạch đầu tiên của một ngôi trường nào đó, là ông đã nghe thấy tiếng cười đùa ríu rít, ngây thơ của tụi trẻ rồi.

Có một lần duy nhất trong đời, ông bỏ dở xây dựng công trình. Đó là công trình nhà tù. Murát nói rằng: "Nhà tù cũng là một công trình cần thiết. Hãy để những người khác làm công trình này". Số là khi bắt đầu xây những bức tường của nhà tù, ông bỗng cảm thấy mình như con nhện sa vào tấm lưới

do chính nó dẹt nên; rồi có lúc ông lại có cảm tưởng như mình đang xây hầm mộ cho chính mình! Thế là ông quyết định bỏ dở công việc. Ông sợ rằng, sau khi xây xong nhà tù, ông sẽ căm ghét những viên đá tuyệt vời này và không còn mê say cái nghề xây dựng mà ông hằng yêu quý nữa.

Murát rất hiếm khi có ngày nào rỗi. Nếu không đi làm thì giống như một nghệ sĩ thực thụ, không bao giờ ngừng việc tự hoàn thiện tài năng, nghệ thuật của mình, ông không chịu ngồi bó gối trong nhà, mà tìm đến những người nghèo, giúp họ sửa chữa nhà cửa. Hoặc nếu như không đi giúp bạn bè, thì ông lại đến thăm những ngôi nhà mà ông đã xây dựng trước kia để mà ngắm nhìn thoả thích dáng vẻ hài hoà xinh đẹp của chúng. Ông tự hào về công việc của mình, mặc dù không bao giờ ông nói ra điều đó.

Ông đi xây nhà khắp nơi cho mọi người nhưng không xây nhà cho mình. Ông có tiền, vậy thì tại sao ông không xây lấy một ngôi nhà để ở? Có thể ông mơ ước sẽ xây cho mình một ngôi nhà rất lớn, rất đẹp - như một lâu đài thực sự? Hay có thể ông nghĩ, lâu đài dinh thự để làm gì, khi chỉ có một thân một mình cô quạnh mà tuổi tác lại cao rồi.

Sau nhiều năm lao động miệt mài liên tục, thế mà cho đến tận khi về già, ông vẫn còn ngỡ ngàng, ngạc nhiên mỗi khi chủ nhà trả tiền công cho ông. Ông không quen với điều đó. Bởi vì công việc xây nhà đối với ông trước hết đó là niềm vui, niềm thích thú riêng của ông. Ông làm để thoả mãn nhu cầu của bản thân mà lại được nhận tiền à? Giả sử nếu ông giàu có, ông sẵn lòng chi thêm cho chủ nhà, giúp họ xây được nếp nhà theo ý ông muốn.

Mỗi khi nghĩ đến lúc mình không thể đi làm được nữa, ông lại buồn rầu không chịu nổi. Khi ông lão bảy mươi tuổi, những cơn đau vô cớ thì nhau hành hạ ông, thì những ý nghĩ buồn rầu đó lại càng xuất hiện thường xuyên hơn trong đầu ông.

Ông giữ kín trong lòng những suy nghĩ này, không nói cho ai biết, nhưng rồi sức lực ông cứ mai một, suy kiệt dần. Không còn những viên đá, không còn những ngôi nhà làm sao ông sống nổi. Hơn thế nữa, ông còn tin rằng những viên đá, những toà nhà nếu vắng ông chúng cũng không có cuộc sống, bởi bàn tay ông, tấm lòng ông đem lại linh hồn cho chúng.

Một lần thấy ông vật vã đau đớn, một người thợ học việc dẫn ông đến gặp bác sĩ. Khám xong người thầy thuốc nói rằng ông bị sỏi thận. Vốn rất hiếm khi cười, nghe thấy vậy ông Murát phá lên cười ha hả:

- Bác sĩ ơi trong thận tôi có sỏi, đá là cái sự hiển nhiên rồi.

Năm bảy mươi lăm tuổi ông Murát đến gặp bác sĩ lần thứ hai. Khám xong, người thầy thuốc nói ông bị vôi hoá cột sống. Cái lưng ông cứng đờ như đá không cúi gập được nữa.

- Đã đến lúc ông phải nghỉ ngơi, không nên đi làm nữa. - Bạn bè, thợ học việc thuyết phục ông thế. - Số tiền ông tích cóp được, đủ để ông sống dư dật những năm tháng cuối đời...

Nhưng ông không thể dời bỏ công việc được. Giữa ông và học trò ông vẫn còn đang tiếp diễn cuộc cạnh tranh ngầm về tài nghệ xây dựng và cho đến lúc ấy chưa ai có thể vượt lên trên ông được. Vì thế nên nếu có ai đó nói với những người thợ cả khác rằng: "Trình độ anh ngang với ông Murát rồi đấy" thì những người thợ này cảm thấy tức giận bởi họ đã xúc phạm đến người thầy của mình.

Tiếng tăm của người thợ cả Murát lớn đến mức, nếu có ai đó vượt trội hơn ông, thì nó vẫn không hề giảm sút đi chút nào.

Khi ông thợ cả Murát bảy mươi tám tuổi thì tay ông không cầm nổi chiếc đục đá nữa. Râu tóc ông bạc trắng như cước, lưng ông cong gập xuống. Khi nghe thấy đám học trò tự khoe khoang, khoác lác ông nói một cách bình thản.

- Tất nhiên các anh cũng là những người thợ cả tài hoa, nhưng nếu các anh làm thợ đá mười - hai mươi - ba mươi năm, bởi bố tôi, ông tôi và tất cả các cụ kỵ nhà tôi bao nhiêu đời nay đã làm thợ đá rồi...

Một ngày kia ông thợ cả Murát không dậy được nữa. Học trò ông không bỏ rơi người thợ cả, người thầy nổi tiếng của mình. Họ mời các bác sĩ đến thăm bệnh cho ông. Sau một hồi lâu khám bệnh và hội chẩn, họ nói:

- Ông già chỉ còn sống được vài ngày nữa... Nhưng rồi một ngày, hai ngày, một tuần, hai tuần trôi qua người thợ cả già vẫn chưa chết. Ông nằm mê man, miệng thì thoảng lại lẩm bẩm:

- Đá, vữa, xi măng... vữa, đá...

Những người thợ đá đứng xung quanh người hấp hối mỗi người theo đuổi một ý nghĩ khác nhau: người thì thương xót cho cảnh cô đơn của ông già, người thì mong cho ông chết cho xong bởi họ chờ đợi đã quá mệt mỏi, người thì ganh tỵ với tiếng tăm quá lớn của ông làm họ bị lép vế.

Đã hai tuần trôi qua, ông Murát vẫn nói mê sảng:

- Vữa, gạch, đá...

Đôi mắt ông nhắm nghiền nhưng tiếng nói ông vẫn còn đanh, nghiêm nghị. Các bác sĩ đưa mắt nhìn nhau, lộ vẻ ngạc nhiên.

Có một học trò yêu của ông thợ cả Murát đang làm việc ở một công trường xa, nghe tin người thầy bị ốm, liền thu xếp công việc vội vàng về thăm ông. Đứng cạnh người thầy, anh lắng tai nghe tiếng mê sảng:

- Vừa, xi măng, gạch...

Tiếng nói của ông Murát đã yếu lắm, nhỏ lắm, nhưng vẫn lộ rõ vẻ nghiêm khắc trong đó. Sáu tiếng đồng hồ liền người học trò đứng bên cạnh người thầy hấp hối, nghe tiếng mê sảng liên tục của ông. Thấy tình cảnh quá nặng nề, một người đứng cạnh bên nói:

- Tội nghiệp ông già, không sao nhắm mắt nổi...

- Ông già còn nói mê thì chưa chết được, - người học trò yêu của ông Murát ràn rụa nước mắt nói: - Rồi anh cúi xuống hôn vào bàn tay gầy guộc chỉ còn gân và xương của người thầy vĩ đại của mình. Sau đó anh ghé sát vào tai ông, nói rành rọt, cầu khẩn:

- Kính thưa thầy Murát! Kính thưa người thợ cả vĩ đại! Thầy có nghe thấy con nói không? Thầy ơi, thầy hãy nghỉ tay một lát...

Chỉ đến lúc này người thợ cả Murát mới thôi nói mê sảng. Chỉ đến lúc này cuộc đời lao động cần cù không biết mệt mỏi kéo dài cho đến phút mê sảng cuối cùng của người thợ cả mới chấm dứt. Trái tim người thợ cả ngừng đập, bởi nó không còn ý nghĩa và mục đích để đập nữa.

Xin ch-a-à-o!

Đã qua rồi cái thời mỗi ngày tôi nhận được ba, bốn chục bức thư của bạn đọc, cái thời chuông điện thoại réo liên tục, suốt ngày tiếp bạn đọc, không còn thời gian để mà đọc xong một tờ báo, cái thời tối tối trong căn hộ nhà tôi thiếu ghế, thiếu thìa, đĩa triển miên...

Nói chung cái thời ấy đang qua đi và đang trở lại...

Từ lâu tôi đã nhận ra một quy luật: mỗi khi mối quan hệ của tôi với các tòa soạn báo lỏng lẻo một chút, mỗi khi các sáng tác của tôi biến mất khỏi các mặt báo và tạp chí thì lượng khách thăm giảm hẳn; chuông điện thoại và chuông gọi cửa như bị ai cắt bỏ. Tiếp đến là những người quen tốt bụng của tôi, trong đó có những người suốt đời hỏi vay tiền, hỏi những lời khuyên này nọ, bắt đầu tránh mặt tôi khi ngẫu nhiên gặp tôi ngoài phố! Họ lẩn khỏi tôi một cách kín đáo, có vẻ như sợ tôi hỏi vay tiền hay nhờ xin việc...

Ngược lại khi được in cái gì đó, khách đến thăm lại xuất hiện, người thì hỏi ý kiến, người thì hỏi tiền nợ.

Thực ra tôi có thể hoàn toàn thích hợp với những đổi thay không thể tránh khỏi của thời kỳ suy thoái này, nếu như tôi không bị sa vào tình cảnh người đến thăm vì ham hiểu biết thì ít, còn chủ nợ đến đòi tiền thì nhiều.

Cứ mỗi lần ra tù là thân phận tôi lại gặp cái cảnh cơ cực ấy... "Chắc cậu phải quen cảnh ấy rồi mới phải chứ? Vì có phải lần đầu, lần thứ hai, thứ ba đâu mà những năm lần vào tù ra tù rồi cơ mà?" - Có người nói với tôi thế. - "Than ôi, - tôi trả lời, - ai mà quen được cảnh này. Tôi đoán chắc rằng dù có xảy ra một ngàn lần cũng không thể quen nổi..."

Hôm ấy, sau khi ra tù, tôi thở hổn hển leo lên đoạn dốc dựng đứng trên phố Balual. Tôi nặng nhọc bước đi với một ý nghĩ chua xót: Ôi, còn đâu những năm tháng khi mà chỉ cần một hơi tôi đã vượt qua con dốc này?... Giờ thì, hình như cứ mỗi ngày đoạn dốc ngắn ấy của con phố lại cao lên thêm một chút, cứ như bức tường xây cao dần lên... Đi cố đến ngã tư, tôi đứng lại để thở. Trong dòng người đi bộ ngược chiều, tôi bỗng nhìn thấy một người quen cũ. Ông vốn có quan hệ rất tốt với tôi. Mỗi lần gặp nhau, ông vẫn cố gắng thể hiện điều đó. Khi nhận ra tôi, từ xa ông đã hươ tay rồi rút, miệng chào to giọng rất hồ hởi: "Xin ch-a-à-o!"

Bao nhiêu năm rồi, nay mới gặp lại! Thế nào, cuộc sống ông anh ra sao?...

Khi đi đến gần tôi, ông ta giang rộng hai tay ôm choàng lấy tôi, rồi cứ thế vỗ bồm bộp vào lưng vào vai không ngớt miệng thì xuýt xoa hỏi thăm liên tục không biết mệt. Tôi vốn không chịu được những cách biểu lộ tình cảm một cách ồn ào như thế, nhưng vẫn phải miễn cưỡng đáp lại những câu hỏi thăm hỏi vô nghĩa bằng những tiếng xuýt xoa ngu ngốc nào đó, rồi cũng phải nắm tay nhau rung, lắc cất lực, rồi cũng phải xoa xoa, đập đập vào lưng vào vai người ta cho phải phép.

Giờ đây ký ức cũ lại âm thầm trỗi dậy, linh cảm mách bảo tôi cuộc gặp gỡ lần này sẽ lặp lại hoàn toàn như cũ đây... Thế là tôi quyết định chặn trước ông ta. Khi chúng tôi còn cách nhau độ mười bước chân, tôi huơ tay lên cao, tiến về phía ông ta, miệng chào rồi rít: "Xin chà-à-a-o! Bao nhiêu năm rồi!..."

Tôi vô cùng ngạc nhiên khi thấy ông bạn quay đầu, mắt nhìn đi phía khác, lẹ làng lách qua dòng người, trách tôi. Mà tôi cam đoan với các bạn rằng anh ấy rõ ràng đã nhận ra tôi đứng đó. Dòng người đi bộ thưa đi một chút, tôi đứng chờ vờ giữa lòng đường. Đèn đỏ bật sáng, dòng xe từ hai phía đường vun vút lao đến...

Tôi chết lặng người, không thể bước tiếp nổi, miệng lắp bắp kêu lên điều gì đó, đôi tay run lẩy bẩy... Tôi như người mất trí, mặc dù vẫn nhận ra rất rõ hành động cư xử của mình là vô lý, chẳng hay ho gì. "Trời đất ơi, - tôi nghĩ bụng, - đây là trung tâm thành phố! Có biết bao nhiêu người quen qua lại. Nếu ai đó nhìn thấy tôi trong cảnh này chắc họ sẽ nghĩ rằng tôi bị điên...". Cũng may mà không ai nói gì, rõ thật khủng khiếp quá. Lúc này tôi chỉ những muốn cầu trời được gặp một người quen nào đó để lao bổ đến anh ta mà giải bày những ý nghĩ, những tình cảm xô bồ như muốn phát điên lên trong đầu...

Đèn đỏ phụt tắt. Người cảnh sát ra hiệu thông đường. Dòng người đi bộ lại tiếp tục đi về phía tôi. Tôi đột ngột đưa mắt nhìn vào những khuôn mặt đi qua. Họ nhìn lại tôi chằm chằm, đi tránh tôi, có người còn ngoái cổ lại buông ra những lời chẳng có gì tốt đẹp về tôi.

Ôi! Thật là may! Vừa lúc đó có một bà đứng tuổi, dáng dấp đã đi ngang tôi, nét mặt bà trông quen quen, chắc tôi đã gặp ở đâu đó rồi, tôi vốn có trí nhớ dai mà. Không suy nghĩ lâu la, tôi vội hướng về bà ta, nghẹn ngào chào to: "Xin chà-à-a! Bao nhiêu năm rồi nay mới gặp! Thế nào bà chị sống ra sao?" Tôi diu bà ta về phía trước, nghĩa là đi ngược lại hướng bà đang đi. Tôi vỗ vai bà, rồi nói băng quơ một thôi một hồi không nghỉ? Vì quá đột ngột, người phụ nữ không nói được câu nào, chúng tôi đứng gần vĩa hè, dòng xe

tiếp tục đi qua. Tiếng ô tô gầm rú, vòng qua tránh chúng tôi, còn tôi thì vẫn nói không dứt. Một người lái xe trẻ tuổi thò đầu ra từ cửa ca bin chiếc xe tải, nhìn chúng tôi và tắc tắc lưỡi. Lúc này đèn xanh lại bật sáng...

"Mời ông bà bước lên lẹ lên" - người cảnh sát nói giọng bức tức. Nhưng theo quán tính, tôi vẫn còn ôm bà ta trong vòng tay một lát nữa rồi mới nói: "Chúc bà hạnh phúc! Hẹn gặp lại!" Tôi vội vã bỏ đi, suýt nữa thì làm ngã khuyu bà bạn tội nghiệp.

Nửa tiếng đồng hồ sau, tôi mới kịp nhớ ra. Tôi đã gặp người phụ nữ này năm năm về trước, khi bà ta làm người giúp việc cho một ông tổng biên tập tờ báo nọ.

Cho đến bây giờ tôi vẫn chưa hết bàng hoàng và xấu hổ...

Quan hệ hữu nghị

(Phòng họp của Hội đồng bộ trưởng quốc gia Tôracanxi. Thủ tướng, Bộ trưởng bộ ngoại giao, Tổng tham mưu trưởng, Bộ trưởng các vấn đề tôn giáo và tín ngưỡng và các vị khác).

Bộ trưởng ngoại giao:

- Thưa bà thủ tướng kính mến! Để kết thúc bản báo cáo, tôi muốn nhấn mạnh vấn đề sau: vua Hôpantômôla đang tiếp tục hoạt động khiêu khích chống nước ta. Chúng ta nhận được tin tức cho biết ông ta đang điều động quân về các vùng tiếp giáp với biên giới nước ta. Không còn nghi ngờ gì nữa vua Hôpantômôla, kẻ thù truyền kiếp của chúng ta đang ấp ủ những mưu đồ thù địch đối với chúng ta.

Thủ tướng:

- Chà! Đồ súc vật! Hẳn lại dám nhòm ngó nước ta à?

Bộ trưởng ngoại giao:

- Vâng, hẳn định nhòm ngó nước ta.

Thủ tướng:

- Chúng ta đã có những biện pháp nào đối phó chưa? Ông tổng tham mưu trưởng có thể cho biết ý kiến chẳng?

Tổng tham mưu trưởng:

- Chúng tôi đang cho củng cố hệ thống phòng thủ dọc tuyến biên giới ạ.

- Tốt, còn làm gì nữa?

Tổng tham mưu trưởng:

- Chúng tôi đang cho điều động quân đội từ hậu phương lên sát biên giới ạ!

Thủ tướng:

- Tốt, còn gì nữa không?

Tổng tham mưu trưởng:

- Chúng tôi đã gọi thêm hai lứa tuổi nhập ngũ ạ!

Thủ tướng:

- Tốt. Còn các biện pháp về chính trị thì sao?

Bộ trưởng ngoại giao:

- Thưa ngài thủ tướng, tôi xin phép được báo cáo.

Chúng tôi đang khẩn trương tìm ra các biện pháp ứng phó.

Vua Hôpantômôla...

Thủ tướng:

- Cầu trời cho hăn mau chóng sụp đổ.

Bộ trưởng các vấn đề tôn giáo và tín ngưỡng.

- A-m-e-n! Xin thánh Insalac mau chóng cho hăn ta về châu giời! Amen!

Thủ tướng:

- Ông định nói gì về cái thằng xỏ lá ấy thì nói nốt đi!

Bộ trưởng ngoại giao:

- Thưa thủ tướng, còn ba ngày nữa là vua Hôpantômôla tròn tám mươi tư tuổi.

Thủ tướng:

- Sao cái thằng khốn này sống dai thế. Bao giờ nó mới ngóm?

Bộ trưởng ngoại giao.

- Chúng tôi cho rằng, theo đúng thông lệ ngoại giao, ta nên gửi cho hăn một bức điện mừng. Tôi đưa ra đề nghị này, xin thủ tướng kính mến xem xét.

Thủ tướng:

- Hay lắm, đó là biện pháp kịp thời!

Bộ trưởng ngoại giao:

- Nội dung bức điện đã thảo sẵn, tôi xin đọc để thủ tướng nghe (đọc):
Kính gửi Quốc vương Mađragan - Đệ tứ, quốc vương nước Hôpantômôla, nhân dịp kỷ niệm tám mươi năm ngày sinh hạnh phúc của quý ngài...

Thủ tướng:

- Ngày ra đời bất hạnh thì đúng hơn!

Bộ trưởng tôn giáo và tín ngưỡng:

- Đúng vậy ạ!

Bộ trưởng ngoại giao đọc tiếp:

- *Nhân danh cá nhân và thay mặt quốc gia Tôracanxi mà tôi là thủ tướng, xin chúc mừng quốc vương nhân sự kiện vui mừng đối với cả hai nước hữu hảo anh em chúng ta này.*

Thủ tướng:

- Thêm chữ "tự đáy lòng" thì hay hơn.

Bộ trưởng ngoại giao:

- Dạ! (đọc tiếp) "*Tự đáy lòng tôi xin chúc mừng quốc vương và nhân dân Hôpantômôla...*"

Thủ tướng:

- Nên nói thêm là "nhân dân Hôpantômôla anh em".

Bộ trưởng ngoại giao:

- Vâng ạ! (đọc tiếp)... *nhân dân Hôpantômôla anh em được hưởng hạnh phúc muôn đời. Nhân dịp này xin quốc vương nhận lấy ở tôi những tình cảm tôn kính cao cả nhất. Phônxinca. Thủ tướng quốc gia Tôracanxi.*

- Tuyệt lắm! Đã xem lại các lỗi chính tả chưa?

Bộ trưởng ngoại giao:

- Tôi đã giao cho thằng con trai tôi kiểm tra lại rồi ạ! Môn ngữ pháp nó khá lắm.

Thủ tướng:

- Các dấu chấm, dấu phẩy đúng cả đấy chứ?

- Dạ đúng cả ạ! Xin thủ tướng yên tâm.

Thủ tướng:

- Được, đưa tôi ký. Thế nào, ông thấy những biện pháp trên đã đủ chưa?

Bộ trưởng ngoại giao:

- Để đánh đổ vua Hôpantômôla ấy ạ?

Thủ tướng:

- Phải nói thêm là "tên vua khốn kiếp"

Bộ trưởng ngoại giao:

- Dạ, vâng, chúng tôi đã chuẩn bị xong những biện pháp cần thiết để tiêu diệt tên vua khốn kiếp này.

Thủ tướng:

- Tôi lấy làm sung sướng được nghe ông nói như thế! Rất sung sướng.

(Phòng họp trong hoàng cung nước Hôpantômôla. Nhà vua, Bộ Trưởng ngoại giao, Bộ trưởng quốc phòng, Bộ trưởng tôn giáo và tín ngưỡng).

Bộ Trưởng ngoại giao:

- Tâu hoàng thượng, như đã tấu trình trước kia, nước Tôracanxi đang ráo riết tăng cường lực lượng quân sự. Những tin tức về chính sách thù địch của thủ tướng Tôracanxi đã được khẳng định.

Vua Hôpantômôla:

- A! Quân phản bội! Đồ quái thai uống sữa lừa thôi.

Bộ Trưởng ngoại giao và tín ngưỡng:

- Dạ, đúng thế ạ!

Vua:

- Ông nói gì thế?

Bộ Trưởng ngoại giao:

- Tâu hoàng thượng, thần muốn nói như hoàng thượng vừa nói đấy ạ!

Vua:

- Thế ta đã có những biện pháp gì?

Bộ Trưởng ngoại giao:

- Tâu hoàng thượng, thần xin được báo cáo. Trước hết thần đã thảo xong thư trả lời điện mừng của thủ tướng Tôracanxi nhân dịp hoàng thượng thọ tám mươi tư tuổi. Xin hoàng thượng cho phép thần đọc...

Vua:

- Được!

Bộ Trưởng ngoại giao đọc:

"Kính gửi ngài Phônxinca thủ tướng nước Tôracanxi. Tôi hết sức cảm động vì bức điện ngài chúc mừng tôi nhân ngày sinh nhật..."

Vua:

- Nên thêm chữ: "khả ái" vào!

Bộ Trưởng ngoại giao đọc:

"... vì bức điện khả ái chúc mừng tôi nhân dịp sinh nhật. Hai nước chúng ta..."

- Nên viết thêm: "Hai nước anh em"

Bộ trưởng ngoại giao:

"... Hai nước anh em chúng ta từ lâu đã gắn bó với nhau bởi mối tình hữu nghị, bởi cùng chung số phận. Tôi hy vọng rằng trong tương lai không có gì làm tổn hại được tình hữu nghị láng giềng thân thiện giữa hai nước chúng ta. Tôi sẽ không tiếc sức mình để thực hiện được mục tiêu này..."

Nhân dịp may mắn này, tôi lấy làm hân hạnh được bày tỏ với ngài và qua ngài, tới nhân dân Tôracanxi, mà ngài là đại diện xuất sắc, lòng biết ơn của tôi."

Vua:

- Thêm hai chữ "sâu sắc, sâu sắc" vào chữ biết ơn. Lòng biết ơn luôn luôn phải sâu sắc!

Bộ Trưởng ngoại giao:

- Tàu hoàng thượng hai tuần nữa là đến ngày kỷ niệm hai mươi năm quốc gia Tôracanxi giải phóng thì hơn!

Bộ Trưởng ngoại giao:

- Nhân dịp này thần đã thảo một bức điện mừng, tàu hoàng thượng!

Vua:

- Hay lắm. Trong bức điện tất nhiên phải nói đến "tình cảm chân thành" của ta, và "sự đóng góp to lớn vào sự nghiệp hoà bình" của những tên đều cáng Tôracanxi ấy chứ?

Bộ Trưởng ngoại giao:

- Tàu hoàng thượng, đúng thế ạ!

Vua:

- Khanh hãy đọc cho ta nghe đoạn cuối xem nào!

Bộ Trưởng ngoại giao đọc:

- *Nhân dịp kỷ niệm ngày giải phóng nước Tôracanxi anh em, xin ngài Phônxinca vô cùng kính mến hãy nhận lấy ở tôi và nhân dân chúng tôi những tình cảm chân thành, vô hạn...*

- Thôi được!... Cái thằng Phônxinca súc sinh ấy mà sa vào tay ta, thì ta sẽ lột da nó ngay lập tức.

Bộ Trưởng ngoại giao:

- Cầu thánh Ala anh minh để tên khốn khiếp sa vào tay hoàng thượng, để người lột da hắn. Tất cả mọi người anh em cùng chung tôn giáo chúng thần xin được cầu nguyện cho điều này.

Vua:

- Tốt! Các khanh hãy tiếp tục cầu nguyện đi! Giờ đến lượt Bộ trưởng quốc phòng phát biểu ý kiến.

Bộ Trưởng ngoại giao:

- Tàu hoàng thượng, thần đã cho lau chùi và bôi dầu mỡ cho các loại vũ khí. Hoàn lại tất cả các cuộc nghỉ phép. Đã tám tháng nay quân đội vào cấp sẵn sàng chiến đấu cao nhất và đang chờ...

Vua:

- Chờ gì?

Bộ Trưởng ngoại giao:

- Tàu hoàng thượng, chờ lệnh của hoàng thượng ạ!

Vua:

- Tốt lắm! Quân đội hãy chờ lệnh ta!

(Phòng họp của hội đồng Bộ trưởng quốc gia Tôracanxi).

Thủ tướng. Bộ trưởng ngoại giao - Bộ trưởng nội vụ. Tổng tham mưu trưởng và các vị khác.

Thủ tướng:

- Có tin tức gì mới về kẻ thù của chúng ta không?

Tổng tham mưu trưởng:

- Thưa thủ tướng, thật đáng tiếc là chưa có tin tức gì đáng mừng cả. Vua Hôpantômôla vừa mới ra lệnh động viên ba lứa tuổi.

Thủ tướng:

- A, quân khốn khiếp! Hẳn mà sa vào tay ta thì ta sẽ chọc tiết hẳn!

Bộ trưởng tôn giáo:

- Lạy thánh Insaciac! Amen!

Thủ tướng:

- Các ông đã có biện pháp gì chưa?

Tổng tham mưu trưởng:

- Thưa, chúng tôi dự định...

Thủ tướng:

- Tôi không hỏi về các biện pháp quân sự. Các chuyên viên quân sự tất nhiên phải lo tất cả các biện pháp cần thiết. Tôi quan tâm đến các biện pháp chính trị cơ!

Bộ Trưởng ngoại giao:

- Thưa thủ tướng, quan hệ giữa hai nước mang tính chất đặc biệt thân thiện. Như ngài đã biết, riêng trong tháng vừa qua hai bên đã trao đổi với nhau chín thông điệp ngoại giao tất cả.

Thủ tướng:

- Rất tốt!

Bộ Trưởng ngoại giao:

- Mới rồi chúng tôi đã gửi điện mừng nhân lễ thành hôn của hoàng tử vua Hôpantômôla.

Thủ tướng:

- Tốt lắm! Còn gì nữa?

Bộ Trưởng ngoại giao:

- Vâng, còn một bức điện nữa nhân dịp kỷ niệm ngày vua Hôpantômôla

lên ngôi.

Thủ tướng:

- Tốt. Cầu trời cho cái ngai vàng của con chó già ấy sụp đổ, cho nó vỡ sọ ra!

Bộ Trưởng ngoại giao:

- Amen!

Thủ tướng:

- Thôi được. Thế sắp tới ông có dự định làm gì nữa không?

Bộ Trưởng ngoại giao:

- Thưa thủ tướng, tôi đang nghĩ nhưng chưa tìm được cơ thích hợp.

Thủ tướng:

- Đáng lẽ phải tìm được rồi mới đúng! Nhiệm vụ chủ yếu của bộ ngoại giao các ông là phải luôn tìm được những cơ mới.

Bộ Trưởng ngoại giao:

- Thưa thủ tướng, tất nhiên là như thế. Nhưng xin thủ tướng hiểu cho là từ hôm ấy đến nay, tôi đã tìm được khá nhiều cơ hay đấy chứ ạ?

Thủ tướng:

- Kẻ thù của chúng ta cũng không chịu ngồi yên đâu. Mới đây thôi, nhân ngày nhạc mầu tôi mất, lão vua Hôpantômôla đã gửi cho tôi một bức điện chia buồn. Hắn đã khéo kiếm cơ để tỏ rõ tình thân thiện. Cái tên chó đẻ ấy dám lợi dụng cả cái chết của nhạc mầu tôi để sử dụng vào mục đích chính trị của hắn.

Tổng tham mưu trưởng:

- Vào đúng hôm hắn gửi cho ngài bức điện ấy, thì ba chiếc máy bay của Hôpantômôla đã xâm phạm không phận của chúng ta.

Bộ trưởng ngoại giao:

- Còn đúng vào ngày ta gửi cho vua Hôpantômôla điện mừng nhân dịp sinh nhật đứa cháu hắn, thì quân lính của hắn đã bắt mất của ta một toán biệt kích.

Thủ tướng:

- Lần cuối cùng ta gửi thông điệp tỏ tình thân thiện cho vua Hôpantômôla là vào bao giờ?

Bộ Trưởng ngoại giao:

- Thừa thủ tướng, cách đây gần một tuần ạ.

Thủ tướng:

- Thế là không được! Lâu quá không gửi thông điệp hữu nghị là thiếu gần bó. Có thể gây ra những mối nghi ngờ lớn. Bộ ngoại giao chúng ta ngủ quên à? Phải tìm ra cớ gì để gửi thông điệp đi chứ? Nào xin mời các vị ta cũng nghĩ xem có cớ gì không nào? Thí dụ như là...

Tổng tham mưu trưởng (đi đi lại lại)

Ví dụ như... ví dụ như... ví dụ như...

Bộ Trưởng ngoại giao (hai tay vỗ vỗ vào nhau):

Ví dụ như... ví dụ như... ví dụ như...

Tất cả đồng thanh:

Ví dụ như... ví dụ như... ví dụ như...

Thủ tướng:

- À, tôi tìm ra rồi! Nhân dịp kỷ niệm một năm ngày ký hiệp định thương mại giữa ta và vương quốc Hôpantômôla...

Bộ Trưởng thương mại:

- Nhưng thừa thủ tướng mới có tám tháng chưa được một năm đâu ạ!

Thủ tướng:

- Thiếu đủ không quan trọng!... Ta cứ gửi thông điệp bày tỏ tình thân thiện nhân dịp tám tháng ngày ký hiệp định thương mại là được.

Tổng tham mưu trưởng:

- Đồng thời ta cần phải điều động lữ đoàn xe tăng lên biên giới.

Thủ tướng:

- Tất nhiên rồi! Gửi thông điệp xong là phải điều động ngay lữ đoàn xe tăng và các lực lượng dự trữ khác lên biên giới ngay. Chà: chỉ mong sao tóm cổ được tên vua Hôpantômôla hèn mạt để băm vằm nó ra.

Nhưng thôi, ta vẫn phải gửi cho hắn ta thêm một thông điệp nữa - Các vị

hãy tìm cớ đi!

Tất cả đi đi lại lại lăm bầm:

Cớ... cớ... Cớ...

Bộ trưởng canh nông:

- À, tôi nghĩ ra rồi! Vương quốc Hôpantômôla vừa phải trải qua một trận hạn hán chưa từng xảy ra. Mãi tuần vừa rồi mới có mưa.

Thủ tướng:

- Cầu trời mưa lũ làm ngập lụt cả nước, cho chúng nó chết hết đi. Cho cả tên vua đê tiện ấy chết trôi cùng cả tội chúng nó đi!

Bộ trưởng canh nông:

- Chúng ta sẽ gửi thông điệp chúc mừng nhân dịp có trận mưa vàng bạc này...

Thủ tướng:

- Đúng, đúng! Ông viết đi: *"Kính gửi quốc vương Hôpantômôla Mađragan Đệ tứ. Tôi xin bày tỏ niềm vui mừng vô hạn của chúng tôi khi được biết sau một thời gian khô hạn kéo dài, những trận vàng mưa bạc đã bắt đầu xuất hiện trên mảnh đất thắm tình hữu nghị anh em của Vương quốc Hôpantômôla. Nhân dịp này xin ngài nhận lấy..."*.

(Phòng họp trong Hoàng cung nước Hôpantômôla. Vua, Bộ trưởng ngoại giao, Bộ trưởng canh nông. Bộ trưởng quốc phòng và các vị khác).

Bộ Trưởng quốc phòng:

- Tàu hoàng thượng, tin tức mà thần đã tâu trình trước đây với hoàng thượng nay đã được khẳng định.

Nó ăn khớp với những tin tức mà tình báo của ta ở Tôracanxi gửi về. Rõ ràng là thủ tướng Tôracanxi đang tiến hành những âm mưu rất xảo quyệt chống lại nước ta.

Vua:

- Chà! Đồ quái thai! Giá mà ta tóm cổ được quân đầu cẳng này... Ta nguyện không làm vua Hôpantômôla Mađragan Đệ tứ nữa, nếu ta không bắt mẹ nó phải rơi nước mắt! Thế các vị đã có những biện pháp gì?

Bộ Trưởng quốc phòng:

- Tàu... tàu hoàng thượng, cách phòng thủ tốt nhất là tấn công. Chúng ta cần tấn công ngăn chặn trước kẻ thù.

Vua:

- Ta muốn hỏi các biện pháp chính trị kia?

Bộ Trưởng ngoại giao:

- Tàu hoàng thượng, chúng thần đang suy nghĩ ạ!

Vua:

- Đang suy nghĩ à?

Tất cả đồng thanh:

- Tàu hoàng thượng, vâng đang suy nghĩ ạ!

Bộ trưởng ngoại giao:

- Tàu hoàng thượng, thần đã nghĩ xong phần chính của thông điệp rồi ạ!

Vua:

- Thần đọc đi!

Bộ Trưởng ngoại giao:

- Tàu hoàng thượng, thần xin đọc (đọc thuộc lòng) "*Kính gửi ngài thủ tướng Phônxinca! Nhân dịp gì đó... nhân danh cá nhân và thay mặt thần dân Hôpantômôla, một lần nữa tôi xin được bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc nhất của tôi với nhân dân Tôracanxi anh em thân thiết vì tấm lòng cao cả, quý giá, và nhân dịp này...*"

Vua:

- Nhân dịp gì? Phải tìm ra cái cơ chứ?

Tất cả đồng thanh:

- Cơ... cơ... cơ...

Vua:

- Ông bộ trưởng ngoại giao hãy nghĩ ra một cơ gì cho phù hợp xem nào? Thông điệp nhân dịp gì?

Hay là nhân dịp năm mới?

Bộ Trưởng ngoại giao:

- Tàu hoàng thượng, nhân dịp năm mới đã gửi thông điệp rồi ạ! Cả việc con trai út thủ tướng mọc răng, rồi cả dịp Quốc Khánh nữa, ta đều có gửi điện... Nghĩa là ta sử dụng hết mọi cố rồi, tàu tàu... hoàng thượng!

Vua:

- Chà, chà! Bao giờ ta mới tóm cổ được tên khốn kiếp này! Tại sao các mưu mô, kế hoạch của ta đều bị thất bại và nó vẫn cứ sống nhõn nhõn thế nhỉ? Bộ trưởng ngoại giao đâu? Nhanh nhanh lên, nếu không tìm ra cố ra sẽ cách chức người bây giờ!

Bộ Trưởng canh nông:

- Tàu hoàng thượng, thần nghĩ ra cố rồi! Theo tin tức mà bộ canh nông mới nhận được thì vụ dưa chuột đầu tiên trong năm ở Tôracanxi đã đọc một bài diễn văn.

Bộ Trưởng ngoại giao:

- Thế thì ta có thể gửi thông điệp mừng được rồi!

Vua:

- Thông điệp thế nào, đọc thử ta nghe!

Bộ Trưởng ngoại giao:

"Kính gửi ngài Phôxinca, thủ tướng Tôracanxi!" Nhân dịp thu hoạch vụ dưa chuột đầu tiên ở nước Tôracanxi anh em thân thiết, đất nước gắn bó với chúng tôi bởi từ xa xưa đã cùng chung một số phận, tôi lấy làm vinh hạnh được gửi tới ngài thủ tướng kính mến và qua ngài gửi tới nhân dân Tôracanxi, mà ngài là đại diện xứng đáng nhất, những lời chúc mừng chân thành và nồng nhiệt..."

Vua:

- Sau khi gửi bức thông điệp này đi, hãy ra lệnh quân lính tấn công ngay lập tức!

Bộ Trưởng quốc phòng:

- Dạ, dạ, tàu hoàng thượng. Thần sợ rằng có khi chúng lại tấn công ta trước!

Đúng lúc đó có những tiếng nổ vang trời: ùng, oàng, ùng oàng!

Vua:

- Gì thế! Tiếng động gì thế?

Bộ Trưởng ngoại giao:

- Tàu hoàng thượng, muện mất rồi! Bọn chúng đã bắt đầu tấn công! Vừa rồi là tiếng đạn pháo nổ đấy ạ.

Vua:

- Điện, gửi điện ngay.

Bộ Trưởng ngoại giao:

- *"Tôi xin thông báo... để ngài biết rằng, được tin quân lính của ngài... đã bắt đầu chuyển sang tấn công chúng tôi... tôi lấy làm vô cùng xúc động... nhân dịp này xin ngài hãy nhận lấy ở chúng tôi lòng biết... biết... ơn... ơn... sâu... sắc... nhất".*

Con nhện tám chân

Có những người mới thoát nhìn lần đầu đã gây cho ta cảm giác khó chịu. Có thể do bề ngoài xấu xí, có thể do cử chỉ thô thiển, hoặc do một lí do gì đó thật khó nói. Nhưng khi ra nói chuyện với họ, và đặc biệt nếu được xem họ làm việc, thì cái ác cảm ban đầu ấy tự nhiên vụt biến mất. Thì ra dưới bộ mặt xấu xí, chả có gì hấp dẫn ấy, ẩn giấu một thế giới nội tâm phong phú. Đến lúc ấy tự bạn sẽ thấy ngạc nhiên trước sự nông nổi của chính mình. Có những con vật làm chúng ta sợ và ghét, như là rắn rết chuột bọ chẳng hạn. Chúng gây cho ta một cảm giác pha tạp: sợ hãi, nghi ngại và kinh tởm.

Tôi, chẳng hạn lại là người không thể chịu nổi loài nhện. Cứ trông thấy chúng ở đâu là tôi giẫm chết liền. Bởi tôi kinh tởm chúng còn hơn cả rắn rết, chuột bọ. Nhưng có một lần tôi đã hiểu ra rằng, mình đã nhầm.

Thứ sáu. Trong nhà không còn lấy một xu. Dứt khoát tôi phải kiếm lấy ít tiền đủ sống hai ngày thứ bảy, chủ nhật. Bởi thứ hai thế nào tôi cũng xoay được một món tiền khác rồi. Nguồn thu nhập chính của tôi lúc bấy giờ là tiền nhuận bút trả cho các truyện ngắn. Nếu thứ sáu tôi viết được một truyện, đem nộp cho tạp chí thì tôi sẽ có tiền.

Ngay từ sáng tôi đã ngồi vào bàn viết. Trước tiên tôi lục lại những ghi chép cũ của mình chứa đầy trong ba chiếc giấy dày, nhưng rồi không tìm được gì phù hợp. Có một số phác thảo tôi viết từ năm, mười năm trước vẫn nằm nguyên đấy chờ dịp sử dụng. Công việc thế là không chạy rồi. Chắc chắn sẽ mất toi một ngày làm việc. Nhưng dù thế nào đi nữa tôi vẫn phải kiếm lấy ít tiền.



Tôi lật lại những trang viết cũ. Không tìm được gì mới, hay... chỉ có chúng tôi, những văn sĩ sống ở các nước lạc hậu, buộc phải kiếm sống bằng nghề cầm bút, mới thấu hiểu hết nỗi khổ cực trong việc tìm đề tài để viết. Nếu là bài báo hoặc tiểu phẩm thì còn dễ, đằng này lại là một truyện ngắn! Trong một ngày nặn ra được một truyện đâu có dễ!

Tôi đứng ngồi không yên. Điều thuốc đang hút dở tôi không tắt, cứ thế ném vào cái chậu thau đồng lớn dùng làm cái gạt tàn thuốc. Không viết nổi, tôi quay sang uống trà.

Bỗng có tiếng chuông cửa. Đúng vào lúc trong đầu tôi vừa loé lên một ý tưởng, nó vụt biến mất... người nhà tôi không nghe thấy tiếng chuông. Tiếng chuông vang lên lần thứ ba, tôi đành phải đứng dậy ra mở cửa. Hoá ra đó là một cháu nhỏ nhà bên cạnh, sang có việc gì đó.

Tôi trở lại phòng làm việc của mình.... Đài phát thanh đang truyền đi một bài hát mô phỏng một điệu dân ca nghe rất chối tai. Tôi thầm mong cho bài hát nhanh nhanh kết thúc, khỏi gây ức chế. Nhưng rồi không chờ được nữa, tôi đành đứng dậy đi tắt đài.

Vừa ngồi xuống ghế thì lại nghe thấy những tiếng om sòm vang lên từ các phòng bên cạnh!... "Im cái mồm đi!", - tôi đã định hét to lên, nhưng kịp kìm lại được vì sợ người nhà tôi giận. Tôi vẫn bị người nhà giận luôn và bao giờ lỗi cũng thuộc về tôi, mà thực ra thì họ đúng thật.

Lại có tiếng chuông cửa... Lần này là người bán sữa... Truyện ngắn... Tiếng chuông cửa...

- Ai mua nước uống tinh khiết đây! - Từ dưới cửa nhà vọng lên tiếng người bán nước rong.

- Này, ra mà mua nước! -

Tôi nói với người nhà.

Ai đó đáp lại:

- Nước uống nhà mình còn... Bảo họ mai hãy đến...

- Nước uống nhà tôi còn, ngày mai bác hãy đến... - tôi nói to với người bán nước.

Một lát sau nghe tiếng chân ai đó bước vào phòng tôi... Không, cứ tiếp diễn thế này mãi thì không thể chịu được! Đã tháng nay rồi tôi mỗi mệt, căng thẳng thần kinh. Tôi cần phải được nghỉ ngơi ở một chốn khuất nẻo, yên tĩnh nào đó. Chỉ có thể tôi mới có thể hỏi người lại được... Nhưng còn việc kiếm tiền trong ngày hôm nay thì sao?

Tôi lẩm bẩm một mình điều gì đó nên không rõ người nhà hỏi gì tôi. Chỉ đến khi thấy người nhà giận dữ, tôi mới hiểu là mình lại trả lời không đầu vào đâu rồi. Đành vậy. Cốt cho họ nhanh chóng để tôi yên. Tôi phải làm việc.

Nhưng làm việc thế nào được khi những người thân thích giận dữ anh?

Cuối cùng tôi đứng dậy đi vào nhà tắm. Thực ra tôi không cần vào đó, nhưng vẫn cứ đi. Trên đáy bồn tắm tôi nhìn thấy một con nhện bé tí tẹo có cái bụng hung hung đỏ. Con nhện con trông rất đặc biệt, khác hẳn những con nhện vẫn giăng tơ, dệt lưới ở khắp mọi nơi.

Thường thì trong các trường hợp như thế, tôi liền mở vòi nước để dòng nước cuốn trôi các vị khách không mời ấy đi. Nhưng lần này tôi không thể rời mắt khỏi con nhện con, xem nó đang cố hết sức bò lên thành trơn, nhẵn của bồn tắm. Nó chỉ bò lên được một đoạn ngắn là lập tức bị rơi xuống ngay.

Mọi việc lại diễn ra từ đầu. Tôi biết rõ là con nhện không thể thoát ra khỏi cái nhà tù trắng này. Nhưng tôi vẫn không vội mở vòi nước. Và cũng không định giẫm chết nó! Tất nhiên tôi có nhiều cách giúp nó thoát khỏi cảnh cực nhục này. Nhưng tôi quyết định không làm điều này.

Một lát sau tôi trở lại bàn làm việc. Và lại cầm lấy những quyển vở ghi chép cũ. Chao ôi! Bấy nhiêu năm theo nghiệp văn chương, cây bút trong tay đã khá thành thạo, đáng lý ra chỉ cần một sự kiện nhỏ nhặt gì đó là tôi có thể dễ dàng nhào nặn ra một truyện ngắn. Thế mà, chả hiểu sao lúc này tôi lại lúng túng và khó viết đến thế. Những người viết trẻ tuổi có lợi thế trong những tình huống tương tự thế này. Họ viết dễ dàng hơn. Những người viết văn thế hệ tôi có biết bao nhiêu cặp mắt đó vẫn chưa có! Tôi phải viết bằng được!... Tôi phải vắt kiệt não để nuôi sống gia đình.

Giờ thì tôi ngồi vào bàn để ăn trưa. Ăn xong tôi lại ngồi vào bàn viết. Mà nếu như ta viết về đề tài này thì sao? Chắc là sau khi nó xuất hiện, nhiều người hiện đang dành cho tôi những tình cảm ưu ái, sẽ tha hồ mà nhận xét. "Ông ấy đánh mất mình rồi," họ sẽ lắc đầu vẻ thông cảm vờ vĩnh mà nói thế. Thậm chí cả viên chủ bút tờ tạp chí, người đặt tôi viết truyện, cũng sẽ rất khoái chí nếu thấy tôi viết dở. "Cạn hết vốn rồi... Đánh mất mình rồi!". Thế nào lão ta cũng sẽ nói đi nói lại mãi câu ấy với tất cả những người quen. Thậm chí, nếu tôi viết không dở hơn những truyện bình thường khác, có thể lão ấy vẫn không nhận bản thảo mà bảo rằng, tôi cứ nghĩ là anh phải viết hay hơn thế này cơ!

Tôi lại bước vào buồng tắm, mặc dù chẳng có việc gì... Đơn giản là để... đi thôi. Chú nhện con vẫn đang ra sức bò lên thành bồn tắm. Trèo lên - tụt xuống, tụt xuống - trèo lên, tội nghiệp thay cho chú không làm sao thoát khỏi cái hố sâu này.

Thế mà tôi lại không hề muốn giẫm chết để giải thoát cho nó khỏi cực hình này!...

Về con người thì người ta đã nói đủ điều: "Con người là động vật biết cười đùa", "tôi tư duy nghĩa là tôi tồn tại", "Con người là động vật biết suy nghĩ", "Con người là một sinh vật hoàn thiện nhất".

Con người đã phát biểu nhiều quan niệm về chính mình.

Tôi lại ngồi vào bàn viết, chiều muộn đã cập kê bên ngưỡng cửa. Chao ôi! Sao đầu óc tôi lại uể oải trống rỗng thế này? Tôi lật đi lật lại những trang ghi chép phù hợp. Tôi cố tìm lấy một cốt truyện. Lại có tiếng chuông cửa với những tiếng kêu thét nào đó từ xa vọng lại.

Một người bạn tôi đến chơi. Chúng tôi cùng nhau uống trà và nói chuyện rất lâu... Mãi sau vị khách mới hỏi vay tôi hai mươi lia. Anh ấy có lẽ còn "hoàn cảnh" hơn tôi nhiều. Tôi hứa...

Lát sau nhân viên sở điện đến thu tiền điện...

- Anh hãy để lại hoá đơn, còn... tiền thì để cho thư thư đã...

Tiếng chuông gọi cửa... Tiếng kêu ngoài phố. Những tờ giấy trắng nằm trên bàn viết... Con nhện trong buồng tắm...

- Ông ơi, đi ăn tối!

Tôi vào buồng tắm rửa tay. Chú nhện con vẫn đang vật vờ trên - tụt xuống, tụt xuống lại trèo lên trong chiếc bồn tắm.

Chúng tôi ăn tối... Sau đó... Ôi, cái thằng tôi sao mà xấu tính vậy, cái mặt lúc nào cũng khó đăm đăm ra thế! Mi hãy thử nhếch mép cười lên một chút xem sao, hãy thử vui đùa một chút với con cái xem sao!

Có ba vị khách ghé thăm. Tôi ngồi tiếp họ một lát rồi đi vào buồng tắm, để các vị khách ngồi lại với nhau. Chú nhện con tội nghiệp đã hoàn toàn kiệt sức. Cuối cùng các vị khách cáo từ, tự về. Người nhà chuẩn bị đi ngủ.

Tiếng đài đang nói bỗng im bật. Trong nhà hoàn toàn yên lặng. Giờ mới đến lúc bắt tay vào làm việc thực thụ đây. Tôi ngoáy bút phác ra một số cốt truyện. Nhưng đến khi đọc lại, tôi không thích một cốt truyện nào cả. Không có cái nào đủ độ chín. Tôi xoá bỏ, viết tiếp, lại xoá bỏ...

Đêm nay tôi phải viết bằng được một truyện ngắn hay. Ngài mai thứ bảy, sáng sớm tôi sẽ đi nộp bản thảo và nhận nhuận bút. Nếu không ngày chủ nhật cả nhà sẽ không có tiền đâu! Vì thức khuya và căng thẳng nên hai mi mắt tôi

húp híp, nặng trịch trịch, díp lại buồn ngủ. Tôi đứng dậy đi đi lại lại trong phòng một lát rồi vào buồng tắm vĩa nước lạnh vào mặt để xua cơn buồn ngủ. Chú nhện con vẫn còn trong bồn tắm, không làm sao giành được tự do. Trở lại bàn làm việc, đọc lại những gì đã viết, tôi nhận ra câu chuyện chẳng có gì đáng cười. Còn bạn đọc thì lại muốn tôi gây cười cho họ. Và chính chủ báo cũng trả tiền thuê tôi làm việc đó. Tôi cúi người trên những tờ giấy trắng. Rồi từ lúc nào không rõ đôi mắt dính liền lại, tôi lim dim ngủ, chỉ đến khi trán đập xuống mặt bàn mới tỉnh. Tôi nhìn đồng hồ: ba giờ rưỡi. Tốt nhất là nên đi ngủ, sáng dậy sớm. Lúc này tôi không thể viết gì được nữa. Biết đâu trong mơ lại xuất hiện một tứ truyện nào đó? Điều đó đã xảy ra nhiều lần đối với tôi. Buổi sớm thức dậy trong đầu tôi bỗng hiện lại những chi tiết chính của một câu chuyện nào đó, cứ như là tôi sáng tác ra trong khi ngủ. Tôi chỉ việc cầm bút viết ra giấy, thế là được một truyện ngắn, mà lại hay mới chết chứ! Nhưng trước khi đi ngủ tôi lại vào buồng tắm đã.

Chú nhện con vẫn đang vật lộn để giành tự do. Đức tính kiên trì của con vật này khiến tôi phải khâm phục, cơn buồn ngủ tự nhiên biến mất. Tôi ngồi xuống mép bồn tắm quan sát chú nhện... Thân nhện gồm hai khớp nối, khớp trước nhỏ hơn màu hung đỏ, khớp sau màu đỏ sẫm, hai bên thân mỗi bên có bốn cái chân... chú nhện dùng cả tám cái chân của mình ráng sức cào cấu vào thành bồn tắm, nó chỉ nhích lên được một đoạn ngắn rồi lại ngã lăn quay xuống dưới... Nó giãy giụa hồi lâu trong vũng nước nông trên đáy bồn tắm, mãi sau mới thoát ra được, lão đảo bò đến chân thành bể. Nó dừng lại nghỉ lấy sức. Rồi lại tiếp tục ráng sức bò lên thành. Dù đã hết sức cố gắng, nó chỉ bò lên được một đoạn ngắn, rồi lại ngã lăn quay xuống, tám chân chống vó lên trời, cào cấu tứ phía tìm cách lật bụng xuống dưới. Một lúc sau, bám vào được cái gì đó, chú nhện mới lật lại được. Rõ ràng là chú nhện không còn sức để cự quạ nữa. Đã hai mươi tiếng đồng hồ nó tìm cách vượt khỏi cái ngục tù màu trắng này rồi. Có lẽ nó đã hết cách, giờ chỉ còn chờ chết. Không, không phải thế! Kia nó lại bắt đầu bò lên... Lại trượt xuống, lại ngã...

Tôi không rời mắt khỏi nó. Đầu óc tôi rất nhẹ nhàng, thoải mái cứ như vừa được ngủ một giấc rất dài và sâu... Tôi bước nhanh vào phòng làm việc cầm lấy tập "Sinh vật" trong bộ Bách khoa toàn thư rồi trở lại buồng tắm. Chú nhện con vẫn tiếp tục chiến đấu, còn tôi thì giở mục "Nhện" trong tập sách để đọc.

Từ lúc nào không rõ, trong tôi đã dần dần hình thành mối thiện cảm với loài nhện, thế chỗ cho sự kinh tởm, ghét bỏ trước kia. "Chả lẽ mi lại không

thương xót nó?"- Tiếng nói thứ nhất vang lên trong tôi. - Mi hãy giết nó đi, cho nó khỏi khổ? "Tiếng nói thứ hai phản đối: "Hãy để nó tự cứu lấy nó".

Chú nhện con tám chân này chiến đấu giành lại quyền được sống với một nghị lực phi thường đáng kính nể?

- Hỡi chú nhện con, hãy dũng cảm tiến lên!... Hãy vượt qua bức tường trắng!...

"Mi hãy giúp nó, đưa nó ra khỏi bồn tắm đi!" Tiếng nói kia nhắc nhở tôi.

Nhưng tôi không thể buộc mình động đến chú nhện.

Tôi bỗng trào lên lòng kính trọng vô bờ con vật bé nhỏ ấy. Chiếc bồn tắm của tôi có ba thành dựng đứng, còn một thành hơi thoải thoải. Thật diệu kỳ, lần này chú Nhện bò tới thành thoải thoải, ầy! Điều gì đã xui khiến chú đi tới quyết định này? Tự nó hiểu ra, hay đó là bản năng?... Tôi không thể ngờ lại có bước ngoặt đột ngột này. Hơn hai mươi tiếng đồng hồ nó bò theo các bức thành dựng đứng không thoát ra được, giờ nó quyết định bò theo bức thành này. Nó tiến lên, tiến lên từng đoạn ngắn, một lát sau đã được nửa đoạn đường. Nó dừng lại nghỉ. Kìa, nó lại tiến lên. Đang bò, bỗng nó bị trượt nhẹ, nghiêng người, thế là quay sang bò xiên ngang. Hoan hô chú nhện cừ khôi! Không, không, chú không thể chết. Chỉ còn một đoạn đường ngắn nữa thôi, chỉ cần một lần cố gắng nữa thôi là chú vượt qua được bức thành, sau đó... ta sẽ giết chết chú...

Nhưng, kìa, chú nhện lại ngã. Tự đáy lòng mình, tôi xót thương cho chú. Chú đã bò đến đỉnh thành rồi còn bị ngã! Chú nhện nghỉ một lát dưới đáy bồn, rồi lại bắt đầu tấn công bức thành. Hãy tiến lên, tiến lên! Chú nhện bò lên đến đỉnh. Kìa nó đang bò đến chỗ bằng phẳng trên thành. Nó dừng lại một lát, rồi bỗng tung mình chạy hồi hả. Giờ thì tôi sẽ giết chết nó. Không, không, không thể giết một con vật cừ khôi đến như thế! Chú nhện đáng được ta tôn trọng sâu sắc. Hoan hô, hoan hô chú nhện tám chân, mi có quyền được sống!...

Tôi bước ra khỏi buồng tắm. Trời đã rạng, sáu giờ sáng. Tôi đã quan sát con nhện trong hai tiếng rưỡi đồng hồ.

Xin chào một ngày mới! Tôi không thấy buồn ngủ chút nào, liền ngồi ngay vào bàn viết. Câu, chữ tự nhiên theo ngòi bút cứ tuôn ra ào ào. Tôi không còn để ý đến thời gian nữa. Chẳng lẽ bây giờ tôi có thể gặp được ai đó ở toà soạn tạp chí. Biết làm sao được? Thôi đành ngày chủ nhật này không có

tiền vậy.



Chờ kiệt tác

Câu chuyện của nhà thơ với vợ

- Thiên tài gì cái hạng anh! Anh chỉ là một thằng thộn không hơn, không kém! Anh hiểu chưa?

- Anh hiểu, cô em thân yêu ạ. Nhưng nói đập vào mặt nhau thế để làm gì? Chả lẽ anh không có quyền nuôi một niềm hy vọng hay sao?

- Em không thể chịu đựng được hơn nữa...

- Thôi nín đi, em yêu, em làm anh rối bời mất rồi... Anh tin vào tài năng của mình chứ, có điều anh chưa công bố cho ai biết cả.

- Thôi đi anh, chỉ còn thiếu điều anh cho đăng quảng cáo trên báo: "Tôi là thiên tài đây!". Cũng có thể chẳng cần quảng cáo quảng cây gì cả. Có khó gì đâu mà không đoán nổi anh là cái thứ thiên tài gì, chỉ cần xem cách anh thở khói thuốc lá cũng đủ biết... Rồi cả dáng đi của anh, tất tần tật cái gì cũng mang dấu hiệu thiên tài cả... Đối với mọi người, anh đều nhìn với con mắt cao ngạo: dưới tầm mình cả.

- Thế anh coi mình là thiên tài thì có hại gì đến ai không nào?

- Hại cho em, hại cho nhà mình, hại cho các con chúng ta. Nhà nước có trả lương cho cái thiên tài của anh đâu. Bán thực phẩm sẽ chẳng bao giờ cho không anh cái gì, dù anh có thiên tài đến đâu đi chẳng nữa. Mùa đông đã cận kề rồi mà nhà ta than củi chưa có gì hết... Đôi giày của em thì đã mòn vẹt hết rồi.

- Thôi, nín đi em, đừng khóc nữa! Anh có ngồi khoanh tay bó gối đâu, anh vẫn lao động không hề rời tay đấy thôi. Đã có bốn tập thơ được in rồi...

- Dù anh có được in đến bốn mươi bốn tập thơ đi nữa thì phỏng anh được lợi lộc gì?

- Em cứ nói như là anh dừng dừng với mọi chuyện ấy. Chả lẽ anh không muốn tạo ra kiệt tác, không muốn nổi danh, không muốn có sách bán đắt như tôm tươi, được dịch ra nhiều thứ tiếng. Chẳng lẽ anh không muốn giàu có hay sao? Danh vọng và tiền tài! Anh tin rằng rồi chúng ta sẽ đạt được cả hai. Nhưng em phải biết rằng chỉ có những sự kiện vĩ đại mới sản sinh ra được những tác phẩm vĩ đại. Cá nhân những bậc thiên tài làm gì được, khi chưa có những sự kiện vĩ đại. Anh đang chờ nguồn cảm hứng tâm hồn anh đang làm

nên một kiệt tác đích thực. Anh vẫn những sự kiện vĩ đại! Còn em thì lại muốn con tàu chở đầy tài năng của anh lẩn quẩn trong cái chậu nhà bếp? Anh bức bối trong tủ kính cá vàng, anh cần cả đại dương để thoả sức vẫy vùng. Em ơi, em đừng khóc. Vì chúa, anh van em, đừng khóc! Em hãy nghiêng rặng lại cố chịu chút xiu nữa thôi. Anh vẫn đợi chờ và hy vọng. Sẽ có sự kiện vĩ đại lay động tâm hồn anh. Và khi ấy... Em yêu, em hãy cố chờ...

Câu chuyện của tên đao phủ với vợ

- Thôi nhé, thế là đủ rồi. Em không còn hơi sức đâu mà chịu đựng hơn được nữa. Anh ở lại, em sẽ ra đi.

- Ôi, con bồ câu bé nhỏ của anh... Công việc gần đây xấu đi có phải do lỗi của anh đâu. Anh làm gì được nào? Anh không thể tự kiểm lấy người ngoài đường mà treo cổ lên được. Toà án keo kiệt từng án tử hình một. Anh vẫn hy vọng rằng sắp tới anh sẽ có một việc làm. Không sớm thì muộn rồi mọi việc sẽ đâu vào đấy cả thôi mà.

- Có lẽ em sẽ không chịu nổi được đến ngày đó. Năm ngoái chúng ta không đến nỗi khốn khó thế này. Ít ra thì lũ trẻ vẫn được ăn no. Còn bây giờ thì chỉ mơ ước bao giờ cho đến ngày xưa, làm sao mà nuôi nhau được.

- Thôi đừng khóc nữa em ơi! Em làm trái tim anh tan nát rồi đây. Anh mà có quyền thì anh sẽ treo cổ hết lũ chúng nó suốt cả ngày lẫn đêm. Không cần ngủ tí nào vẫn được. Anh có phải là kẻ lười biếng trốn việc đâu.

- Vậy anh phải nghĩ ra cách gì chứ?

- Anh nghĩ gì được bây giờ? Hiện nay toà án chưa có án tử hình, anh chẳng có việc gì mà làm. Tiền lương của anh là lương hợp đồng khoán gọn, chứ có phải lương biên chế chính thức đâu. Không treo cổ được ai thì làm gì có lương.

- Rõ thật chán, cả một đất nước to lớn như nước ta mà lại hết sạch bọn tội phạm rồi sao?

- Đúng, hết thì không hết, nhưng em cứ đi mà nói với cảnh sát, với quan toà thử xem... Chao ôi, giá mà anh có chút quyền hành nào đó. Cái thân phận anh giờ mà thử chống lại chúng xem. Chúng nó sẽ tổng cổ anh, tuyền đao phủ khác. Đến nước ấy chắc anh sẽ tự treo cổ lên mà chết! Em hiểu chứ... Thôi đừng khóc nữa... khóc mà làm gì. Hỡi con câu bé bỏng của anh. Em cứ làm như là anh không muốn làm việc ấy! Giá như ngày nào anh cũng có phạm nhân để mà treo cổ, thì mọi chuyện đã khác. Em hãy gắng chịu một ít

nữa... Anh tin rằng chẳng bao lâu nữa hạnh phúc sẽ mỉm cười với chúng ta.

Câu chuyện của người đào huyệt với vợ

- Anh ở lại nhé, em mang con đi đây, anh nghe thấy không?

- Em ăn nói gì lạ thế? Anh biết làm thế nào khi người ta không chết nữa? Trước sau anh vẫn chỉ là thằng phu đào huyệt, chứ có phải là vương là tướng gì cho cam. Làm gì có chuyện người chết chất đống để đẩy mà anh lại đứng đưng không động chạm gì tới. Hay là em muốn anh ra đường bắt người đem đi chôn sống...

- Trong nhà không còn một mẩu bánh...

- Đừng khóc nữa, em ơi, anh đang nẫu lòng, nước mắt tràn mi đây. Thật tình anh cũng chẳng hiểu sự thế ra sao mà rất lâu rồi chẳng thấy ai chết cả. Thế giới bên kia hết chỗ rồi sao? Đừng khóc nữa, em yêu, em quý của anh. Anh xin em đấy! Em vẫn biết anh nhận việc khoán, thế mà cứ giục anh đi làm, đi làm đi. Không có người chết thì đào huyệt chôn ai. Anh có phải là thợ đấu đấu mà cố đào cho được nhiều tiền công. Mình đào hố, không có người chôn, ai người ta trả tiền? Thôi, gắng chịu ít nữa. Không có lẽ mãi mãi hạnh phúc không mỉm cười với ta?

Rồi em sẽ thấy.

Câu chuyện của nhà báo với vợ

- Tất cả những ước mơ thời con gái của em thế là đổ sụp hết. Hồi lấy anh, em tràn trề hy vọng.

- Em ơi đừng khóc, để anh nói đã...

- Còn gì nữa đâu mà nói!

- Có thể là em đúng. Nhưng thôi nín đi, đừng khóc nữa! Anh không tiếc sức làm việc là vì hạnh phúc của em đấy.



- Anh làm việc, anh làm việc thế nào mà để em váy áo không đủ mặc.

- Giờ anh chỉ là viên thư ký quèn. Để được thăng tiến, đứng đầu một toà báo thì cần phải có những sự kiện vĩ đại. Thí dụ có một vụ tai nạn máy bay lớn, một vụ động đất chưa từng có, một đám cháy khổng lồ, một vụ tội phạm rắc rối, hay một sự kiện nào đó đại loại như thế. Lúc đó anh mới thể hiện hết mình được, và mới đập lên đầu được tất cả bọn nhà báo khác. Nếu

anh không vượt trội được họ thì sẽ còn giậm chân tại chỗ mãi ở cái vị trí này. Ngoài anh ra, không ai có thể biết cách khai thác tư liệu, biết cách đặt các tit báo câu người đọc. Nhưng cho đến nay anh vẫn chưa gặp may. Biết làm thế nào được. Cuộc sống của chúng ta khó khăn ngưng trệ là vì thế... Anh không thể giết người để gây ra sự kiện giật gân trên báo trí! Nhưng anh tin rằng, một ngày nào đó thần may mắn sẽ mỉm cười với anh. Chả lẽ anh không muốn được thể hiện mình, được thăng chức, được thừa nhận là nhà báo xuất sắc nhất trong năm, và chả lẽ anh lại không muốn kiếm được thật nhiều tiền để gia đình mình khỏi túng thiếu. Biết đâu đấy ngày mai, ngày kia sẽ có một vụ phạm tội nào đó. Anh sẽ lập tức tung ra những bài phóng sự khiến cho mọi người phải đổ xô nhau đi tìm đọc... Thôi em đừng khóc nữa. Em hãy thương lấy trái tim anh, nó sắp vỡ tan ra rồi đấy. Em hãy chăm cầu nguyện để chồng em sớm gặp may mắn. Mong cho có nạn đắm tàu, lụt lội... Đừng khóc, đừng khóc đi em, anh không chịu được nữa đâu... Em ơi, mắt anh cũng đang tràn lệ đây này!

Câu chuyện của người cảnh sát với vợ

- Ôi lạy đức Ala toàn năng, sao đời con lại cực khổ thế này!... Con làm gì nên tội mà phải chịu thân phận thế này?

- Con chim bồ câu bé nhỏ của anh ơi. Người vợ yêu quý duy nhất của anh ơi. Em hãy thử đứng vào vị trí của anh mà suy xét thử xem. Em nghĩ rằng anh không muốn được thăng chức, không muốn kiếm được chỗ làm việc ngon lành, để cho con trai nhà được ấm no đầy đủ à?

- Ôi, số tôi sao đen đui thế này?

- Chính anh mới là người không gặp may, đầu thai nhầm vào cái xứ nghèo khổ tối tăm này. Nếu như anh sinh ra ở cái nơi tội ác diễn ra trên từng cây số, thì anh đâu chịu cảnh làm tên cảnh sát quèn như thế này? Anh thề trước đức Ala, lẽ ra anh phải lên chức cục trưởng cục an ninh rồi mới phải.

Nhưng biết làm sao được, khi mẹ anh sinh anh ra ở chính đất nước này, chứ không phải ở xứ sở nào khác. Ngày ngày chỉ mỗi việc xét hỏi, rình bắt ba thằng trộm ranh, thì làm sao mà khá lên được... Tâm cỡ anh dành cho những việc đại sự! Thôi, hãy nín đi em, đừng khóc nhé! Hãy ráng chờ thêm ít nữa... Thế nào cũng có một sự kiện nào đó sẽ xảy ra!

Câu chuyện của người bán thuốc với vợ

- Em chẳng có nổi lấy cái áo măng tô cho ra hồn, gặp bạn bè, người quen

ngượng lăm. Em còn phải chịu cảnh này cho đến bao giờ nữa!

- Em yêu quý của anh, cuộc đời của anh... Em có hiểu không, buôn bán ba viên Aspirin, ký ninh thì lấy đâu ra nhiều tiền. Chúng phải moi ra được những thứ thuốc nhập ngoại quý hiếm, lúc đó rồi em sẽ thấy anh sẽ kiếm ra bao nhiêu tiền ấy chứ. Xét cho cùng thì ai chả bị ốm. Nhưng có phải ai cũng gặp được thầy thuốc giỏi chẩn bệnh chính xác, kê đơn đầy đủ để bệnh nhân đến hiệu thuốc của chúng ta đâu. Nếu người ta không ốm, thì cánh bác sĩ và chúng ta sẽ phá sản... Đất nước ta đang đứng trên bờ vực thẳm... Em yêu ơi, thôi đừng khóc nữa. Anh vốn là người nhân hậu, yếu mềm. Nhìn thấy em khóc, anh như người mất hồn. Sớm hay muộn rồi công việc cũng sẽ suôn sẻ. Lúc ấy sẽ có hàng đoàn bệnh nhân tay cầm đơn thuốc, xếp chỗ trước cửa hàng nhà ta. Hãy gắng chờ chút nữa, hạnh phúc sắp mỉm cười với chúng ta rồi...

Câu chuyện của người bác sĩ với vợ

- Mang tiếng là vợ bác sĩ, mà từ khi lấy anh, thử hỏi em được hưởng những phúc lộc gì? Hạnh phúc đâu chẳng thấy, tuổi trẻ xuân sắc một thời chỉ thấy phôi pha!

- Ôi, em thân yêu...

- Em chán ngấy lên rồi...

- Đừng khóc nữa em, đừng giày vò anh, nghe em!

Em biết không, đã hai tuần nay không bói đâu ra được một người khách, xin lỗi, một người ốm ra hồn nào. Chỉ rất những người đến nhà khám không có một xu dính túi, hoặc mang theo giấy giới thiệu của các hội từ thiện. Mỗi ngày anh có thể khám được một trăm bệnh nhân... Nhưng đâu ra những con bệnh giàu có bây giờ? Cái lũ đều cái ấy không chịu đi khám! Đến cả cảnh sát cũng không thể lôi cổ chúng nó đến được!

Nước mắt em sẽ làm tan nát con tim anh. Đừng khóc nữa. Những bệnh nhân có máu mặt không đến nữa đâu. Giá như hàng ngày anh không đến phòng khám thì các ổ khoá chắc đã bị gỉ hết. Chao ôi, giá như vợ được, dù chỉ một con bệnh nhà giàu đang ốm nặng thập tử nhất sinh - anh chữa khỏi bệnh, hẳn không tiếc tiền trả anh, đăng báo cảm ơn rồi rít. Em biết không, đó mới là thật sự quảng cáo chứ! Anh đang nghĩ xem, có nên tự mình đăng báo cảm ơn mình, nhân danh một con bệnh tưởng tượng nào đó hay không? Vậy nên, em hãy kiên trì chờ đợi, nhé em... Một ngày kia hạnh phúc sẽ tràn ngập

trong nhà chúng ta. Anh không muốn có nhiều người bệnh nghèo túng, mà chỉ cần có một con bệnh, nhưng phải là người giàu.

Câu chuyện của người luật sư với vợ

- Chào anh, em về nhà bố mẹ em đây!

- Em yêu, chờ anh một lát, làm gì mà sôi sùng sục lên thế!

- Thế là đủ rồi! Anh là chồng em, thử hỏi anh đã làm gì cho vợ anh được sung sướng, an nhàn? Anh còn nhớ những lời hứa khi sắp ra nghề và sắp cưới em không?

- Thôi, day nghiến nhau mà làm gì. Thì chính em cũng sớm quên đi mối tình vĩ đại của chúng ta đấy thôi...

- Chỉ có tình yêu suông thôi thì làm sao no bụng được.

- Em thân yêu, đã nhiều ngày rồi không có khách hàng nào đến văn phòng anh cả, bên nguyên chẳng thấy, bên bị cũng không. Công việc tôi tệ hết sức.

Người ngợm thời nay chả còn hiểu ra làm sao cả. Hình như họ thôi không lừa lọc nhau, không bày mưu tính kế ám hại nhau nữa hay sao ấy. Anh là luật sư chuyên bào chữa những vụ án lớn! Anh chỉ cần được làm một vụ chia đất chia nhà có giá trị cao, thì mọi chuyện sẽ đâu vào đấy ngay, vì có thu nhập hơn hẳn cả ngàn vụ ly hôn. Giá như có những vụ kiện được trả thù lao cỡ triệu đồng thì đã tốt. Phải có những vụ lớn thì báo chí mới nói về mình, mới có cơ may trở thành một luật sư tầm cỡ, lúc ấy em sẽ sống sung sướng như ông hoàng, bà chúa...

- Ông hoàng bà chúa thì hơn em cái gì nào? Óc họ là vàng là bạc hay sao?

- Anh không nói thế. Anh chỉ biết rằng em xứng đáng được hưởng những gì tốt đẹp nhất... Nhưng, chỉ có điều là anh không có khách hàng... Những luật sư có thu nhập bạc triệu hơn gì anh đâu. Anh đã giảng bấy rồi, và giờ chỉ việc chờ con mồi xuất hiện... Em hãy kiên nhẫn chờ một ít nữa, em yêu... Em đừng khóc nữa làm tan nát lòng anh. Đừng để phí hoài những giọt châu lệ quý giá, nghe em.

Hạnh phúc đã đến với tất cả tổ ấm gia đình như thế nào

Một nhà đại địa chủ đâm đơn ra toà kiện những người nông dân một làng nọ. Cứ theo tờ văn tự mà cha ông để lại, thì ông đoán chắc rằng toàn bộ ruộng đất làng này thuộc quyền ông hết và ông đòi những người nông dân vốn vẫn cấy cày lâu năm ở đây không phải nộp tô tức cho ai cả, phải rời đi

nơi khác. Nhà điền chủ này đồng thời là nhà buôn hàng nhập khẩu, là chủ một xưởng dệt, đang có những dự định làm ăn lớn, hiện đại và theo như lời ông nói, sẽ đem lại hiệu quả kinh tế lớn lao cho đất nước.

Những người nông dân đầu óc tối tăm làm sao hiểu được rằng đất đai mà họ gieo trồng, gặt hái từ thời cha ông cụ kỵ là của một người chẳng biết từ đâu tới mang tờ giấy có triện đỏ nhà nước đến đòi.

Nhà điền chủ tìm được ông thầy cãi vốn đang không có việc và giao cho ông ta tiến hành thủ tục vụ kiện.

Ông luật sư lao vào công việc với lòng hăng say chưa từng thấy. Với tờ văn tự trong tay, nhà điền chủ đã có thể tự coi mình là chủ nhân của toàn bộ đất đai làng này rồi. Nhưng những người nông dân không hiểu được quyền lực của tờ văn tự kia, nên vẫn coi mình có quyền sở hữu ruộng đất của mình và ra sức chống lại. Vụ kiện kéo dài. Nhà điền chủ cho rằng, nhìn chung mọi việc trong nước đều diễn ra chậm chạp như rùa cả và cũng chính vì lẽ đó mà đất nước lâm vào cảnh nghèo nàn lạc hậu. Vì phải theo đuổi vụ kiện kéo dài, dai dẳng, nhà điền chủ mắc chứng rối loạn thần kinh. Một khi thần kinh bị trục trặc thì ổ loét dạ dày cũ lại làm tình làm tội ông. Bệnh viêm loét dạ dày tái phát làm tăng lượng đường trong máu, từ đó huyết áp cũng bị tăng lên theo. Thế là nhà đại điền chủ mắc vào lưới của ông bác sĩ đang ngồi chờ "con mồi" hợp đúng tài năng nguyện vọng. Bác sĩ trở tài chữa cho con bệnh cắt cơn đau, vượt qua giai đoạn hiểm nghèo. Đơn của bác sĩ toàn những loại thuốc ngoại đắt tiền. Chủ hiệu thuốc lấy bàn chải và thuốc đánh răng, bán ba viên Aspirin, ký sinh, hay được dịp tung ra những loại thuốc nhập ngoại đắt tiền, làm cho tổ ấm gia đình chứa chan hạnh phúc. Ông bác sĩ nhờ chữa chạy cho nhà đại điền chủ nổi tiếng cả nước, mà có thêm bao nhiêu bệnh nhân, nên chính ông cũng thành nổi tiếng.

Vụ án xét xử vẫn tiếp tục kéo dài. Nhưng cuối cùng ông luật sư trẻ tuổi thắng kiện, được trả một khoản tiền kếch xù, trở thành một người giàu có nổi tiếng, gia đình trở nên đầm ấm hạnh phúc. Một trong số những người nông dân thua kiện, bị đuổi khỏi mảnh đất gia tiên, do đầu óc tối tăm ngu muội khẳng khẳng cho rằng toà án xử oan cho mình, nên anh liền tìm cách giết chết nhà điền chủ kia. Anh nông dân hành sự kín đáo, khôn khéo đến nỗi mãi sau không ai phát hiện ra được.

Anh cảnh sát quèn, bao nhiêu năm không được thăng trật, xin nhận điều tra vụ án. Anh ta hăng hái làm việc không kể ngày đêm, cuối cùng đã phanh

phui bí mật, tìm ra thủ phạm, nhờ thế đã được thưởng và được thăng chức. Vậy là lại được thêm một tổ ấm gia đình hạnh phúc.

Người đầu tiên biết tin kẻ giết người bị bắt là viên thư ký quèn toà soạn tờ báo nọ. Chẳng những anh vượt trước tất cả các phóng viên khác mà còn viết được một bài phóng sự tuyệt vời về vụ giết người, nhờ đó anh ta đoạt giải nhất trong kỳ thi phóng viên giỏi hàng năm và được thăng chức, tăng lương. Nhờ có bước biến chuyển này mà anh củng cố được hạnh phúc cho tổ ấm gia đình.

Người đao phủ bao ngày chờ việc, lấy làm hân hoan trong lòng khi được trông vào cổ phạm nhân nút thông lọng đã bôi xà phòng trơn tuột. Xong việc, anh ta nhận được một khoản tiền theo quy định của điều luật, vậy là đã đảm bảo cho cuộc sống của gia đình hạnh phúc, ấm êm.

Kẻ đào huyệt gặp cơ may. Chỉ trong một thời gian ngắn anh ta đã đào xong hai huyệt mộ. Thế là mọi việc đều ổn, những ngày gian khó đã qua. Anh ta đã đảm bảo được cuộc sống hạnh phúc cho gia đình mình...

Vụ giết người đã trở thành một đề tài lớn cho các bài báo, tranh vẽ, tranh hài hước liên tiếp được đăng tải trên các tờ báo và tạp chí khác nhau.

Nhà thơ đã từ lâu chờ đợi một sự kiện vĩ đại, ngõ hầu làm rung động tâm hồn, nay đã viết được một trường ca về cuộc đấu tranh giành lại ruộng đất của những người nông dân. Bản trường ca trở thành một kiệt tác, làm tên tuổi anh hoá thành bất tử. Nó được in ra hàng vạn bản, chỉ bán trong một ngày đã hết veo, và sau đó được dịch ra nhiều thứ tiếng. Nhà thơ nổi danh và giàu có giữ được hạnh phúc tổ ấm gia đình.

Bản trường ca ca ngợi cuộc đấu tranh của nông dân đã được giải thưởng văn học lớn trong năm. Nhân sự kiện này, nhà thơ đã tổ chức một bữa tiệc. Nhiều nhân vật nổi tiếng của cả nước đã được mời tới dự tiệc. Trong số khách mời ta thấy có cả vị bác sĩ, chủ cửa hàng dược, ngài luật sư, nhà báo, và viên cảnh sát (anh này đã leo đến chức cục phó cục an ninh) mà ta đã kể về họ ở trên. Suốt trong bữa tiệc, mắt các phu nhân của họ sáng ngời niềm hạnh phúc và tự hào về các đức ông chồng. Tươi xinh hơn cả là vợ nhà thơ, với ly uytxki trong tay, nàng thì thầm bên tai chồng:

- Anh thân yêu, anh là một thiên tài thực sự...
- Em làm anh vui quá, em yêu - chàng đáp lại.

Mọi người nâng cốc chúc mừng nhà thơ. Để đáp lại thịnh tình của quan

khách, nhà thơ đọc một khổ của bản trường ca. Bản trường ca kết thúc bằng những câu sau:

*... Tên tuổi các anh sáng ngời mãi mãi
Vinh quang này sáng chói ngàn năm!
Hỡi các anh, những nông dân đứng lên đòi đất.
Trái tim tôi vĩnh viễn thuộc về anh.
Dù phải trường kỳ gian khổ đấu tranh,
Rồi mai đây sẽ đến ngày chiến thắng.
Ngày hội chung, thỏ non cùng sói xám
Kỳ lạ thay, kết lại thành anh em.*

Nghe xong đoạn thơ, nhiều thính giả sụt sịt khóc, còn chính nàng thơ lệ cũng rưng rưng. Nhưng người khóc thảm thiết nhất là ông luật sư, ngài bác sĩ, chủ hiệu thuốc, nhà báo, và cục phó cục an ninh. Mặc cho lệ rơi đầm má, họ nâng cốc hể hả chúc mừng nhà thơ.

Tờ báo đã bị đóng cửa như thế nào?

Trong nước chúng ta... (không, mở đầu thế này không được).

Ở nước ta (không, tốt hơn hết là không viết về chúng ta. Đề tài khác không có hay sao? Chỉ viết về những gì có thể viết...)



Ở Thổ Nhĩ Kỳ... (không thể bắt đầu bộp chộp chất thế được, phải mềm mại hơn).

Tôi muốn kể cho các bạn nghe về một trường hợp xảy ra trong thời gian tôi làm báo, nhưng chưa biết mở đầu thế nào cho đạt.

Vào một hôm... (được, có lẽ mở đầu như thế là đạt. Mi còn phải học chán, nếu muốn đời làm báo kéo dài).

Một hôm tờ báo, nơi tôi vẫn công tác bị đóng cửa: (Cụm từ: "bị đóng cửa" viết thế là được, bởi không chỉ đích danh ai "đóng cửa" nên vụ việc chỉ dừng lại ở việc thông báo chung chung, không đòi hỏi gay gắt, phải mở rộng vụ việc, rồi sẽ bị quên lãng theo thời gian).

Giờ tôi xin tiếp tục kể.

Tờ báo bị đóng cửa bởi phạm phải một sai sót có tính chất điển hình, đáng để đưa vào lịch sử báo chí nước nhà.

Nhân nói tới "tai nạn nghề nghiệp báo chí" tôi muốn nhắc lại hai vụ nhằm lẫn tai hại, mà có lẽ các bạn cũng biết rồi, bởi chúng quá nổi tiếng và đã vĩnh viễn đi vào lịch sử báo chí nước ta.

Vụ thứ nhất như sau:

Trên trang đầu ở báo có hai tấm ảnh, mỗi tấm chiếm hai cột báo. Tấm ảnh thứ nhất chụp những con bò sữa có quần những dải băng trên sườn đoạt giải thưởng trong một cuộc hội chợ - triển lãm; tấm ảnh thứ hai chụp đoàn đại biểu nhà nước trước khi lên máy bay đi tham quan châu Âu... Những dòng chữ ghi chú dưới hai tấm ảnh bị nhầm lẫn. Dưới tấm ảnh đoàn đại biểu ghi thế này: "Tên ảnh: Những con bò sữa béo mập này là giống bò nội địa. Những chủ nhân của nó thật xứng đáng được nhận giải thưởng cao nhất của hội chợ".

Dòng chữ ghi chú dưới bức ảnh bò ghi thế này:

"Trước mặt bạn là đoàn đại biểu chính phủ nước ta trước khi lên đường sang châu Âu tham quan". Cái cảnh "râu ông nọ cắm cằm bà kia" trong báo chí nước ta thì có đầy rẫy, thế nhưng nhằm đàn bò với đoàn đại biểu chính phủ, quả tình là hy hữu. Tuy nhiên, sai lầm đầu tiên mà tôi mắc phải và muốn kể lại cho các bạn nghe không liên quan gì đến gia súc cả, hơn nữa cũng không nghiêm trọng đến thế. Giống như bất kỳ anh lính mới tò te nào, tôi hăng hái nhận bất cứ việc gì được giao và bắt tay ngay vào công việc đó. Một lần, ông tổng biên tập tờ báo, nay ông đã là nghị sĩ quốc hội, cho gọi tôi lên gặp ông.

- Tối hôm nay tôi được mời đến dự một buổi hoà nhạc nhưng không thể đi được. Cần phải có một bài báo phê bình. Cậu đang muốn thử sức, tối nay đến đó lấy tư liệu để viết bài, được không?

Ông tổng biên tập hỏi tôi thế có khác gì nhà điền chủ cho gọi người cố nông làm thuê đến hỏi: "Anh có trông được đứa bé nhà tôi không?" "Anh cố nông liền đáp: "Việc chỉ có thể thôi ạ? Thưa ông, nếu ông có, thì quý dữ tôi cũng trông được". Đấy hoàn cảnh tôi lúc mới vào nghề cũng tương tự thế đó... Tôi chưa biết mình sẽ viết thế nào cho ra bài phê bình về buổi hoà nhạc, bởi một nốt nhạc cần đòi tôi không biết, thậm chí tôi vẫn nhầm lẫn chiếc vi ô lông với chiếc vi ô lông xen. Tôi nhận lời đi nhưng rồi công việc ở toà soạn quá bận nên lại không đến dự buổi hoà nhạc được. Thời đó, cả toà soạn chỉ có độ mười, mười lăm nhà báo là cùng. Nay thì riêng ban thể thao nào cũng có ngần ấy người. Mọi người đi vắng hết, tôi đành ở lại trực toà soạn.

Ông tổng biên tập đưa cho tôi tờ chương trình đêm biểu diễn và nói:

- Cậu hãy xem cái chương trình này rồi liệu tuỳ hứng mà viết.

Qua giọng nói của sếp, tôi hiểu cần phải khen buổi hoà nhạc. Tôi đọc đi đọc lại chương trình mấy lượt, chả hiểu mô tê ra sao cả. Giả thử viết bằng tiếng Trung Quốc tôi còn mò mẫm được chút ít, đằng này toàn những từ lạ hoắc: Alrgro... Opus... Minore... Solo... Traikôpski... và những gì gì nữa...

Lắm bấm cầu khẩn thánh Ala vài câu xong, tôi bắt tay vào viết:



- "Buổi hoà nhạc đã thành công sáng chói mà phạm vi một bài báo không thể nào diễn đạt hết được. Thính giả đã được thưởng thức một đêm âm nhạc thánh thiện chưa từng có! Nữ nghệ sĩ piano đã thể hiện một phong cách biểu diễn tuyệt vời. Tiếng đàn của chị vang lên như những dòng suối âm thanh lộng lẫy tràn vào nhà hát. Người nghe chỉ còn biết

trầm trở thán phục. Ôi, cho đến tận giờ tôi mới hiểu hết ý nghĩa sâu sắc của câu nói: Âm nhạc là món ăn tinh thần không thể thiếu được".

Bản Opus số hai trong đêm diễn đã để lại trong tôi một ấn tượng khó phai mờ. Trong số tất cả những bản Opus mà trước đó tôi đã từng được nghe, chưa có bản nào lại hay đến thế. Còn bản Minore thì sao? Chỉ còn biết nói hai chữ diệu kỳ! Chỉ có điều là, tiếng dương cầm trước đó vang lên tuyệt vời là thế mà trong phần biểu diễn bản Minore cung độ lại làm người nghe hơi thất vọng..."

Vào thời đó các tin tức, sự kiện quốc tế không được báo chí chú ý tới nhiều, bởi chưa có nguồn thông tin dồi dào do Mỹ cung cấp như sau này, khi hai nước thiết lập mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Còn phần tin trong nước thì các thông tin về hoạt động âm nhạc được đề ý tới nhiều nhất. Bài báo của tôi chiếm một vị trí trang trọng trên tờ báo. Tôi cứ đinh ninh rằng nó sẽ là thành công rực rỡ đầu tiên của tôi trên lĩnh vực báo chí. Ngày hôm sau, khi báo phát hành, đúng là lần này tờ báo của chúng tôi đã vượt hơn hẳn tất cả các tờ báo khác. Trong khi bài viết về buổi hoà nhạc của tôi tràn ngập đại hải ca ngợi đêm diễn thì các báo khác chỉ đăng một dòng ngắn thông báo trên trang nhất rằng, buổi hoà nhạc đã bị hoãn. Thế là tôi trở thành nhà phê bình âm nhạc đầu tiên trên thế giới viết bài giới thiệu về một buổi hoà nhạc chưa biểu diễn.

Sau khi có được "kỳ tích" lần thứ hai thì tôi bị mất việc.

Theo như thông báo chính thức, sẽ có một nhà hoạt động nước ngoài bay đến Stambun. Thư ký toà soạn giao cho tôi nhiệm vụ phỏng vấn vị khách này ở ngay tại sân bay.

- Đây, - ông thư ký dặn với theo, - đừng gán thêm những lời mà khách không bao giờ nghĩ tới như lần phỏng vấn đoàn đại biểu trước nhé. Nhớ đừng làm xấu mặt cả toà soạn đấy!

Sự việc xảy ra lần ấy hoàn toàn không phải do lỗi của anh. Số là cả năm thành viên trong đoàn đại biểu nước ngoài nọ rời nước ta về nước không có người nào biết tiếng Thổ Nhĩ Kỳ, vậy nên tôi buộc phải "thay mặt" họ trả lời câu hỏi của chính tôi đưa ra. (Hồi đó rất hiếm có nhà báo nào biết tiếng Pháp hoặc tiếng Anh).

Trong bài báo, tôi làm ra vẻ hỏi các thành viên đoàn đại biểu: "Các ngài có ấn tượng gì sau thời gian ở thăm đất nước chúng tôi?"

Các vị khách làm ra bộ như trả lời thật: "Đất nước các bạn đã giành được vị trí xứng đáng trong đại gia đình các dân tộc châu Âu, sau khi đã có những bước tiến khổng lồ về phía trước. Trong thời gian từ lần đến thăm trước của chúng tôi cho tới lần thăm này, đất nước các bạn đã có những thay đổi lớn lao".

Chính cái câu cuối này đã hại tôi. Hoá ra các thành viên của đoàn đại biểu này lần đầu tiên sang thăm Thổ Nhĩ Kỳ.

Sau đó trong bài phỏng vấn "bịa", tôi hỏi họ: "Điều gì làm các ngài hài lòng hơn cả trong thời gian lưu lại ở đất nước chúng tôi?" Họ trả lời: "Xalát dưa chuột với sữa chua đặc, trứng với thịt hun khói, và tất nhiên cả dưa chuột muối nữa". Phụ nữ Thổ cư xử và ăn mặc hoàn toàn hiện đại".

Tôi cũng cần phải nói thêm rằng, không phải tôi bịa toàn bộ bài phỏng vấn này. Trước khi viết, tôi đã lục hàng tập báo cũ tìm các bài phỏng vấn các đoàn đại biểu nước ngoài để xem người hỏi thường hỏi những gì, và người trả lời sẽ đáp thế nào? Theo đó tôi nhào nặn ra bài phỏng vấn "như thật" của mình. Đó là chuyện lần trước.

- Cậu phải đi ngay cho kịp, - Ông thư ký toà soạn giục tôi đi phỏng vấn lần thứ hai.

- Thế còn tiền đi đường.

- Ngày mai đến kế toán mà lĩnh.

Tôi đến một nhà hàng gần đó gọi món thịt băm viên ăn cho chắc dạ đã, sau đó sang quán giải khát vừa uống bia vừa viết bài phỏng vấn tuyệt vời của mình. Trở về toà soạn ai đọc cũng rất thích.

Sang ngày hôm nay các báo khác đưa tin, do máy bay trục trặc mà đoàn đại biểu không đến Stambun. Mặc dù vậy cái hay của bài phỏng vấn không hề bị đuổi khỏi tờ báo.

Biết câu chuyện này, chủ bút một tờ báo buổi chiều nói: "Tay nhà báo này có tài thực sự đấy. Mấy ai đã viết được bài phỏng vấn "ảo" hay đến thế. Hãy mời hẳn về làm cho báo ta". (Cũng chả có gì phải giấu giếm, ngày nay thì thoảng vẫn có những nhà báo trẻ trở tài "hư cấu" các cuộc phỏng vấn "ma" như vậy. Tôi thấy rất tự hào bởi mình là người đi tiên phong trong lĩnh vực này).

Tôi chuyển sang làm việc ở tờ báo buổi chiều. Biên chế của tờ báo này chỉ có bốn phóng viên nhưng lại được trang bị những sáu cái kéo. Khi tôi về

toà soạn thì bốn chiếc kéo cũ do sử dụng từ lâu nên đã mòn vẹt, cùn trơ, liền được thay bằng những chiếc mới. Vào thời kỳ đó ở thành phố còn có một tờ báo buổi chiều nữa cạnh tranh với báo chúng tôi. Một hôm ông chủ báo tập hợp chúng tôi lại tuyên bố:

- Tờ báo của chúng ta đang gặp khó khăn. (Khi nào số lượng phát hành giảm thì ông gọi "tờ báo chúng ta" khi số lượng tăng thì ông đổi giọng thành "tờ báo của tôi") chúng ta hãy cùng nhau tìm ra một biện pháp nào đó.

Tôi như được thánh Ala khuyến khích, đưa ra ngay một loạt các ý tưởng.

- Tờ báo buổi chiều kia ra vào một giờ chiều, báo ta nếu vào bốn giờ chiều sẽ bán được nhiều hơn.

Mặc cho một số đồng nghiệp vì không hiểu ý đồ của tôi, phản đối đề nghị này, cho rằng báo ra sớm hơn thì có tin sốt dẻo hơn, ông chủ báo ủng hộ tôi ngay từ đầu:

- Chúng ta hãy thử làm theo cách này xem sao. Tất cả những tin tức đăng trên tờ báo ra vào lúc một giờ chiều được chúng tôi cắt ra, xào xáo lại gắn vào tờ báo của mình. Thế là nhờ có hai chiếc kéo cũ và bốn chiếc mới mà bốn người chúng tôi đảm đương công việc tương đương với biên chế mười lăm phóng viên ở tờ báo khác. Chỉ có điều, tiền chi cho khoản mài kéo hơi bị nhiều!

Một hôm, trên tờ báo cạnh tranh kia xuất hiện mẫu tin sau: "Công dân Actin thấy lá cờ treo trên tường mặt tiền nhà mình bị quăn quanh cán cờ liền "leo lên bậu cửa sổ, với tay gỡ lá cờ ra. Chẳng may anh bị mất thăng bằng, chơi vơi ngã, chiếc dây đeo quần bị móc vào chiếc đầu nhọn bằng kim loại ốp ở đầu cán cờ, chiếc cán cờ gãy, nạn nhân ngã từ tầng năm xuống, vỡ đầu chết tươi. Lá cờ rơi xuống phủ lên, che kín thi thể anh". Tiếp đó mẫu tin còn cho biết rõ địa chỉ ngôi nhà nơi xảy ra tai nạn.

Tôi lập tức cầm kéo cắt lấy mảnh tin này, thêm thêm, bớt bớt thành bài của mình với cái tit thật kêu, đập vào mắt người đọc: "Cái chết của một tông đồ dũng cảm".

Cái sự hăng hái này của tôi đã bị trả giá đích đáng. Bị trả giá đích đáng. Tôi bị đuổi việc, bởi ngày hôm sau trên tờ báo nọ có bài nhận xét.

"Một tay nhà báo vô danh tiểu tốt, mà nói chính xác hơn, đó là một tên đạo trích, chuyên cắt tất cả các tin tức của chúng tôi để đăng trên tờ báo của mình. Chúng tôi đã cho tên đạo văn đó một bài học đích đáng. Trên số báo

hôm qua, chúng tôi có cho đăng mẫu tin về cái chết của một công dân tên là Actin. Tờ lá cải kia tưởng thật, đã cắt dán cho đăng lại. Trong khi trên cả thế giới này không có ai như thế cả, và tất nhiên không có câu chuyện ấy... vân vân và vân vân..."

Vụ rắc rối này càng làm cho tên tuổi tôi thêm nổi danh trong làng báo chí. Chẳng bao lâu sau, tôi được mời vào làm ở một tờ báo lớn. Ở đây tôi lại "mai phục" chờ cơ hội để nổi danh. Cuối cùng cơ hội ấy cũng đến. Chủ báo cho gọi tôi đến và nói:

- Vị Bộ trưởng nội vụ đang trên đường đến Stambun bằng tàu hoả. Các báo khác còn chưa biết tin này. Anh hãy đến ngay ga Khaidacpasa gặp ngài Bộ trưởng và xin phỏng vấn.

Hoá ra không phải thế, đã có hàng đoàn nhà báo đang đứng chờ ở ga. Đoàn tàu sẽ đến chậm một tiếng rưỡi. Thấy vậy tôi liền nhảy tắc xi đi ra ga ngoại ô để đón đầu đoàn tàu. Khi đoàn tàu đến ga này, một điều bất ngờ đã xảy ra. Vị Bộ trưởng xuống tàu hoả và lên chiếc xe buýt mà các quan chức địa phương đã bố trí sẵn ra đón ông. Tôi liền rẽ đám đông đến gần ông và cung kính chuyển lời thăm hỏi chân thành nhất của ngài chủ báo. Đáp lại chúc phúc xun xoe ấy của tôi, vị Bộ trưởng mời tôi lên xe đi cùng ông về Stambun. Tôi liền leo lên ngồi cạnh người lái xe và xin phép Bộ trưởng phát biểu vài lời dành riêng cho tờ báo của chúng tôi. Thế là lần ấy nhờ may mắn tôi đã có bài viết hơn hẳn các phóng viên khác chờ hực ở ga Khaidacpasa.

Bộ trưởng nội vụ nói lại tất cả những điều mà các vị Bộ trưởng tiền nhiệm đã nói từ lâu. Đó là những vấn đề muôn thuở: Dân số tăng lên mà biên chế cảnh sát không tăng. Công việc đào tạo lực lượng sĩ quan cảnh sát cần phải được chú ý hơn... Tại các đồn cảnh sát chưa bao giờ và sẽ không bao giờ có một ai bị đánh đập, tra tấn. Tất cả mọi công dân trong nước có nghĩa vụ giúp đỡ cảnh sát hoàn thành nhiệm vụ. Không để xảy ra bất cứ vụ lộn xộn nào trên mọi miền đất nước... Lực lượng cảnh sát xứng đáng được hưởng thang lương cao hơn. Đã đến lúc cần phải thay đổi kiểu trang phục mới, hiện đại hơn... Ngoài ra Bộ trưởng còn nói thêm rằng, có một số nhân viên cảnh sát để râu ria xồm xoàm, vi phạm điều lệnh cảnh sát.

Ngày hôm sau những lời phát biểu này sẽ chỉ có trên báo chúng tôi. Ai nấy đều phổng mũi vì có bước nhảy vọt ngoạn mục trước các đối thủ cạnh tranh. Nhưng rồi cũng chính hôm đó, tờ báo của chúng tôi lập tức bị đóng cửa. Cho đến nay vẫn hy vọng rằng lời công bố của tôi về vấn đề này sẽ vào

lịch sử báo chí nước nhà. Trong số báo ra ngày hôm sau, ngoài lời tuyên bố dành riêng cho bản báo của ngài Bộ trưởng, còn đăng tin về một vụ phạm tội và kỳ tiếp theo của một cuốn tiểu thuyết tầm thường đăng nhiều kỳ để câu thêm độc giả. Ba bài báo này: lời tuyên bố của Bộ trưởng bộ nội vụ, cùng với bài tường thuật về vụ phạm tội và đoạn trích từ cuốn tiểu thuyết đã in lẫn lộn vào nhau một cách khó hiểu. Tuy vậy khi đọc xong ta vẫn nhận ra có ẩn ý xấu trong đó. Tờ báo có lời phát biểu của ông Bộ trưởng tôi vẫn giữ lại làm tư liệu cho đến tận ngày nay. Tôi xin được trích dẫn một đoạn dưới đây.

"Tuyên bố của ngài Bộ trưởng nội vụ dành riêng cho tờ báo của chúng tôi".

Hôm qua ngài Bộ trưởng vô cùng đáng kính của chúng ta trên đường đi thanh tra Stambun trên chuyến xe lửa tốc hành, một trong những tên tội phạm nguy hiểm có nhiều tiền án, tiền sự tên là Zırrı Sakir đã xuống tàu ở ga ngoại ô Peđk, sau khi gây ra vụ trọng án hôm trước, đã tuyên bố riêng với bản báo chúng tôi rằng mục người tình to như cái bồ sát cạp của hắn có nhân tình mới. Hắn đã cho theo dõi mục từ sáu tháng nay rồi, mặc dù tình hình trong cả nước ta trật tự an ninh hoàn toàn đảm bảo, không có bất cứ một vụ lộn xộn nào. Ngài Bộ trưởng đáng kính nay cực chẳng đã sau khi trở về nhà bắt gặp chúng nó làm tình với nhau, hắn đã giết mục kia nói tiếp rằng hiện nay quân số cảnh sát thiếu hụt kinh khủng...

Cả ba bài báo được in theo kiểu "râu ông nọ cắm cằm bà kia" như thế cho đến hết. Đoạn cuối kết thúc như thế này:

"... Sau khi phạm tội, kẻ giết người định chạy trốn, nhưng ngài Bộ trưởng đáng kính liền vớ lấy con dao nhọn để trên bàn, giơ lên... rồi sự việc diễn ra tiếp theo như thế nào ông không còn nhớ nữa".

Vụ việc này chỉ có một vài người biết từ đầu. Ông chủ bút cũng không đọc số báo này sau khi phát hành nên cũng không biết. Vì vậy ai cũng cho rằng tờ báo bị đóng cửa là do có những bài chỉ trích chính phủ quá mạnh mẽ.

Quy định cho những người bán chả rong

Nếu như có cuộc thăm dò dư luận xã hội trên phạm vi toàn thế giới về những tác phẩm hài hước xuất sắc nhất của mọi thời đại và mọi dân tộc, thì có lẽ cho đến hôm nay tổng cộng may chăng cũng chỉ được năm - mười cuốn là cùng. Thế nhưng kiệt tác mà tôi muốn giới thiệu với các bạn sau đây sẽ làm lu mờ tất cả những tác phẩm hài hước nổi tiếng nhất. Chắc bạn sẽ kinh ngạc mà nói rằng, sao lại có chuyện một sáng tác thực sự, vĩ đại im lìm không ai biết đến.

Tuy nhiên, có một điều hiển nhiên là, dường như ở Thổ người ta không quen đọc các loại ấn phẩm chính thức trong đó có các chỉ thị, công văn của các cơ quan các cấp nhà nước. Chính vì vậy mà tác phẩm này vốn là một bản hướng dẫn không sao đến được với đông đảo quần chúng bạn đọc gần xa. Đúng vậy, thật đáng tiếc là kiệt tác hài hước châm biếm mà tôi sắp nói, chưa được ai ngó ngang tới. Ôi, nếu như ta cho nó một cái tên thật kêu, bọc cho nó một cái bì bắt mắt, lại thêm phần minh hoạ xinh xắn thì tôi xin đánh cược rằng ngay ở một nước nghèo nàn như chúng ta cũng có thể bán được hàng vạn bản. Sau đó nó sẽ được dịch ra nhiều thứ tiếng trên thế giới. Lúc ấy tất cả những người Âu, người Mỹ, mặc dù cho đến nay họ chẳng quan tâm gì đến chúng ta, thậm chí còn chẳng hề muốn thừa nhận sự tồn tại của chúng ta, chỉ cần đọc tác phẩm kì diệu này là lập tức nói tới chúng ta ngay.



Đến đây, chắc hẳn các bạn muốn biết ai là tác giả của tác phẩm vĩ đại này. Có lẽ tự mình lại quảng cáo cho mình là điều bất tiện, nhưng cũng phải nói ra rằng, trong số mười một tác giả, nói đúng hơn, là mười một nhà sáng tạo, bởi vì kiệt tác này là công trình tập thể của mười một người - thì có một người chính là tôi đây. Vậy nên tôi cũng phải được chia sẻ một phần mười một niềm vinh quang chung ấy.

Không ai có thể tin rằng tôi, một nhà bác học - quang học, chẳng có quan hệ gì với nghề nghiệp văn chương lại có thể là tác giả của truyện cười. Ngay chính bản thân tôi cũng phải ngạc nhiên làm sao lại có thể như vậy được. Nhưng ở đây cũng cần phải nói thêm rằng ngay cả mười ông bạn còn lại của tôi cũng hoàn toàn không phải là nhà văn. Song sự việc xảy ra là chính chúng tôi, chứ không phải ai khác, lại trở thành nhà văn, mặc dù chúng tôi không nói nổi được vài câu cho gãy gọn và viết nổi một bức thư cho ra hồn. Thế

nhưng chúng tôi đã tập hợp nhau lại và đã tạo ra được một kiệt tác để đời. Chỉ nói thế là đủ rõ sức mạnh của trí tuệ tập thể cao đến mức nào, nó có thể làm nên tất cả, kể cả truyện hài!...

Tôi đã học ở Đức bốn năm, sau đó sang Mỹ và trở thành kỹ sư - quang học. Quang học là một môn khoa học hết sức đa năng, còn kỹ thuật quang học là thứ kỹ thuật đa ngành. Chuyên môn hẹp của tôi thuộc lĩnh vực tính toán tiêu cự thấu kính.

Trên toàn thế giới chỉ có tám người tất cả chuyên nghiên cứu lĩnh vực tính toán này. Thoạt tiên tôi cũng chẳng có khái niệm gì về lĩnh vực này trong ngành quang học.

Không ai có thể tin rằng tôi, một nhà bác học - quang học, chẳng có quan hệ gì với nghề nghiệp văn chương lại có thể là tác giả của truyện cười. Ngay chính bản thân tôi cũng phải ngạc nhiên làm sao lại có thể như vậy được. Nhưng ở đây cũng cần phải nói thêm rằng ngay cả mười ông bạn còn lại của tôi cũng hoàn toàn không phải là nhà văn. Song sự việc xảy ra là chính chúng tôi, chứ không phải ai khác, lại trở thành nhà văn, mặc dù chúng tôi không nói nổi được vài câu cho gãy gọn và viết nổi một bức thư cho ra hồn. Thế nhưng chúng tôi đã tập hợp nhau lại và đã tạo ra được một kiệt tác để đời. Chỉ nói thế là đủ rõ sức mạnh của trí tuệ tập thể cao đến mức nào, nó có thể làm nên tất cả, kể cả truyện hài!...

Từ hồi còn nhỏ tôi cứ lẫn mãi từ "Optik" nghĩa là quang học với từ "topi"; là tên một món ăn Ac-mê-ni, làm cho mọi người cứ cười chế nhạo tôi. Nhưng sau đó các thầy giáo của tôi phát hiện ra rằng tôi là người có năng khiếu đặc biệt trong lĩnh vực quang học. Và thế tôi trở hành một trong tám chuyên gia ngành này. Tôi là người trẻ nhất trong số đó. Người trẻ thứ hai sau tôi là ông bạn đồng nghiệp sáu mươi tám tuổi, tức là ông hơn tôi những bốn mươi chín tuổi! Trong thế giới khoa học người ta gọi tôi là "Nhà quang học", và tôi rất tự hào với cái tên gọi đó, bởi nó mang lại vinh quang cho cả dân tộc. Những công trình nghiên cứu khoa học của tôi đã hai lần được tặng huy chương vàng. Những tác phẩm khoa học của tôi được dùng làm sách giáo khoa trong các trường kỹ thuật. Tôi làm công tác giảng dạy và có thu nhập ba nghìn đô la mỗi tháng.

Nếu các bạn không rõ thế nào là tính toán tiêu cự thấu kính, thì tôi xin giải thích ngắn gọn thế này: chúng tôi tính toán tiêu cự thấu kính cho các kính viễn vọng dùng trong việc phát hiện các ngôi sao ở xa ta hàng triệu năm ánh

sáng.

Sau khi học tập ở châu Âu và châu Mỹ, tôi đã tốt nghiệp kỳ thi tuyển quốc gia, nhưng chính phủ đã yêu cầu tôi trở về Thổ Nhĩ Kỳ với lý do là cần phải qua một thời kỳ "phục vụ bắt buộc".

Các đồng nghiệp khoa học mà tôi cùng công tác và trường đại học, nơi tôi giảng dạy không muốn cho tôi về. Thậm chí họ còn định nộp tiền cho chính phủ tôi để xin cho tôi khỏi phải "phục vụ bắt buộc".

Nhưng đúng lúc đó thì bố tôi can thiệp vào việc này. Sau khi tìm hiểu và biết mọi chuyện, ông đã viết cho tôi một bức thư, lời lẽ rất nghiêm.

"Con ơi, con là máu của máu cha, là thịt của thịt cha, nên ngay lập tức con phải trở về quê hương bản quán để phục vụ cho Tổ quốc thân yêu của chúng ta. Nhân dân ta dù còn nghèo khổ, nhưng vẫn có cơm cho con ăn, có áo cho con mặc và sẽ dạy dỗ con nên người. Bố biết con giờ đây không muốn trở về để trả nợ giang sơn đất nước đang kêu gọi con, thế là con trốn tránh nghĩa vụ ái quốc của mình, không nên thế con ơi. Nếu con còn là con của cha thì con không được hành động một cách vô ơn như thế!..."

Bức thư sau ông viết: "Ôi cái đồng lương hưu chết tiệt của cha! Ôi cái tình phụ tử chết tiệt của cha...!" vân vân và vân vân.

Tôi đã ra sức viết một bức thư thật dài, cố giải thích cho bố tôi hiểu rằng tôi vẫn có thể có ích cho Tổ quốc dù ở phương xa, bởi vì tôi không thể sử dụng tri thức của mình trên mảnh đất ông cha được.

Đáp lại bức thư này, cha tôi đã viết hai trang thư dày đặc những lời mắng chửi và kết thúc bằng câu: "Mày là con của con lừa... - Một thằng bội bạc như mày không thể là con tao được".

Ngay lập tức tôi viết thư gửi cho người bạn ở Stambun hy vọng anh sẽ giúp tôi giải đáp những nỗi băn khoăn, để chọn được cách giải quyết đúng đắn.

"Cậu cần cho Tổ quốc, chứ không cần cho nước Mỹ. Khi biết được những tình cảm yêu nước của cậu thì thật lòng mà nói mình hết sức ngạc nhiên về bức thư của cậu," - bạn tôi viết trong thư như thế.

Tôi hoàn toàn bối rối khi nhận được lá thư của mẹ tôi gửi tới:

"Con trai yêu quý, bệnh bại liệt đã quật ngã cha con rồi. Một nửa người bên phải cha con không cử động được nữa. Cha vẫn hằng mơ thấy con..."

Đến nước này thì chòm sao, thấu kính, quang học chả còn có ý nghĩa gì

nữa, tôi bỏ lại hết rồi thu xếp về nước.

Tôi cảm thấy mình có sức mạnh phi thường, sẵn sàng gánh vác trên vai toàn thể vũ trụ như nhân vật thần thoại At-lát⁽¹⁾. Tôi thầm nghĩ: Tôi sẽ ôm trọn nước Thổ thân yêu trong vòng tay, nâng lên cao như nâng quả tạ và đưa Tổ quốc tôi hướng tới các vì sao!...

Suốt hai tháng liền quan chức các cấp tìm cách giải quyết việc sử dụng tôi như thế nào. Tôi làm họ chán ngấy vì những yêu cầu về công việc của mình, đến nỗi một vị đang rất bận bịu đành phải nói với tôi:

- Này con trai ơi, chúng ta cho rằng anh là một nhà khoa học tầm cỡ, nên thế nào ta cũng tìm được việc cho anh. Anh không cần đi lại quá nhiều gây phiền hà cho chúng ta như thế! Lúc anh ra đi anh có hỏi ý kiến ta xem nên học ngành gì đâu. Tự anh đi học, rồi tự anh học ngành kính thiên văn. Còn bây giờ anh muốn ta làm gì đây? Anh bảo chúng ta mở nhà máy sản xuất kính viễn vọng hay sao? Ôi đức thánh Ala cao cả ơi! Con điên đầu lên rồi đây. Hồi ấy sao anh không học bác sĩ, kỹ sư... thiếu gì nghề trên đời này! Ma xui quỷ khiến hay sao mà lại đi học cái nghề kính viễn vọng này!

Tôi điếng người, không biết nói thế nào, chỉ dậm lều bều trong miệng:

- Thưa ông, đúng thế.

Tiền tôi ra cửa ông nói:

- Khi nào tìm được việc thích hợp ta sẽ gửi thư báo.

Đúng lúc ấy thì bố tôi lại đưa ra ý kiến:

- Cha không sống được bao lâu nữa, cha muốn được vui vầy bên các cháu, vậy nên cha sẽ lấy vợ cho con, để rồi cha có thể nhắm mắt ra đi.

- Nhưng con vẫn đang thất nghiệp, một xu dính túi không có, - tôi trả lời.

Bố tôi nói tiếp:

- Con học ở Mỹ về, tụi con gái ối đưa xếp hàng chờ con duyệt, lo gì.

Thế là bố mẹ tôi chọn cho tôi một cô trong số các cô xếp hàng ấy và ép tôi phải cưới. Thế là cả nhà tôi sống nhờ vào đồng lương hưu còm của ông già tội nghiệp sống nay chết mai. Cô vợ tôi không nỡ để bố mẹ tôi phải mong đợi lâu, chỉ loáng một cái đã chữa từ lúc nào không hay!...

Cuối cùng tôi cũng được bổ nhiệm vào một xí nghiệp dệt quốc doanh. Tôi đã thử hé răng trình bày rằng tôi không hiểu biết gì về vải vóc kim chỉ, nhưng

mọi người lại bảo:

- Dù sao anh cũng là chuyên gia, là kỹ sư, còn hơn chán vạn những người ở đây.

Tôi bắt tay vào việc và thấy rằng với tiền lương như thế thì không thể sống được. Tôi nghĩ thầm: Thôi được, đành đến gặp anh bạn mà hồi trước đã viết cho tôi "Cậu cần cho Tổ quốc, chứ không cần cho nước Mỹ" để xem sao. Lúc này anh đã là tham tán cho toà thị chính.

- Bạn ơi, nghe mình nói đây! Tớ đã trở về Tổ quốc theo lời khuyên của cậu. Thế mà bây giờ tiền nhà tớ cũng không có đủ mà trả, chủ nhà đâm đơn ra toà kiện. Tớ sẽ phải quay trở lại Mỹ...!

- Không được, - anh bạn tham tán toà thị chính của tôi đáp, - cậu phải ở lại phục vụ vì lợi ích của đất nước.

- Tớ có từ chối đâu, đất nước hãy cứ sử dụng tớ đi! Tớ đây, đất nước đâu, xin mời hãy sử dụng đi!

- Thôi được, cậu phải chịu khó chờ đợi ít ngày nữa, tớ sẽ tìm cho cậu một việc có thu nhập khá hậu.

Quả nhiên ba ngày sau anh bạn gọi điện cho tôi:

- Tớ đã tìm được chỗ làm cho cậu, đầu tháng tới cậu có thể bắt đầu làm việc.

- Việc gì vậy? - Tôi hỏi.

- Tất nhiên, việc không hợp với chuyên môn của cậu nhưng lại được trả nhiều tiền. Cậu biết không ở toà thị chính còn khuyết hai chỗ ở phòng quản lý nghĩa trang và phòng vệ sinh môi trường, cậu chọn phòng nào cũng được!

- Thôi, cậu đừng đùa nữa...

- Tớ không đùa đâu, - bạn tôi đáp. - Mình nói luôn rằng công việc bên phòng nghĩa trang nhàn hạ hơn.

Xí nghiệp dật và phòng quản lý nghĩa trang đảng nào tôi cũng mù tịt cả, thì cứ làm thử phòng nghĩa trang xem sao. - Tôi nghĩ bụng thế.

Phòng làm việc của trưởng phòng quản lý nghĩa trang được toà thị chính trang bị khá chu đáo: một tủ đứng kiểu cổ, một bàn, hai giá để báo, và ba ghế sa lông. Sáng nào tôi cũng đến ngồi đó như ông phỗng, không đi đâu cả, thậm chí không nghỉ đi ăn trưa, mà ở đây làm gì có bữa ăn trưa.

Khi tôi được nhận kỳ lương đầu tiên, tôi sững sờ đến nỗi phải chạy ngay đến ông bạn tôi, nói:

- Đây, bạn ơi, hồi ở xưởng dệt tôi được lĩnh một ngàn lía, mà vẫn còn phải giặt gấu vá vai, bây giờ được có tám trăm lía thì biết sống thế nào?

- Cậu đừng nhìn vào cái bậc lương ấy làm gì. - anh bạn tôi trả lời, - nó chỉ có tính tượng trưng thôi. Khi nào người ta chỉ định cậu vào làm uỷ viên hội đồng, lúc đó mới có thu nhập cao.

- Cậu nói hội đồng gì vậy? - Tôi hỏi.

- Có thể chúng mình sẽ cần đến những ý kiến của cậu trong lĩnh vực mà cậu là chuyên gia.

"Cuối cùng thì tôi cũng là người có ích cho Tổ quốc!". Tôi vui sướng trong lòng không làm sao kể hết.

Một buổi sáng tôi thấy trên bàn làm việc có một tờ giấy đánh máy cuộc sống chữ ký của thị trưởng. Có lẽ đó là bản lót dưới thứ tám hay thứ chín gì đó, vì tôi không thể nhìn ra các con chữ cái nữa, tôi phải đi hỏi mới biết rằng đó là quyết định bổ nhiệm tôi làm uỷ viên hội đồng. Có tất cả mười một viên chức của toà thị chính tham gia vào hội đồng này để soạn ra bản: "*Quy định đặc biệt cho những người bán chả rong*".

Cứ thứ sáu hàng tuần tất cả uỷ viên hội đồng phải tập họp tại một phòng làm việc riêng trong toà thị chính. Hôm ấy đúng chín giờ kém năm, tôi đã có mặt ở phòng họp. Chín giờ, chín rưỡi, mười giờ... vẫn không một bóng người! Mười một giờ kém mười mới có một uỷ viên đến! Chúng tôi làm quen nhau, hoá ra về chuyên môn ông là thầy thuốc, nhưng lại làm ở phòng cung ứng của toà thị chính.

Tôi bảo ông ta:

- Thú thật việc soạn thảo quy định cho cánh bán chả rong trước hết thuộc về phạm vi chuyên môn của ông, còn tôi là kỹ sư - quang học, thậm chí tôi không thể hình dung nổi, nghề tôi có dính dáng gì đến cái việc ấy.

- Xin lỗi anh, vậy thì tôi có quan hệ gì với cánh bán chả rong? - Ông bác sĩ phật ý.

- Dù sao thì ông cũng là bác sĩ, dù thế nào đi nữa ông cũng có ích trong việc soạn thảo bản quy định này.

- Nhưng tôi là bác sĩ chỉnh hình! - Ông bác sĩ phản đối. Theo anh thì, một

bác sĩ chuyên chữa gãy xương, sai khớp có quan hệ gì với bán chả rong?

Giờ thì đến lượt tôi phát ý. Tuy nhiên đúng lúc này xuất hiện thêm ba uỷ viên hội đồng nữa. Chúng tôi làm quen với nhau. Thứ nhất là ông đại tá về hưu phụ trách nhân sự phòng cây xanh môi trường toà thị chính, thứ hai là hoạ sĩ trang trí trong phòng nhân sự toà thị chính và cuối cùng là một viên chức tư vấn kỹ thuật, vốn trước đây đã từng mười năm hành nghề chữa răng.

- Tôi không thể nào hiểu nổi, - tôi nói với anh chàng hoạ sĩ trang trí, - tôi sẽ đóng vai trò gì trong việc soạn thảo bản quy định cho những người nướng chả bán rong ngoài phố, trong khi tôi đang phụ trách phòng nghĩa trang, còn nghề chính của tôi lại là kỹ sư - quang học?

- Có lẽ đây là lần đầu anh tham gia vào hội đồng chứ gì? - Chàng hoạ sĩ mỉm mỉm cười.

- Đúng thế, lần đầu tiên

- Tôi thì "trúng" lần thứ hai rồi. Thoạt đầu cứ nghĩ là làm nổi. Sau đó mới vỡ lẽ ra rằng, rồi ai cũng làm được hết. Chẳng hạn trước kia tôi làm uỷ viên hội đồng soạn thảo quy định "Nội quy vận chuyển gia súc có đóng móng trong thành phố" rồi mọi chuyện cũng tốt đẹp cả. Chả có gì đáng ngại đâu ông ạ!

Gần mười một giờ thì tất cả các uỷ viên đã có mặt đầy đủ. Tôi ngồi giữa ông bác sĩ thú y và anh hoạ sĩ.

- Nhiệm vụ này hoàn toàn không phù hợp với chuyên môn của tôi, - tôi nói với ông bác sĩ thú y bên trái.

- Đối với những công việc như thế này đòi hỏi phải có sự hiểu biết rộng.

- Ông thú y đáp lại, - Chúng tôi đã soạn thảo nhiều bản quy định, tất cả đều được đưa vào áp dụng ngay, không cần sửa chữa bổ sung gì cả.

- Chả lẽ đúng như vậy? - Tôi thốt ra đầy vẻ ngạc nhiên, không có ý gì nghi ngờ ông bạn ngồi bên, nhưng ông ấy lại tỏ ra vô cùng bức tức.

- Anh hỏi "chả lẽ đúng như vậy?" nghĩa là thế nào? - Ông thú y nổi khùng - Tôi và các ông đồng nghiệp ngồi đây, tất cả chúng tôi là các chuyên gia trong nghề của mình. Chẳng lẽ anh cho rằng chúng tôi không soạn nổi bản quy định bán chả rong hay sao?

Tôi im lặng không muốn dấy vào ông bác sĩ thú y nóng tính.

Đúng lúc này ông đại tá về hưu ngồi trước mặt tôi lên tiếng:

- Kính thưa các bạn đồng nghiệp! Tôi hy vọng rằng, theo truyền thống, các bạn sẽ không phản đối nếu như tôi đề nghị chúng ta bầu ngài A - tiếp kính mến làm chủ tịch hội đồng.

Theo chỗ tôi biết, ngài A - tiếp đã làm viên chức hai mươi một năm ở toà thị chính và bây giờ, theo lời ông, ông đang lãnh đạo một ban trong phòng môi trường và cảnh quan thành phố.

Ông giảng viên môn triết học cổ đại, hiện nay đang giữ một chức trong ban cấp thoát nước, không hiểu sao cứ nhè vào tôi mà hỏi, tựa hồ như ngoài tôi ra trong phòng họp không còn ai cả:

- Anh không có điều gì phản đối đấy chứ?

- Sao ông lại nói vậy, thưa ông! - Tôi kêu lên - Chẳng lẽ tôi là một anh kỹ sư - quang học, đang làm ở phòng quản lý nghĩa trang lại có thể quyết định điều gì ở đây hay sao?

- Dầu sao thì anh cũng là người mới...

- Tôi rất ủng hộ là đảng khác! - Tôi hồ hởi nói tiếp - Ông A - tiếp hay là ai khác tôi cũng hoàn toàn ủng hộ.

- Thưa các ngài! - Ông A - tiếp hướng về phía mọi người. Như chúng ta đã biết (riêng tôi thì hoàn toàn chưa biết chuyện gì!), theo quyết định của toà thị chính thì từ lâu đã cấm bán chả rong trong phạm vi thành phố rồi. Tuy nhiên, vì thiếu cảnh sát, cũng như do địa giới thành phố mở rộng quá nhanh, kèm theo đó là việc kiểm tra thực hiện thiếu nghiêm túc, hơn nữa do nạn thất nghiệp ngày càng tăng lên... vì những lẽ đó mà số người bán chả rong trên các đường phố cũng tăng lên từng ngày, gây cản trở giao thông. Tình trạng này chúng ta chưa giải quyết được. Xuất phát từ tình hình này, ngài thị trưởng thành phố đã cho gọi kẻ nô lệ trung thành này đến và ban lệnh rằng: "Theo những số liệu đã được kiểm tra thì toà thị chính chúng ta không đủ sức đấu tranh với bọn bán chả rong vi phạm lệnh cấm của chúng ta. Vì thế bằng mọi giá, chúng ta phải ngăn chặn ngay những hành động không kiểm soát nổi đó, lập lại chế độ kiểm tra khác, quy định lại những nguyên tắc kinh doanh trên đường phố, vân vân và vân vân. Xuất phát từ tình hình thực tế này, tôi chỉ thị cho các ngài uỷ viên hội đồng soạn thảo bản quy định về những nội dung nói trên. Thưa các quý ngài đó là lí do chúng ta tập trung tại đây... Ngài A - tiếp nói, y như đọc thuộc lòng một văn kiện chính thức nào đó, ông nói giọng đều đều những câu dài mà ý nghĩa của chúng có những đoạn không tài nào hiểu nổi".

- Tôi thấy rằng vấn đề đã rõ rồi đấy! Tuy nhiên chúng ta cần phải "làm thông thoáng" nó ra, - ông kỹ sư lâm nghiệp, hiện là quan chức phòng thuế nói:

- Tôi không hiểu thế nào là "làm thông thoáng", nên quay sang ông họa sĩ ngồi cạnh, người đã chuyển sang làm ở phòng y tế, hỏi:

- Xin lỗi ông, chúng ta phải làm thông thoáng như thế nào?

- Có nghĩa là, - ông ta mỉm cười đáp, - chúng ta cần phải ra sức ba hoa chích choè về vấn đề bán chả rong ngoài phố.

Thấy vẻ ngơ ngác của tôi, họa sĩ giải thích:

- Nghĩa là việc của chúng ta là ngồi và tán phét với nhau về việc bán chả rong. Ai hiểu thế nào theo ý mình thì cứ việc nói ra, sau đó chúng ta cùng tổng hợp lại những điều đã nói thành một bản quy định.

- Thưa các ngài! - Ông họa sĩ nói với mọi người - tôi cho rằng vấn đề đã rõ rồi đấy.

Lúc bấy giờ chủ toạ A-tiếp nhìn đồng hồ và nói:

- Tôi cho rằng cần thiết phải tuyên bố nghỉ ăn trưa. Vào phiên họp chiều chúng ta sẽ tiếp tục thảo luận vấn đề này.

Đại tá về hưu, đại diện cho phòng cây xanh môi trường, vui vẻ reo lên:

- Nhất trí! - Rồi ông chống tay lên ghế đứng dậy.

Ông A- tiếp nói với theo những người đang lục tục ra cửa:

- Thưa các ngài! Phiên họp chiều của chúng ta bắt đầu vào ba giờ, tức là mười lăm giờ không phút, không giây!

- Nếu tôi có chậm một phút thì cũng không có gì đáng ngại, - ông bác sĩ chỉnh hình làm ở phòng cung ứng đáp lại - Tôi xin nói trước là tôi tán thành mọi quyết định mà các bạn đồng nghiệp thông quan, tôi sẽ cố gắng đến họp đúng giờ.

Các uỷ viên hội đồng trao đổi vui vẻ với nhau một lát rồi giải tán. Tôi đi theo họ mà lòng trĩu nặng u buồn.

Buổi chiều, khoảng bốn giờ, hội đồng lại nhóm họp, thưa thớt có mấy người.

- Thưa các ngài! - Ông A-tiếp bắt đầu. - Cảnh tượng bán chả rong lộn xộn, mất mỹ quan ở thành phố chúng ta hết sức mất vệ sinh, phản y tế. Vì thế

việc lập lại trật tự cần thiết cho những người bán chả rong thông qua bản quy định của toà thị chính là điều hết sức cấp bách hiện nay.

Hoạ sĩ trang trí, đại diện cho phòng nhân sự nhận xét:

- Lý ra, bản quy định này phải được ban hành từ lâu rồi bây giờ đã khí muộn...

- Thừa anh, anh nói chí phải, - đại tá về hưu không để ông ta nói hết. - Tuy nhiên tôi cho rằng, chúng ta đã bỏ qua, thưa quý vị, một chi tiết, một chi tiết vô cùng quan trọng.

Tôi thích cách mở đề thiết thực như vậy, thậm chí còn thấy có cảm tình với ông đại tá, nên rất chăm chú lắng nghe. Ông đại tá về hưu ho mấy tiếng thật to, làm đình tai mọi người rồi tiếp tục.

- Có một điều hiển nhiên là, lẽ ra từ lâu chúng ta đã phải ban hành bản quy định này cũng như hàng loạt các bản quy định khác tương tự. Tuy nhiên, cho phép tôi được nhận xét rằng, để giải quyết được những vấn đề này theo cấp độ hiện đại, tức là ngang bằng với cấp độ của nền văn minh phương Tây đương đại, thì trước hết chúng ta phải đào tạo những cán bộ trí thức của chính mình ngay trong nước mình. Thưa các ngài! Đào tạo cán bộ không phải dễ. Xin được nêu thí dụ là, chính các vị đồng nghiệp của tôi ngồi đây, ai cũng đều đã từng học một ngành chuyên môn tại châu Âu, hoặc ở Mỹ. Hoặc giả, xin lỗi quý vị, ví như kẻ nô lệ trung thành này của quý vị cũng đã từng là trợ lý tùy viên quân sự ở Bát-đa. Xin các vị thứ lỗi cho, mười năm trước đây các vị có giỏi đến mấy cũng không tập hợp nổi mười nhà trí thức có học vấn cao đến thế này để chuẩn bị một bản quy định nói trên. Thưa các vị, nếu so sánh với quá khứ thì đất nước ta đã đến một bước xa về phía trước.

- Hoàn toàn không còn nghi ngờ gì nữa! - Ông bác sĩ thú y, đại diện phòng văn thư - ấn loát kêu lên, rồi ông quay sang tôi, thấy tôi định nói hoặc phản đối gì đó, ông nói giọng đe dọa:

- Anh cũng đồng ý kiến như thế chứ gì?

Đang lúc bối rối, hoặc do không hiểu ông ấy hỏi gì, nên tôi rụt rè hỏi lại:

- Ông định nói gì vậy?

- Tôi định hỏi, - ông bác sĩ thú y nói, - ý kiến anh. Liệu anh có cho rằng đất nước ta đã tiến một bước dài về phía trước so với quá khứ hay không?

- Ông hỏi gì lạ thế? Tất nhiên là tiến xa, rất xa nữa là đằng khác!

- Kính thưa các vị! Xe ngựa đã đi vào dĩ vãng, - ông đại tá tiếp tục. - Bây giờ ở Stambun, tàu điện bánh sắt đã được thay thế bằng ô tô điện bánh hơi hiện đại, chạy nhanh vun vút...

Vào lúc này nhà chinh hình xuất hiện, ông vội vã cởi áo khoác ngoài, rồi vừa ngồi xuống vừa hỏi:

- Xin lỗi, tôi đến muộn vì bận. Các vị đã bàn xong những vấn đề chính chưa?

- Bây giờ mới bắt đầu thảo luận. - Ông kỹ sư lâm nghiệp, viên chức ngành thuế đáp lại.

- Thưa các vị, như vậy là, - ông A - tiếp lại bắt đầu, - vấn đề đã rõ. Bây giờ...

- Xin chờ cho một phút! - Ông thú ý ngắt lời. - Được phép ông, tôi xin nêu một điều không kém phần quan trọng nữa... Tôi có cảm tưởng cho đến nay chúng ta vẫn chưa nghiên cứu kỹ vấn đề bán chả rong, và thật đáng tiếc, lần đầu tiên chúng ta mới đề cập tới vấn đề này ở đây trong phiên họp của chúng ta. Mọi người đang mong chờ chúng ta cho ra đời bản quy định cho những người bán chả rong. Thưa các vị đồng sự kính mến, tôi xin được mạo muội nhận xét rằng, công việc này không dễ một chút nào. Tôi sẽ không lần khi nói rằng đề tài này chúng ta không quen về phần mình, tôi xin thú nhận rằng, tôi chưa hề nghiên cứu vấn đề bán chả rong theo góc độ khoa học. Nhưng tôi không giấu giếm là tôi cũng có vốn kiến thức rất rộng rãi về nghề nướng chả trong nhà hàng, khách sạn, nhưng ngược lại nghề kinh doanh chả rong lại là một loại hình hoạt động hoàn toàn khác...

Có lẽ ông ta không quan tâm đến ý kiến ai khác nữa ngoài tôi, nên ông bỗng hướng về tôi hỏi:

- Phải thế không, anh bạn đồng sự đáng kính?

- Chắc có lẽ, là thế... - Tôi nói lúng búng, vì bị hỏi bất ngờ.

- Xuất phát từ đó, - Ông thú ý tiếp tục, Mọi người chúng ta phải chuẩn bị kỹ cho vấn đề này. Không thể có chuyện một chốc một lát lại có ngay được bản quy định. Vì thế tôi đề nghị các ngài hãy chấm dứt các cuộc thảo luận không mang tính chuyên môn cao này. Tất cả những ý nghĩ chợt đến với chúng ta lúc này chỉ là những ý kiến nông cạn, nhất thời.

- Chúng ta đã động chạm đến một vấn đề rất quan trọng, - ông kỹ sư lâm nghiệp tham gia - Lạy đức Ala chứng giám, thật lòng mà nói, tất cả chúng ta

trong lĩnh vực này đều là những kẻ ngoại đạo.

- Ông hơn tôi nhiều tuổi, - ông bác sĩ chỉnh hình nói với ông bác sĩ thú y, - nghĩa là tôi muốn nói rằng, ông tham gia các hội đồng sớm hơn tôi nhiều. Nhưng xin phép được hỏi ông, thế nào là những ý kiến nông cạn, nhất thời? Thôi, xin thưa với các ngài, thế là đủ rồi nhé! Chính vì mọi người đang mong đợi sự ra đời của bản quy định, cho nên trước khi đến họp, chúng ta đã phải nghiên cứu trước vấn đề này rồi nhé!

- Tôi cho rằng, - ngài chủ tọa A-tiếp của chúng tôi lên tiếng, - vào thời điểm hiện tại, vấn đề này đã khá định hình và rõ ràng hơn nhiều rồi. Do vậy, trước khi đến họp lần sau, các vị phải có những chính kiến sẵn, được chuẩn bị kỹ hơn.

- Một ý tưởng rất chính xác, phải không các vị? Chúng ta cần phải tham khảo nhiều tài liệu.

- Vậy là, - ông A-tiếp tiếp tục, hôm nay là thứ sáu, mai thứ bảy. Thứ bảy thực tế chúng ta làm việc có nửa ngày, sau đó là nghỉ chủ nhật. Thưa các vị, đến thứ hai xin các vị chuẩn bị thật kỹ cho để có những chính kiến xác đáng về vấn đề này. Hôm đó vào buổi chiều, lúc bốn giờ. Vâng, tức là mười sáu giờ không phút, không giây chúng ta lại tập trung ở đây.

Sau đó ông A-tiếp viết mấy dòng chữ thật nắn nót, đẹp dễ như viết trên bìa một tuyển tập văn học: "Chúng tôi, những người ký tên dưới đây, gồm mười một chuyên viên trong hội đồng thị chính được thành lập để soạn thảo bản quy định đặc biệt cho những người bán chả rong, gồm có... họp ngày... tháng... năm, sau khi thảo luận chúng tôi nhất trí kết luận như sau..."

Chúng tôi cùng ký tên dưới biên bản và giải tán. Đêm ấy tôi ngủ không ngon. Giấc ngủ chập chờn đưa tôi vào cơn ác mộng tựa như tôi bị sa vào một cái bẫy, không tài nào thoát được. Tôi tỉnh dậy người toát mồ hôi lạnh và nghĩ ngay đến việc phải tự chuẩn bị, nghiên cứu vấn đề bán chả rong. Sáng hôm sau tôi đến thăm anh bạn tham tán toà thị chính.

- Bạn ơi, nghe mình nói đây này, - tôi bảo anh ta, - việc này không hợp với mình, có lẽ cậu cho mình nghỉ vì không kham nổi đâu...

- Sao thế? - Anh ta cười, hỏi tôi.

- Vì rằng, - tôi đáp, - cả đời mình chưa bao giờ nghiên cứu vấn đề bán chả rong, và tớ cũng chả có một tí kiến thức nào trong lĩnh vực này. Thậm chí mình cũng chưa bao giờ ăn chả nướng bán rong cả. Vậy làm sao mình soạn

thảo nổi quy định cho họ? Tôi chỉ có thể soạn thảo những quy định về ống ngấm, kính mắt, kính viễn vọng... cho toà thị chính. Thú thật là tôi không tiêu hoá nổi cái món chả nướng bán rong này đâu!...

- Cậu cứ phức tạp hoá vấn đề ra thế chứ, - bạn tôi phản đối, - Dù thế nào đi nữa thì cơ quan thị chính chúng ta cũng phải thảo ra được bản quy định này. Đương nhiên chỉ có các chuyên viên mới đảm đương được việc này, hay là cậu cho rằng có thể giao nhiệm vụ ấy cho bất kỳ ai? Tất nhiên là không rồi! Chỉ có giao việc này cho các chuyên viên cao cấp thì mới có được những ý kiến chất lượng.

- Cậu đã nói thế thì thôi vậy, - tôi đáp, - nhưng cậu vẫn biết là ở châu Âu và châu Mỹ tôi chỉ nghiên cứu quang học.

- Cậu nghe này, tôi thừa biết là ở châu Âu không ai mang món chả nướng đi bán rong cả. Vậy thì, theo cậu chúng ta phải cử người sang châu Âu châu Mỹ để dạy cho họ cái nghề đó, hay là cậu bảo phải mời từ bên đó về những chuyên viên về nghề bán chả rong? Phải nói thẳng ra là chúng ta đã nhiễm phải một thói quen xấu: cứ động một tí là mời chuyên gia nước ngoài. Ngoại lệ thì không mời chuyên gia cũng đã thiếu triền miên, thế mà lại còn bày đặt chuyện ném tiền qua cửa sổ!... Vậy nên chúng ta đừng có cường điệu những khó khăn lên nữa!... Cậu là một công dân có văn hoá của đất nước mình, cậu phải nhớ cho kỹ điều đó! Cậu hiểu chứ?...

Không thể nói được rằng bạn tôi sai cả. Dù thế nào đi nữa, thì những người soạn thảo tốt nhất bản quy định này vẫn là chúng tôi, chứ không phải bất kỳ ai.

Về đến nhà tôi vội đầu vào sách vở, tìm hiểu trong bách khoa toàn thư để bổ sung kiến thức của mình trong lĩnh vực chả nướng và người bán chả nướng.

Chiều tối chủ nhật tôi bị một trận đau bụng, bởi cả ngày hôm đó tôi bận bịu vào công việc nghiên cứu tìm hiểu vấn đề này: tôi đi lang thang khắp thành phố tìm những người bán chả rong trò chuyện với họ, mua và ăn những thứ họ đem đi bán rong. Những người này không chỉ bán chả nướng mà còn bán cả thịt băm viên, bánh nhân thịt. Họ đặt thịt lên trên lát bánh mì tròn hoặc trên đĩa nhôm, đôi khi họ lấy giấy báo gói lại đưa cho khách. Tôi không biết họ gói bằng thứ giấy báo gì, cũng không biết thứ họ rắc vào bánh là hành thái nhỏ hay rau mùi tây. Tóm lại hôm đó cái dạ dày khốn khổ của tôi được nếm thử tất cả các loại hình sản phẩm của những người bán chả rong và đến sáng

hôm sau nó bị phen khốn đốn vì bội thực... thông tin.

Chiều nay thứ hai chúng tôi lại họp.

- Các vị đến đủ chưa nhỉ? - Ngài A- tiếp hỏi.

Chúng tôi điểm danh, chỉ thấy mười người có mặt trong khi đó theo hướng dẫn thì khi soạn thảo phải có đủ mười một uỷ viên. Ông A-tiếp điểm danh lại lần nữa.

- Có lẽ thiếu ngài đại diện phòng cung ứng năng lượng?...

Cựu giảng viên triết học cổ đại, nay là đại diện phòng cấp thoát nước, nhận xét:

- Ông bạn đồng sự mà ngài điểm danh đã vắng mặt từ phiên họp trước.

- Ông ấy không được khoẻ, - bác sĩ nha khoa nói. - có giấy chứng nhận của bệnh viện, vì thế ông ấy không đến họp.

- Nhưng phải tìm được ông ta để lấy chữ ký vào văn bản và biên bản cuộc họp, - Ông A-tiếp nhắc nhở.

- Điều ấy thì quan trọng gì, - bác sĩ nha khoa nói, - tôi sẽ ký thay ông ta.

- Không ổn, không ổn! Thưa các vị! Việc này không được phép sơ suất, bởi khi lập phiếu lĩnh tiền có thể sẽ bị nghi ngờ, - ngài A-tiếp phản đối và đưa tờ biên bản kỳ họp trước cho ngài bác sĩ nha khoa xem, trong đó chính ông bác sĩ đã ký thay người đồng sự vắng mặt.

Ông kỹ sư lâm nghiệp - đại diện phòng thuế - ngồi cạnh khẽ rĩ tai tôi:

- Bao giờ cũng thế! Ngay từ đầu ông ta đã lơ là công việc chung rồi.

- Thưa ông, ông định nói ai vậy? - Tôi hỏi.

Mọi người đang nói đến cái ông vắng mặt, không đi họp ấy mà, - nhà lâm nghiệp đáp. - Ông này trước đây là cầu thủ bóng đá. Vì là một danh thủ xuất sắc nên người ta đưa vào phòng cung ứng điện năng, chứ, anh cũng thừa biết đấy, cầu thủ bóng đá thì biết gì về điện đóm?...

- Cũng hoàn toàn giống như kẻ nô lệ trung thành này của ngài biết gì đâu trong lĩnh vực bán chả rong vậy, - Tôi đáp.

- Anh bạn đồng sự thân mến, nhưng dẫu sao anh cũng còn đi dự đầy đủ mọi phiên họp, - nhà lâm nghiệp phản đối. - Còn ông ta thì chẳng thấy mặt mũi đâu.

Ông A-tiếp rung chuông gọi người phục vụ mang cà-phê và trà cho chúng tôi. Cái dạ dày tôi lại lên tiếng như trước vì thế tôi xin một cốc nước ga.

Ông chủ tịch ghi một cái phiếu chi, bởi mọi khoản chi cho hội đồng đều do ông trực tiếp kiểm soát.

- Thưa quý vị, - Ông A-tiếp mở đầu phiên họp - xin mời các vị có mặt cho biết chính kiến của mình.

- Xin phép chủ tọa cho tôi được báo cáo, - ông đại tá về hưu, đại diện phòng cây xanh môi trường đề nghị.

- Xin mời ngài đại tá, - Ông A-tiếp nói.

- Vấn đề bán chả rong, - ông đại tá bắt đầu, - tôi đã nghiên cứu từ góc độ kinh nghiệm và nhận thức riêng. Thưa các quý vị, lần trước khi chúng ta soạn thảo "*Quy định cho các xe ngựa kéo*", hẳn quý vị còn nhớ, những đề nghị của tôi đã đẩy công việc vượt qua khỏi điểm chết, và lập tức chúng ta đã đạt được tiến bộ. Lần này cũng vậy, tôi xin có những đề xuất sau: Trước hết chúng ta phải thiết lập được một chế độ kỷ luật nghiêm khắc dành cho những người bán chả rong. Kỷ luật là nòng cốt để đảm bảo trật tự. Muốn thế phải yêu cầu toà thị chính trước khi cấp giấy phép hành nghề, bán chả nướng rong cho một ai đó, phải đòi họ xuất trình giấy chứng nhận đã qua phục vụ trong quân đội rồi và nay tham gia quân dự bị.

Căn cứ vào đó...

- Nhưng, xin phép cho tôi được hỏi, - anh chàng hoạ sĩ nay là quan chức ngành y tế cắt ngang. Tại ngũ chính thức - điều đó còn hiểu được, nhưng văn bản chứng nhận họ đang là quân dự bị thì có ý nghĩa gì với chúng ta? Xin thưa, một con số không tròn trịa. Bởi vì không thể nào biết được khi nào người ta gọi công dân đó đi huấn luyện lại, có người hơn bốn mươi tuổi còn bị gọi, có người thì lại không bao giờ gọi. Một người đồng bào của chúng ta biết làm gì khi anh ta muốn đi bán chả rong mà chưa được gọi đi huấn luyện lại, trong khi anh ta vẫn nằm trong biên chế quân dự bị? Anh ta phải chờ cho đến bốn mươi cái xuân xanh hay sao? Và nếu anh ta không bao giờ được gọi thì suốt đời không được kinh doanh à? Như vậy là không một ai trong đồng bào chúng ta có thể đi bán chả rong và như thế rõ ràng là đối lập với cả bản Tuyên ngôn nhân quyền lẫn Hiến pháp.

Tôi rất khoái lời phát biểu của anh hoạ sĩ, anh chàng thật tuyệt vời, nói cực hay!...

Nhưng ngay lập tức ông bác sĩ nha khoa, đại diện phòng tư vấn kỹ thuật nêu ý kiến tranh luận:

- Kê nô lệ trung thành này của các cụ trước đây cũng đã từng là bác sĩ răng hàm mặt quân y. Nhưng, đáng tiếc là, tôi không thể đồng tình với ý kiến của anh bạn đồng nghiệp vừa phát biểu trên. Tuyên ngôn nhân quyền và Hiến pháp là cái gì?... hoàn toàn chẳng có quan hệ gì ở đây cả! Giữa Hiến pháp và bán chả rong có cái gì chung đâu? Riêng kê nô lệ này của các vị thì không thấy trong Hiến pháp có chỉ dẫn gì về việc này cả.

- Các vị đồng nghiệp kính mến! - Anh họa sĩ đáp lại. - Chính tôi là sĩ quan dự bị đây. Nếu hôm nay tôi muốn đi bán chả rong thì không thể được, chỉ vì tôi không được gọi đi huấn luyện lại hay sao?

- Hẳn là không được rồi! - Ông đại tá về hưu nói to.

- Không, được chứ! - Anh họa sĩ không chịu thua.

- Anh cứ thử xem! - Đại tá nói giọng bức tức.

- Tôi không phải thử! - Anh họa sĩ không lùi bước.

- Tất nhiên, bây giờ thì có thể được, - ông nha sĩ chen vào, - nhưng khi chúng ta đã đưa ra bản quy định, thì sẽ đợi đấy!

- Thưa ông đại tá, - nhà lâm nghiệp tham gia tranh luận, - Xin được hỏi, ông đã phục vụ bao nhiêu năm trong quân đội?

- Cái đó can hệ gì đến ông? - Ông đại tá nổi cáu.

- À, không, tôi chỉ hỏi thế thôi...

- Hai mươi bảy năm...

- Thế ông có được gọi đi huấn luyện lại hay không?

- Không.

- Thưa ngài đại tá kính mến, thế thì ngài cũng không thể đi bán chả rong.

- Lúc này không phải bàn chuyện tôi.

- Hẳn là thế, nhưng....

- Ông nói kiểu gì thế, giáng chừng ông muốn bảo tôi rằng tôi cũng muốn đi bán chả rong chứ gì?

- Ông nói gì vậy, ông đại tá, thôi xin ông!

- Không được, tôi yêu cầu ông phải trả lời tôi.

- Ông cho phép...

- Ông không được xúc phạm tôi!

- Sao tôi lại nói thế, thưa ông đại tá...!

Đến đây thì ông A-tiếp chen vào, ông hiểu rằng tình hình đã căng thẳng quá mức.

- Thưa quý vị! Xin các vị chú ý, - ông bắt đầu nói. - Bây giờ xin các vị đồng nghiệp khác cho biết ý kiến về vấn đề này. - Ông nhìn sang tôi. - Thưa ông, ông nghĩ gì về nội dung đang được tranh luận?

- Theo tôi... - Tôi bắt đầu (khuôn mặt ông đại tá sa sầm, đôi lông mày cau lại, ông nhìn tôi xoi mói) quân dịch là vấn đề cực kỳ quan trọng... (ông đại tá vẫn nhìn tôi chăm chăm). Quân dịch là nghĩa vụ thiêng liêng... thiêng liêng nhất trước Tổ quốc và dân tộc...

- Thôi được rồi, - anh hoạ sĩ không thể chịu nổi - làm gì có ai chống lệnh quân dịch?

- Quân dịch..., - tôi lại nói tiếp. - Vì vậy... luôn luôn... Theo tôi, mọi người bán chả nướng rong nhất thiết phải trải qua quân dịch. Tuy nhiên... đồng thời cũng phải đưa vào văn bản mục tất cả những người bán chả rong phải chấp hành lệnh quân dịch ngay cả khi đang là quân dự bị.

- Rất đúng! - Ông đại tá hưởng ứng - Có thể chứ, giờ thì tôi không phản đối gì nữa.

- Nhưng vừa rồi chúng ta bàn về chuyện gì vậy - Chàng hoạ sĩ hỏi.

- Các ông... Các ông đưa ra đề nghị như thế tức là khuyến khích việc đào ngũ, như thế thì ai chả muốn làm nghề nướng chả.

- Thưa quý vị, - Ông A-tiếp hưởng về mọi người nói. - The chỗ tôi hiểu thì tất cả các vị đều thống nhất với nhau rằng, những người bán chả rong phải thực hiện chế độ quân dịch, có phải thế không ạ?

Tất cả mọi người cùng nhất trí giơ cao tay đồng ý.

- Thưa quý vị, - ông A-tiếp tiếp tục, - bây giờ đã là năm giờ hai phút, ngày mai chúng ta lại tiếp tục thảo luận. Đến đây tôi xin tuyên bố kết thúc phiên họp.

Chúng tôi cùng nhau ký tên dưới biên bản cuộc họp hôm nay. Riêng ông

nha sĩ còn ký thay cho cả ông cự cầu thủ bóng đá, người đại diện cho phòng cung ứng năng lượng.

Hôm sau chúng tôi phải tập trung vào lúc mười giờ.

Nhà cự cầu thủ bóng đá lại không có mặt.

Đề nghị của ông đại tá về hưu yêu cầu tất cả những người bán chả rong phải mặc đồng phục, khiến cuộc thảo luận rơi vào tình trạng bế tắc. Nhưng, mặc dù mọi người đã tán thành việc những người bán chả rong phải mặc đồng phục rồi, ông đại tá vẫn khẳng định họ phải mặc đồng phục cả lúc ngoài giờ làm việc. Ông A-tiếp phải lấy biểu quyết, nhưng các phiếu lại chia đều nhau: năm phiếu thuận, năm phiếu chống.

- Không phải ngẫu nhiên, - ông A-tiếp nói, - mà hội đồng chúng ta gồm mười một người chính là để tránh những tình huống như thế này. Tiếc thay, một đồng sự của chúng ta vắng mặt, đặt chúng ta vào tình thế khó xử. Kết quả bầu cử là năm trên năm! Giờ chúng ta làm thế nào đây?

Bác sĩ chỉnh hình nêu ý kiến:

- Ông ấy là bạn thân của tôi. Thời kỳ trước tôi vẫn chạy chữa chấn thương trong các trận đấu cho ông ấy. Bao giờ ông ấy cũng chia sẻ mọi điều suy nghĩ với tôi. Theo chỗ tôi biết thì ông ấy phản đối đồng phục. Nếu các vị cho phép, tôi xin biểu quyết thay ông ta.

- Tôi với ông ấy cũng là chỗ bạn bè, - ông nha sĩ chen vào. - Ông nhận định như thế là sai đấy. Làm sao một người cầu thủ bóng đá như ông ấy mà lại phản đối đồng phục. Xin được hỏi ông, tại sao trong một trận đấu bóng đá hai đội lại phải mặc quần áo khác màu nhau? Không có lẽ một tuyển thủ trong nhiều năm đã hai mươi hai lần khoác áo đội tuyển quốc gia lại là người chống lại mặc đồng phục!

- Tôi yêu cầu các vị không thảo luận vấn đề đồng phục nữa! Ông đại tá nói giọng đe nẹt.

- Nhưng đối với những người đi bán chả rong thì đồng... - Ông chỉnh hình định nói tiếp.

- Rong với chả dao!... Đồng phục là đồng phục, chẳng có gì phải nói nữa. Im cả đi! - Ông đại tá gào to.

- Xin quý vị cho để lại vấn đề này đến khi nào ông bạn đồng sự có mặt. - Ông A-tiếp nói giọng giảng hoà, hy vọng làm dịu tình hình căng thẳng.

Ông đại tá đưa ra thêm mấy đề nghị, trong đó có quy định các xe đẩy chả nướng phải có cùng một kiểu, sơn cùng một màu, ngoài ra, vào ban đêm các xe đẩy đó phải đưa về bãi xe riêng, để tập trung một nơi do toà thị chính quy định.

- Thưa ông đại tá kính mến, - Ông A-tiếp phát biểu. - Chúng tôi xin ghi nhận những đề nghị của ông. Nhưng chính ông là đại diện của phòng cây xanh môi trường, nên có thể còn có những đề nghị liên quan đến lĩnh vực nữa chẳng?

- Hẳn là thế rồi! - Ông đại tá sốt sắng đồng ý. Thí dụ: Nghiêm cấm bán chả rong trong công viên. Ngoài cổng các công viên cần treo biển: "Nghiêm cấm những người bán chả rong đi vào công viên".

- Thế các vườn riêng có cấm không? - Ông thú y đại diện phòng văn thư - in ấn hỏi - Họ có được vào đấy thoải mái không?

- Thưa ông, chúng ta đang nói về những vườn hoa công cộng.

Nhà lâm nghiệp đại diện phòng thuế nêu đề nghị: muốn ngăn chặn việc lấy cắp, gỗ và củi rừng cần phải cấp giấy phép chuyên chở gỗ củi cho những người hành nghề bán chả rong, đồng thời toà thị chính phải kiểm tra ngặt nghèo việc chuyên chở đó cũng như bắt họ phải nộp thuế đường xá, thuế đất, thuế tiêu thụ, thuế hải quan...

Giảng viên triết học cổ đại, nay làm tại phòng cấp thoát nước đưa ra đề nghị, những công dân muốn hành nghề bán chả rong phải có trình độ tiểu học.

Quy định này sẽ khuyến khích được giáo dục tiểu học trong nước. Riêng về việc cấp nước thì sẽ quy định trách nhiệm rõ là, mỗi xe nướng chả phải có ít nhất một xô nước trên đó.

- Về bằng tốt nghiệp tiểu học thì rõ rồi, - anh hoạ sĩ trang trí tham gia ý kiến, - còn xô nước thì để làm gì? Để dập tắt chả cháy à?

- Rửa đĩa, anh bạn thân mến ạ, - nhà cựu triết học đáp.

- Xin thưa rằng họ không dùng bát đĩa gì cả, mà kẹp chả nướng luôn vào bánh mì.

- Nếu không rửa bát đĩa thì để họ rửa tay...

- Thưa với các ông, mùa hè ở Stambun nước trong nhà không chảy, lấy đâu ra nước cho người bán chả ngoài đường?

- Vậy theo anh, họ không cần đến nước?
- Sản phẩm của họ ở dạng khô...
- Nhưng vẫn tồn tại hiểm hoạ bắt lửa...
- Xin các vị chú ý, nước...
- Đừng có ngắt lời tôi.
- Nhưng tôi, xin hãy nghe lời tôi...

Nhà chinh hình, quan chức phòng cung ứng đề nghị cho phép hành nghề đối với những công dân có giấy chứng nhận tình trạng sức khoẻ do ngành y tế cấp. Đặc biệt phải kèm theo những phim chụp X-quang bộ xương của họ.

- Vậy, có nghĩa là anh nào gù lưng thì không được bán chả rong chứ gì? - Ông thú y hỏi

- Không được.

- Tại sao?

- Vì lí do thẩm mỹ! Để giữ vẻ đẹp cho thành phố, để phát triển ngành du lịch, ta phải nghiêm cấm những người gù lưng, què chân, cụt tay kinh doanh chả nướng.

- Thế thì được!...

- Đúng thế, thưa ông, tôi là nhà chinh hình, vậy ai rành rõ hơn: tôi hay là ông? Xin các vị hãy biết tôn trọng ý kiến của chuyên gia. Nếu tôi nói với các vị rằng xét từ góc độ khoa học điều nào đó không đúng, thì các vị phải lắng nghe lời tôi. Hơn nữa là quan chức toà thị chính, mà nói cụ thể hơn là đang phụ trách phòng cung ứng, tôi đề nghị phải xây dựng định mức trọng lượng thịt cho các loại sản phẩm chế biến sẵn và các định mức cụ thể khác.

- Ông nói "các định mức khác" nghĩa là gì?

- Tôi xin đưa ra một dẫn chứng trong thực tế hoạt động kinh doanh chả nướng ở Stambun để ta thấy rõ hơn. Số là bọn lấu cá này lấy bánh mì khô tẩm nước nhào thành bột rồi cứ thế nặn thành những viên chả không có một tí thịt nào. Chúng dùng dầu cũ rán lên thơm phức, thành một loại chả nướng tuyệt vời!

- Ông nói "dầu rán cũ" nghĩa là thế nào?

- Kẻ nô lệ trung thành này của các vị dùng từ này để chỉ loại dầu đã dùng đi dùng lại nhiều lần còn lại ở trong chảo rán, nó chính là một bộ phận hợp

thành của cái chảo. Chảo càng cũ bao nhiêu thì chả càng ngon bấy nhiêu. Một số người hành nghề chả rán còn giữ được chảo có dầu rán cũ thừa kể từ đời cụ kỵ. Các vị thấy đấy, kẻ nô lệ trung thành này đã nghiên cứu khá sâu sắc lề lối của nghề này rồi đấy chứ?

- Được rồi, nhưng làm sao chỉ có ruột bánh mì, không trộn tí thịt nào mà lại biến thành chả nướng thơm phức như thế được? Làm gì có chuyện ấy?

- Vâng, thế mới tài, thế mà họ làm được, bán được.

- Tôi đã ăn thử rồi, mùi thịt thơm phưng phức.

- Đúng rồi, có mùi thịt! Bởi vì họ làm chả không phải bằng loại bánh mì thường, mà họ chỉ mua bánh ở những quầy sát cạnh hàng thịt, mùi thịt được bánh mì "hít" no "hít" chán, rồi họ lại để bánh mì qua đêm lẫn với đồng xương bò, đây mùi thịt là từ đấy mà ra! Vậy nên nhiệm vụ của chúng ta là phải đề ra mục bắt buộc họ phải trộn thịt theo đúng định mức nêu ra trong bản quy định.

- Đúng đấy phải có mục này, - ông bác sĩ thú y nói sôi nổi. - Đó là chuyện cực kỳ hệ trọng!... Tiếp theo ông đề nghị cấm không được làm chả bằng thịt ngựa, thịt lừa, thịt la do các lò mổ "chui" cung cấp, điều đó trái ngược với những truyền thống của đạo Hồi...

Tôi đã cố gắng kể lại văn tắt để quý vị nghe về tính chất của các cuộc tranh luận kéo dài hàng giờ và đôi khi hàng ngày của các uỷ viên hội đồng chúng tôi. Trong khi mọi người phát biểu, lúc nào tôi cũng lo ngay ngáy sắp đến lượt mình phải nói lên chính kiến. Thoạt đầu tôi hy vọng rằng công việc soạn thảo bản quy định sẽ diễn ra nhanh chóng, bởi vì trong số các uỷ viên không có ai là chuyên gia ngành chả nướng, nên chỉ cần vài người phát biểu rồi hội nghị sẽ kết thúc. Ai ngờ hi vọng của tôi vỡ tan như bóng xà phòng.

Để mà kiếm được khoản "phong bì" mỗi ngày đúng một trăm lia, không hơn không kém, chúng tôi ra sức cãi lộn nhau liên miên về mọi chi tiết vụn vặt. Điều đó cũng dễ hiểu thôi: chẳng ai muốn nhận tiền "oan" cả. Vì thế mỗi một uỷ viên phải cố nặn ra càng nhiều khoản mục càng tốt dựa trên cơ sở chuyên môn của mình hoặc xuất phát từ quyền lợi của ngành, ban, phòng mà mình là đại diện. Đó quả là cuộc đấu tranh một mất, một còn. Ai cũng cố bảo vệ lập trường quan điểm, đề nghị của mình và chỉ cần một vấn đề nhỏ nhất cũng trở thành nguyên cớ một trận tranh luận kéo dài hàng mấy giờ liền. Chẳng hạn anh hoạ sĩ đại diện phòng y tế và anh hoạ sĩ trang trí cãi nhau suốt ngày đến lạc cả giọng về vấn đề màu sắc của xe nướng chả và kích cỡ bánh

xe của nó.

Chúng tôi nhận thức được rằng: đây là vấn đề cực kỳ nghiêm túc và vì thế chúng tôi cũng làm việc nghiêm túc cực kỳ.

Về phần tôi, một mặt là quan chức phòng nghĩa trang, mặt khác là kỹ sư - quang học, tôi không thể tìm được cách tiếp cận vấn đề mà hội đồng đang thảo luận. Ở cương vị quản lý nghĩa trang thì không thể nói gì về chả nướng rồi. Kiểu gì thì người ta cũng sẽ có những mối liên tưởng không hay. Thế là, nhỡ toẹt vào chuyện nghĩa trang, tôi quyết định đi theo hướng quang học. Tôi liền đưa ra đề nghị là xe chả nướng phải trang bị kính phóng đại để người mua nhìn rõ mặt hàng hơn, đồng thời cũng là để kích thích khẩu vị của họ. Hơn nữa, có kính phóng đại, hàng sẽ được quảng cáo tốt hơn. Muốn thế, tôi đề nghị sử dụng loại thấu kính khuếch đại hai trăm phần trăm, mà phải lựa loại thấu kính trong suốt, không có bọt khí và tạp chất.

Đó là những đề nghị bước đầu của tôi. Tiếc rằng tôi không đưa được những đề nghị khác nữa vào trong bản quy định. Mãi cho đến tận hôm nay tôi vẫn cho rằng mình chưa xứng đáng với khoản thù lao được nhận.

Tất cả uỷ viên hội đồng đều hết sức nghiêm túc tiếp cận vấn đề và say sưa chứng minh cho giá trị mỗi ngày nhận một trăm lia, cho nên sau mười sáu ngày làm việc chúng tôi đã soạn thảo thành công mỹ mãn bản "*Quy định đặc biệt cho những người bán chả rong*" gồm một trăm mười bảy khoản mục.

Đó là một công trình đồ sộ, bởi vì các uỷ viên hội đồng đã đầu tư vào đó tất cả tri thức, kinh nghiệm, khả năng của mình, nghĩa là tất cả những gì mà họ không áp dụng được trong khi thừa hành công vụ. Vì vậy bản quy định là cuốn sách bách khoa thư độc nhất vô nhị chứa đầy những tri thức không ai cần đến.

Khi tôi kể chuyện này với anh bạn tham tán toà thị chính, anh ấy an ủi tôi:

- Tất cả những chuyện ấy chả có ý nghĩa gì đâu. Những người bán chả rong rồi họ vẫn sống và làm việc như cũ thôi mà. Tuy nhiên, có một bản quy định trong tay vẫn hay hơn, lúc nào cần thì áp dụng. Rồi cậu sẽ thấy, dù cho bản quy định có hay đến đâu chẳng nữa thì cũng chỉ là vật trang trí thôi mà.

Thế là, mười một uỷ viên hội đồng làm việc mười sáu ngày liền đã thiết kế được bản "*Quy định đặc biệt cho những người bán chả rong*" gồm một trăm mười bảy điều khoản, và đã được lĩnh mười bảy ngàn sáu trăm lia thù lao. Ông bạn đồng nghiệp cừu cầu thủ bóng đá ở phòng cung ứng năng lượng

đã hạ cố đến dự hai phiên họp cuối cùng. Ông đã làm cho chúng tôi được bữa cười vui sung sướng khi ông đưa ra một đề nghị hết sức "thâm thuý" là: có lẽ ban ngày thì không cần phải bố trí chiếu sáng cho xe chả rong nữa.

Xin được nói thêm rằng, khi nào bạn gặp chuyện buồn hoặc cơn chán chường, thất vọng vô cớ, ủ dột trong lòng xin bạn hãy nhớ đến bản "Quy định đặc biệt..." mà chúng tôi soạn thảo, bạn hãy đọc nó... Tôi tin tưởng rằng bạn sẽ bỏ ra mà cười và mọi nỗi ưu tư kia sẽ tan biến ngay lập tức.

Còn về phần tôi, tôi còn được tham gia năm sáu hội đồng nữa để soạn thảo các bản quy định khác. Sau đó tôi trở lại Mỹ, nhưng không tìm được việc làm theo chuyên môn cũ, bởi vì trong thời gian tôi ngồi soạn thảo các loại quy định thì ngành quang học đã có những bước tiến bộ rất xa, với kiến thức cũ, tôi không thể đảm đương được công việc. Lúc ấy tuổi tôi đã khá, thời gian, tiền bạc đều không đủ để học lại nữa, nên tôi đành trở về Tổ quốc. Tiếc thay, tham tán toà thị chính đã đổi người khác, nên tôi cũng không được vào làm trong toà thị chính nữa.

Tôi mở một quán hàng nhỏ nơi góc phố, chuyên sửa chữa các loại kính mắt, ống nhòm, bật lửa, bút máy, ô, để nuôi sống gia đình đông đảo của tôi.

Tôi sống cũng không đến nỗi nghèo. Nhưng ở Thổ Nhĩ Kỳ thì luôn có hiện tượng thế này: người nào có đầu óc hiểu biết, có nhiều kinh nghiệm, thậm chí có tài năng, mà như người ta vẫn nói, tài năng rực rỡ, thì người đó thường không được dùng vào đúng việc!...

Đố các bạn biết, tại sao người ta thôi không mời tôi tham gia vào hội đồng biên soạn như cũ?

Chả lẽ bên nước các ông thiếu lừa.

Anh bạn tôi vốn là người không biết câu giận. Vì thế hôm ấy tôi rất ngạc nhiên, khi vừa bước vào cửa nhà tôi, chưa kịp chào hỏi gì, anh đã cúi gầm lên:

- Xấu hổ quá!... Nhục nhã quá!...

Tôi nghĩ bụng, chắc anh hay gia đình anh gặp điều gì không may.

- Chào, anh ngồi xuống đây đã, - tôi bảo.

- Thật xấu hổ!... Thật nhục nhã!...

- Có chuyện gì xảy ra vậy?

- Nhục quá! - Anh nhắc lại, một tay áp vào má như bị đau răng - Có đời nào một con lừa già ốm mà bán cho người ta đến hai nghìn rưỡi lía!

Tôi lùi lại một bước và nhìn anh chăm chăm vẻ lo lắng: "Hay anh ấy bị điên?... Và, thú thật, tôi đã định gọi vợ tôi".

- Anh uống cà phê, cà pháo gì! Nhục lắm! Nhục hết chỗ nói! Anh hãy nói cho biết, một con lừa già ốm yếu, không đóng móng được nữa có thể đáng giá hai nghìn rưỡi lía không? Mà giỏi lắm nó chỉ sống được hai ngày nữa là cùng.

- Anh biết không... - "Chắc chắn anh ta bị loạn thần kinh rồi", - tôi thoáng nghĩ trong đầu - tôi không bao giờ biết giá của chúng, mà hơn nữa, thú thật, tôi nhìn thấy lừa cách đây đã chục năm rồi.

- Tôi cũng không phải là lái lừa, nhưng anh hãy thử nói cho tôi biết: có con lừa nào có giá trên hai nghìn rưỡi lía không?

- Ủ, à... nếu đó là một con lừa cực kỳ quý hiếm... - Tôi đáp cho xong chuyện.

- Có quý giá gì đâu cho cam! Lừa nào chả là lừa! Giá như nó biết nói thì lại khác. Đằng này nó chỉ là một con lừa rất bình thường. Thế mà lão già bán cho người ta những hai nghìn rưỡi lía, nhưng cái dở nhất là tôi lại là kẻ môi giới trong vụ mua bán này!

- Thế nhưng cái gì đã xui anh dính vào chuyện này!

- Như anh biết đấy, hai vợ chồng tôi đã có lần sang Mỹ, - sau khi nguôi nguôi một lát, anh bắt đầu kể - ở đó tôi có quen một ông giáo sư. Đó là một người rất dễ mến và rất quan tâm đến đất nước Thổ Nhĩ Kỳ. Sau khi về nước,

chúng tôi vẫn trao đổi thư từ với nhau. Cách đây hai tháng ông ấy viết thư cho tôi, báo rằng có một nhà nghiên cứu nghệ thuật, một chuyên gia lớn về các loại thảm cổ và lịch sử nghề dệt thảm, là bạn của ông ta, chuẩn bị sang Thổ Nhĩ Kỳ, và nhờ tôi giúp đỡ ông bạn này. Tất nhiên, tôi trả lời rằng, tôi sẵn sàng, song chỉ yêu cầu ông ta bố trí sang Thổ Nhĩ Kỳ vào thời gian tôi nghỉ hè ở trường Tổng hợp. Vì thế trước khi sang Thổ Nhĩ Kỳ, ông ta đã kịp đi Ấn Độ, Iran và Apganixtan.

Sau khi đến Stambun, ông ta rất hân hoan khoe với tôi mấy chiếc va li lớn chứa đầy những tấm thảm mới mua được. Ông tỏ ra hết sức mãn nguyện.

"Tất cả những tấm thảm này đều là những báu vật vô giá". - Ông nói thế. Riêng mảnh thảm cổ, nhỏ tí này, theo lời ông ta, đáng giá không dưới ba nghìn đô la, vậy mà ông ta mua chỉ có một đô la của một người nông dân nghèo Iran. Người nông dân này mừng đến phát điên lên khi nhận được đồng đô la đó. Tôi hỏi ông ta, tại sao cái mẫu thảm nhỏ xíu mà lại đắt thế.

"Vì đó là kiệt tác! - Ông bạn người Mỹ kêu lên - Trên mỗi một xăng ti mét vuông đếm được tám mươi nút dệt! Chả lẽ anh không biết là trong bảo tàng... - Ông ta nói tên một bảo tàng nào đó, - Có lưu giữ một mẫu thảm mà mỗi xăng ti mét vuông của nó có một trăm nút dệt, đó là kỷ lục của nghệ thuật dệt thảm đấy! Cái mẫu thảm đó, - Ông ta cười tinh quái, - được mua với giá năm đô la, trong khi giá thực của nó không dưới năm nghìn đô la!"

- "Sao ông mua được rẻ thế?" - "Anh biết không, tôi là người chuyên sưu tầm thảm cổ đã bốn chục năm nay, tôi tích lũy được nhiều bí quyết lắm..."

Về sau tôi được biết rằng, ông ta là chuyên gia nổi tiếng thế giới, là tác giả của ba cuốn sách chuyên khảo, hai tập album, và là chủ nhân của một trong những bộ sưu tập thảm cổ phong phú nhất thế giới. Khi ông ấy thổ lộ với tôi về những mảnh lời trong việc mua bán, tôi cứ tròn xoe mắt vì ngạc nhiên...

Ngày hôm sau tôi đưa ông ta đi Anatolia. Ông ta ghi chép cái gì đó giống như ghi nhật ký khoa học, rồi chụp ảnh các tấm thảm trong nhà thờ và viện bảo tàng, mua một số thứ lặt vặt, nhưng thấy rõ là ông ta tỏ ra không được hài lòng. Sau một thời gian, chúng tôi đến một khu khai quật khảo cổ lớn. Hai đoàn khảo cổ, một của Mỹ, một của Tây Đức đang đào bới khắp cả một vùng. Những đồng đất và cát cao ngất như là những núi bông vào mùa thu hoạch. Công việc khai quật hứa hẹn nhiều kết quả tốt đẹp: Các nhà khảo cổ học đã phát hiện ra một số tầng văn hoá. Từ dưới đất hiện lên những ngôi nhà, cung

điện, và cả một thành phố. Khắp nơi chỗ nào cũng thấy khách nước ngoài. Nông dân các làng xung quanh thi nhau mời chào họ mua những loại bát đĩa và các "đồ cổ" khác lấy được ở các địa điểm khai quật. Cảnh mua bán diễn ra thật náo nhiệt. Thậm chí cả bọn lau nhau đi chân đất cũng bám theo khách nước ngoài tay cầm các bình đất nung nhỏ và các mẫu đá nhẵn nhụi chữ viết, miệng la:

"Oăn đô la", "Tu đô la"⁽¹⁾

Dù sao thì cũng đã đặt chân đến đây, nên tôi quyết định mua thứ gì đó làm kỷ niệm. Tôi mặc cả viên đá màu xanh da trời, khắc hình đầu người với ý định sẽ nạm vào cái nhẫn ở nhà. Nhưng người bạn Mỹ đi cùng tôi bảo rằng tất cả những thứ bán rao đó, cụ thể là những viên đá ấy, chẳng có chút giá trị lịch sử hay nghệ thuật gì.

"Ở khắp phương Đông, bất cứ chỗ nào tôi đến, - Ông ta giải thích cho tôi, - đều giống hệt như ở Thổ Nhĩ Kỳ. Tại các địa điểm khai quật, nơi có nhiều du khách nước ngoài đổ xô đến, đám nông dân luôn vây chặt lấy họ. Vớ được bất cứ thứ gì, họ đều cho đó là đồ cổ. Đám người bịp bợm này học được cách làm giả bất cứ vật gì, khiến cho nhiều nhà khảo cổ học nhiều kinh nghiệm đôi khi vẫn bị lừa... Ông bạn cùng dạy ở trường Tổng hợp với tôi mua nhầm phải một vật làm giả cổ, về nhà mới phát hiện ra đó chỉ là mẫu xương chó khô! Tuy nhiên, những vật giả ấy, kể cả những viên đá này, phải thừa nhận là, được chế tác khá giỏi. Đúng thế không?" - Chúng tôi lên đường đi tiếp. Trời nóng bức kinh khủng. Chúng tôi muốn tìm chỗ nào có bóng mát để nghỉ chân, uống tạm cái gì đó cho đỡ khát, nhưng phải mất gần một chiếc, chiếc xe jeep mới đưa chúng tôi đến được chỗ có một cây dương đứng trơ trọi. Dưới bóng cây có một người nông dân đứng tuổi đang nằm. Cạnh đó là một con lừa, buộc vào gốc cây. Chúng tôi chào và hỏi chuyện bác ta. Tôi dịch ý cho ông bạn Mỹ.

"Bác làm gì ở chỗ đồng không mông quạnh này?" Tôi hỏi. "Chả làm gì cả, - Ông già đáp, trước kia chỗ này còn trồng trọt được ít nhiều, nhưng từ khi người ta bắt đầu đào bới, khai quật thì người dân sinh lười biếng, không làm gì nữa". "Vậy nông dân sống bằng gì?" - Từ khi những viên đá và sọ người này thành mốt, thì bao nhiêu đàn ông đàn bà bỏ việc trồng trọt, thi nhau đi đào bới hết, nhặt được cái gì, đem bán cái ấy..."

Người Mỹ gật đầu, tỏ ý tán đồng từng câu nói một của người nông dân đứng tuổi. Ánh mắt ông ta như muốn nói: "Điều đó càng chứng minh cho lời

tôi nói: ở nước các bạn cũng giống hết như ở mọi nơi khác của phương Đông..."

Một lát sau ông ta rời chúng tôi ra xem con lừa.

"Tôi thấy ở ta có biết bao nhiêu kẻ ngu dân đê tiện, - bác nông dân nói tiếp. - Bọn chúng đem bán rẻ cho người nước ngoài bao nhiêu là vật quý của chúng ta đào được dưới đất. Những vật ấy là vô giá! Tiền bán chúng, có thể xây dựng được mười nước Thổ Nhĩ Kỳ! Bọn ngoại đạo này cứ đào bới và chờ đi hết... Mang về nước chúng bán được bao nhiêu là tiền..."

Với số tiền ấy có thể xây dựng được cả một thành phố ấy chứ!... Cứ thế mãi rồi chúng ta chẳng còn gì hết! Nghe nói bây giờ chính phủ nước ta bắt đầu khôn lên, không cho bọn nước ngoài vơ vét bất cứ một vật gì. Còn nếu cứ để họ mua rẻ như đi ăn cắp ấy, thì phải hiểu là chính phủ bị ăn cắp và đến một lúc nào đó có thể, nếu anh muốn hiểu thế, cả bản thân chính phủ cũng được bán với giá phải chăng..."

"Vậy người nông dân sống bằng gì?"- Tôi hỏi. "Xin ngài tốt hơn hết là đừng hỏi... Quanh vùng này có sáu làng. Ngài cứ thử ghé vào nhà bất kỳ đĩa, hình, choé, sạch sành sanh không còn lấy một chiếc. Trong nhà có bất cứ thứ gì có thể biến thành... cái gì nhỉ... à thành cái đồ cổ ấy, dù có mốc meo, han gỉ cũng đều đem bán hết, cứ thế này rồi sẽ làm hỏng hết con người... Hôm qua tôi thấy thằng bé con hàng xóm tháo cái chuông ở cổ con lừa nhà tôi. Thoạt đầu tôi chưa hiểu nó lấy làm gì. Sau mới vỡ lẽ ra, nó đem chôn thật sâu dưới đất, sau đó nó đào lên ngay trước mặt người nước ngoài - xin mời - đồ cổ chính hiệu đấy! Từ những miếng sắt mỏng lừa bỏ đi họ đúc thành những cái huy hiệu, những đồng tiền cổ, đầy tình hình như vậy đó..."

"Thế còn bác sống bằng gì?" - "Tôi ấy à, tôi buôn bán lừa".

Nói rồi bác nông dân đứng dậy, ra tháo dây buộc lừa. Ông bạn người Mĩ đến sát cạnh tôi, trông dáng vẻ rất hồi hộp.

"Lẽ nào ông sống nổi bằng việc buôn bán mấy con lừa này?" - Tôi tiếp tục lục vấn bác nông dân. "Không biết nói thế nào nhỉ... Vì việc này còn phụ thuộc vào những con lừa..."

Ông bạn người Mĩ sốt ruột, cắt ngang câu chuyện của chúng tôi. Ông ghé sát tai tôi, thầm thì: "Này, trong lúc anh nói chuyện với ông ta, tôi đã xem kỹ mảnh thảm trên lưng con lừa. Nó đúng là kiệt tác đấy!" - "Sao? Cái giẻ rách bẩn thỉu ấy à?" - Phải, phải, tôi đã xem kỹ màu sắc, hoa văn, nút dẹt rồi! Trời

đất ơi, thật quá sừng sốt! Trên mỗi xăng ti mét vuông đếm được đúng một trăm hai mươi nút dẹt. Thế giới chưa từng biết đến kỹ thuật dẹt ấy! Đó là một vật vô giá, không có gì hơn nó được..." Tôi nhìn ông bạn Mĩ đang ghen ngào xúc động, hỏi: "Ông định mua cái ấy à?" "Tất nhiên rồi! Nhưng tôi không muốn để lão ta nghi ngờ là chúng ta mua mảnh thảm. Tôi biết rõ những tay lọc lõi đến xảo quyệt này. Nếu chúng đoán ra giá trị thật của đồ vật, thì chúng không bao giờ nhượng bộ đâu, thậm chí còn không cho đến gần đồ vật, dù có trả bao nhiêu tiền chúng vẫn bảo là ít! Vì thế chúng ta..."

"Tên ngoại đạo ấy nói gì thế?" Bác nông dân hỏi tôi, - Không có gì. Ông ta bảo rất thích ở đây... - Tôi đáp. - "Ở đây có gì mà thích? Chỉ những đất trống và đồi hoang..." - Bác nông dân làu bàu, vẻ khó chịu.

"... Vì thế chúng ta không nên để lộ cho lão ta biết là chúng ta quan tâm tới mảnh thảm kia - Ông bạn người Mĩ vẫn tiếp tục thì thầm giọng mảnh lối, thủ đoạn - Chúng ta sẽ mua con lừa! Lão ấy sẽ bán cho chúng ta con lừa cùng mảnh giẻ rách ấy mà hoàn toàn không ngờ rằng đó là một báu vật thật sự. Con lừa thì đến chỗ rẽ phía trước ta sẽ thả cho nó đi... Anh hãy mặc cả đi!"

"Có phải bác nói là bác muốn bán lừa không? - Tôi hỏi ông già. "Bán, tôi đã nói rồi... - "Thế khoảng độ bao nhiêu thì bác bán?" - "À, cái đó còn xem người mua là ai đã..." - "Nếu chúng tôi mua. Ông già cười vang. "Ngài nói đùa thế, chứ các ngài mua con lừa của tôi làm gì?" "Bác không phải lo chuyện ấy, bác cứ nói giá đi" - "Nhưng còn phải xem ai là người mua đã, ngài hay là cái ông ngoại đạo kia "Ông ta mua! Cái ông người Mĩ ấy!" - Ông người Mĩ à" Hừm... nghĩa là người đồng minh của chúng ta... Thế thì hơi bất tiện!... Này, ngài hãy bảo ông ta con lừa này không thích hợp với ông ta đâu. Nó già lắm rồi!"

Tôi dịch lại cho ông bạn người Mĩ. "Tốt lắm! Nghĩa là lão ta sẽ bán rẻ!" - Ông bạn kêu lên. "Già cũng không sao, - Tôi dịch cho ông già nghe - Ông ta đồng ý mua" - "Nhưng như thế thì xấu hổ lắm. Khi về Mĩ ông ta sẽ kể cho mọi người nghe rằng dân Thổ Nhĩ Kỳ đã lừa gạt ông ta như thế nào..."

Tôi dịch nguyên văn câu này.

"Người nông dân Thổ Nhĩ Kỳ rất trung thực - anh hãy nói với bác ta thế. Ở các nước phương Đông khác, người ta không những lừa người mua mà còn hét giá đắt khủng khiếp. Còn bác già đây là người tốt! Anh hãy nói là tôi sẽ trả hậu cho bác ấy..."

"Ông người Mĩ đồng ý", - tôi dịch lại. "Nhưng con lừa này sẽ chết trên

đường đi, không về được đến Mĩ. Hơn nữa nó lại đang ở thời kỳ rụng lông kinh khủng..." - "Ông già rõ thật lẫn thẩn! Người ta muốn mua thì việc của ông là cứ phát giá đi nào". "Nhưng tôi đã nói với ngài rồi, con lừa này không dùng vào việc gì được đâu. Ông người Mĩ này mua nó để làm gì? Vả lại ông cũng tò mò muốn hỏi, chả lẽ bên nước họ thiếu lừa hay sai? "Lão già hỏi: chả lẽ bên nước anh thiếu lừa hay sao?"

Ông người Mĩ suy nghĩ một lát rồi bảo tôi: "Anh hãy nói với bác ra: Bên chúng tôi cũng có lừa, nhưng loại lừa này thì không..."

"Hừm... Nghĩa là ông ta không thích lừa Mĩ, mà thích lừa Thổ Nhĩ Kỳ... Thôi được. Thế là thanh thản, tôi không có lỗi gì hết. Bao nhiêu khuyết tật của con lừa tôi đã nói hết cả rồi, không giấu giếm điều gì. Mặc cho gã ngoại đạo này sẽ biết điều gì đợi hăn". - "Thế bác định bán bao nhiêu nào?" - "Đối với các ông thì - mười nghìn lia" - "Cái g-ì-ì-ì? Ông có điên không đấy! Một con ngựa cái nòi, giống Ả Rập cũng không đắt hơn bốn nghìn..." - Thế thì ông ta mua lừa làm gì? Sao không mua con ngựa cái thuần chủng kia đi!"

Tôi nói lại cho ông bạn Mĩ nghe số tiền mà ông nông dân giao giá. "Biết mà... Tôi đã nói rồi bọn này ranh ma quỷ quyệt lắm. Nếu ta hỏi mua mảnh thảm, có lẽ lão ta phải hét đến một trăm nghìn. Thôi được, tôi sẵn sàng trả, nhưng chỉ có điều, nếu hăn ta biết là tôi đồng ý, lập tức hăn sẽ tăng lên hai chục nghìn, và nếu tôi đồng ý trả hai chục nghìn, hăn ta sẽ đòi năm chục nghìn! Vậy nên, anh cứ mặc cả nữa đi..."



Tôi hỏi ông già: "Này, tôi hỏi thật, ông mua con lừa này giá bao nhiêu?" - "Ông đã hỏi, tôi không giấu. Tôi mua nó có năm lia và chỉ nay mai là nó nghèo, tôi sẽ lột da nó để may giày. Nó chả dùng vào việc gì được nữa!"

- Vậy bác không biết xấu hổ hay sao mà đòi bán những mười nghìn? Rõ thật nhục nhã cho cái đầu óc bần độn của bác!" - "Ôi, có trời chứng giám, tôi có muốn bán đâu, các người muốn mua đấy chứ! Tôi bảo nó già rồi, cái lão người Mĩ bạn ngài lại bảo; "Không sao!" Tôi bảo da nó rụng lông xơ xác. Ông ta bảo: "Cũng chẳng sao!" Tôi bảo nay mai nó sẽ chết, ông ta bảo

"Không lo". Ấy, mà tôi còn quên, một chân sau nó đi tập tễnh...". Biết thế nhưng ông ta vẫn bảo "Tập tễnh một chân cũng không sao...". Đấy, ngài thấy không, nghĩa là ở con lừa này có cái gì đó lạ lùng mà mà tôi không hiểu nổi! Nếu không thì tại sao ông bạn người Mĩ của ông lại đồng ý mua con lừa già què quặt ốm yếu này. Tôi nói vậy có phải không? Vì thế tôi nói một câu: đúng mười nghìn lía, không kém một xu".

Tôi hỏi ông bạn Mĩ có đồng ý mua với giá đó không? Ông ta gật đầu, nhưng sau đó chúng tôi còn mặc cả gần hai tiếng đồng hồ nữa, bớt được xuống còn năm nghìn. Cuối cùng, làm ra vẻ không mua nữa, chúng tôi đi ra chỗ ô tô đỗ.

Ông già không hề để ý đến chúng tôi.

Độ mười phút sau chúng tôi quay lại, ông già phờn chí, cười đắc thắng: "Tôi biết thế nào các ông cũng quay lại mà!" - "Sao bác biết?" - Vì thật rõ là các ông quá mê mẩn con lừa của tôi, không rời nó ra được..." Mặc cả thêm nửa tiếng nữa, cuối cùng ông bạn người Mĩ đếm trả ông già hai nghìn rưỡi lía. Ông già dắt con lừa lại cho chúng tôi. "Đây, xin giao lại cho các ông! Tôi biết bán thế là rẻ, nhưng thôi...". Nói xong ông tháo mảnh chăn trên lưng con lừa rồi đi về. Quá bất ngờ, ông bạn Mĩ đứng như trời trồng, miệng há hốc...

Chúng tôi nắm lấy sợi dây cương, ông người Mĩ kéo phía trước, còn tôi thì đẩy phía sau. Con lừa già yếu đến nỗi hai chúng tôi huỳnh huých mãi mới lôi nó đi được khoảng hai mươi thước. Ông bạn Mĩ nói thầm: "Lạy chúa, đừng tỏ vẻ than phiền gì cả, ta cố kéo thêm một đoạn, rồi nhờ anh đến giải thích với lão ta là con lừa bị rét, xin lão ta đưa cho miếng thảm để đắp cho nó..."

Bỗng sau lưng chúng tôi có tiếng kêu: "Khoan đã! Khoan đã! Các ông quên cái này... - "Trời ơi tắm thảm tự đến với chúng ta..." - Chúng tôi vui mừng khôn xiết. "Các ông quên cái vòng buộc dây. Về Mĩ rồi ông lấy cái gì mà buộc! Chà, chà sao đáng trí thế các ông! Đời thuở nhà ai đi mua lừa mà không có vòng buộc dây cương...".

Ông người Mĩ tỏ ra sốt ruột "Thôi, chúng ta không khách khí nữa...".

"Này, bác già, bác cho chúng tôi mảnh giẻ rách kia đi... - Tôi nói." - Con lừa của bác yếu lắm, không khéo nó chết rét dọc đường mất, dù sao ta cũng nên thương loài vật". - "Ấy chết, không được, - bác nông dân từ chối, - tôi không cho mảnh vải này được, đó là di sản bố tôi để lại... Vả lại các ông mua lừa, chứ có mua mảnh vải này đâu." - "Nhưng nó chỉ đáng giá một trinh cũng

được - Ông già đáp, rồi nói thêm giọng nghiêm túc hơn: "Tôi mang nó về nhà đây. Ở nhà tôi còn một con lừa còm nữa, tôi phủ mảnh vải này lên lưng nó, biết đâu đấy lại gặp may, có một vị khách hiếu kỳ nào đó giống như ông bạn Mĩ của ngài vậy. Lạy đức Ala, nhờ có mảnh vải này mà đã năm năm qua, kể từ khi đám người ngoại đạo đến đào bới đất đai, con mới được mở mày mở mặt nhờ việc buôn bán con vật thải loại này. Không, không có mảnh vải này không được, nhưng ngài hãy nói để ông ta an tâm, cái vòng kia thì tôi cho không... Thôi, xin tạm biệt. Chúc thành công!" Rồi đi được vài bước, ông già kêu với theo: - "Này, nếu các ông muốn bỏ lại con lừa thì cứ việc, tội gì phải kéo nó đi xa cho mất công!".

Chúng tôi đi đến chỗ chiếc xe jeep. Thôi thực sự lo sợ ông bạn Mĩ ngất xỉu nên phải vừa đi vừa dìu ông ấy.

"Hừm... Tôi chưa bao giờ bị ai chơi cho một vố đau như thế" - Ông bạn Mĩ buông tiếng thở dài, tay tung tung cái vòng buộc trên lòng bàn tay. "Thế ông định làm gì với cái vòng này?" "Tôi cho vào bộ sưu tập thảm... làm kỷ niệm... Dù sao tôi cũng đã mua nó với giá hai nghìn rưỡi lía Thổ Nhĩ Kỳ...".



Tại sao ngài Rurphát bị ngứa?

- Alô! Alô!... Anh Rurphát đấy à? Chào anh! Anh biến đi đâu đấy? Mấy hôm nay chẳng thấy anh đâu cả!

- Anh Kêmal đấy à? Chà, anh Kêmal ơi...

- Không thấy anh ở bữa tiệc nhà ông tỉnh trưởng, tôi đâm lo. Rồi mấy tối liên tiếp theo ở nhà các bạn vẫn không thấy anh lộ mặt. Vả anh nên chúng tôi chơi bài bê-dịch cũng vui... Anh vẫn khoẻ đấy chứ!"

- Tốt nhất anh đừng hỏi sức khoẻ tôi làm gì!

- Anh làm sao vậy?

- Ốm, tôi bị ốm.

- Chà, chà! Cầu trời cho anh chóng khỏi bệnh! Anh làm tôi lo lắng quá! Anh bị bệnh gì vậy?

- Tôi bị mọc mày đay.

- Cái gì?

- Mày đay...

- Mày đay à?

- Phải, tôi bị ngứa, anh hiểu không. Ngứa không sao chịu nổi!

- Thế à? Rõ khổ! Thế ngứa ở chỗ nào?

- Không có chỗ nào không bị ngứa!

- Ôi lạy đức Ala! Cái bệnh ngứa ấy gọi là mày đay à?

- Phải, các bác sĩ nói vậy.

- Tại sao anh mắc bệnh ấy, anh có biết không?

- Tôi cũng không hiểu tại sao nữa. Cách đây ít lâu nhà tôi có nấu món gà tây nghiền. Tuyệt quá, chưa đặt vào môi đã trôi vào họng. Không kiềm chế được, tôi ăn liền ba miếng. Anh bảo có thể vì vậy mà bị không?

- Anh nói gì lạ thế! Ăn có ba miếng gà tây mà bị mọc mày đay à? Nếu thế thì tôi bị mày đay từ tám đời rồi. Tôi có xơi hết cả con cũng chẳng làm sao cả!

- Anh không bị ngứa?

- Không.
- Trước món gà tây nghiền tôi còn ăn món rán...
- Món gì rán?
- Bầu dục.
- Bầu dục? Chưa thấy ai nói ăn bầu dục rán lại bị ngứa cả! Có thể anh ăn phải cái gì khác chăng?
- Tôi còn ăn những thứ khác nữa, nhưng không nhớ chính xác được đó là những món gì. Thoạt đầu, để cho ngon miệng tôi đã làm một đĩa salad dưa chuột trộn tỏi.
- Anh bạn ơi, ăn tỏi chỉ có buồn ngủ thôi, chứ không thể ngứa được.
- Có ngủ nghê được gì đâu. Tôi ngứa suốt đêm, không sao chợp mắt nổi. Cầu mong các anh đừng bao giờ bị như tôi. Món tráng miệng tôi dùng ít chè Khalva.
- Chắc là ngon tuyệt.
- Ngon là cái chắc! Nhưng khắp người nổi mẩn hết cả!
- Bạn ơi món Khalva chẳng có liên quan gì, đừng đổ oan cho nó. Tối qua mình đánh gọn cả hai đĩa mà có làm sao đâu!... Nguyên nhân là ở thứ khác đấy..
- Có thể... Nhưng thứ gì nhỉ? Bữa tối hôm qua nhà mình làm món cá rô sốt dầu maiône.
- Cá rô sốt dầu thì có gì hại. Theo kinh nghiệm của tôi thì món ấy hoàn toàn vô hại.
- Nhưng tôi ăn liền một lúc hai con.
- Cho đến cả hai mươi hai con cũng chẳng làm sao! Đã sốt maiône thì không sao cả. Tôi hâm mộ món này lắm!
- Lạy trời cho tôi bình phục, tôi với anh sẽ cùng đi thưởng thức món ấy...
- Mong cho anh nhanh khỏi! Vậy là anh không đoán ra được tại sao anh bị ngứa ạ?
- Đây, hay tại món bánh ngọt ăn với váng sữa?
- Đâu có! Món ấy mình cũng thích lắm.

- Nhưng tôi ăn đến bốn tuýp váng sữa trâu khô nguyên chất.
- Lẽ nào lại nổi mẩn vì váng sữa khô này được.
- Thế thì vì cái gì?
- Chắc là anh còn ăn cái gì đó khác nữa.
- Nhưng tôi có ăn cái gì độc hại đâu... Vài quả chuối, ít hạt hồ đào.
- Ăn nhiều không?
- Không nhiều lắm.
- Hồ đào là loại hạt chữa bệnh, không thể gọi là độc hại được. Ăn nó chỉ có bổ thôi.
- Thế thì vì đâu?
- Có thể bác sĩ nhầm. Anh chẳng bị mày đay quái gì cả!
- Cũng có thể, nhưng khắp người tôi ngứa điên lên được.
- Không phải cứ nổi mẩn là bị mày đay đâu?
- Thế thì bị cái gì?
- Có khi là bệnh gì khác đây!
- À, tôi nhớ ra rồi, trước khi đi ngủ tôi có ăn ít hạnh nhân ngâm muối và vài quả hồ trăn tử rang. Có khi tại mấy thứ quả chết tiệt ấy cũng nên...
- Thế mà cũng nói! Buổi tối, đã đi ngủ rồi tôi vẫn thường ăn hạnh nhân đấy thôi...
- Mà không bị ngứa?
- Kh-ô-ô-n-g... chúng chỉ làm tăng thêm sức khoẻ.
- Hay tôi bị ngứa vì sữa? Trước khi đi ngủ bao giờ tôi cũng uống một cốc đầy. Riêng tối hôm qua tôi uống những hai cốc...
- Sữa chỉ có lợi cho sức khoẻ thôi, anh Rựphát ạ! Dù anh có uống bao nhiêu vẫn không bị ngứa.
- Sáng sáng tôi xơi hai quả trứng gà tươi đánh kem với sữa. Anh bảo có phải vì thế mà bị không?...
 - Nếu phải thế thì tôi bị ngứa ba chục năm nay rồi!
 - Còn buổi tối trước nữa, tôi ăn trứng cá đen với bơ và pho mát cừu hay

có thể là pho mát Thụy Sĩ, tôi không nhớ chính xác, chỉ biết là ăn khá nhiều.

- Có ăn bao nhiêu trứng cá đen đi nữa cũng chẳng làm sao hết.

- Có thể không sao cả. Vậy những nốt mào đay ấy là do đâu?

- Anh hãy cố nhớ lại thật kỹ, anh còn ăn món gì nữa không?

- Gì nữa, gì nữa! Đến ngay tối qua ăn gì tôi còn không nhớ nổi, huống hồ cách đây cả tuần! Hay tại món rau nhồi thịt làm tôi ngứa. Lúc ăn món cừu rán tôi ăn kèm với món rau nhồi thịt.

- Rau gì?

- Cà tím trộn dầu ô liu. Ngon quá, tôi không kìm được, ăn liền sáu, bảy quả.

- Trộn dầu ô liu à?

- Phải.

- Thế thì không sao. Đó là món nhẹ. Còn gì nữa không?

- Sau đó là mì ống... Với pho mát. Này, hay là do dấm?

- Anh bảo sao, anh uống dấm à?

- Không, chỉ có món salad trộn dấm.

- Dấm giúp tiêu hoá dễ dàng hơn...

- Trong món salad còn có hạt tiêu... Nhưng khi ăn, tôi thường uống kèm nước khoáng.

- Anh còn ăn món gì nữa không, cố nhớ lại đi...

- Ăn gì nữa à? Uống gì nữa à? Có, tôi có uống một li uytuki pha soda. À, phải rồi, ở tiệm ăn tôi và anh bạn mỗi người ăn một xuất chả viên nướng, ba cái bánh mì tròn với thịt... cơm, cháo kiều mạch. Trong bữa ăn tôi dùng khá nhiều mù tạt. Tôi thích ăn thịt chấm mù tạt. Giá như anh nhìn thấy tôi lúc này nhỉ, một tay tôi cầm điện thoại, tay kia thì gãi sồn sột!... À, tôi còn ăn bánh rán nữa, hay là tại nó? Rồi lại cả món salad cá trộn trứng nữa... nhưng món ấy thường thì có bị sao đâu.

- Hay là món xúp đậu? Cách đây ít hôm tôi thêm món xúp này quá. Vợ tôi khuyên, trời nóng không nên ăn món xúp này. Nhưng tôi mặc, cứ chén thoải mái. Bà vợ tôi nấu món xúp này ngon lắm.

- Anh ăn nhiều không?

- Kh-ô-ô-n-g, hai đĩa thôi...
- Thế bác sĩ bảo sao?
- Tôi kể hết cho ông ấy như vừa kể cho anh. Ông bác sĩ bảo tôi: "Không phải do thức ăn, ông không ăn phải cái gì có hại cả..." Hay là do các thức ăn ướp muối?
- Thức ăn ướp muối nào?
- Các loại khác nhau... Hay là tại món mứt hạnh nhân?"
- Nếu hạnh nhân gây ngứa thì các cửa hiệu bánh kẹo bị đóng cửa từ lâu rồi!
- Thế thì vì cái quái gì mà tôi nổi mề đay khắp người thế này.
- Anh cố nhớ xem, trong vài ngày gần đây anh còn ăn gì nữa không?
- Không, không ăn gì nữa. Anh thừa biết, tôi vốn kém ăn...
- À này, mấy ngày gần đây anh có ăn bánh mì không?
- Bánh mì ấy à?
- Phải, bánh mì.
- Bánh mì gì?
- Bánh mì bình thường, người ta vẫn nướng ở lò ấy...
- Bánh mì là đồ ăn nặng, tôi hay bị béo ra vì bánh mì đấy! Thường tôi chỉ ăn một miếng bánh mì rán. Miếng bé tí thôi, hay một miếng bánh mì Pháp... Hôm rồi nhà tôi có khách. Không có tí bánh mì Pháp nào. Ở quầy bánh cũng hết bánh mì rán. Thế là tôi đành ăn nửa cái bánh mì thường.
- Thế là rõ rồi... Anh bị ngứa chính là vì nó đấy. Bánh mì thường không phải ai cũng ăn được. Phải có thời gian rồi mới quen. Thế anh có nói với bác sĩ là anh ăn bánh mì thường không?
- Không, tôi quên... May mà anh nhắc, tôi nhớ ra. Bây giờ tôi mới biết, tại sao tôi bị mề đay... Ngứa quá, gãi đến sứt cả da! Giá như anh nhìn thấy tôi!
- Lạy thánh Ala, may mà anh chỉ ăn nửa cái, nếu anh ăn cả cái bánh mì thì chắc là phải lăn ra đất mà giãy giụa vì ngứa, như ngứa rồi... Thôi anh đi nghỉ đi, chúc ăn mau khỏi!
- Cảm ơn anh!

- Tôi sẽ còn gọi điện cho anh. Tạm biệt!
- Cầu thánh Ala phù hộ anh. Tạm biệt.

Nghĩa vụ trước tổ quốc

Cả nhà tù bỗng xôn xao hẳn lên trước một tin sốt dẻo.

- Nay, Icxan Vazơlin đang có mặt ở đây!

- Không có lẽ...

Tôi mà nói dối, tôi chết.

- Hẳn hồi cải rồi cơ mà?

- Hẳn mở quán cà phê làm ăn lương thiện cơ mà?

- Đã mười năm nay hẳn có bị tù tội gì đâu?

- Tớ không tin, cậu nói dối.

- Bạn ơi, mình nói dối làm gì. Chính mắt mình nhìn thấy người ta giải hẳn đến từ Aidli, trên toa tàu bưu điện mà. Đêm qua về đến đây, tắm rửa xong hẳn được đưa về giam ở buồng cách ly.

- Cũng phải thế thôi! Lâu quá, chắc hẳn quên đường đến đây, nên người ta phải tóm cổ hẳn lôi đến với chúng ta.

- Thế Icxan Vazơlin là ai vậy?

- Các cậu còn trẻ chưa biết ông ta đâu! Khi ông ta còn trong "nghề" thì các cậu vẫn đang bú mẹ. Tôi quen ông ta từ hồi nhà tù còn ở Mactrekha, nhà tù này chưa mở. Chúng tôi cùng bị giam ở đó.

- Ôi, vào thời đó ông ta "xoay" nhanh như chớp! Sau hai tuần giam ở buồng cách ly, Icxan được đưa về phòng số hai. Phòng này giam giữ những phạm nhân được hưởng ưu đãi, phạm nhân già, tái phạm nhiều lần. Họ biết rất rõ về Icxan.

- Xin chào người bạn!

Cả hội đang ngồi uống trà, Icxan hào phóng vứt tờ giấy bạc một trăm lia lên chiếc khay trà.

Cuộc trà mới bắt đầu.

Ngồi đối diện với Icxan là ngài Nuri bị kết án tù sáu năm vì cấp phát kinh phí trái luật pháp. Ngài tù, nhưng ông mặc rất diện, cứ như ở ngoài đời. Icxan trạc ngoài năm mươi tuổi, lúc nói chuyện mặt luôn hướng về phía ông Nuri, cứ làm như không có ai ở xung quanh.

- Chuyện gì đã xảy ra thế hả ông Icxan? - Ông Nuri hỏi.

- Nói ra, sợ rằng các ông bảo ông nói láo, bởi chính tôi cũng không thể tin được. Người khác thế nào không biết, chứ tôi thì vụ này là bần cùng bất đắc dĩ. Cực chẳng đã mới phải ra tay. Đầu bạc rồi may mới phải sa vào tình trạng sống dở chết dở này. Nói ra thì chúng bạn cười: Thế là tốt rồi, anh còn được giam ở phòng ưu đãi, sướng chán! Lần này tôi bị sa lưới là vì thực hiện nghĩa vụ công dân của mình! Tôi đem hết sức mình phục vụ Tổ quốc!

Ai cũng biết tôi đang sở hữu một quán cà phê. Hôm ấy hai nhân viên mật vụ đến gặp tôi, nói "Mời ông theo chúng tôi lên sở". Các nhân viên cảnh sát chìm nổi tôi biết mặt hết. Hai người này mới toanh. Ủ, họ bảo đi thì đi. Tôi có tội tình chi mà sợ. Cây ngay chẳng sợ chết đứng. Đến sở cảnh sát, tôi thấy ông Đobriac Khaïdar đang ngồi chờ... Trước kia ông là cảnh sát "chìm" giờ là cảnh sát trưởng... Một mắt ông ta hơi bị hiểng. Chính còn mắt ấy lại tạo ra cho ông cái nhìn hồ hởi thân ái, nên người ta mới gọi ông là ông hiền. Nhưng thực ra, có đức Ala chứng giám, ông ta còn ác hơn cả quỷ dữ.

- Ông anh có việc chi mà cho gọi thẳng em đến gặp thế ạ? - Tôi hỏi ông Đbriac.

- Nào, xin mời ngồi xuống đây đã, cậu Icxan! - Ông ta đáp, chỉ tay vào chiếc ghế mời tôi. Tôi lập tức đoán ra ngay là ông ấy cần đến tôi. Ai khác tôi không dám nói, chứ cái ông Đbriac này thì tôi hiểu như bàn tay mình. Nếu như tôi có tội, thì hẳn ông ta đã xông đến mà vồ lấy như thú dữ vồ mồi rồi!

- Thưa ông Khaïdar, - tôi nói, - "Nghề" cũ tôi bỏ từ lâu rồi. Tôi giải "nghề" hoàn toàn. Lần cuối cùng tôi đã thanh toán sòng phẳng mọi khoản nợ nần với tất cả mọi người. Còn lại ít tiền tôi mở quán cà phê. Vậy nay thế nào mà ngài lại gọi tôi?

Ông Đôbrac nói:

- Việc cũ không nói tới nữa. Coi như xong. Nay cho gọi cậu đến đây để cậu thực hiện nghĩa vụ công dân của mình, nghĩa vụ trước Tổ quốc. Tôi nghĩ thầm: Nghĩa vụ trước Tổ quốc là gì nhỉ? Vào quân đội chẳng? Chả lẽ người ta muốn gọi mình nhập ngũ?

- Thưa ông, - tôi nói, - tôi lấy làm vinh dự được thông báo với ông rằng, tôi đã thực hiện nghĩa vụ công dân của mình rồi. Tôi đã phục vụ trong hạm đội tròn sáu năm, không thừa không thiếu một ngày. Ấy là tôi còn chưa tính mấy tháng tôi bị giam dưới tầng ngầm của nhà thờ Đivankhan ở thành phố

Khaxumbakha. Giờ tôi đã ngoài năm mươi tuổi, ai còn lấy tôi đi nghỉ vụ nữa?

Ông Đobriac Khaidar sai người lấy cà phê cho tôi, tự tay ông rút thuốc lá mời tôi hút. Đến lúc tôi thầm đoán: chắc lão ta muốn mình làm chỉ điểm ngầm đây.

- Thưa ông anh, - tôi nói, - ông anh có gì chỉ giáo cứ nói thẳng với thẳng em; nếu làm được thẳng em sẽ vui vẻ nhận ngay... Nếu cần, thì cái quán cà phê ấy coi như là của anh đi...

- Cậu hiểu tứ sai rồi, - ngài Đôbriac trả lời, - không ai gọi cậu vào quân đội làm gì. Cậu có nhiệm vụ khác, đó cũng là nghĩa vụ trước Tổ quốc. Cậu có nhiệm vụ cứu vãn danh dự cho đất nước chúng ta, chính phủ chúng ta. Cả nước hết sức trông chờ vào "tài nghệ" của cậu.

- Ôi, ông anh cả của em ời! - Tôi nói. - Anh làm em mù cả đầu lên rồi. Làm gì có chuyện cả một quốc gia hùng mạnh thế này mà lại cần đến thẳng móc túi già như em.

- Thế mà cần thật đấy! Mọi chuyện đều có thể xảy ra, việc nước đâu có đơn giản. Quốc gia hữu sự, đòi hỏi mỗi người công dân phải sẵn sàng phụng sự. Chính lúc này quốc gia yêu cầu đến cậu đấy!

- Vâng, - tôi nói, - nếu nói tới thực hiện nghĩa vụ cao cả với đất nước thì em xin tuân thủ triệt để. Ông anh bảo em phải chết, em xin chết luôn vì nghĩa vụ...

Lúc này ngài Đôbriac mới thông thả nói rõ công việc.

Có một đoàn đại biểu quốc tế khá đông đến thăm nước ta. Thành viên của đoàn là những người có quốc tịch khác nhau. Họ là người Mỹ, người Pháp, người Đức, người Đan Mạch... Trong số đó có những người là nhà doanh nghiệp, là bác sĩ, kỹ sư, giáo sư... tóm lại họ đều là những chuyên viên thuộc các lĩnh vực hết sức khác nhau. Họ muốn tìm hiểu cuộc sống của đất nước ta, rồi từ đó để lập dự án giúp đỡ vật chất cho chúng ta. Đáng tiếc là đi đến đâu họ cũng gặp cảnh xô bồ hỗn độn, gây ức chế làm cho họ không hài lòng. Nghiên cứu ngành lâm nghiệp - kết quả không hài lòng. Tìm hiểu lĩnh vực y tế, bảo vệ sức khỏe con người - cũng không hài lòng. Đi tham quan, thị sát các nhà máy, xí nghiệp kết quả vẫn như thế. Tóm lại là chúng ta bị một phen bẽ mặt hoàn toàn. Vì thế chính phủ quyết định, bằng mọi giá ta phải làm việc gì đó để phái đoàn ngoại quốc tròn xoe mắt ngạc nhiên, thán phục.

- Thế đó, ông bạn Icxan của tôi ạ! Bạn hãy ra tay thực hiện nhiệm vụ của đất nước trao cho bạn.

Tôi ngầm hiểu là do chính phủ ta thấy phái đoàn ngoại quốc tỏ ra không hài lòng đối với những nơi họ đến điều tra nên đã quyết định phô trương những thắng lợi rực rỡ trên mặt trận đấu tranh chống trộm cắp để lấy lại danh dự cho đất nước. Hiểu như thế, nên tôi nói:

- Tôi hiểu ý ông, thưa ông Khaidar. Tôi tin rằng chúng ta sẽ chỉ ra cho họ thấy nghệ thuật trộm cắp của chúng ta ở đẳng cấp cao cường không phải phọt phẹt như các ngành nghề khác.

- Chú hiểu gần đúng đấy, - ông Khaidar khẳng định - chúng ta cần phải chứng minh cho người nước ngoài biết, ngành cảnh sát của chúng ta rất mạnh, làm việc không chê vào đâu được.

- Kể ra việc này cũng hơi khó đây, - tôi thở dài nói.

- Đúng, tất nhiên là khó, vì thế chúng tớ mới phải gọi cho cậu đến đây... Cậu vốn là "thợ" móc túi bậc thầy, nổi danh khắp nước, nay cậu hãy thực thi nghĩa vụ của mình.

- Ông anh hãy nói rõ hơn, xem thằng em phải làm gì?

Ông Khaidar bèn bảo tôi rằng, sẽ có người báo cho tôi biết địa chỉ khách sạn mà đoàn khách nghỉ lại. Việc của tôi là móc sạch sẽ tất cả những gì mà thánh Ala gửi trong túi các thành viên của phái đoàn ngoại quốc... Tất nhiên họ sẽ phải kêu cứu đến cảnh sát. Nhận được tin này, chúng ta sẽ đoán chắc với họ: "Xin các ngài hãy an tâm, cảnh sát chúng tôi rất giỏi. Chỉ cần năm phút, sau khi nhận được tin, chúng tôi sẽ tóm cổ được kẻ phạm tội".

Tất cả các vật móc được tôi phải mang về nộp ngay cho cảnh sát và người bị mất sẽ nhận lại nguyên vẹn tài sản của mình. "Xin mời ngài hãy nhận lại của cải của mình!" - Người cảnh sát trực ban giơ tay chào hãnh diện. Ông khách nước ngoài chỉ còn biết reo lên thán phục: "Thế mới gọi là cảnh sát!..."

- Tôi không thể... thưa ông, - tôi từ chối, - cái tay không nhấc nổi.

- Sao vậy?

- Thứ nhất là bỏ nghề lâu rồi. Tay chân cứng quèo, quên hết, không thể...

- Không sao, cậu vẫn có thể làm được.

- Thứ hai là tôi đã làm đơn tự nguyện hồi cải không bao giờ trở lại nghề cũ nữa. Vả lại lớp trẻ hiện nay nổi lên nhiều anh tài lắm. Họ sẽ thực hiện

nghĩa vụ này trước Tổ quốc tốt hơn tôi nhiều.

- Không thể tin cậy vào lũ nhãi nhép hèn mạt này được. Móc thì chúng móc tốt, nhưng sau đó thì có mà trời tìm được chúng ở đâu. Có khác gì gửi gà cho cáo. Có mà bê mặt trước khách nước ngoài. Có mà hồi không kịp, nếu vỡ lở! Ta cần kẻ móc túi chuyên nghiệp, trung thực! Kẻ đáng tin cậy đó chính là chú em.

- Xin được cảm ơn ông anh cả vì lòng tin cậy, nhưng quả thực thằng em không thể.

- Thôi được, Icxan, việc này tùy cậu. Chỉ có điều là ta sẽ cho lệnh đóng cửa quán cà phê của cậu. Lâu nay ta vẫn biết cửa hàng của cậu là nơi chứa cờ bạc lớn, và tiêu thụ chất ma túy.

Không biết làm thế nào, tôi đành phải nhận nhiệm vụ.

- Tôi đồng ý, - tôi nói, - nhưng thực hiện xong nghĩa vụ của mình trước Tổ quốc, tôi có được gì không?

Ngài Đôbriac Khaïdar nổi giận, gào to:

- Đã nói là nghĩa vụ công dân trước Tổ quốc lại còn đòi hỏi lợi lộc. Rõ thật không biết xấu hổ.

- Thưa ông, ông đừng nổi giận. Ông phục vụ trong ngành cảnh sát, nghĩa là ông thực hiện nghĩa vụ của mình. Người ta trả lương cho ông là vì việc này. Ông nghị sĩ quốc hội cũng thế. Ông ấy có thực hiện nghĩa vụ không lương đâu. Việc nào ra việc ấy chứ. Một bên là tinh thần, một bên là vật chất, hai bên bổ sung cho nhau. Thế nên, nếu có thêm một khoản tiền dành cho việc thực thi nghĩa vụ thì chẳng là gì hại cả.

- Thôi được, cái này để xét sau, - ông Khaïdar nói, giọng đã dịu đi nhiều. - Riêng quán cà phê thì cứ thế mà hoạt động... Nhớ là moi được cái gì là phải đem nộp cho ta ngay.

- Vâng, thưa ông.

- Cầu đức Ala phù hộ cho cậu. Tất cả mọi người đều hy vọng vào tài năng đức độ của cậu. Nếu cậu mà "lột sạch sẽ" được tay trưởng đoàn thì cậu sẽ có vinh dự lớn, sẽ được khen thưởng! Thôi nhé, hãy thực thi nhiệm vụ đi. Chúc cho mọi điều may mắn!

Hừm... Móc túi đối với ta có gì là khó, chẳng khác chi bỏ cái kẹo vào mồm. Trong lúc ngồi chờ con mồi ở cửa khách sạn, tôi nghĩ thầm thế.

Đến xế chiều thì các vị khách nước ngoài xuất hiện. Tôi rút tấm ảnh trong túi ra để kiểm tra lại. Đúng rồi, cái ông đi cùng vợ kia đích thị là trưởng đoàn... Tôi áp sát vào người ông ta hích nhẹ một cái vào ngực và trong nháy mắt đã lẹ làng rút ra được cái ví.

Mọi việc xảy ra êm ru! Thế là chứng tỏ tôi vẫn chưa quên "nghề".

Tôi bước nhanh về phía nhà vệ sinh công cộng trên quảng trường Tăcxin, mở ví ra xem, thấy một xấp dày ngoại tệ... Có Thánh Ala chứng giám, tôi không hề lấy một xu nào, đem nộp nguyên vẹn cho sở cảnh sát...

- Cậu biến đi đâu mất tăm thế? - Ông Khaïdar chạy bổ ra đón tôi, không để cho tôi kịp bước qua ngưỡng cửa phòng làm việc.

Tôi đưa cho ông cái ví tiền, ông Khaïdar mừng quá ôm chầm lấy tôi mà hôn chùn chụt vào trán.

- Giỏi lắm, cậu đã thực hiện tốt đẹp nghĩa vụ của mình. Ông trưởng đoàn vừa gọi điện báo mất trộm ví với mình. Ông ta tỏ ra rất buồn phiền. Chúng mình đã kịp thời trấn an ông ta: "Xin ông bớt lo lắng. Trong phạm vi ngày mai nhất định chúng tôi sẽ tìm thấy chiếc ví của ngài. Cảnh sát chúng tôi biết làm việc đó".

- Tôi đã hoàn thành nghĩa vụ của mình trước Tổ quốc, giờ xin được tạm biệt ông, chúc ông mọi sự may mắn, - tôi cáo từ.

Ông Khaïdar bảo tôi:

- Khoan đã, mới có một lần, ít quá. Cậu phải móc túi sạch sẽ tất cả các thành viên trong đoàn.

- Anh cả ơi, thế thì khác gì ông anh huấn luyện lại "tay nghề" cho em. Em chỉ sợ sau này, quen tay không bỏ được nghề này.

Nhưng lúc này ông Khaïdar không muốn nghe tôi nói nữa.

Tôi trở lại khu vực khách sạn để tiếp tục "làm việc". Tôi lục tung tất cả các túi của một vị khách, không chỉ lấy được ví tiền mà còn lôi ra được nào là chìa khoá phòng, khăn mùi xoa, bật lửa, thuốc lá, tiền xu lẻ, thậm chí tôi còn tháo cả cái huy hiệu trên ngực, mà cái tay ngố ấy vẫn không hề biết gì. Nếu tôi thử lột quần, có khi hần vẫn không biết... "Hay mình thử cắt hết cúc quần cúc áo của nó xem sao" - tôi tự bảo mình thế. Một lát sau quần áo tay ngố không còn sót một chiếc cúc nào! Tôi mang "chiến lợi phẩm" về sở cảnh sát, bày lên bàn trước mặt ông Đbriac Khaïdar.

- Icxan, cậu làm việc giỏi lắm, - ông ta nói.

Tôi trả lời ông ta:

- Thưa ông, tôi định lột trần tay này khi hấn đi tắm, nhưng sau thấy ái ngại quá lại thôi.

Cứ như thế trong mười lăm ngày liền, tôi lục túi tất cả thành viên trong đoàn khách. Tôi sờ, nắn, bóp cứ như là bác sĩ khám bệnh co bệnh nhân ấy. Thế mà, lạ thật không ai biết gì.

Ông Khaidar chỉ còn biết cười ngặt nghẽo vì sung sướng.

Một hôm tôi "khoảng" sạch túi sách của một bà khách, mang về nộp cho ông Khaidar. Bà này không báo sự việc này cho cảnh sát. Thấy thế một nhân viên cảnh sát, vốn biết vài ngoại ngữ liền gọi điện đến khách sạn hỏi:

- Các ông có bị mất cặp gì không?

- Không, không mất gì... - Đầu dây kia trả lời

- Các ông hãy kiểm tra lại túi áo, túi quần, túi xách tay thật kỹ một lần nữa xem sao.

Một lát sau có tiếng chuông điện thoại báo tới.

- Có một bà trong đoàn bị mất đồ vật để trong túi xách tay.

- Cuộc sống phải trong túi có chiếc khăn tay màu hồng?

- Đúng, nhưng làm sao mà các ông biết được thế?

- Cảnh sát chúng tôi biết hết.

Vâng, quả là cảnh sát chúng ta giỏi thật. Người bị hại còn chưa biết mình mất của thì đã được cảnh sát báo cho biết tài sản đã thu hồi được và tên trộm đã bị bắt.

Trước khi đoàn đại biểu quốc tế trở về nước, một phóng viên phỏng vấn đoàn câu hỏi:

- Điều gì khiến bạn hài lòng nhất ở nước chúng tôi?

Ông trưởng đoàn là một người kỹ tính, không nói gì. Tay nhà báo trong đoàn nói:

- Cảnh sát nước các anh rất mạnh.

Lúc bấy giờ trưởng đoàn mới trả lời thế này:

- Chính thành viên trong đoàn chúng tôi lưu lại ở Stambun có mười lăm ngày, nhưng tính bình quân thì mỗi người bị bọn móc túi lục túi trộm cắp đến chín mươi lần... Cảnh sát nước các anh cũng mạnh đấy, nhưng bọn trộm cắp còn mạnh hơn.

Những lời này được lập tức đăng tải trên báo chí: Ông trưởng đoàn đại biểu quốc tế tuyên bố rằng, nạn trộm cắp ở Thổ Nhĩ Kỳ đang phát triển rộ rỡ.

Lời tuyên bố này đã làm cảnh sát phật ý. Thế là họ bắt giam tôi...

Tôi nói với họ thế này:

- Chính các ông đã bảo tôi rằng: anh hãy đi móc túi để thực hiện nghĩa vụ công dân của mình cơ mà? Đã thế thì tôi sẽ kể hết từ đầu chí đuôi cho quan toà nghe, - tôi bảo ông Đôbiriac Khaiđar.

- Nếu mày dám làm điều này, tao sẽ quy tất cả các vụ trộm khác chưa khám phá ra thủ phạm cho mày. Tao sẽ biết cách bắt mày phải nhận tội, ký vào biên bản. Đến lúc ấy, tao sẽ có lý để bắt mày tù một ngàn năm.

- Ra toà tôi đành ngồi im, miệng lúng búng như ngậm hột thị. Toà án tuyên tôi hai năm tù giam. Ông Icxan Vazolin kết thúc câu chuyện của mình ở đây.

Một người ngồi nghe gần đấy an ủi ông:

- Hai năm trôi đi nhanh lắm, ngoảnh đi ngoảnh lại mãn hạn lúc nào không hay.